BỘ 3 • SỐ 21 • THÁNG GIÊNG, 1991

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

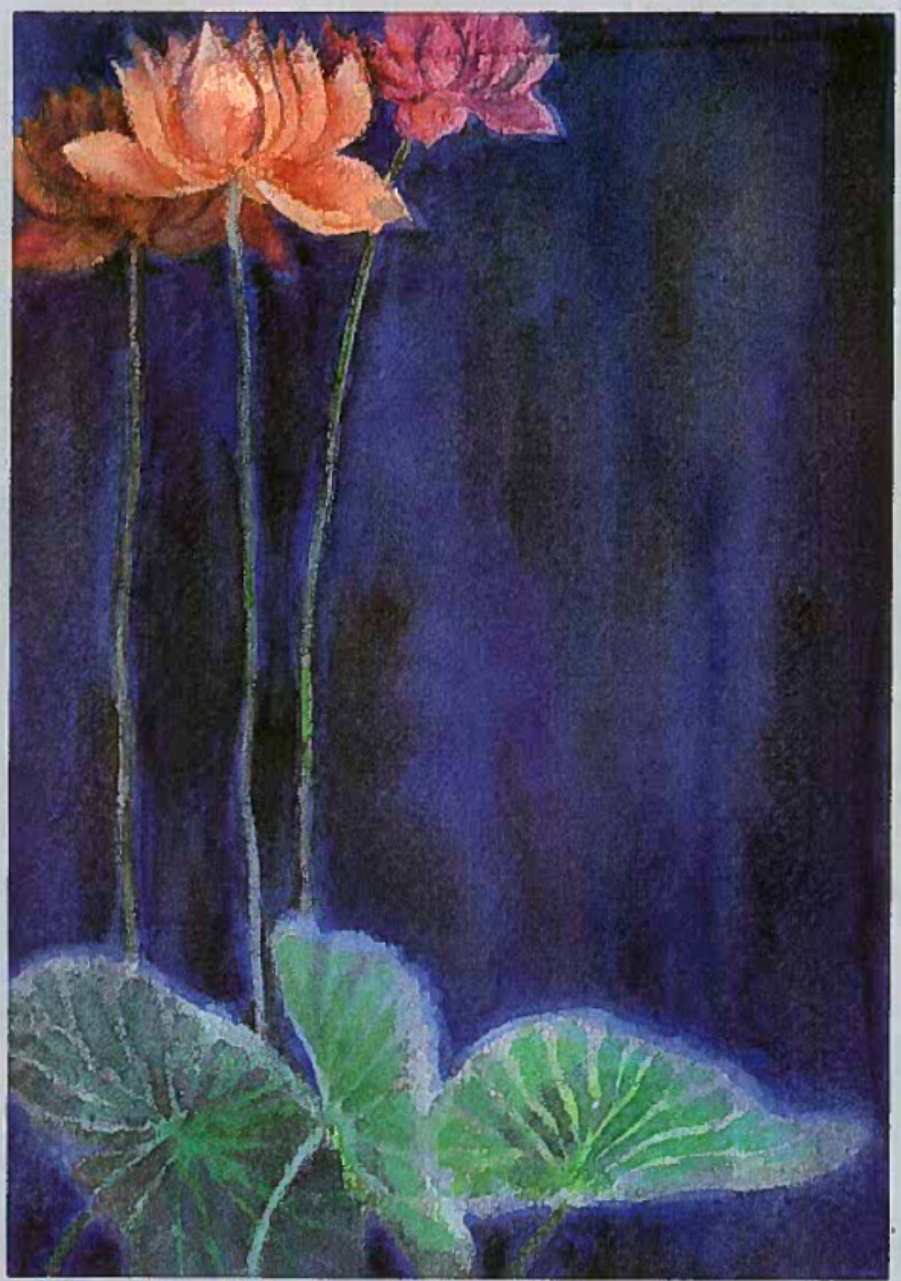

Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam ▪ **Thế Uyên**

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT!

• Quí Khách đi chợ nhớ đòi cho được một tấm giấy số để dự cuộc sổ số cuối tuần với nhiều tặng phẩm thiết dụng và đáng giá

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt cá rau tươi NHẤT
- Đầy đủ các hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người thích NHẤT

CÓ BÁN
LOTTO CẠO

California Lottery

Scratchers®

ĐI CHỢ TRẢ TIỀN ĐIỆN
Little Saigon Supermarket
là đại diện duy nhất của nhà đèn trả tiền điện cho quí vị

Southern California Edison

LITTLE SÀIGÒN SUPERMARKET NGÔI CHỢ ĐANG ĐƯỢC ĐỒNG HƯƠNG VIỆT NAM ỦNG HỘ MẠNH NHẤT TRONG VÙNG

• Mua tận gốc, Bán tận ngọn

• Quí vị được mua hàng với giá hạ nhất, CHỈ CÓ TẠI CHỢ LITTLE SÀIGÒN

MỞ CỬA 7 NGÀY
TỪ 9AM ĐẾN 9PM

100 NGƯỜI NÓI, 1.000 NGƯỜI TIN, 10.000 NGƯỜI ĐẾN

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 ★ Tel: (714) 531-7272

Design by Ngọc Phu

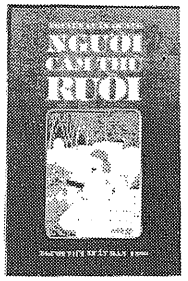

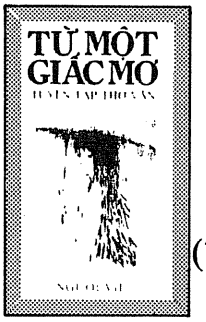

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

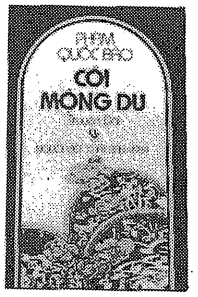

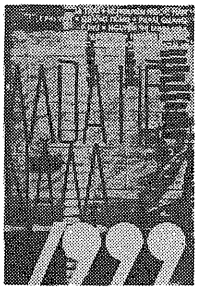

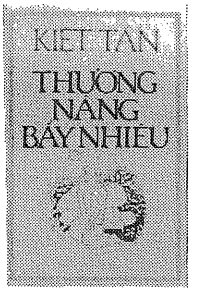

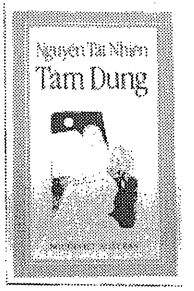

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* 95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **BỈ**
* Đông Sơn Center
1360 Chée De Wavre
RCB 523245
1160 Bruxelles
TVA 559-633-085

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon
Shop 17, Penny Arcade
Cabramatta góc Arthur St.
và Railway trong khu siêu thị
Franklin
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 650-1770

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT 14891 Moran St. Westminster, CA 92683 Điện thoại (714) 892-9414

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14891 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

• GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

• BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

• ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

• TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

• THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

• TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Trong tháng qua hiện tượng Bùi Tín, hay vấn đề Bùi Tín có thể được xem là sự kiện nổi nhất. "Bản kiến nghị của một công dân" mà Bùi Tín đưa ra trong khi đang ở tại Paris, thổi qua làn sóng điện của đài BBC Luân Đôn, tiếp đó là những phản ứng từ phía cộng đồng người Việt lưu vong và sau cùng là tiếng vọng lại từ tờ Nhân Dân, *cơ quan ngôn luận của đảng cộng sản Việt Nam, tờ báo mà Bùi Tín là Phó Tổng Biên Tập.*

Thế Kỷ 21 *kỳ này sẽ bàn về vài khía cạnh của bản kiến nghị Bùi Tín, đi tìm ra căn nguyên xa gần của hiện tượng này.*

Trong phần văn học nghệ thuật, các sáng tác của Ngô Nguyên Dũng, Hoàng Du Thụy, Nguyễn Thị Long An, Trần Mộng Tú, Hoàng Xuân Sơn, Trần Sa, Khoa Hữu, Huỳnh Liễu Ngạn, . . ., và đặc biệt là bài biên khảo dài hai kỳ báo của nhà văn Thế Uyên, là những đóng góp cho số báo đầu năm 1991.

Thế Kỷ 21 *tháng Hai 1991 sẽ là số Xuân Tân Mùi. Xin mời bạn đọc đón xem.*

Chúc các bạn năm 1991 an khang thịnh vượng. K

THẾ KỶ 21

THẾ KỶ 21

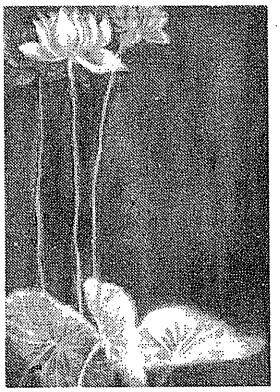

Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam ▪ Thế Uyên

Tranh bìa:
NGUYỄN ĐỒNG
Trình bày:
NGUYỄN THỊ HỢP

MỤC LỤC

CHÍNH TRỊ / BÌNH LUẬN

VƯƠNG HỮU BỘT
Bàn về lãnh đạo / 9
NGUYỄN HỮU CHUNG
Chuyện ông Bùi Tín / 13
TÔN THẤT THIỆN
Bàn về một khía cạnh của bản kiến nghị Bùi Tín / 15
TRẦN THANH HIỆP
Chính sách kinh tế văn hóa xã hội nào cho nước Việt Nam hậu cộng sản? / 23
MIKHAIL ZARAEV / LÊ SƠN lược dịch
Nhờ đâu Boris Yeltsin leo cao? / 27

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NGÔ NGUYÊN DŨNG
Canh bạc / 35
HOÀNG DU THỤY
Yêu người độ lượng / 40
NGUYỄN THỊ LONG AN
Dấu lìa ngó ý / 44
JORGE LUIS BORGES
Borges và chính tôi / 47
TRẦN MỘNG TÚ
Đôi mắt / 48
IOSSIP BRODSKI / DIỄM CHÂU giới thiệu và dịch
Một vài nét về Iossip Brodski / 56

THƠ

HOÀNG XUÂN SƠN IOSSIP BRODSKI, TRẦN SA, MARTIN COHEN, KHOA HỮU HUỲNH LIỄU NGẠN

BIÊN KHẢO

THẾ UYÊN
Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam / 64

HÍ HỌA

GÚC, VẸT

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Xem tập truyện Có Yêu Em Không của Khánh Trường
PHẠM VĂN HẢI / 59 ● Thời sự Tháng qua, LÊ THỤY / 74 ● Chữ và Nghĩa, ĐỖ TĨNH / 77 ● Đấu Cờ Tướng , truyện phóng tác, ĐỖ QUÁN ANH / 79 ● Sách báo Trong tháng, NGUYỄN NAM ANH / 83

BÀN VỀ LÃNH ĐẠO, Vương Hữu Bột / 9

"Vấn đề Bùi Tín" là một trong những vấn đề nổi cộm trong tháng qua. Những ai có dịp đọc bản kiến nghị của Bùi Tín chắc không thể không đặt câu hỏi vì lý do nào mà Bùi Tín hành động như thế (xem Nguyễn Hữu Chung, Chuyện ông Bùi Tín, cũng trong số báo này) và đọc kỹ hơn nữa bản kiến nghị người ta thấy có cái gì "lủng củng" "vướng mắc", "mâu thuẫn" (Tôn Thất Thiện, Hòa giải kiểu Cộng sản, trong số này). Đi xa hơn hai nhận định trên, Vương Hữu Bột qua "hiện tượng Bùi Tín" bàn về vấn đề lãnh đạo.

So sánh lối lãnh đạo phong kiến và quan liêu với lối lãnh đạo dân chủ, Vương Hữu Bột cho thấy lãnh đạo thời xã hội chủ nghĩa ngày nay ở Việt Nam chẳng khác nào lãnh đạo thời phong kiến. Có phần tệ hơn là khác: Không dám phê bình lãnh đạo. Ông Bùi Tín trong bản kiến nghị của một công dân nêu ra những hậu quả tàn khốc của chánh sách cai trị do nhóm lãnh đạo đảng CSVN thi hành từ 45 năm qua, nhưng ông lại cho rằng "không phải lỗi ở họ" . . . "(vì) ở nước ta chế độ trách nhiệm không rõ ràng".

Trong bài nói trên, Vương Hữu Bột nhằm chứng minh điều này: những tay trong bộ chính trị đảng CSVN thực chất không khác một nhà nước phong kiến. Muốn cứu được dân tộc Việt Nam, trước hết cần phải phá bỏ cơ cấu phong kiến đó.

NHỜ ĐÂU BORIS YELTSIN LEO CAO, Mikhail Zaraev / 27

Mikhail Zaraev là một nhà báo Nga nổi tiếng, tác giả của nhiều bài bình luận trên các tạp chí *Ogonyok* và *Oktyabor*, có ảnh hưởng lớn ở Mạc Tư Khoa. Trong tình hình Liên Xô hiện nay, sau việc Ngoại trưởng Eduard Shevardnadze từ nhiệm, vai trò của Mikhail Gorbachev lung lay việc nhắc đến một khuôn mặt chính trị đối lập với Gorbachev cũng là một điều nên làm.

ÁP LỰC KINH TẾ CỦA NGƯỜI HOA ĐỐI VỚI VIỆT NAM, Thế Uyên / 64

Một vấn đề "gai góc" dễ bị ngộ nhận đã được Thế Uyên đưa ra dưới ánh sáng của tự do tư tưởng. Mặc dù mới đến Mỹ từ năm 1988, Thế Uyên đã trở lại bàn viết sớm và ông được coi là ngòi bút xông xáo nhất trong nhiều lãnh vực hiện nay.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG, Nguyễn Nam Anh / 83

Vài dòng giới thiệu một thoáng nhìn qua các cửa hàng sách là công việc bình thường của Nguyễn Nam Anh. Nhiều độc giả biên thư về tòa soạn yêu cầu người giới thiệu viết ngắn như thế là đủ, không cần viết dài thành bài đọc sách hay điểm sách, phê bình sách. Miễn là đừng để thiếu sót. *Thế Kỷ 21* chắc chắn không thể thỏa mãn đề nghị đó. Mục này sẽ chỉ phong phú khi nào các nhà xuất bản và các tác giả còn quan tâm gửi ấn phẩm mới về tòa soạn.

Thư độc giả

Mấy điều xin biện bạch cùng tác giả Xuân Xưa Huế Vàng

Trong truyện "Xuân Xưa Huế Vàng" tác giả kể rằng:

1) • Nguyễn Lâm tử trận ở đồn Kỳ Hòa

•Nguyễn Duy cũng chết trong trận đó.

Sự thật là Nguyễn Lâm chết ở Hànội, năm 1873. Còn Nguyễn Duy chết trước đó 12 năm, ở đồn Kỳ Hòa, 1861.

2) Đời vua Tự Đức, lúc chuyện xảy ra, không có ai làm lễ thượng kỳ. Lễ thượng kỳ chỉ có sau khi dân ta bắt chước kiểu Âu Châu. Cũng không có chức vị Toàn quyền Đông Dương. Chữ Đông Dương và chức Toàn quyền chỉ có sau khi nước ta hoàn toàn bị người Pháp bảo hộ (1888) thời Tự Đức nước ta còn tự chủ.

3) Bà Thái Hậu ở trong truyện nói bà sợ mang tiếng như Từ Hy Thái Hậu, bị hậu thế nguyền rủa. Chuyện của chị Túy Hồng kể xảy ra trước năm 1873, mà bà Từ Hi đến năm 1908 mới chết. Vậy không thể nói lúc đó đã có chuyện hậu thế nguyền rủa.

4) Trong thời đó không có từ ngữ như "phụ nữ liên đới", "phụ nữ bán quân sự" của bà Nhu.

Xin *Thế Kỷ 21* và tác giả thận trọng hơn, để khỏi bị hiểu lầm là thiếu kính trọng người đọc.

Một độc giả trung thành, lúc nào cũng đọc Túy Hồng với niềm tin tưởng và kính trọng.

TÔN NỮ TƯỜNG NHÂN

Germany

Thiếu Vũ Quỳnh Hương...

Truyện của các nhà văn trẻ số rồi đọc đã điếu. Nhưng họ có trẻ thật không? Cái cảm giác của tui khi đọc mấy ông này là thấy không vị nào có chữ nghĩa tươi trẻ cả. Tui đề nghị *Thế Kỷ 21* làm một màn giới thiệu tiểu sử tác giả các bài viết, ngắn thôi, có ảnh càng tốt để có dịp chiêm ngưỡng dung nhan. Số báo rồi tui ưa thơ Nguyễn Hoàng Nam, truyện Vũ Quí Hạo Nhiên (thằng bạn chia phòng với tui thì ưa Tạ Thái), Trần Vũ và Hoàng Mai Đạt đã già dặn. Tuy nhiên hình như vẫn thiếu Vũ Quỳnh Hương, Cao Bình Minh, Phạm Thị Ngọc, Đỗ Kh...

TRẦN TRUNG DŨNG

Fairfax
Virginia

Biết cười mới là tiến bộ!

Tôi ưa các tranh hiếm họa trong tờ *Thế Kỷ 21*. Các ông Gúc, Kúm, Vẹt là ai vậy. Nét vẽ tuyệt vời, không thua gì các tay vẽ trên báo Tây, Mỹ. Tuy nhiên vẫn thiếu cái gì Việt Nam. Đề nghị các đề tài về cộng đồng mình ở hải ngoại. Chuyện tị nạn, chuyện con cái, học hành, chuyện khổ sở về hóa đơn cuối tháng, chuyện hội nhập xã hội mới, chuyện du lịch về Việt Nam... nói chung là những chuyện dở khóc dở cười nơi xứ lạ quê người... Đừng ngại, cộng đồng mình sẽ hiểu đâu là kẻ phá hoại đâu là người xây dựng. Biết cười mới là tiến bộ.

NGUYỄN VĂN HÙNG

Fountain Valley
California

Tôi sẽ là độc giả dài hạn, nếu...

Tôi là độc giả dài hạn của *Văn Nghệ Tiền Phong*. Anh bạn "se phòng" với tôi là độc giả của tờ *Thế Kỷ 21*. Trong VNTP số 359 tôi có được đọc bài Lá Thư Cali của *Người Cali*. Bài viết móc méo tờ *Thế Kỷ 21* nhiều chuyện này nọ. Thích lắm. Cứ đọc bài viết nào có chửi rủa báo này báo nọ, người nọ người kia là tôi thích. Sao *Thế Kỷ 21* không mở một mục chửi rủa kiểu như vậy. Chừng nào có mục đó chắc chắn tôi sẽ là một độc giả dài hạn (bây giờ chỉ đọc ké thôi).

TRẦN NGỌC

Santa Ana
California

Cám ơn ông đã chỉ dạy. Mỗi tờ báo có cách riêng của nó. *Thế Kỷ 21* rất mong được ông là độc giả dài hạn, nhưng không thể mở một mục như vậy.

Bàn về lãnh đạo

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong một xã hội dân chủ đích thực vai trò của lãnh đạo sẽ như thế nào?

Để so sánh, hãy nhìn lại xã hội phong kiến cổ truyền. Đời xưa, ở Tàu và ở nước ta, có câu "Đối với thứ dân thì không dùng *lễ*, đối với các đại phu thì không dùng *hình*". Nghĩa là luật pháp, hình phạt đặt ra cốt để trị bọn dân thường, còn tầng lớp lãnh đạo thì dùng giáo dục, cốt giác ngộ họ về lẽ phải trái chứ không áp dụng hình luật.

Trong xã hội cổ truyền đó có một lớp người gọi là Nho gia, lớp lãnh đạo. Họ học thuộc một số kinh điển Nho giáo, được tuyển dụng qua các kỳ thi, họ làm quan, phục vụ cho một ông vua được coi là có mệnh trời. Tánh cách phi dân chủ của chế độ đó nằm ở chỗ các vị quan chỉ chịu trách nhiệm trước ông vua, mà ông vua thì chỉ chịu trách nhiệm với. . . trời. Khi các quan có lỗi, căn bản để quy định tội lỗi là hệ thống đạo đức, theo kinh điển Nho giáo. Còn khi dân chúng phạm lỗi, thì tội lỗi của họ dựa trên căn bản họ có làm sai luật lệ, phong tục hay không.

Tuy nhiên, trong xã hội phong kiến cổ truyền, có nhiều yếu tố dân chủ. Một yếu tố là hệ thống tổ chức học hành và thi cử. Hầu như ai cũng có quyền đi học, đi thi và ai học giỏi thi đậu thì có thể làm quan. Hai là có luật lệ, như luật Hồng Đức, ấn định cả trách nhiệm quan lại phải phục vụ cho phúc lợi của dân, làm sai thì bị bắt lỗi. Ba là trên mặt lý thuyết, Nho giáo công nhận người dân có quyền nổi loạn chống lại vua quan khi các giới lãnh đạo đó không làm đúng danh nghĩa của họ (mất chính danh). Mạnh Tử nói đến quyền nổi loạn này. Nho giáo cũng không độc quyền về tư tưởng, tôn giáo.

So sánh với xã hội phong kiến cổ truyền thì một xã hội phong kiến kiểu Lê-nin-nít có cơ cấu rất giống và tính dân chủ thì có phần còn thua.

Trong chế độ gọi là Xã hội Chủ nghĩa có một lớp người nắm quyền lãnh đạo, họ tụ họp nhau trong đảng Cộng sản. Họ được tuyển mộ vào đảng khi họ thuộc lòng một số khẩu hiệu Mác-Lênin, và qua kỳ thi ở các đảng bộ. Một người đã làm quan có lỗi, thí dụ bí thư tỉnh Thanh Hóa năm nào, thì sẽ được thuyên chuyển và giáo dục, chứ không bị xử theo luật pháp như thứ dân, vì không có luật về tội của các bí thư hơn thế!

Tại sao chế độ đó lại thiếu dân chủ, thua cả chế độ phong kiến cổ truyền? Trên mặt thực tế, các kỳ thi tuyển vô đảng căn cứ vào lòng trung thành với đảng hơn bất cứ một tiêu chuẩn nào khác, và do đó đảng cộng sản là một tổ chức khép kín, khép kín từ cấp chi bộ, cấp đảng ủy địa phương. Giai cấp Nho gia ngày xưa là một tập hợp mở rộng hơn và chấp nhận quyền ly khai của các thành viên nhiều hơn. Trên mặt cơ cấu xã hội, việc vào trong đảng, hay ở ngoài đảng sẽ quyết định cả phúc lợi kinh tế của mỗi người, công ăn việc làm và quyền lợi của họ; trong khi đó giai cấp Nho gia ngày xưa không kiểm soát đời sống kinh tế xã hội các nhà nho. Về mặt tư tưởng, lý luận, giai cấp lãnh đạo Mác-Lênin chủ trương rằng họ là đỉnh cao nhất của sự tiến hóa trong lịch sử loài người. Cho nên, các ý đồ phản đối, xét lại hay chống báng họ là đi ngược chiều hướng lịch sử (trái mệnh trời). Ở trong đảng của họ, ai có ý kiến trái ngược không cho cấp dưới nghe thấy, nhất là không để cho thứ dân biết "ở trên" thiếu nhất trí. Ai chống lại họ tức là chống nhân dân, chống cả lịch sử, tức như chống ông trời vậy.

Vì vậy, một người ở giai cấp lãnh đạo, thuộc tầng lớp cao nhất trong đảng CSVN, muốn nói một vài ý kiến riêng của một nhóm thiểu số trong đảng, thì phải đi ra ngoại quốc, nhờ đài phát thanh BBC nói vọng vào trong nước. Đó là ông Bùi Tín, phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của đảng CSVN. Ông Bùi Tín, và nhóm cuả ông, biết rằng dân Việt Nam và đảng viên của ông thích nghe và tin đài BBC, đài VOA hơn là báo *Nhân Dân*. Trong bài phỏng vấn ở đài BBC ông Tín nhắc lại nhiều lần: "Khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng kéo dài", "dân mất niềm tin" v.v. Ông nói thẳng chuyện thảo luận về *Cương lĩnh Đảng*, cũng như *Chiến lược kinh tế xã hội đến năm 2000* đều là chuyện vô ích, nên xếp lại, để bàn chuyện cấp thiết hơn, là làm sao dân đủ ăn và ổn định, nghĩa là tránh loạn khỏi nổi lên.

Ông Bùi Tín biết dân hết tin tưởng vào đảng và báo *Nhân Dân* của ông, nhưng tại sao ông vẫn nói rằng ông trung thành với một đảng bất lực và tác hại như thế. Có thể là ông nói chỉ cốt để tuyên truyền. Ông là chuyên viên về tuyên truyền, đối tượng tuyên truyền của ông lần này là các đảng viên cộng sản ở Việt Nam. Muốn họ lắng tai nghe ông, muốn thuyết phục họ cùng đòi

dẹp bỏ các dự thảo Cương lĩnh và Chiến lược (chắc rất là lý thuyết, đại khái, cổ lỗ và xa vời) để bàn chuyện đổi mới thiết thực thì mới cứu được đảng; muốn làm công việc tuyên truyền, ông Bùi Tín phải lấy cảm tình của thính chúng. Thính chúng của ông là các đảng viên CSVN. Phong tục Việt Nam xưa nay rất ghét người phản bội. Do đó ông không thể nói là ông từ bỏ đảng, chống lại đảng. Ông phải nói là vẫn trung thành với "lý tưởng của đảng". Và khi đài BBC hỏi ông có chê trách các nhà lãnh đạo hiện nay ở Việt Nam không, ông lại có dịp nức lời khen họ và chữa chạy cho họ. Người như vậy chúng ta ở Việt Nam gọi là ăn ở có thủy chung. Nếu các đảng viên CSVN nghe ông thì phải có cảm tình. Về kỹ thuật tuyên truyền, đó là một ngón nghề tuyệt diệu để chinh phục tình cảm đối tượng.

Ông Bùi Tín nói về các nhà lãnh đạo của đảng CS ở Việt Nam như sau: ". . . *Những người lãnh đạo cao nhất ở nước tôi là đáng kính trọng. . . họ sống giản dị. . . lo cho đất nước vào tù ra tội. . .*"

Khi nói đến khuyết điểm của các nhà lãnh đạo của ông thì: ". . . *họ có những hạn chế khách quan về trình độ văn hóa. . ., hiểu thế giới với những định kiến sách vở. . ., họ trung thành với những hiểu biết cơ bản có được từ trong nhà tù.*" (Học ở trong tù tức là từ trước 1945).

Và ông Bùi Tín kết luận: ". . . *Đó không phải là lỗi của họ. . ., không thể đòi hỏi hơn. . .*" (và không nên) *lên án, chê trách họ*".

Đọc các ý kiến ông Bùi Tín về giới lãnh đạo ở Việt Nam, và lời ông trần tình rằng ông không chống đảng, thì tôi phải nghĩ rằng lòng trung thành của ông có thật, không phải chỉ khéo nói để tuyên truyền. Dù ông có thành thật một nửa thôi, thì tôi cũng nghĩ rằng đối tượng của ông, tức là các đảng viên cấp dưới, còn có người vẫn muốn trung thành với đảng, ngưỡng mộ các nhà lãnh đạo. Vì vậy trong bài này tôi xin bàn về chuyện lãnh đạo ở trong xã hội. Tôi sẽ so sánh lối lãnh đạo kiểu phong kiến, quan liêu, và lối lãnh đạo kiểu dân chủ.

Thời phong kiến cổ truyền và thời XHCN ở nước ta có một điểm giống nhau, là có một lý thuyết chính thống (Tống Nho hay Mác-Lênin) tạo nên một "lớp người ưu tú" (elite). Giai cấp lãnh đạo tự sinh sôi nẩy nở như một sinh vật, nuôi dưỡng bằng lý thuyết chính thống, tuyển người bằng ý thức hệ đó. Nhà nho ngày xưa chưa có kỹ thuật tổ chức để tạo nên Đảng Tiền phong của giai cấp, nên nội bộ còn có nhiều linh động, tự do. Thí dụ Chu An còn dâng sớ đòi chém bảy tay quần thần, mà không bị coi là phản lại quyền lợi giai cấp. Bà Bùi Hữu Nghĩa còn có dịp đi ra tận Huế đánh trống kêu oan cho chồng. Ngày nay thì việc phê bình đó phải làm trong chi bộ, đảng bộ, phạm kỷ luật thì bị đuổi ra ngoài, thí dụ như Trần Xuân Bách, Dương Thu Hương.

Một người đã thoát ra ngoài như ông Bùi Tín, khi ông có lời phê bình giới lãnh đạo, được dịp nói thì ông cũng tránh không phê phán về "*hậu quả của các hành động*" của các nhà lãnh đạo, mà chỉ tán về *đời tư* của họ mà thôi. Cũng giống như một người tài xế lái xe đò lao xuống hố làm chết bao người. Bây giờ ta không bàn anh tài xế có tội gì mà chỉ nói: anh tài xế này rất ngoan đạo, không trai gái lăng nhăng, ăn chay trường, anh chỉ có một hạn chế khách quan là anh không biết lái xe hơi vì hồi đi học anh chỉ tập lái xe đạp, nhưng không thể đổ lỗi cho anh được. Ông Bùi Tín phê bình lãnh đạo theo lối đó. Một mặt ông nêu ra hậu quả tàn khốc của chính sách cai trị do nhóm lãnh đạo đảng CSVN thi hành từ 45 năm nay, một mặt ông lại nói "không phải lỗi ở họ". Tục ngữ ta có câu "Quan đần thì dân khổ". Các quan cộng sản quả nhiên là đần thật: ông Bùi Tín nêu lên các chuyện đần: "thúc đẩy sự hợp tác hóa vội vàng,. . . cưỡng ép cải tạo công thương nghiệp, xóa bỏ tư sản, tư thương cũng quá vội vàng. . ." và các vụ phí phạm 16 tấn vàng, bốn tỷ chiến lợi phẩm, vụ đánh lừa người đi học tập để bỏ tù người ta 12, 13 năm không xét xử. Ông Bùi Tín chưa nêu ra các vụ "đần" khác từ năm 1945 đến 1975 như tiêu diệt các đảng phái quốc gia, rước cố vấn Tàu về làm cải cách ruộng đất, gây ra cuộc chiến tranh chiếm miền Nam, làm chết mấy triệu người để cuối cùng cả nước cùng nghèo đói, bất công, đạo đức suy đồi, thiếu niên hư hỏng.

Quan đần, dân khổ. Nhà văn Dương Thu Hương, cũng một (cựu) đảng viên CS, đã có can đảm nhận định rằng: "Nhân loại đã trải qua nhiều thảm họa, nhưng *chưa thảm họa nào khủng khiếp bằng thảm họa do các nhà độc tài đỏ gây nên*" (Bài tự kiểm thảo gọi là Tường trình của Dương Thu Hương, nộp cho ban chi ủy, Xưởng phim truyện I, trước khi DTH "được" khai trừ khỏi đảng) các đảng viên CSVN đã phục vụ các nhà độc tài đỏ rất lâu. Quan đần, dân khổ, nhưng các quan không có lỗi gì cả, tại sao? Một đảng viên dân như Dương Thu Hương muốn thưa kiện các quan thì không có cách nào cả. Vì trong chế độ này, "hình phạt không áp dụng cho các bậc đại phu". Ông Bùi Tín nêu một điểm kỹ thuật rõ hơn. Phê bình các chủ trương sai lầm tai hại của đảng sau năm 1975 ông nói: ". . . Không phải là để xem ai có tội. . . (vì) *ở nước ta chế độ trách nhiệm không rõ ràng.*"

Đó là thảm kịch chính ở nước ta ngày nay.

Cả một lớp người tự nhận thay trời trị dân, nhưng không ai có trách nhiệm rõ ràng.

Và một người có khả năng, có tâm huyết, có thủy chung, khi phê bình lãnh đạo thì cũng chỉ khen là họ có hạnh kiểm tốt, có thiện chí. Sự dốt nát và bất lực của họ là hạn chế khách quan, không phải lỗi của họ. Vậy tại sao họ lại "tiếm vị", nắm lấy quyền lãnh đạo? Một đảng viên cộng

sản chỉ có thể trả lời rằng mấy nhà lãnh đạo có "hạn chế khách quan" đó được mệnh trời, họ là lãnh tụ của đảng tiên phong, họ đi trúng đường của lịch sử, vân vân. Nếu họ sai lầm, tác hại cho dân tộc, thì đó là tại trời, tại lịch sử!

Vậy bây giờ dân tộc Việt Nam muốn thoát khỏi "cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và kéo dài" mà ông Bùi Tín báo động nhiều lần, thì chỉ có cách là phải loại bỏ quan niệm về lãnh đạo phong kiến đó mà thôi.

Phải xác nhận rằng không có một nhóm người nào có thể "thoán đoạt" quyền bính từ tay người dân, để làm khổ dân, bức hại dân, rồi tự chữa là không ai có trách nhiệm. Những người lãnh đạo phải được tuyển chọn bằng bầu cử tự do. Và các quyền tự do phải được bảo đảm trước ngày bầu cử, thì người dân mới thực hiện được quyền bầu cử của họ. Những sự xếp đặt như "hội nghị chánh trị đặc biệt", "sắp xếp lại mặt trận tổ quốc", vân vân, đều là để kéo dài tình trạng độc tài. Trái với ông Bùi Tín, tôi nghĩ đảng CSVN không nên đổi tên, vì đảng đó đã đổi tên nhiều lần rồi, có đổi trăm lần nữa cũng chỉ là son phấn, không ai tin đâu. Nên giữ lại cái đảng đó, nhưng nó phải từ bỏ cái "thiên mệnh" mà nó chiếm từ ngai vàng của vua Bảo Đại, nó phải trả lại chủ quyền cho toàn dân, trả tự do cho toàn dân, đảng CS chỉ còn là một trong số nhiều đảng khác trong một cơ cấu sinh hoạt dân chủ.

Vậy trong một xã hội dân chủ thì vai trò của lãnh đạo phải thay đổi thế nào?

Trước hết lãnh đạo dân chủ phải được hiểu như là các cơ chế ấn định qua hiến pháp, luật lệ, bởi đại diện đích thực do dân bầu ra. Khi nói đến lãnh đạo là chúng ta nói đến cơ chế, chứ không nên chỉ nói đến người. Cơ chế lãnh đạo phải tạo ra cân bằng giữa các quyền bính, giữa quyền của nhà nước và các công dân. Phải có cơ chế kiểm soát lẫn nhau và sự kiểm soát tối hậu của các công dân, qua các kỳ bầu cử. Các xã hội dân chủ đều dựa trên hai quy tắc *cân bằng và có kiểm soát* (check & balance). Nhờ thế mỗi đơn vị, mỗi người đều có trách nhiệm rõ ràng.

Khi nói đến lãnh đạo, người cộng sản ở Việt Nam, và cả những người chống Cộng, vẫn thường đặt vấn đề *Người* trước vấn đề *cơ chế*. Đây là tình trạng chậm tiến trong cách suy nghĩ, mà chúng ta nên tập bỏ dần đi.

Thí dụ như nói đến, lớp người lãnh đạo cần cho đất nước hiện nay, ông Bùi Tín nói cần: "liêm khiết, trong sạch về đạo đức, hiểu rõ tâm trạng và nguyện vọng của dân. . . hiểu biết sâu rộng về chính trị kinh tế v.v." Bảng liệt kê về các đức tính của người lãnh đạo có thể kéo dài vô tận cũng vô ích. Vì cái hư hỏng, cái nhân tác hại hiện nay là do cơ chế lãnh đạo, tức là chế độ độc đảng, chuyên chế, và không ai có trách nhiệm rõ ràng. Không sửa cái đó không thiết lập dân chủ đa nguyên thì không thể nào tạo được lòng tin của dân.

Ông Bùi Tín là người Mác xít nhưng ông đã quên bài học căn bản của Karl Marx là sự thay đổi xã hội phải bắt đầu từ cơ cấu, tổ chức, chứ không phải chỉ là thay đổi người. Tất cả các người cộng sản muốn bám lấy quyền hành bây giờ đều đang phản bội Karl Marx, bằng sự tránh né nói chuyện cơ chế, tổ chức, hệ thống xã hội, họ quy tất cả vào vấn đề nhân sự.

Tôi cũng gặp một nhà cách mạng chống Cộng, lớn tuổi, rất đáng kính, ở Việt Nam mới ra nước ngoài gần đây, và thấy ông cũng có lối suy nghĩ giống như vậy. Nhà cách mạng này đã nằm tù hơn 10 năm sau 1975, rất tin tưởng rằng chế độ CSVN sẽ suy tàn vì chính các đảng viên cộng sản sẽ chống lại nhóm thống trị quả đầu. Khi bàn đến nạn tham nhũng, hối lộ ở nước ta, ông nói muốn trừ bỏ nó thì sau này "mình" phải thay thế hết các viên chức tham nhũng bằng những người trong sạch, liêm khiết. Tôi hỏi lại rằng lỡ các người trong sạch vô chỗ đó rồi cũng sa ngã thì sao? Ông trả lời là phải trừng phạt, và thay thế họ đi.

Cách suy nghĩ như trên cũng chỉ căn cứ vào nhân sự, bỏ qua các cơ chế.

Nếu chúng ta học hỏi kinh nghiệm của loài người đã tập sống dân chủ hơn thế kỷ vừa qua, thì khi nói chuyện bớt tham nhũng, việc đầu tiên chúng ta cần làm là bớt quyền của các viên chức. Thí dụ một người cầm đầu ở cơ quan trước kia có quyền ký 100 loại giấy phép, bây giờ chỉ còn mười loại, thì anh ta bớt 90% cơ hội để ăn hối lộ. Việc thứ hai cần làm là trong số quyền còn lại của viên chức, các luật lệ, thủ tục phải minh bạch, công khai, có phân định quyền và trách nhiệm của viên chức và của người dân. Bước thứ ba cần làm là thủ tục kháng tố lên cấp trên, hay cơ quan độc lập ở ngoài, và nhất là quyền tự do báo chí.

Khi thay đổi về cơ chế đã xong rồi, muốn trừ hối lộ cũng chưa phải là đã xong. Chúng ta vẫn còn phải cầu trời khấn phật có tiền trả lương cho viên chức để ông ta không cần ăn hối lộ. Tốt nhất là cả nền kinh tế được phát triển, có tự do làm ăn, người tài giỏi sẽ lo đi làm giàu ở ngoài, chứ không phải chui vào giai cấp lãnh đạo mà ăn hối lộ.

Khi nói chuyện bớt quyền của một viên chức, từ 100 loại giấy phép xuống còn 10 loại, tức cũng là trao trả nhiều tự do cho dân. Người dân không phải đi hết bàn giấy này đến bàn giấy khác để xin chữ ký, thì họ tự do hơn và viên chức cũng ít dịp ăn hối lộ. Hiện nay các quan chức về kinh tế ở Việt Nam có nhiều cơ hội tham nhũng hơn cả. Nhưng việc cấp giấy phép làm ăn lại nằm trong tay đảng và các cơ quan, tổ chức lệ thuộc đảng. Vì vậy khi nói chuyện làm cho đất nước sạch sẽ hơn, mở mang kinh tế thị trường cho dân no ấm,

Vô trách nhiệm — khinh dân

Thượng bất chính, hạ tất loạn. Ở trên chỗ quyền lực cao nhất không ai có trách nhiệm rõ ràng thì suốt dọc xuống dưới cũng không ai nhận trách nhiệm. Báo *Tuổi Trẻ* ở Sàigòn đã nêu thí dụ khi một cơ quan, một xí nghiệp bị phanh phui về tham nhũng, hại dân, thì mọi người sẽ được nghe một bài tự kiểm thảo: "Chúng ta đã vi phạm quy tắc này, nọ. Chúng ta đã chưa làm đúng chính sách nọ, kia..." *Chúng ta*, nghĩa là tất cả cơ quan, hay tất cả nước. Không ai có trách nhiệm nào rõ rệt, không cá nhân nào có lỗi.

Tình trạng đó kéo dài từ nửa thế kỷ nay, chứng tỏ những người lãnh đạo khinh thường dân chúng quá đỗi. Mức độ khinh thường lên đến tột đỉnh khi họ soạn bản Dự thảo Cương lĩnh cho Đại hội Đảng kỳ thứ bảy, 1991.

Dân chúng ở trong nước đã nghe đài ngoại quốc, đã biết chuyện gì xảy ra ở Đông Âu và Liên Xô từ cuối năm 1989 đến nay. Nhưng bản Dự thảo trên vẫn viết những điều như: "... Bản chất của thời đại chúng ta là sự tiến hóa từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa Xã hội trên toàn thế giới, khởi đầu bằng cuộc cách mạng tháng Mười ở Liên Xô"... "Chủ nghĩa Xã hội sẽ lấy lại sức mạnh và sẽ chiến thắng dù con đường trước mặt có gay go..." và "Những mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản không biến mất, mà còn trở nên càng ngày càng nghiêm trọng, tất yếu sẽ dẫn chế độ tư bản đến chỗ sụp đổ..." vân vân.

Đọc những lời khẳng định trên người dân chỉ có thể kết luận: Hoặc là các ông ở Trung ương u mê đến cùng, không biết gì hết; Hoặc là các ông coi khinh dân chúng như cỏ rác, cả nước ngu đần không biết suy nghĩ.

"Khi vua coi dân như trâu chó thì dân coi vua như đạo tặc." Nếu đảng CSVN còn tiếp tục khinh dân như vậy thì nước ta khó tránh khỏi một cuộc cách mạng đổ máu. Người có lòng yêu nước không khỏi lo lắng cho tương lai dân tộc Việt Nam. Phải đánh thức các ông vua, quan phong kiến này, để cứu dân mình, và cứu họ.

hơn, thì không có cách nào khác là thay đổi cơ chế, từ gốc. Phải cho đảng CSVN vai trò của một đảng chánh trị như các đảng khác, phải thiết lập cơ chế tự do dân chủ. Phải dẹp hết các cơ hội thao túng của đảng CSVN trong các cơ quan, xí nghiệp, quân đội, cảnh sát. Nếu các đảng viên còn trung thành với lý tưởng đó thì phải tách đảng ra khỏi guồng máy nhà nước, tự bắt mình phải thi thố, cạnh tranh với các chủ nghĩa, đảng phái khác. Có như vậy đảng CSVN mới có cơ hội đổi mới, tự thanh lọc, và những người như ông Bùi Tín mới khỏi thất vọng về suốt một đời trung thành, tận tụy của mình, mà nhìn hiện trạng đất nước vẫn quá đau thương.

Khi các vị còn thiết tha với đảng CSVN tìm cách binh vực cho giới lãnh đạo của họ bằng cách nêu lên các hạnh kiểm tốt, họ cũng phạm vào một lầm lẫn mà Karl Marx sẽ gọi là lầm lẫn về phạm trù. Người sống giản dị, không sợ hy sinh, có lòng từ bi, thương dân, yêu nước, có thể trở thành những nhà tu hành rất tốt, vì họ có các đức tính, giá trị của nhà tu hành.

Quý vị thử trả tự do cho hòa thượng Đức Nhuận, các thượng tọa Tuệ Sỹ, Trí Siêu, đức giám mục Nguyễn Văn Thuận coi, và hỏi người dân rằng các nhà tu hành đó sống giản dị, liêm khiết, hy sinh, và (nhờ quý vị) cũng vào tù ra khám, bằng hay hơn các ông lãnh đạo của CSVN.

Giá trị của người lãnh đạo đất nước thuộc vào một hệ trạng khác. Thước đo của người lãnh đạo đất nước là hậu quả các hành động của họ. Dân có được no ấm, thoải mái, xã hội có lành mạnh không, văn hóa có tốt đẹp hơn không, đó là thước đo người lãnh đạo tốt hay xấu.

Xứ Ấn Độ có rất nhiều đạo sĩ phẩm hạnh cao khiết không kém gì thánh Gandhi, nhưng thánh Gandhi được lượng giá như một nhà lãnh đạo nhân dân vĩ đại vì ông giúp nước ông giành độc lập mà ít đổ máu nhất, và xây dựng một thể chế dân chủ lâu bền, tạo cơ duyên cho một nền kinh tế phát triển liên tục.

Chúng ta đều mong muốn có các nhà lãnh đạo có phẩm hạnh tốt. Đó là điều kiện cần nhưng không đủ. Chúng ta nên nhớ câu "quan đần, dân khổ". Trong báo *Diễn Đàn* của người Việt ở Praha, Tiệp Khắc, bạn Hồng Hà đã nhắc đến câu tục ngữ trên. (*Diễn Đàn*, số 9, năm 1990, trang 17 và 18). Hồng Hà đã nhận xét những người "giữ chức vụ cao" ở Việt Nam duy trì chức vụ *"nó kéo dài lâu hơn cả ngai vàng của một ông vua thời phong kiến lạc hậu, để đảm bảo cho 'chuyên chính vô sản', cho quyền lãnh đạo của đảng"*. Cơ cấu xã hội như vậy, Hồng Hà cũng nhận xét *"thực chất không khác gì một nhà nước phong kiến"*.

Sự thay đổi cần thiết đầu tiên là phá bỏ cơ cấu phong kiến, lối tư duy phong kiến. Chỉ một nền dân chủ đích thực mới cứu được dân tộc Việt Nam. K

VƯƠNG HỮU BỘT

Chuyện ông Bùi Tín

NGUYỄN HỮU CHUNG

Qua nhật báo *Người Việt*, chúng ta đã được đọc "bản kiến nghị của một công dân", một thông điệp của ông Bùi Tín từ Paris gởi về Việt Nam qua đài phát thanh BBC. Ông Bùi Tín là một khuôn mặt lớn của đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN), được nhiều người biết đến sau biến cố 1975. Vào khoảng 11 giờ trưa ngày 30 tháng Tư năm 1975, mang quân hàm đại tá, ông Bùi Tín là người sĩ quan CS Bắc Việt đầu tiên vào dinh Độc Lập, rút súng lục chĩa vào đầu ông Dương Văn Minh và bắt dẫn đi. Từ năm 1975 đến nay, nhiều lần người ta thấy ông Bùi Tín xuất hiện trên các đài truyền hình ngoại quốc, trả lời các cuộc phỏng vấn. Chức vụ hiện tại của ông là phó tổng biên tập nhật báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của đảng CSVN. Ông là người được tất cả các cán bộ, các đảng viên CS biết đến và có ảnh hưởng về phương diện tư tưởng đối với những người này. Vì vậy, việc ông qua Paris, để phổ biến một thông điệp, có một tầm quan trọng đặc biệt đối với đảng CSVN.

*

Về lý do hành động của ông Bùi Tín, có thể có ba giả thuyết:

Giả thuyết 1: Hành động cá nhân, như ông tuyên bố. Thông điệp chỉ là "bản kiến nghị của một công dân". Sau khi phân tích bản văn và các phương tiện vận động để phổ biến nó, tôi nhận thấy đây không phải là một hành động cá nhân riêng rẽ của một vị "anh hùng cô độc". Ông phải là phát ngôn nhân của một tổ chức, một nhóm nào đó.

Giả thuyết 2: Tổ chức đưa ông Bùi Tín ra chính là ban lãnh đạo đảng CSVN. Lý do: Còn năm tháng nữa là "đại hội 7" của đảng CSVN. Ban chấp hành trung ương CSVN đã họp mấy khóa để thảo luận và thông qua các quyết nghị nhưng không đem lại kết quả nào. Bế tắc toàn diện. Cuộc khủng hoảng trong nước Việt Nam đã trầm trọng tới mức hết thuốc chữa và không còn thể dùng những danh từ hoa mỹ đặt vào các quyết nghị để cứu vãn tình thế. Phải thay đổi. Nhưng dù Chánh trị Bộ và Ban chấp hành trung ương có đồng ý về những đề nghị thay đổi, họ cũng không dám đột ngột đưa ra trước đại hội đảng. Họ phải dọn dư luận và chuẩn bị các con cờ. Họ đã sử dụng một cách tuyệt hảo kỹ thuật truyền thông. Qua đài BBC, phát thanh ba bốn hôm liền, thông điệp đã gởi đến các cán bộ và đảng viên CSVN. Các người này sẽ bàn tán, thảo luận với nhau. Từ những cuộc thảo luận giữa trung ương đảng trong phòng kín, ban tổ chức đã đưa cuộc thảo luận ra công khai và toàn quốc. Thời gian năm tháng vừa đủ (không quá lâu cũng không quá gấp) để các cuộc thảo luận đủ sâu rộng, để Đảng có thể thăm dò dư luận, để các cấp có thì giờ soạn thảo các kiến nghị trước ngày đại hội, để rồi đại hội sẽ chấp nhận các kiến nghị này.

Giả thuyết 3: Tổ chức đưa ông Bùi Tín ra là *Một* phe trong đảng CSVN. Từ lâu, người ta đã phát hiện được những chia rẽ trầm trọng trong nội bộ đảng CSVN. Đó là sự chia rẽ và tranh chấp quyền lực giữa một phe gọi là bảo thủ và một phe gọi là đổi mới. Trong trường hợp này thì ông Bùi Tín thuộc về phe đổi mới, và cuộc tranh chấp công khai mà người ta chờ đợi từ sau cái chết của ông Lê Đức Thọ đã chánh thức mở đầu. Chiến lược của phe này rất tinh vi. Vì không thể tấn công dành thắng lợi trong Bộ Chính trị và trong Ban chấp hành trung ương đảng mà đa số là người của ông Lê Đức Thọ đặt để, phe nầy tìm sức mạnh trong hạ tầng cơ sở đảng, nơi mà đa số đang hoang mang, thất vọng, bất mãn. Dùng ông Bùi Tín, qua đài BBC, họ gởi thông điệp tới toàn thể đảng viên và dân chúng, tạo một cuộc thảo luận công khai và quy mô về vấn đề đổi mới chế độ, vận dụng cái đa số của hạ tầng cơ sở để lấn áp cái đa số trong cơ sở lãnh đạo là Bộ chánh trị và Ban chấp hành trung ương. Nếu giả thuyết nầy đúng thì trong những ngày tới sẽ có những tranh chấp ngoạn mục xảy ra ở Việt Nam. Theo ý riêng tôi thì giả thuyết thứ ba nầy là đúng hơn cả. Nhưng ai sẽ thắng, ai sẽ thua thì còn phải chờ xem.

*

Tôi có đọc kỹ bản kiến nghị của ông Bùi Tín.

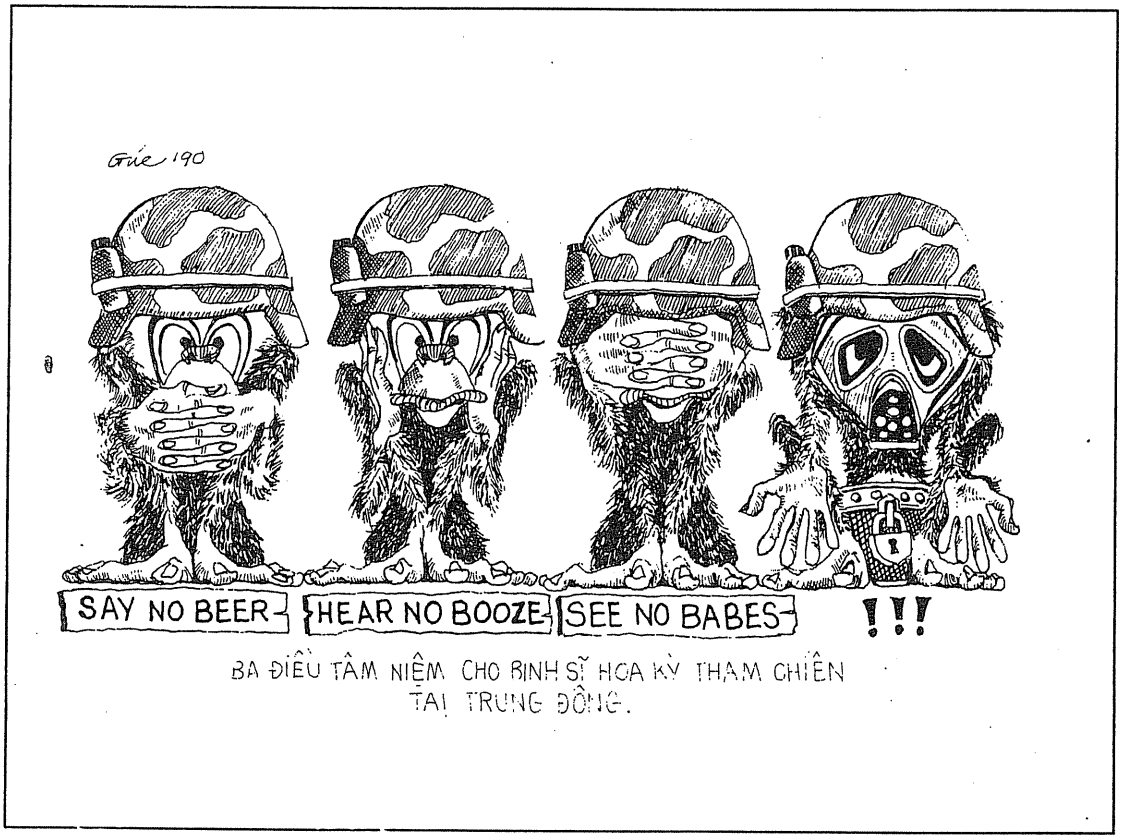

BA ĐIỀU TÂM NIỆM CHO BINH SĨ HOA KỲ THAM CHIẾN TẠI TRUNG ĐÔNG.

Tôi không muốn phê bình dài dòng ở đây về nội dung của bản kiến nghị này vì tôi thấy phần quan trọng của nó là dành để *nói với các cán bộ CSVN*. Ông Bùi Tín phải nói bằng ngôn ngữ tuyên truyền CS, lập luận theo CS, dựa trên quyền lợi của đảng CS, và *mục đích là để cứu đảng CS*. Nhưng ông Bùi Tín cũng đã chánh thức đưa ra xác nhận hai điều quan trọng. Thứ nhất là *đang có khủng hoảng trầm trọng* trong nước Việt Nam và trong đảng CSVN, khiến đảng CSVN không thể tiếp tục cai trị. Thứ hai là, lần đầu tiên, đảng CSVN (hay một phe của đảng nầy) công khai chấp nhận tội lỗi trước nhân dân và lịch sử. Đó là một điều đáng quý.

Ông Bùi Tín, hay phe của ông, cũng nhân dịp này, muốn nói với người dân Việt Nam trong và ngoài nước về vấn đề hòa giải hòa hợp dân tộc, đoàn kết quốc gia để xây dựng đất nước. Tôi hoan nghinh thiện chí này. Nhưng tôi không hiểu rõ tư tưởng của ông và tôi thấy có một cái gì lủng củng, vướng mắc. Ông kêu gọi mọi người xóa bỏ quá khứ, coi nhau như anh em, nhưng ông lại không xóa bỏ quá khứ của chính ông. Ông kêu gọi hòa giải dân tộc, Nhưng *đó lại là sự hòa giải dưới sự lãnh đạo của đảng CSVN*. Ông kêu gọi sự chung sức, sự đoàn kết của toàn dân, nhưng đó là sự đoàn kết vô điều kiện vì không thấy nói đến quyền tự do chánh trị của người dân, nói đến dân chủ đa nguyên. Không có dân chủ đa nguyên, không có tự do đích thực, không có phân quyền và tản quyền, không có nhân sự có khả năng thì làm sao giải quyết được cái bế tắc ở Việt Nam? Nhận thấy như thế, nhưng tôi không có ý trách ông Bùi Tín và phe của ông vì các ông còn kẹt vấn đề nội bộ. Tôi hiểu rõ là không có một động vật hay một động cơ nào có thể quẹo một góc 180 độ. Tôi hy vọng rằng các ông sẽ thành công trong việc dàn xếp nội bộ và có một ngày các ông có thể thảo luận nghiêm chỉnh vấn đề đoàn kết quốc gia, vấn đề hòa giải dân tộc, vấn đề dân chủ đa nguyên với người dân.

LTS — Trong kiến nghị của Bùi Tín chỉ có một điểm cụ thể là đổi tên đảng Cộng Sản, trở về với tên cũ là đảng Lao Động; đổi quốc hiệu trở lại là VNDCCH. Ngoài ra đảng CSVN sẽ tiếp tục nắm quyền, tổ chức "bầu cử" quốc hội, các tổ chức phụ tùng như Mặt Trận Tổ Quốc, Công Đoàn, Đoàn thanh niên sẽ được "đổi mới", tất nhiên đảng CS giúp đổi mới theo lối CS. Ngoài ra tất cả các điều khác trong kiến nghị của Bùi Tín đều chỉ là khẩu hiệu. Phần nhận định của bản kiến nghị chính thức thú nhận "cuộc khủng hoảng đã kéo dài", "dân mất niềm tin", nhưng phần ý kiến sửa đổi thì giữ nguyên cơ cấu đảng, mặt trận và các tổ chức phụ tùng cũ, với các khẩu hiệu cũ. Bùi Tín có nhắc đến: "Đại biểu bà con đang sống ở nước ngoài", thì đã chắc là các hội "Việt kiều yêu nước!". K

Hòa giải kiểu cộng sản

Bàn về một khía cạnh của bản kiến nghị Bùi Tín

TÔN THẤT THIỆN

Có nhiều người hễ nghe nói đến "hòa giải" là cơn thịnh nộ bùng phát ngay. Điều này cũng dễ hiểu. Họ là nạn nhân của sự cộng sản thôn tính miền Nam, và hòa giải là một trong những thủ đoạn chính trị xảo trá mà cộng sản đã dùng trong những năm 1968-1975 để lừa gạt dư luận và thực hiện ý đồ của chúng. Do đó, "hòa giải" đã thành một "danh từ bẩn thỉu". Ai dùng nó sẽ tức thì bị tố là cộng sản, tay sai của cộng sản, tiếp tay cho cộng sản v.v. và có thể bị hành hung. Trường hợp này đã xảy ra trong năm vừa qua cho anh Nguyễn Gia Kiểng, một trong những người lãnh đạo nhóm *Thông Luận*.

Vụ anh Nguyễn Gia Kiểng nay đã được sáng tỏ. Về phía nhóm *Thông Luận* người ta đã thú nhận rằng nếu có sự hiểu lầm một phần vì họ cho rằng không cần phân trần nhiều vì lập trường của họ quá rõ ràng. Về phía dư luận, thì số người nghĩ rằng nhóm *Thông Luận* "đối lập cuội" và "tiếp tay cho cộng sản" nay chẳng còn bao nhiêu.

Vụ Nguyễn Gia Kiểng tạm yên và danh từ "hòa giải" vừa mất màu "đỏ" của nó thì lại xảy ra một sự kiện mới chấn động dư luận và buộc chúng ta lại phải đặt lại vấn đề "hòa giải". Đó là vụ ông Bùi Tín, phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, nhảy rào ở Pa-ri vừa đây, và đưa ra một kiến nghị có tính cách chống Đảng. Kiến nghị này đã được phổ biến trên đài BBC dưới danh hiệu "Bản kiến nghị của một công dân".

Anh Nguyễn Hữu Chung đã bình luận về ý nghĩa của sự nhảy rào của ông Bùi Tín và bản kiến nghị nói trên (xem báo *Người Việt* số 1957 ra ngày thứ Năm 6 tháng Mười Hai, 1990. . .). Anh ấy nói rằng, tuy thiện chí của ông Bùi Tín đáng hoan nghênh, nó chỉ là chuyện nội bộ của ĐCSVN, một hành động nằm trong chiến dịch nhằm cứu đảng, và vụ Bùi Tín này có cái gì "lủng củng" và "vướng mắc".

Tôi sẽ bàn chi tiết về bản kiến nghị này và về vụ nhảy rào của ông Bùi Tín trong một dịp khác, nhưng có một khía cạnh tôi nghĩ rằng chúng ta cần chú ý ngay: trong bản kiến nghị, ông (Đại tá về hưu) Bùi Tín đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại danh từ "hòa giải dân tộc". Danh từ "hòa giải" lại đỏ loét trở lại.

Tôi đồng ý với anh Nguyễn Hữu Chung và hoan nghênh thiện chí của ông "Đại tá về hưu" này, nhưng cũng như anh Chung, tôi thấy trong hành động, và nhất là trong thái độ của ông ta—qua những gì ông nêu lên trong bản kiến nghị, có một cái gì "lủng củng" và "vướng mắc", một số mâu thuẫn lớn cần được giải tỏa trước khi chúng ta, những người "phía bên này", hoàn toàn chấp nhận cử chỉ của ông ta là một thiện chí thực.

Đài BBC đã phỏng vấn ông Bùi Tín, và trong bài phỏng vấn này đã nhấn mạnh rằng "trong suốt thời gian tiếp xúc với Đỗ Văn, phóng viên của đài, ông Bùi Tín luôn luôn khẳng định ông là người trung kiên với lý tưởng xã hội chủ nghĩa". Phần ông Bùi Tín, ông ta đã tuyên bố: "Tôi không chống đảng, tôi yêu lý tưởng của đảng". Trong bản kiến nghị ông ta giải thích rõ ràng là hành động của ông nhằm "khôi phục lòng tin đối với đảng", và "bớt hẳn đi những thế lực đối địch", và nếu đảng thực hiện được những điều ông đề nghị "chắc chắn đảng có thể giữ được vị trí lãnh đạo của mình, khôi phục uy tín mình trước nhân dân và thế giới". Hành động của ông không nhằm "phủ định vạch trên chủ nghĩa xã hội, lên án và bác bỏ nó là sai lầm", và "đây không phải phủ định đối với chủ nghĩa xã hội, mà là sự xác định theo thực tại mới một cách hợp lý và trước tác".

Trong bản kiến nghị ông "Đại tá về hưu" Bùi

Tín đề nghị:

— lấy lại tên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng Lao động Việt Nam;

— triệu tập một hội nghị chính trị đặc biệt... để thảo luận và thông qua chương trình hành động mới;

— một quốc hội mới;

— chấn chỉnh và đề cao Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong những đề nghị và thái độ của ông Bùi Tín có một sự mâu thuẫn khổng lồ: một đàng ông kêu gọi "hòa giải dân tộc", nhưng một đằng ông lại nhứt quyết trung kiên với đảng và không từ bỏ xã hội chủ nghĩa!

Trung kiên với đảng, đặc biệt là ĐCSVN, hiện nay vẫn bám chắc vào "chủ nghĩa Mác Lê trong sáng", là chấp nhận "đấu tranh giai cấp", chuyên chế vô sản, độc quyền độc tài của đảng, sử dụng "bạo lực cách mạng" để tiêu diệt tất cả những giai cấp khác và những thành phần xã hội không phục tùng đảng, không chấp nhận độc quyền của đảng và không đồng ý với quan điểm hay chính sách của đảng. Những thành phần này sẽ được gán danh hiệu "phản động", "phản cách mạng", và đảng tự do đày đọa và thanh toán họ bằng "bạo lực cách mạng".

Trong quan niệm của ĐCSVN "giai cấp" chỉ gồm có hai thành phần chính — bần cố nông và công nhân — cộng thêm những nhóm nhỏ trí thức, tiểu tư sản đã công khai "đầu hàng" giai cấp vô sản và chịu tùng phục đảng. Nhưng dân tộc đâu chỉ gồm có bao nhiêu đó! Còn bao nhiêu thành phần khác: trung nông, phú nông, địa chủ, tiểu tư sản, trung tư sản, đại tư sản, thương gia, kỹ nghệ gia, trí thức, văn nghệ sĩ, các đoàn thể tôn giáo...

Do đó, khi ông Bùi Tín khẳng định rằng ông vẫn là đảng viên trung kiên của ĐCSVN, nghĩa là vẫn chấp nhận đấu tranh giai cấp là một nguyên tắc căn bản, mà vẫn kêu gọi "hòa giải dân tộc" thì buộc chúng ta hoặc phải nghi ngờ thành tâm của ông ta, hoặc phải nghĩ rằng ông chưa ý thức rõ ràng "dân tộc" là gì, hoặc ông quan niệm "hòa giải" là một chiến dịch chiêu hồi của cộng sản đối với các thành phần "bên kia" hằng chống đối họ nhưng nay sẽ sung sướng nhảy ra lãnh chút quyền lợi của đảng ban cho. Như vậy, ông Bùi Tín và những đồng chí của ông cần phải tra tự điển lại, và đi một vòng quan sát giới "bên này" xem sự thế thế nào!

Phần khác, những đề nghị của ông đã nêu trên đây gợi lên ký ức Hồ Chí Minh và ĐCSVN mưu mô lường gạt trắng trợn biết bao nhiêu thanh niên hồi 1945-1954, trong đó có thanh niên Bùi Tín, lúc đó mới 18 tuổi và đầy lý tưởng. Hồ Chí Minh và Đảng CSVN đã xảo trá dùng hăng say và hy sinh của họ để thiết lập và củng cố độc quyền của đảng, đem xương máu của họ phục vụ cách mạng thế giới.

Ông Đại tá về hưu Bùi Tín cần ngẫm nghĩ kỹ những điều trên đây. Ông và bao nhiêu người đồng tuổi của ông được hưởng những gì từ ngày chiến thắng đến nay? Ai thực sự chiến thắng! Nghĩa là ai là người thực sự nắm toàn quyền hành và hưởng thụ những gì do quyền hành đem lại? Còn ai là những người đang sống lầm than nheo nhóc, bệnh tật tàn phế, sau bao nhiêu năm tin vào những hứa hẹn của "Bác" và Đảng về "một ngày mai tươi sáng"?

Do đó, khi ông Bùi Tín khẳng định rằng ông vẫn là đảng viên trung kiên của ĐCSVN, nghĩa là vẫn chấp nhận đấu tranh giai cấp là một nguyên tắc căn bản, mà vẫn kêu gọi "hòa giải dân tộc" thì buộc chúng ta hoặc phải nghi ngờ thành tâm của ông ta, hoặc phải nghĩ rằng ông chưa ý thức rõ ràng "dân tộc" là gì, hoặc ông quan niệm "hòa giải" là một chiến dịch chiêu hồi của cộng sản đối với các thành phần "bên kia" hằng chống đối họ nhưng nay sẽ sung sướng nhảy ra lãnh chút quyền lợi của đảng ban cho...

Nhưng đó là những vấn đề những người như Đại tá về hưu Bùi Tín cần suy nghiệm. Riêng về chúng ta, chúng ta cần nói với họ một cách dứt khoát rằng nếu vì quyền lợi và tương lai của xứ sở và dân tộc chúng ta sẵn sàng chấp nhận hòa giải với những người dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa cộng sản kiểu Bôn-sê-vích—từ bỏ những chủ trương chuyên chính vô sản, đấu tranh giai cấp, độc tài đảng trị, triệt để sử dụng bạo lực cách mạng v.v.—đồng tình cùng chúng ta tranh đấu dẹp bỏ chế độ cộng sản để xây dựng một chế độ hoàn toàn mới trong đó công bằng xã hội được đặt ngang hàng với dân chủ đa ngnuyên, chúng ta không khi nào chấp nhận hòa giải với những người cộng sản còn khư khư bám vào "chủ nghĩa Mác Lê trong sáng" và không do dự sử dụng "bạo lực cách mạng" để thanh toán những người không theo mình. K

TÔN THẤT THIỆN

Montreal, tháng Mười Hai, 1990

Đặt vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên

TRẦN THANH HIỆP

(Tóm lược bài tham luận của Trần Thanh Hiệp, đọc nhân dịp Hội luận về Dân chủ đa nguyên tổ chức ngày 27 tháng Mười 1990 tại Paris)

Dân chủ đa nguyên một cách nôm na, là dân chủ của nhiều người, cho nhiều người. Đặc điểm "có nhiều" (đa tính, pluralité) giúp phân biệt được dân chủ đa nguyên với những dân chủ không có "đa tính". Nhưng thế nào là "đa tính (tính có nhiều)"? Có người cho rằng dân chủ đương nhiên là đa nguyên vì một khi dân đã làm chủ thì tự thân nó danh từ dân chủ đã phải bao hàm ý nghĩa đa nguyên. Đó là một cách nhận định quá đơn giản vì không lý gì đến thực tế mà chỉ dựa vào từ ngữ và một khái niệm trừu tượng về dân chủ. Trong thực tế, trải qua mấy ngàn năm từ khi nó ra đời đến nay và như lịch sử đã minh chứng, dân chủ không hẳn đã hoàn toàn đa nguyên theo nghĩa một độ "có nhiều" nhất định và hiện nay nó đang phát triển mạnh theo chiều hướng đa nguyên hóa.

Cơ chế dân chủ đa nguyên là bộ máy để thực hiện dân chủ cho nhiều người, càng nhiều càng tốt. Bộ máy ấy có chạy đều, chạy tốt thì mới có dân chủ thực sự. Thực chất của một nước là con người, là tập thể người (còn gọi là nhân xã) vì lý do này hay lý do khác, đã lựa chọn thống thuộc nước ấy. Vậy bộ máy dân chủ đa nguyên không phải là một bộ máy thuần túy vật thể như xe hơi, máy bay, tàu hỏa, người máy v.v. Nó được cấu tạo bằng con người, đúng hơn, bằng những con người nên nó phải rất tinh vi và nhất là phải thích hợp với con người, nghĩa là phải giúp cho con người giải quyết đẹp những vấn đề của chính nó, của tập thể trong đó nó giữ hai vai trò vừa là một bộ phận của máy lại vừa là người làm cho máy chạy. Vậy bàn về cơ chế dân chủ đa nguyên là chọn đất đứng trên bình diện thực tế của nhân xã, đi vào lãnh vực của tổ chức, của hành động và tìm kiếm những hiệu năng cụ thể nên phải mượn những kiến thức, kinh nghiệm của những chuyên gia, những kỹ sư dân chủ tán thành và lựa chọn dân chủ. Những người từ xuất phát điểm đã chống dân chủ vì đã tán thành độc tài, dù là độc tài tả hay độc tài hữu cũng vậy, không thể khai đường mở lối cho dân chủ đa nguyên.

Đặt vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên cho Việt Nam trong hiện tình chủ yếu phải chụp bắt được thực tế xã hội Việt Nam hiện nay với tất cả những đặc tính hay cũng như dở của nó.

Sau hết, sinh hoạt chính trị vào thời điểm thập niên 90 không còn mang những tính chất thần bí, siêu hình của thời xưa. Chính trị đã trở thành một kiến thức có tính chất khoa học thực nghiệm. Dù muốn hay không muốn, làm chính ngày nay chủ yếu phải là quản trị đất nước bằng kỹ thuật và dân chủ đa nguyên là hình thái sinh hoạt chính trị của những nhân xã có bản lĩnh kỹ trị (technocratie).

Những ý kiến sắp được nêu lên dưới đây chỉ là những kết luận tạm thời, đưa ra để làm cơ sở đối chiếu quan điểm hầu thực hiện cuộc đối thoại mà mục đích là thử tìm một dự kiến về nền dân chủ Việt Nam nên có trong tương lai. Trong tinh thần đó, vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên sẽ được đặt ra dưới đây qua hai trục suy luận chính:

1/ Cơ chế dân chủ đa nguyên như là sự thể hiện của một ý thức về dân chủ

2/ Cơ chế dân chủ đa nguyên trong dự án tổ chức lại xã hội Việt Nam.

1/ Cơ chế dân chủ đa nguyên như là sự thể hiện của một ý thức mới về dân chủ

Không phải do một sự tình cờ mà bộ máy dân chủ đa nguyên đã được sáng chế. Nó ra đời vì dân chủ ngày càng trở nên đa nguyên. Riêng đối với người Việt Nam, việc chọn lựa đa nguyên làm giải pháp thay đổi chế độ bắt nguồn từ một ý thức mới về dân chủ. Ý thức mới đó khởi đầu từ một hành động tỉnh thức để lựa chọn rất sáng suốt và dứt khoát giữa sự hỗn độn của cuộc khủng hoảng chính trị đang cầm giữ đất nước trong thảm trạng áp bức, nghèo túng, lạc hậu. Phải sớm tìm ra một lối thoát vừa không hao người tốn của vừa có hy vọng thực hiện được. Hành động tỉnh thức đó là một lâm thức (prise de conscience) về

dân chủ như là một giải pháp phục hưng đất nước.

Sự lâm thức này có ba nguyên do

Trước hết là bước tiến thuận lý, vì tích lũy, của tư tưởng dân chủ theo thời gian. Tuy đối với người Việt Nam, từ thế kỷ thứ bốn trước công nguyên Mạnh Tử đã đề xuất dân chủ khi nêu lên thuyết "dân vi quý" (dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh) nhưng ta nên lùi lại thế kỷ thứ năm trước công nguyên để tìm những vết tích nguyên thủy dân chủ. Sinh hoạt chính trị tại thành quốc Athens (cité d'Athènes) là nguồn suy tưởng dân chủ cho hậu thế qua những thành tố cơ bản của tư tưởng dân chủ như *bình đẳng giữa các công dân, tự do, thượng tôn luật pháp, công lý v.v.* Sinh hoạt đó cũng để lại mô hình sinh hoạt dân chủ trực tiếp trong đó mọi công dân đều có quyền được tham dự việc liệu lý cuộc sống chung trong thành quốc. Họ hội họp một năm ít nhất 40 lần và một cuộc họp muốn được coi là khoáng đại phải có đủ túc số 6,000 công dân. Nền "dân trị" dưới hình thức dân chủ phôi thai này đã đặt cho các đời sau nhiều nghi vấn. Thế nào là "dân trị"? Ai được kể là "dân"? Và "trị" là làm những gì để quyết định công việc chung? Tới đâu là chính trị? Có quyền quyết định về kinh tế không? Và quyền "trị" ấy có bắt buộc phải được phục tùng không? Những người không tham dự và *không phục tùng có bị trừng phạt không?* . . .

Thời cổ đại đã không tìm ra những lời giải đáp thỏa đáng. Phải đợi tới từ thế kỷ 16 trở đi mới thấy có những công trình vừa nghiên cứu vừa hành động, với sự đóng góp của Thomas Hobbes, Cromwell, Spinoza, Pufendorff, Locke, người ta mới thấy có yếu tố để đào sâu thêm vấn đề dân chủ. Thế kỷ 18, gắn liền với tên tuổi của J.J. Rousseau, Montesquieu, với những chính biến lịch sử tại Mỹ và Pháp đã chính thức cho ra đời nền dân chủ đại nghị để dân có thể cầm quyền thông qua những đại diện do họ tuyển chọn bằng bầu cử là những dân biểu. Sự đóng góp của thế kỷ 19 là tham vọng của Marx-Engels, dưới sức quyến rũ của kinh nghiệm Công xã Paris, muốn làm sống lại nền dân chủ trực trị của thành quốc Athens bằng một bước phát triển mới, với những quy mô lớn hơn. Những thế kỷ đã mang lại cho dân chủ những tăng bổ quan trọng là thế kỷ 20 mà phân nửa cuối là sự xuất hiện ồ ạt của dân chủ đa nguyên với nhiều mức độ đa nguyên khác nhau.

Chung quy cũng vẫn chỉ là những nổ lực không ngừng của nhân loại đi tìm kiếm những công thức để hoàn mỹ dân chủ theo chiều hướng ngày càng có thêm "đa tính" trực tiếp hay gián tiếp. Trong lúc này, đặt vấn đề dân chủ cho Việt Nam chính là quy nhập vào dòng tư tưởng đa nguyên ấy trên cơ sở những điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Thứ đến, sự thức tỉnh dân chủ của người Việt Nam còn là hậu quả của sự thất bại hiển nhiên của hơn 70 năm thí nghiệm dân chủ trực tiếp do Marx-Engels đề xướng. Sự sụp đổ gần như toàn bộ của các chế độ cộng sản ở Đông Âu, cuộc khủng hoảng của chế độ cộng sản tại Liên Xô đã chôn vào dĩ vãng nền "dân chủ nhân dân" cũng như "dân chủ xã hội chủ nghĩa", một thời được những người làm cách mạng đấu tranh giai cấp thần thánh hóa và toan áp đặt như chân lý vĩnh cửu của loài người!

Sau hết, nền chuyên chính vô sản, do Đảng cộng sản Việt Nam thiết lập bằng bạo lực tại Việt Nam sau gần 50 năm cầm quyền, cho đến ngày hôm nay đã không khai sinh được và cũng không có một hy vọng nào sẽ khai sinh được trong tương lai, nền dân chủ nó không ngừng hứa hẹn và loan báo. Đó là một sự thất bại toàn diện của cộng sản Việt Nam, một sự thất bại không thể sửa chữa được nữa. Chủ nghĩa cộng sản còn có giá trị gì nếu nó không giải quyết được vấn đề cơ bản là cơm áo của đồng bào?

Mặt khác, những lực lượng đối nghịch với cộng sản cho đến ngày hôm nay cũng không thực hiện được ý định lật đổ cộng sản bằng đường lối quân sự để giải phóng cho đồng bào khỏi nền chuyên chính vô sản. Đồng bào phải đợi tới bao giờ mới thấy có triển vọng được giải phóng, triển vọng mà những cuộc tranh đấu thực tế quân sự trước mắt không cho thấy trước được?

Trong khi đó, tình hình quốc tế đã biến chuyển hẳn theo hướng hòa dịu và hợp tác trên quy mô toàn cầu. Dân chủ đa nguyên đã được chọn làm cho kỳ được. Sự lựa chọn đó là một lâm thức của thời đại không ai có thể dị nghị và lẩn tránh.

Nhưng chính trị là lãnh vực của hành động không phải của tình cảm suông hay của tư tưởng thuần túy. Một khi đã thức tỉnh đã phải dứt khoát chọn và lấy thái độ để bắt tay vào việc. Sự thức tỉnh dân chủ đa nguyên bởi thế phải là một sự thức tỉnh có nội dung.

Nội dung ấy gồm có ba việc phải làm:

1/ Phế thải

Tất cả những gì đi ngược lại tinh thần cũng như cơ cấu đa nguyên đều phải phế thải không luyến tiếc. Nói như vậy có vẻ quá phũ phàng. Nhưng đó là quy luật vô thường của đời sống, nhất là đời sống chính trị. Phải xóa bỏ mọi tàn tích của độc tài, chuyên chính chứ không phải chỉ trùng tu, sơn phết lại ngôi nhà đổ nát này. Có như vậy mới dựng lên được kiến trúc dân chủ đa nguyên. Kinh nghiệm phục hưng các nước ở Đông Âu đã cho thấy rằng phải bắt đầu lại từ chỗ bắt đầu.

Những người cộng sản Việt Nam phải làm những việc phế thải mà những người cộng sản ở Đông Âu đã làm. Vì từ chuyên chính vô sản, nhất

nguyên cộng sản tiến sang dân chủ đa nguyên, là một bước nhảy vọt có tính phẩm. Mọi sợ hãi đổi thay đều phản ánh tâm lý phi biện chứng dù sợ hãi đó được che giấu dưới dạng giấc mơ "cộng sản chân chính". Mọi toan tính cố thủ trong cơ cấu cũ chỉ là đi thêm những bước phiêu lưu vô vọng. Cộng sản Trung Quốc cũng như tư bản Mỹ sẽ không bao giờ có thể là chỗ dựa vững chắc cho ý đồ duy trì quyền lực độc đảng tại Việt Nam.

Những người chống Cộng, về phần mình, cũng phải làm những việc phế thải không tránh được. Tâm lý "hai nước" giả tạo của thời chia cắt nay không còn thích hợp vì các thế lực quốc tế năm 1954 tại Genève khai sinh ra giải pháp chia cắt đã xóa bài để đánh lại một ván bài mới. Một "nước" đã cạn nguồn ngoại viện như miền Nam trước đây (giống như miền Bắc mở rộng hiện nay) không thể đứng vững. Những người chống Cộng đã phải thấy rõ cách xử sự của người Mỹ khi chính phủ và dân chúng Mỹ phải chiến đấu cho ngoại quốc, vì lý tưởng tự do dân chủ, để đừng thêm một lần nữa phó thác vận mệnh đất nước mình cho người Mỹ.

Họ phải lựa chọn giữa hai con đường tranh đấu hoặc "võ trang" hoặc "dân chủ". Nếu đã chọn binh nghiệp thì phải sống chết cho binh nghiệp, thắng sẽ trở thành anh hùng, chết được kính yêu như liệt sĩ. Không có súng đạn thì chế ra súng đạn như Phan Đình Phùng, Đề Thám mà đánh. Đi quyên góp, vay mượn súng đạn thì phải biết trước sau này sẽ phải trả nợ súng đạn với giá nào. Tranh đấu "võ trang" là một cuộc tranh đấu liên hệ tới sinh mạng, tài sản của đồng bào không thể đề xuất một cách bừa bãi, vô trách nhiệm. Đừng tưởng lầm rằng những tội ác mắc phạm trên con đường võ trang sẽ có thể tẩy xóa với thời gian. Gương Hitler, Staline, Mao Trạch Đông còn đó. Nếu quả thật có được những danh tướng dùng binh lực trừ khử được bạo quyền cộng sản mang lại thanh bình thịnh trị cho đất nước thì đó cũng là lối thoát chẳng đặng đừng cho tình trạng trì trệ hiện nay ở Việt Nam. Đồng bào cả nước đã mỏi mắt trông ngóng một danh tướng như vậy từ khi chính quyền miền Nam sụp đổ đến nay mà chẳng thấy. Nếu tự xét không đủ điều kiện tiến hành một cuộc đấu tranh võ trang như vậy thì nên thẳng thắn từ bỏ, nếu đã lựa chọn hãy cương quyết gạt bỏ, nếu chưa lựa chọn. Chọn con đường, tranh đấu dân chủ không có nghĩa là nhắm mắt khoanh tay mặc cho cộng sản làm mưa làm gió, mà là chọn một hình thái chiến đấu mới, vận dụng những sức mạnh mới, sức mạnh của tự do có tổ chức, sức mạnh của văn hóa, của kỹ thuật. Cần phải nhấn mạnh rằng dân chủ lần này, khác với mọi lần trước, sẽ phải là dân chủ đích thực, không phải thứ dân chủ ăn gian kiểu cộng sản hay dân chủ hạn chế, dân chủ chỉ huy, dân chủ chiếu lệ kiểu chống cộng trước đây ở miền Nam.

2/ Phục hồi

Dân chủ đa nguyên là bước phát triển, có tu chính, của dân chủ cổ điển. Trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, chúng ta, những kẻ đi sau, phải tiếp tục cuộc đối thoại giữa các thời đại để trả lời những nghi vấn do người đi trước đã đặt ra và tiếp nối công trình xây dựng dân chủ còn đang dở dang. Chúng ta nên trở về nguồn, phục hồi những giá trị cơ bản của dân chủ. Đó là "tính có nhiều" của nền dân trị thành quốc Athens. Đó là tinh thần "dân vi quý" của Mạnh Tử, lòng thương dân như "con đỏ", "quần tụ mà không đảng" (quần nhi bất) "hòa mà không đồng" (hòa nhi bất) của Khổng giáo. Đó là chủ trương phân quyền Montesquieu. Đó là những truyền thống tản quyền giữa triều đình và làng xã cùng với những truyền thống tổ hợp để tương trợ trong thôn xóm của Việt Nam thời cổ v.v.

3/ Sáng tạo

Dân chủ đa nguyên không thể là một mô hình tiền chế từ ngoại quốc đem áp đặt trên đầu cổ người Việt Nam. Dân chủ đa nguyên không phải là độc quyền của nước Mỹ. Nắm vững tinh lý của dân chủ, người Việt Nam có thể chế tạo ra một chế độ đa nguyên thích hợp với những điều kiện cụ thể và chủ quan việt Nam. Coi người Việt Nam như những đứa trẻ tiên thiên bất túc để sống với nhau một cách dân chủ là suy luận một cách nông nổi đồng thời cam chịu thân phận của những người dân đời đời bị các bạo chúa bóc lột, đàn áp, hạ nhục. Dân chủ đa nguyên phải được quan niệm như một nỗ lực giải phóng người Việt Nam khỏi thân phận đó. Nếu chưa đủ "nhiều" nguyên tố để cấu thành đa nguyên thì gấp rút thành lập thêm. Nếu quá "nhiều" nguyên tố thì kết hợp lại hay dẹp bỏ theo lô gích dân chủ đa nguyên. Ngoài ra cũng còn phải tìm được những tương quan mới với các sắc tộc thiểu số bằng các biện pháp đồng văn, đồng nhân trong tinh thần tôn trọng bản sắc của nhau.

Một nội dung đa nguyên như vậy, trong tầm tay của người Việt Nam và sẽ làm cho nước Việt Nam dần dần phục hồi được địa vị trong vùng Đông Nam Á cũng như trên trường quốc tế, xứng đáng với một dân tộc dân số đông, có văn hóa, đầy nghị lực kiến quốc.

II/ Cơ chế dân chủ đa nguyên trong dự án tổ chức lại xã hội Việt Nam

Lựa chọn con đường dân chủ không thôi chưa đủ. Còn phải có một dự án tổ chức dân chủ để thực sự sinh hoạt dân chủ nữa. Nhưng dự án không nhất thiết phải là bản liệt kê những ước muốn lý tưởng. Chính tình Việt Nam đòi hỏi một dự án có thể thực hiện ngay trước mắt và nếu được thi hành, dự án ấy phải bảo đảm được những kết quả đã dự liệu. Một dự án như vậy chỉ có thể

là một dự án dân chủ đa nguyên dựa vào một cột trụ vững chắc và hữu hiệu là cơ chế đa nguyên.

Cơ chế này là một bộ máy bao gồm nhiều bộ phận. Sự vận hành của tất cả các bộ phận ấy đều nhằm tạo nên một động lực duy nhất làm cho máy chạy trong vòng kiểm soát của người điều khiển máy.

Bộ máy dân chủ đa nguyên chế tạo cho xã hội Việt Nam vào thời điểm thập niên 90 phải thỏa mãn một số đòi hỏi rất cụ thể, rất hiện đại. Nó phải chạy được ngay tức khắc. Nó phải đưa, càng nhiều càng hay nếu không được tất cả, người Việt Nam tới dân chủ thực sự chớ không phải dân chủ bánh vẽ. Và nếu nó trục trặc thì người điều khiển có thể điều chỉnh dễ dàng. Hai ý kiến cơ bản cần được nêu lên về bộ máy dân chủ đa nguyên này.

1/ Dụng đích và cứu cánh của cơ chế dân chủ đa nguyên

Máy chế ra là để dùng vào những công việc nhất định nhằm phục vụ con người, không phải để bắt con người phải phục vụ máy. Dụng đích của bộ máy dân chủ đa nguyên là chuyên chở thật nhiều người vào địa hạt dân chủ. Nó là cỗ xe lớn, đồng nghĩa với tiếng "đại thừa, đại thắng" của Phật giáo. Đã gọi là cỗ xe lớn thì phải đủ sức chứa, sức chở, nhiều người. Những người làm dân chủ hôm nay không thể đi theo vết xe đổ của hai cỗ xe "dân chủ nhân dân" dân chủ xã hội chủ nghĩa" trong đó không có chỗ ngồi cho nhân dân — hay hẹp hơn, nhân dân lao động — chỉ có chỗ ngồi chen chúc cho Đảng, cho cán bộ. Hai cỗ xe ấy đã phản lại, dụng đích loan báo của chúng là phục vụ nhân dân. Và nhân dân cũng chẳng có quyền, có khả thế điều chỉnh khi khám ra rằng mình đã bị phản bội. Cỗ xe đa nguyên phải được trù liệu đủ cơ cấu để không đi ngược lại dụng đích của nó.

Tương lai nào cũng có những chuyên gia của nó. Những người ngày hôm nay đang ươm cây dân chủ đa nguyên chẳng những dự báo một tất yếu của lịch sử mà còn xây nền đắp móng cho tương lai Việt Nam.

Có dụng đích rồi còn phải có cứu cánh. Chính trị ngày nay không còn là hy sinh hiện tại, cầm thế tương lai để đuổi theo ảo tưởng. Nó phải là giải pháp để thỏa mãn ngay tức khắc, ở đây và bây giờ, những nhu cầu thiết thân của cuộc sống hàng ngày đồng thời còn để đầu tư vững chắc cho tương lai con cháu. Cứu cánh của bộ máy dân chủ đa nguyên là một thể chế tự do trong đó tự do, nhân phẩm của mỗi người được tôn trọng. Thế nào là một thể chế tự do? Theo chính trị học phương Tây, một thể chế tự do phải có ba đặc tính: Nó phải "nhân bản" (humaniste) nghĩa là nó phải nhìn nhận có một "chất người" chung cho tất cả mọi người sống trong nó, bất luận sang hay hèn, ngu dốt hay thông minh, hiền lành hay gian ác. Và "chất người" đó gắn liền với một số quyền cơ bản, những nhân quyền phổ biến, khách quan bất khả xâm phạm. Nó cũng phải "đa nguyên" (pluraliste) nghĩa là nó cho phép mọi ham muốn, nguyện vọng, quyền lợi, ý chí dù trái ngược nhau vẫn được biểu lộ. Nó chỉ "cải cách" (réformiste) nghĩa là tôn trọng nhân dân như một thực tại đã có sẵn rồi với tất cả mọi đặc tính xấu tốt của nó và không tự cho mình quyền thay tạo hóa mà làm lại thực tại ấy, như những người cộng sản nhân danh "cách mạng" tự ban cho mình quyền can thiệp thô bạo vào đời sống của con người, của xã hội, dùng bạo lực nhào nặn ra những con người giả tạo, những con người máy với tên gọi hoa mỹ thế hệ "Hồ Chí Minh". Nhưng cải cách không có nghĩa là không thay đổi mà chỉ thay đổi thuận với lòng người, không ép buộc. Một thể chế không có đủ ba đặc tính này không thể coi là một thể chế tự do (régime libéral).

Tóm lại, trong xã hội đa nguyên tương lai, mọi người đều có một chỗ đứng và bảo đảm được tôn trọng như một con người có nhân phẩm, được hành xử quyền của một công dân tham dự vào việc quản trị đời sống chung. Đó là cứu cánh chính trị của bộ máy dân chủ đa nguyên.

2/ Cơ chế dân chủ đa nguyên: cơ lý và cơ cấu

Có thể trù liệu hai bộ máy dân chủ đa nguyên. Một bộ máy lý tưởng cho tương lai mơ ước là tương lai hậu cộng sản và một bộ máy chạy ngay tức khắc để, trong một thời hạn ngắn nhất, đi tới dân chủ đa nguyên. Lấn tránh khâu chấm dứt chuyên chính vô sản bằng đấu tranh dân chủ để mơ ước một chế độ dân chủ lý tưởng là công việc ai cũng có thể làm được. Vì nó không có nội dung đấu tranh chính trị mà chỉ có nội dung hoặc nghiên cứu, hoặc nghệ thuật. Chọn bộ máy thứ hai để chạy ngay tức khắc là trực diện xáp lá cà với chuyên chính vô sản để chuyển hóa độc tài nhất nguyên thành dân chủ đa nguyên.

Dưới đây chỉ bàn về bộ máy có khả năng tác

chiến ngay.

Bộ máy này được quan niệm cho hai dạng dân chủ đa nguyên: dạng đấu tranh với chuyên chính và dạng tổ chức lại xã hội sau khi đã xóa bỏ được chuyên chính.

Dưới dạng đấu tranh trực diện với chuyên chính, dân chủ đa nguyên theo đuổi mục tiêu chiến lược hình thành trong lòng chế độ một lực lượng dân chủ đa nguyên, đưa lực lượng ấy lên hàng đối lập với chế độ nhưng ở ngoài chế độ. Lực lượng quy tụ tất cả những ai chống lại chuyên chính nhất nguyên, không kể quá khứ chính trị quốc, cộng. Yêu sách cơ bản của lực lượng này là đòi xóa bỏ dân chủ tập trung, đòi sự tôn trọng mọi nhân quyền phổ biến đã được luật quốc tế đề xướng và chính quyền cộng sản có nghĩa vụ phải nhìn nhận vì là thành viên của Liên Hiệp Quốc. Cuộc tranh đấu trong nước sẽ diễn ra dưới hình thức không bạo động. Ở ngoài nước củng cố sự kết hợp thành lực lượng dân chủ đa nguyên theo tiêu chuẩn đa nguyên giữa những người tán thành đường lối đấu tranh dân chủ chống chuyên chính. Lực lượng này cũng đứng ngoài chế độ nhưng tích cực hỗ trợ cho lực lượng dân chủ đa nguyên ở trong lòng chế độ. Song song với cuộc tranh đấu dân chủ trong và ngoài nước, nếu thuận lợi, sẽ có những cuộc thương lượng với chính quyền cộng sản trên cơ sở cũng tìm một quá trình đồng thuận thay thế nhà nước chuyên chính vô sản bằng một nhà nước dân chủ đa nguyên pháp trị. Cuộc thương lượng này không nhằm tiếp sức củng cố chuyên chính mà nhằm tạo những điều kiện pháp lý, chính trị, kỹ thuật để sự chuyển hóa chế độ thêm dễ dàng và mau chóng, tránh gây thiệt hại cho cả chính quyền lẫn đối lập và nhất là cho đồnt bào đã quá đau khổ. Nói cách khác cuộc thương lượng chủ yếu là những cuộc thương thảo nặng về mặt kỹ thuật với một tinh thần tương nhượng, tương dung và chính trực. Nếu cần phải có cam kết giữa đôi bên, những cam kết này sẽ phải được sự chấp thuận của cả hai lực lượng dân chủ đa nguyên trong và ngoài nước.

Cho chạy bộ phận khởi động của bộ máy dân chủ đa nguyên như vậy là tiến hành một cuộc vận động cải cách xã hội theo tinh thần tự do, đa nguyên, đẩy xã hội ra khỏi tình trạng trì trệ hiện nay chỉ có lợi cho những người cầm quyền và rất thiệt hại cho đồng bào. Cuộc vận động ấy ví như một dàn phóng để đưa bộ phận cơ cấu dân chủ vào quỹ đạo đa nguyên.

Trong quỹ đạo này, bộ phận ấy sẽ hoạt động để hình thành một khung pháp lý với những định chế chính trị cơ bản thực thi nền dân chủ dự tính.

Những định chế này phải được quan niệm dưới ánh sáng của những cơ lý nghĩa là những lý thuyết về cơ chế dân chủ đa nguyên, những lý thuyết được đề xuất từ những năm 50.

Những lý thuyết ấy đã cung cấp cho dân chủ đa nguyên những khái niệm cơ bản về hình thức tổ chức xã hội mới này. Với sự đóng góp đáng kể của một trong những lý thuyết gia "dân chủ đa nguyên" người Mỹ, Robert Dahl (người chịu khá nhiều ảnh hưởng của lý thuyết gia cũng người Mỹ Madison) quan niệm dân chủ cổ điển, về mặt lý thuyết, được thay đổi từ gốc rễ. Thay vì lấy cá nhân, với những quyền và lợi của nó, Robert Dahl cũng như David Truman, lấy những nhóm nhỏ làm nguyên tố cho kiến trúc dân chủ đa nguyên. Công khai phá của hai lý thuyết gia này là quan niệm theo đó hình thức mới chủ yếu của dân chủ là việc bảo vệ những nhóm nhỏ, "nhóm lợi quyền" (intrest groups) hay "nhóm áp lực (pressure groups) là những kết hợp quyền lợi mới trong các xã hội dân chủ kỹ nghệ để cá nhân không ngăn trở, xâm phạm những quyền lợi mới ấy. Dung hòa được quyền lợi của "cá nhân" và của "nhóm" là tìm ra được những thế quân bình mới cho dân chủ. Sự hiện hữu được công nhân của các nhóm như một thực thể chính trị riêng biệt, độc lập, ở giữa cá nhân và xã hội là nền tảng của dân chủ đổi mới từ cổ điển trở thành "đa nguyên". Con người không bị tan loãng vào trong xã hội quá rộng. Đồng thời nó cũng không bị hút mất vào trong nhóm vì quy mô quá nhỏ của tập hợp này so với xã hội. Cá nhân đã được củng cố nhờ nhóm. Robert Dahl còn có một đóng góp mới thứ hai nữa cho ra những khám phá rất độc đáo về bản chất của quyền lực và sự phân phối những quyền lực là sức mạnh giúp cho kẻ thi hành nó đạt được mục đích của mình trong ý định ảnh hưởng được tha nhân. "Quyền lực" của A là khả năng hành động của A kiểm soát được phản ứng của B (xin xem *A preface to Democratic Theory của R. Dahl, Chicago, 1956). Quyền lực của A, như vậy, tùy thuộc vào phương tiện (hiểu theo nghĩa rộng) mà A có và tương quan phương tiện thực tế giữa A và B. Chính việc đặc biệt chiếu cố những tương quan này đã làm cho sự tìm hiểu các tương quan trong xã hội được thấu đáo hơn và các cách giải quyết các vấn đề chính trị được uyển chuyển hơn, sát với thực tế hơn những cách giải quyết pháp định của dân chủ cổ điển.*

Việt Nam là một kẻ đi chậm trên con đường dân chủ nên hành trang chẳng có bao nhiêu. Những điểm yếu này có thể cũng là điểm mạnh cho cuộc hành trình đi tới: mảnh đất dân chủ Việt Nam chưa bị cằn cỗi vì quá khứ và còn nhiều màu mỡ nuôi sống nền dân chủ trẻ trung Việt Nam sắp ra đời. Ta hãy tạm lấy năm 1990 làm năm đầu của nền dân chủ đang xây dựng cho tương lai.

Có lẽ lúc này còn quá sớm để đưa ra một đồ án đã hoàn tất về nền dân chủ ấy. Đồ án này phải tùy thuộc thực trạng xã hội thời điểm nó được mang ra áp dụng. Nhưng ngay từ bây giờ, ta đã

có thể đưa ra bốn thành tố của cơ chế dân chủ sẽ thay thế chuyên chính cộng sản.

1/ Tinh thần đa nguyên

Bộ máy dân chủ là bộ máy của con người làm ra cho con người, vì con người. Vì vậy nó phải thật tinh vi như con người, nghĩa là nó phải bao gồm cả những thành tố tinh thần lẫn vật thể. Những bộ máy dân chủ đã thiết lập ở Việt Nam bị biến chất vì thành tố tinh thần bị hư. Rút kinh nghiệm, nền dân chủ tương lai phải được chỉ đạo bằng tinh thần đa nguyên từ đầu chí cuối. Khởi đầu nó phải được thành lập cho "nhiều người". Sau cùng nó phải phục vụ nhiều người. Cái khó là định xem như thế nào là nhiều. Về điểm này tưởng nên rũ bỏ thành kiến cho rằng nếu đã dân chủ thì đương nhiên phải có đa nguyên. Nền dân chủ thời cổ ở Hy Lạp tuy trực tiếp nhưng thật ra không đa nguyên vì chỉ những người nào có tư cách "công dân" mới được quyền tham dự sinh hoạt dân chủ. Phụ nữ thời đó là thành phần không được quyền tham dự. Đó chỉ là một trong rất nhiều thí dụ cho thấy dân chủ không đồng nghĩa với đa nguyên.

Cần phải làm cho nền dân chủ tương lai của ta trở thành thật sự đa nguyên. Muốn vậy phải làm cho nó thêm "tinh cô nhiều". Chấp nhận cho tất cả những người cộng sản đã từ bỏ chuyên chính vô sản được quyền tham dự đời sống dân chủ, phá bỏ mọi ngăn cách giữa người này với người kia vì bất kỳ lý do gì, chính trị, giai cấp, xã hội, tuổi tác, tôn giáo, địa phương, sắc tộc, v.v. là những vấn đề mới của nền dân chủ này và đã làm cho nó "thêm đa nguyên" so với trước.

2/ Kỹ thuật đa nguyên

Có tinh thần đa nguyên chưa đủ, còn phải áp dụng khéo léo tinh thần đó vào mọi khu vực hoạt động của dân chủ. Áp dụng bằng những kỹ thuật sau đây:

— tách nhà nước ra khỏi nhân xã (société civile)

— xây dựng nhân xã thành một tập thể hòa hợp bằng luật pháp, văn hóa, kinh tế, xã hội

— định chế hóa nhân xã bằng những cơ cấu thành lập theo nhu cầu tự nhiên

— thiết lập những đối quyền trong và ngoài nhà nước để ngăn ngừa mọi lạm quyền của những người cầm quyền và tản quyền để tránh tập quyền, tạo nên nhiều trung tâm quyền lực có khả năng chế ngự lẫn nhau

— tổ chức những cuộc tranh cử thật tự do và bình đẳng

— thiết lập truyền thống tự do, độc lập, phổ cập, lành mạnh

3/ Các định chế đa nguyên

Muốn cho sinh hoạt đa nguyên trong toàn xã hội không bị trở ngại bởi những người cầm quyền, nhà nước tương lai phải là một cơ cấu nhẹ nhưng lại phải có nhiều hiệu năng. Đây là một đặc điểm khác nữa của nền dân chủ đa nguyên mới. Nhà nước này chỉ có thể giảm nhẹ nếu nó không phải gánh một số lượng công chức, thư lại quá cao. Nghĩa là nó chỉ nên là một cái khung pháp lý và hành chánh. Khung này vừa là bộ tham mưu của quốc gia vừa là cơ quan thường trực để quản trị cuộc sống chung. Trong khung ấy dân chúng được hành xử mọi quyền tự do. Nhà nước không đóng vai độ sinh để bao cấp đủ mọi chuyện. Nhà nước như là một người điều hợp viên giữ trật tự chung, tuyệt đối không cho xảy ra cảnh cá lớn nuốt cá bé, tư bản rừng rú mặc sức thao túng thị trường. Quốc hội cũng không còn là cơ quan độc nhất đại diện dân ý liên tục trong suốt cả một nhiệm kỳ. Tính đại diện ấy có thể bị xét lại. Các chính đảng cũng không nắm độc quyền sinh hoạt dân chủ để không xảy ra tình trạng thực tế, như giáo sư luật học nổi tiếng của Pháp Maurice Duverger đã nói, "một nền dân chủ không có dân". Các hiệp hội nhân dân, khối áp lực v.v. được tự do thành lập. Báo chí, truyền thông cũng được tự do hành nghề.

4/ Khả năng tự động điều chỉnh

Việt Nam đã từng và còn đang là nạn nhân của những nền dân chủ đã biến chất mà không thay đổi được. Bởi vậy trong bộ máy dân chủ tương lai phải có một bộ phận điều chỉnh để với những bảo đảm vững chắc mọi mặt có thể áp dụng kiến hiệu khi lâm sự, tránh khủng hoảng vì tranh chấp và nếu cuộc tranh chấp xảy ra thì có thủ tục trọng tài, hòa giải. Khả năng tự động điều chỉnh này là một bảo đảm cho phẩm chất tốt cũng như tuổi thọ của nền dân chủ đa nguyên mới.

Bốn thành tố này sẽ là bốn nguyên tắc chỉ đạo cho việc thiết lập cơ chế dân chủ đa nguyên trong đó các đặc tính về những "cá nhân", "nhóm", "đảng", "địa phương", "sắc tộc" mới của Việt Nam sẽ được quan sát, phân tích, chiếu cố hầu giúp cho bộ máy này phản ánh trung thành nhân xã Việt Nam vào thời điểm thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, thời điểm đánh dấu một nước Việt Nam đã trải qua hai kinh nghiệm dân chủ "tự do" và "cộng sản", đã thực tế mở rộng không gian sinh tồn ra nhiều nước trong cộng đồng quốc tế, đã gia tăng dân số của mình và đã sở đắc thêm nhiều kiến thức mới, nghĩa là khoa học, về các mặt tổ chức, quản trị xã hội.

*
* *

Tương lai nào cũng có những chuyên gia của nó. Những người ngày hôm nay đang ươm cây dân chủ đa nguyên chẳng những dự báo một tất yếu của lịch sử mà còn xây nền đắp móng cho tương lai Việt Nam. K

T.T.H.

Chính sách kinh tế văn hóa xã hội nào cho nước Việt Nam hậu cộng sản.

NGUYỄN VĂN ÁI

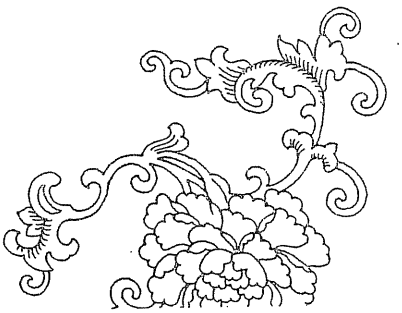

Hiện nay chúng ta đang chứng kiến những thay đổi lớn lao trong lịch sử nhân loại. Nhiều giá trị cũ đã sụp đổ và được thay thế bằng những giá trị mới.

Chiến tranh lạnh giữa khối tự do và khối cộng sản chấm dứt. Đông Âu từ bỏ cộng sản và chuyên hướng về tự do dân chủ. Nước Đức đã thống nhất trong hòa bình và trở lại địa vị một cường quốc hàng đầu trên thế giới. Khối thị trường chung Âu Châu đang đi về hợp nhất không những về kinh tế còn cả về chính trị. Liên Hiệp Quốc trước kia chỉ là bung sung nay nhờ cuộc khủng hoảng Trung Đông đã như có được một vị thế để dàn xếp trật tự trên thế giới.

Những giai đoạn đem tới những thay đổi lớn lao trong lịch sử bao giờ cũng là những giai đoạn có nhiều hỗn loạn. Những biến chuyển này nhất định sẽ ảnh hưởng tới đất nước và dân tộc của chúng ta. Nhưng chúng ta đừng mơ tưởng một sự trở lại của những cái đã mất, điều mà nhiều người hình như còn bị cám dỗ.

Sự đổi mới cũng sẽ đem tới hy vọng. Nhưng một hệ thống độc tài như hệ thống cộng sản Việt Nam không dễ gì được thay đổi mà không mang theo nhiều xáo trộn. Những cơ cấu tổ chức đất nước sẽ lần lượt sụp đổ: chính trị đã đành, nhưng rồi tới kinh tế văn hóa xã hội. . .

Chúng ta đã nói nhiều về chính trị. Nay chúng ta hãy thử đặt một vài mấu suy nghĩ để tìm hướng đi về chính sách kinh tế văn hóa xã hội tương lai cho nước Việt Nam hậu cộng sản.

Một chính sách kinh tế thị trường tôn trọng con người và gia đình

Sự thất bại thê thảm và tai hại của nền kinh tế cộng sản tại Việt Nam đã quá rõ khi quốc tế xếp hạng Việt Nam vào một trong bốn nước nghèo đói nhất thế giới.

Sự thất bại này không phải chỉ dành riêng cho Việt Nam nhưng là một hiện tượng chung cho toàn thể mọi nền kinh tế trong khối cộng sản quốc tế.

Trước đây khoảng 10 năm người ta còn có thể nói trên thế giới có hai hệ thống kinh tế cạnh tranh nhau, một bên là kinh tế tự do tư bản, một bên là kinh tế tập trung cộng sản.

Kinh tế tự do tư bản đặt nền tảng trên quyền tư hữu, sự tự do kinh doanh và lợi nhuận. Kinh tế kiểu cộng sản xóa bỏ quyền tư hữu, không chấp nhận kinh tế kiểu thương mại, mà là một nền kinh tế tập trung vào nhà nước, được tổ chức dựa theo những kế hoạch thẩm định về các nhu cầu của dân chúng, rồi giao cho các xí nghiệp quốc doanh sản xuất và các cơ quan chính quyền tái phân phối tới dân chúng.

Những ai đã từng đi học tập cải tạo chắc còn nhớ những bài giảng về "tư bản giẫy chết", nhưng trớ trêu thay ngày nay không biết các cán bộ giảng huấn đó nghĩ sao khi chứng kiến sự thất bại phá sản của các nền kinh tế kiểu cộng sản?

Kinh tế kiểu cộng sản là một cái máy cồng kềnh kẹt đủ thứ không chạy nổi theo các kế hoạch được dự trù.

Ngoại trừ những kẻ nắm giữ guồng máy đảng và nhà nước có đặc quyền đặc lợi còn đại đa số dân chúng bị thiếu thốn đủ mọi tiện nghi tối thiểu cần thiết cho cuộc sống, từ cái ăn cái ở cái mặc đến nước điện, giao thông vận tải, phương tiện truyền thông, y tế giáo dục.

Liên Xô là một nước sản xuất lúa mì nhưng ở Moskva dân chúng lại thiếu bánh mì. Việt Nam

là nước sản xuất gạo trong khi ở trong nước thường xuyên có nạn đói. Nhật lương trung bình của mỗi người dân ở Việt Nam hiện nay là 1900 calori trong khi mức cần thiết để có thể quân bình phát triển là 3000 calori.

Ngành nông nghiệp tập trung biến nông dân thành người thợ trong các nông trường tập thể thất bại đã đành, nhưng các chế độ cộng sản cũng không có khả năng để điều hành những nền kỹ nghệ tân tiến.

Tai nạn nổ lò nguyên tử ở Tchernobyl (Liên Xô), môi trường sống của hàng trăm ngàn người bị nhiễm độc trầm trọng bằng chất chì liên tục trên 30 năm ở khu kỹ nghệ Copsa Mica (Romania) là những thí dụ điển hình về cách làm việc tắc trách và coi khinh nhân mạng của các chế độ cộng sản.

Trung Cộng là nước dẫn đầu trong khối cộng sản theo đường lối cởi mở về kinh tế hướng về kinh tế thị trường. Đông Âu đa thay đổi cả về chính trị lẫn kinh tế. Quốc hội Liên Xô gần đây cũng đã chấp nhận nền kinh tế thị trường.

Cái lõi cứng trong thành phần lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam tuy ngoài miệng vẫn còn giữ thái độ kiêu binh, nhưng trong thực tế đã nhìn nhận sự thất bại của chính sách kinh tế kiểu cộng sản khi đã để áp dụng một cách nửa vời từ ba năm nay một vài cải tổ về kinh tế tài chánh, như thả lỏng giá cả, trao đổi hàng hóa với một số ngoại quốc như Trung Quốc, Tân Gia Ba, Nam Hàn, Đài Loan, Pháp, và Thái Lan...

Ngày nay thuyết kinh tế cộng sản đã sụp đổ, thuyết tư bản còn đứng vững, như vậy có phải thuyết tư bản đã thắng và có phải chính sách kinh tế cho nước Việt Nam hậu cộng sản là một chính sách kinh tế tư bản chủ nghĩa?

Kinh tế tư bản chủ nghĩa có nhiều hình thức và nhiều khuyết điểm. Chúng ta đừng quên chính những khuyết điểm này trong quá khứ đã làm phát sinh ra thuyết cộng sản.

Cho nên một chính sách kinh tế tương lai cho Việt Nam có thể là một nền kinh tế kiểu thị trường đặt nền tảng trên tự do kinh doanh và ở trong đó được thực thi quyền tư hữu, nhưng không phải là một tự do kinh doanh một quyền tư hữu vô luật lệ vô giới hạn và man rợ cho phép các lực lượng tài chánh có được một thế chính trị áp đảo trong xã hội.

Chính sách tương lai chỉ có thể chấp nhận một hệ thống kinh tế vừa tạo ra được sự giàu có về của cải vật chất, nhưng cũng biết tôn trọng những con người và những gia đình trong mọi tầm thước của con người: kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo. . .

Một trong những sai lầm của thuyết cộng sản dẫn tới thất bại là đã giảm thiểu con người vào duy nhất tầm thước kinh tế, rồi từ đó mới có các tầm thước khác.

Theo thuyết mác-xít sự thác loạn về kinh tế là nguồn gốc của mọi tai hại, chỉ cần xóa bỏ sự thác loạn này là con người có thể tự thực hiện lấy được.

Nhưng kinh nghiệm đã cho thấy con người không phải chỉ giảm thiểu vào tầm thước kinh tế, con người cần ăn cần ở cần mặc. . . nhưng con người cũng cần được công nhận là người. . .

Chính sách tương lai chỉ có thể chấp nhận một hệ thống kinh tế vừa tạo ra được sự giàu có về của cải vật chất, nhưng cũng biết tôn trọng những con người và những gia đình trong mọi tầm thước của con người: kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo. . .

NGUYỄN VĂN ÁI

Một chính sách văn hóa tự do hướng về tầm thước tinh thần của con người

Người Việt Nam chúng ta thường hay tự hào về truyền thống 4,000 năm văn hiến thấm nhuần tam giáo Nho Lão Phật.

Nhưng thật ra từ hơn một thế kỷ nay nhiều giá trị tinh thần của truyền thống dân tộc đã đi vào con đường suy thoái, hoặc còn ở giai đoạn ấu trĩ.

Vào thời Tự Đức chỉ có Nho giáo là hưng thịnh giữ địa vị độc tôn khinh khi và đàn áp các giá trị tinh thần khác.

Lời rủa thông dụng trong dân gian Việt Nam là "Tiên Sư Bố" có ý miệt thị Lão giáo Phật giáo và Công giáo.

Nho giáo không những độc tôn mà còn tự tôn nên dân tộc đã bị giữ trong một thế đóng kín không chấp nhận những luồng tư tưởng mới và đã đi chậm nhiều nền văn hóa và văn minh của

thời đại.

Tới thời Pháp thuộc, Nho giáo lần hồi tàn lụi chỉ để lại trong dân tộc một cái khuôn không còn nội dung. Danh từ "kẻ sĩ" được dùng nhầm với định nghĩa của hàng thế kỷ trước để chỉ những người mang danh "sĩ phu" về các ngành kỹ thuật chuyên nghiệp, nhưng cái học chuyên nghiệp thường không phải là cái học làm người.

Trong một bối cảnh văn hóa phức tạp như vậy người cộng sản Việt Nam đã đến với ý định xây dựng lại những con người mới, những con người xã hội chủ nghĩa bằng bạo lực hận thù và gian dối trong một chế độ độc đoán.

Người cấu tạo ra đảng cộng sản Việt Nam là một người có Nho học về sau đi theo thuyết cộng sản đã dùng cái khuôn Nho giáo còn tồn tại trong dân tộc để rót vào đó ý thức hệ cộng sản. Nên chúng ta thấy những danh từ Nho giáo được dùng nhưng với những ý nghĩa cộng sản.

Căn bản của lý thuyết duy vật cộng sản là vô thần, không phải vô thần theo kiểu như một phương pháp nghiên cứu của nhà khoa học để giải thích những hiện tượng chưa hiểu, nhưng là vô thần về ý thức hệ.

Do đó dưới chế độ cộng sản con người không những bị thiếu thốn về vật chất mà còn bị đói khát cả về tinh thần.

Chế độ cộng sản có tham vọng tổ chức và kiểm soát toàn thể xã hội, nắm chặt nhân dân bằng tuyên truyền ý thức hệ.

Ý thức hệ vô thần cộng sản lấy mất của con người sự tự do lựa chọn và suy nghĩ, giảm thiểu con người thành những cơ thể không còn có linh hồn và trái tim, chỉ cần biết và "nhất trí" nghe theo sự lãnh đạo của đảng.

Một ý thức hệ như vậy hiện nay vẫn còn khư khư được gìn giữ tại Việt Nam trong khi đã sụp đổ trong một số lớn những nước của thế giới cộng sản.

Sự việc nói trên đang đem lại không những cho hàng triệu đảng viên cộng sản Việt Nam mà còn cho cả dân tộc một khủng hoảng tinh thần trầm trọng, nếu không muốn nói là một khoảng trống về tinh thần, đang mở rộng cửa cho những băng hoại bi đát về luân lý và nhân tính.

Một chính sách văn hóa mới phải tháo gỡ những trói buộc con người về tinh thần, phải là một cuộc cách mạng tinh thần.

Những cái hay cái đẹp cái thật trong truyền thống dân tộc phải được làm sống lại trên con đường tìm về sự chân thật của Việt Nam tính trong nếp sống tinh thần cổ truyền đã bị lãng quên hay bị phá vỡ.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đây thì thật là chưa đủ, bởi vì thế giới hiện đại còn có những chiều hướng tiến bộ về nhân tính cần phải đón nhận để kiện toàn con người mới con người Việt Nam mới.

Chưa bao giờ người ta nói nhiều về nhân quyền như hiện nay. Chúng ta đang đứng trước khung cảnh một nền văn hóa mới, một nền văn hóa tự do đi tìm chỗ đứng cho tầm thước tinh thần của con người.

Trong chính sách văn hóa mới các tôn giáo sẽ đóng một vai trò rất quan trọng để đem lại cho con người sự tự do của lương tâm.

Chính sách mới phải đặt lại vấn đề tự do tín ngưỡng, phải coi tín ngưỡng như một hành vi cá biệt, hoàn toàn tự do đến mức độ không một quyền hành nào ngay cả gia đình cho đến nhà nước cũng không thể thay thế để can thiệp vào lương tri của một cá nhân.

Cho nước Việt Nam hậu cộng sản chúng ta cần có một chính sách văn hóa như vậy, một chính sách văn hóa tự do hướng về tầm thước tinh thần của con người.

Một chính sách xã hội nhân bản thực thi nhân quyền và công bằng xã hội

Như đã nói ở trên, một chính sách kinh tế tương lai cho Việt nam phải là một kinh tế kiểu thị trường, nhưng sẽ không phải là một tự do kinh doanh vô trật tự dẫn tới những bất công xã hội trong cảnh người bóc lột người.

Cộng sản được phát sinh chính là để phản ứng lại sự vô trật tự này của tư bản tự do dựa trên việc mỗi người phải tự lo cho mình không cần để ý đến người khác.

Sở dĩ trước đây nhiều người bị cám dỗ theo thuyết cộng sản chính vì lý thuyết này chú trọng đến sự việc con người có xã hội tính và đem đến một ý niệm về sự sáng tạo tập thể của con người trong lao động, một ý nghĩ về tình liên đới giữa con người với nhau giữa mọi con người không phải chỉ ở riêng trong một quốc gia hay một lục địa mà là trong toàn thể nhân loại và qua những thế hệ.

Thuyết cộng sản muốn kết hợp toàn thể những người nghèo những người lao động trên thế giới để chinh phục lại phẩm giá và tự do của họ bằng cách dành chính quyền khỏi tay tư bản.

Nhưng đây cũng là một điểm sai lầm khác trong thuyết cộng sản khi cho rằng xã hội loài người được xây dựng cốt yếu là qua sự đấu tranh giai cấp giữa người lao động và kẻ nắm giữ tư bản.

Bởi vì thật ra trong đời sống xã hội còn có những đối chọi khác cũng đóng vai trò quan trọng, như giữa kẻ cầm quyền và người bị trị, giữa hương thôn và thành thị, giữa nước mở mang và nước kém mở mang, không kể những đấu tranh về chủng tộc, về tôn giáo. . .

Ngoài ra đấu tranh không phải là động lực duy nhất của một xã hội. Biện chứng pháp thâm sâu nhất của nhân loại là một liên quan trước nhất thuộc trật tự của tình yêu, của tình người.

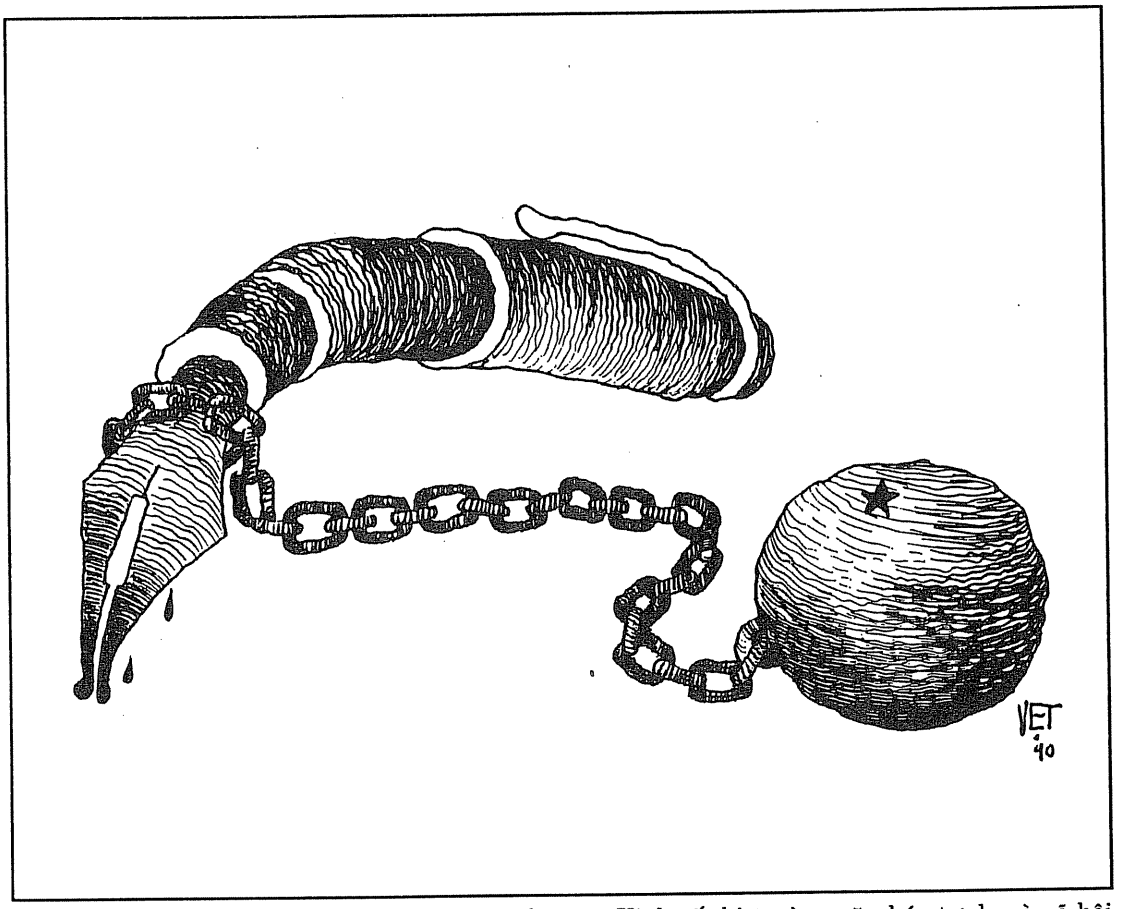

Cho nên một chính sách xã hội tương lai phải là một chính sách xã hội nhân bản ở trong đó được thực thi nhân quyền và công bằng xã hội.

Tư bản chủ nghĩa tự nó không thể nào đi tới được một phân chia sự giàu có về của cải vật chất một cách công bằng giữa những con người ở trong một nước hay giữa các quốc gia với nhau.

Phải có một ý chí chính trị đem tới những chính sách xã hội để xếp đặt lại phân chia lại những của cải giàu có, như quyền được có công ăn việc làm, những định ước công cộng, quy chế lương bổng hưu bổng, quy chế về an ninh xã hội, luật về thuế khóa, những dịch vụ công cộng, những luật về đầu tư. . .

Tất cả những quy ước những luật những định chế này phải là kết quả của những thương lượng xã hội nhưng cũng là kết quả của những chương trình xã hội của chính quyền.

Xã hội nhân bản sẽ chú trọng vào con người như một nhân phẩm vừa tự do vừa liên đới sống trong một cộng đồng một môi trường xã hội sẽ giúp đỡ mỗi người và mọi người được phát triển.

Xã hội nhân bản phải tôn trọng nhân phẩm của con người được coi như một tuyệt đối và được tôn trọng trong mọi tầm thước của con người: gia đình, văn hóa, xã hội, quốc gia và quốc tế.

Người ta phải tìm thấy trong xã hội nhân bản những quyền của con người tương xứng với giá trị tối cao của con người của phẩm giá con người.

Kinh tế thị trường văn hóa tự do và xã hội nhân bản có thể là những chính sách tương lai cho nước Việt Nam hậu cộng sản theo chiều hướng tiến bộ của thế giới hiện đại.

Nhưng những chính sách này chỉ có thể được thực hiện có hiệu quả trong một khuôn cảnh chính trị nhất định, bởi vì kinh tế văn hóa xã hội có những liên quan mật thiết với chính trị.

Những chính sách kinh tế văn hóa xã hội nói trên phải đi liền với một chế độ chính trị kiểu dân chủ đa nguyên vì tất cả đều đòi hỏi phải có tự do lựa chọn và tự do luân chuyển.

Kinh tế thị trường văn hóa tự do xã hội nhân bản và dân chủ đa nguyên chỉ là những khía cạnh của cùng một sự thật là nhu cầu về tự do của con người.

Sự tự do về kinh tế sẽ mang theo sự tự do về văn hóa xã hội và sẽ dẫn tới tự do về chính trị.

Nếu nghĩ rằng chỉ cần hé mở về kinh tế sẽ có thể khép kín mãi mãi về chính trị thì thật là một không tưởng.

Khi chất men tự do đã thức tỉnh cả một dân tộc thì không có một chế độ chính trị nào có thể ngăn chận được lâu bền. Chất men của tự do cá nhân và tập thể sớm hay muộn sẽ làm dậy bột và làm vỡ những bức tường của sự đàn áp chính t[illegible]

Nhờ đâu Boris Yeltsin leo cao?

Bài của MIKHAIL ZARAEV
(World Monitor)
Bản lược dịch của LÊ SƠN

Boris N. Yeltsin

Truyền thống treo ảnh lãnh tụ từ lâu đã là tiêu biểu của chính quyền Liên Xô. Không phải chỉ trong những thập niên 1930 và 1940, trong thời kỳ Stalin lên đến đỉnh của danh vọng, mà cả sau đó nữa: Ảnh của các lãnh tụ, trước tiên là Khrushchev, sau đó là Brezhnev, Andropov, Gorbachev, và dĩ nhiên luôn luôn có cả Lenin. Lenin là hình ảnh thường xuyên gắn ở trên tường của các cơ quan nhà nước.

Vào cuối năm 1987, có hình ảnh của một người khác có thể tìm thấy ở trên bàn giấy và cặp sách của mọi người dân thường.

Đó là hình ảnh một người đàn ông hơi nặng nề, với lọn tóc xam xám và khuôn mặt quả cảm, và nó mang đầy những nét đặc trưng của người Nga — một sự hòa đồng giữa giòng máu của người Slavic và người Finno-Ugric, gò má cao, mắt nhỏ và sắc. Đó quả là một khuôn mặt lý tưởng của một lãnh tụ Liên Xô: nét thô kệch, vẻ rất bình dân, (mặt của một người đàn ông bình thường), quyết đoán, thiếu tính cách nguỵ biện, hoàn toàn thiếu đặc chất của một người không thuần chủng Nga (hoặc, phai mờ trong trí tưởng, những người Do Thái).

Nhiều người nhận thấy tất cả các đặc trưng trên nơi khuôn mặt của Yuri Andropov. Họ còn thấy nhiều hơn nữa trên khuôn mặt của người đàn ông trong ảnh này. "Ông ta là một người tiêu biểu cho chúng tôi — ông ta là một người hấp dẫn quần chúng."

Dĩ nhiên, người đó là Boris Yeltsin. Sự nổi danh của ông ngày nay đền đáp lại tấm thịnh tình của những người đã tôn thờ hình ảnh ông, trong suốt chặng đường đầy thăng trầm, trước khi được bầu làm lãnh tụ của xứ cộng hòa chính yếu của Liên Xô: đó là nước Cộng hòa Nga. Trong vòng một năm, Yeltsin đã lăn lóc từ đỉnh cao chính trị xuống vực sâu, và rồi lại ngóc đầu lên cai trị hơn 50% dân chúng Liên Xô và hơn 75% lãnh thổ Liên Xô.

Thoạt nhìn tiểu sử, Yeltsin dường như là mẫu người tiêu biểu cho đa số viên chức thuộc Đảng Cộng sản Nga. Năm nay gần 60, Yeltsin chào đời trong một ngôi làng ở vùng Urals và tốt nghiệp trường Bách khoa Sverdlovsk. Mãi đến tuổi 40, ông ta mới ngoi lên dần dần, theo lối mòn nghề nghiệp, là một kỹ sư quản trị hành chánh cấp tỉnh: tổ trưởng, trưởng khu tạo tác, kỹ sư trưởng, giám đốc nhà máy xây dựng nhà cửa. Và đột nhiên, ông ta được bầu làm Bí thư Đảng ủy huyện Sverdlov, chịu trách nhiệm về kiến trúc. Nói cách khác, ông ta là Bí thư Đảng ủy chuyên về xây dựng ở một tiểu khu hành chánh gọi là Huyện.

Nikolai Ryzhkov (Thủ tướng Liên Xô) và Leo Zaikov (Ủy viên Bộ Chính trị Đặc trách Quốc phòng) — người lên nắm quyền hành cũng bằng con đường ấy — ám chỉ một cách gián tiếp trong các bài diễn văn của họ rằng họ là cựu "giám đốc nhà máy". Vấn đề thật đơn giản: Chúng tôi biết đời sống thực sự là gì, chúng tôi hiểu nhu cầu của công nhân.

Ngược lại, những người như Gorbachev, Ligachev và Shevardnadze đi con đường khác để lên nắm quyền hành. Tất cả họ đều phấn đấu ngoi lên từ Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) và rồi tiến lên trong Đảng. Gorbachev (người, tình cờ, cũng sinh cùng một năm với Yeltsin) vào lúc 39 tuổi đã trở thành Bí thư Thứ nhất của một vùng rộng lớn phía Nam (huyện Stavropol).

Mọi việc không diễn tiến nhanh như vậy, đối với Yeltsin. Khi ông ta kiếm được một chức vụ trong đảng, ông ta gần như vượt quá số tuổi quy định cho chức vụ này — 40 tuổi. Đó là điều bất thường cho bất cứ ai nhiều tuổi hơn số tuổi quy định để được đề bạt. Dù sao đi nữa, vào khoảng

giữa thời đại Brezhnev (1964-82) ông ta là lãnh tụ Đảng của một vùng rộng mông mênh ở Urals, nơi ông ra chào đời và sống gần cả đời ông.

Chức vụ Bí thư Thứ nhất Đảng ủy huyện Sverdlousk được coi là một trong những chức vụ then chốt trong nước. Vùng núi non phía bắc này lâu nay được xem là trung tâm sản xuất sắt và thép của Nga — dĩ nhiên, kỹ thuật luyện kim lùi lại đầu thế kỷ 18, thời kỳ của Peter Đại Đế.

Quyền hành của Yeltsin ở đó là tiêu biểu cho thời đại Brezhnev và không thể nào phân biệt được với thời đại khác: Những thị trấn đói kém và những làng mạc xác xơ, suy thoái và mị dân, đặc quyền của Đảng viên, và tiên liệu những nhu cầu của quần chúng.

Các nhà báo còn nhớ rằng vào thời kỳ ấy, Yeltsin không dung túng báo chí như bây giờ. Ông ta từ chối tiếp phóng viên của các tờ báo trung ương. Danh từ "cởi mở" xâm nhập vào con đường chính trị của ông ta sau này.

Sự biến thoái này của các chính trị gia là điều tất nhiên khi nhà nước bất ngờ theo một đường lối rất mới, thực hiện một loại cách mạng không đổ máu. Sự suy sụp lan tràn ở Nước Cộng hòa Georgia là một ví dụ. Nước Cộng hòa này trong nhiều năm do Shevardnadze, nay là Bộ trưởng Ngoại giao, cai trị.

Dĩ nhiên, huyện Stavropol, nơi Gorbachev cầm quyền trong thời kỳ Brezhnev, khó là một nơi dung thân an toàn, trước một làn sóng bè phái âm mưu, ngược đãi, và ca tụng lãnh tụ ở Mạc Tư Khoa.

Gorbachev lên nắm quyền hành sau khi lãnh tụ Nga Sô Chernenko chết vào tháng Ba 1985. Tháng Tư — tháng đầu tiên cầm quyền của Gorbachev — Yeltsin được đảng đề bạt lên Mạc Tư Khoa.

Ta không nên quên thời điểm này: Điều này có nghĩa là Yeltsin *đã* được chọn lựa giữa hàng trăm lãnh đạo đảng địa phương. Điều hiển nhiên là, ngay cả trước khi Gorbachev nắm quyền, Yeltsin đã được các nhà lãnh đạo cao cấp chú ý.

Ông ta dọn đến ở trong một tòa nhà mới và đồ sộ trên một con đường yên tĩnh, không xa đường Gorky bao nhiêu. Phòng hành chánh của Ủy ban Trung ương Đảng chịu trách nhiệm về việc xây dựng dinh thự cho các cán bộ cao cấp — ngay giữa trung tâm Mạc Tư Khoa, trên một khu phố yên tĩnh. Dĩ nhiên những dinh thự này được xây bằng gạch thượng hảo hạng, không phải gạch tiền chế thông thường dễ hư hỏng vì thời gian. Những căn hộ tiền chế ấy, rất được Ủy ban Xây dựng Nhà nước, mà sau này Yeltsin lãnh đạo, ca ngợi — là những căn nhà tập thể.

Mánh lới của các cán bộ cao cấp là chỉ ở vài phòng. Nên các tay thư lại của Đảng có quyền khoác lác trước quần chúng rằng: Tôi sống trong một căn nhà có ba phòng. Nhưng những căn nhà ba phòng này có những phòng lớn rộng rãi khó tin và vô số khu vực linh tinh, có thể tăng gấp hai hoặc ba lần cái gọi là "diện tích sử dụng được", dùng để tính toán kích thước chính thức của một căn nhà.

Ái nữ của Yeltsin chiếm một căn nhà riêng. Nhưng vì lý do nào đó cô ta không hài lòng về căn nhà này. Dĩ nhiên, cô ta lại một lần nữa dọn đi. Ở Liên Xô, đặc biệt là ở Mạc Tư Khoa, những việc tái cấp nhà cửa như vậy hầu như không thể tưởng tượng được. (Sau này, trong lúc vận động tranh cử, Yeltsin đã phải giải thích nhiều lần lý do tại sao con gái ông — mặc dù nhà ở Mạc Tư Khoa rất khan hiếm — phải thay đổi nhà ở.)

Xe Limousine

Yeltsin rất được lòng các nhà lãnh đạo mới. Ông ta đi chiếc xe limousine khổng lồ dọc theo đường Gorky đến văn phòng của Ủy ban Trung ương Đảng, nơi đó ông ta là Trưởng ban Xây dựng. Tháng Bảy 1985 ông ta trở thành Bí thư Đặc trách Xây dựng của Ủy ban Trung ương Đảng. Chẳng bao lâu sau, ông ta lại được đề bạt lên một chức vụ quan trọng hơn và độc lập hơn.

Kể từ thời đại Stalin, Bí thư Đảng ủy Thành phố Mạc Tư Khoa thường là một người thân cận với lãnh tụ, được tin dùng và có chân trong Bộ Chính trị và là một trong số những viên chức cao cấp nhất của đế quốc Nga. Theo tiền lệ ấy, theo sau sự thay đổi lãnh đạo, là việc đề cử một Bí thư mới của Mạc Tư Khoa. Gorbachev không bỏ phí thì giờ, ngay từ lúc có phong trào chống tham ô do Andropov khởi xướng, phát động một phong trào chống chợ đen ở Mạc Tư Khoa, nhắm vào Chủ tịch Ủy ban Nhân dân (Promyslov) và Grishin, Bí thư Thứ nhất Tỉnh ủy.

Tháng Mười Hai 1985, Greshin bị mất chức, về hưu, và cùng ngày hôm ấy Ủy ban Nhân dân Mạc Tư Khoa (gồm các nhà lãnh đạo của các cơ quan chính phủ và đảng ở Mạc Tư Khoa) hướng mắt nhìn về nhà lãnh đạo mới của họ, Yeltsin. Sự tương phản với người tiền nhiệm hiện ra rất rõ. Thay vì là một người nói giọng mũi, chậm rãi, đanh thép trong các bài diễn văn đầy tự phụ và đa mưu; thì đây, bước vào phòng là một người nặng nề, nghiêm trang giản dị và quyết đoán, đầy năng lực và sẵn sàng hành động.

Người vi phạm nghi thức đảng

Yeltsin đến tham dự một buổi họp của Ủy ban Nhân dân Thủ đô Mạc Tư Khoa và tự ý ngồi cùng với các ủy viên, thường ở trong phòng, không ngồi trên bàn chủ tọa ở phía trước như thường lệ. Điều vi phạm hiển nhiên này về nghi thức là cú "đấm" đầu tiên ông ta thách đố trước Đảng.

Ông ta cũng đi bộ trên đường phố mà không cần an ninh chìm đi bảo vệ; ông lên xe điện đi tới các nhà máy, ông đến thăm các khu nhà tập thể

năm tầng tồi tàn, dựng lên từ thời đại Khruschev; ông đi bộ hàng giờ giữa một đám đông đầy kích động để thanh sát những khu nhà hầm tanh tưởi, sân nhà dơ bẩn, những chung cư ngập nước sau một cơn mưa, và sau đó tuyên bố những dự án phá hủy những tòa nhà này.

Không có cách gì bảo rằng Yeltsin, người trong ngành xây dựng, không biết chi về chi phí xây dựng khổng lồ nếu những dự án của ông ta được thi hành thực sự. Nhưng ông làm một cử chỉ đẹp. Và những chuyến thăm viếng như vậy tạo ra những huyền thoại trong nhân dân, chẳng hạn như việc ông vi phạm nguyên tắc Đảng. Điều này không có tính cách phô trương và mị dân. Và chắc là ông hành động theo phong cách của ông.

Yeltsin cũng bất ngờ đến dự một buổi họp tuyên huấn toàn chỉnh. Ông đọc diễn văn ứng khẩu và sinh động — tránh giọng điệu buồn ngủ của một bài diễn văn soạn trước kiểu Nga. Lối nói chuyện của ông đi ngược lại tất cả những gì đã thành nề nếp trong việc nói chuyện trước công chúng của Nga. Ông không chỉ dẫn chứng Stalin mà dẫn chứng cả Herachitus: "Người ta không thể tắm hai lần cùng một giòng sông." Ông buồn rầu nói: "Chúng ta không còn trẻ nữa." Ông trở nên châm biếm. Ông trả lời những câu hỏi riêng tư: đồng chí đi giầy gì? Đồng chí có đổi nhà ở không? Đồng chí đọc gì?

Mặc dầu đôi khi Yeltsin phải vượt qua nhiều trạng huống tâm lý khi bị Đảng chất vấn. Ông ta thở dài khi bị chất vấn: "Có phải đồng chí đã chỉ trích đồng chí Ligachev trước đại hội Ủy ban Trung ương Đảng không?"

"Ô, câu hỏi của đồng chí!"

Cả cử tọa biết rất rõ rằng đó là tội tử hình nếu vi phạm các điều bí mật của nội bộ Đảng. Thế mà Yeltsin đáp: "Phải, đúng vậy."

Đó là điểm chân thật nhất của ông ta trước cử tọa. Sau đó mọi chuyện đều bình thường hơn. Ông ta cười thoải mái và nói chuyện vui. Ông là một trong những nhân vật hiện nay, làm ta nhớ đến Willie Stark trong một tiểu thuyết của Robert Penn Warren ("Các quần thần của vua" *All the King's Men*), rất phổ thông ở Nga. Dĩ nhiên, mẫu người đầu tiên của Stark là chính khách bình dân Huey Long.

Những chuyện như vậy không những được nhắc lại vì lối sống của Yeltsin, mà bởi vì đời sống chính trị của ông ta nữa. Ông ta là hiện thân của một sự thoái lui tới hơn một trăm năm khi giới có học Nga bị phong trào *narodnichestvo* quét sạch. Đây là một thuật ngữ dịch sang tiếng Anh là "chủ nghĩa bình dân". Nghĩa chính là nước Nga có thể tiến lên Chủ nghĩa Xã hội không qua giai đoạn Tư bản Chủ nghĩa, và điều này có thể đạt được nhờ nông dân và công nhân (gọi là *obshchina* và *artiel*).

Tiếp xúc với quần chúng

Bây giờ nhiều quan sát viên thấy có một nỗ lực quay về con đường tự nhiên và hơn tất cả là sự phát triển của tư bản chủ nghĩa đã bị gián đoạn. Phong trào hợp tác, sự bùng nổ tư hữu, những mơ ước làm chủ đất đai và máy móc — tất cả các dữ kiện này đang phát triển dù rằng có những hạn chế do nhà cầm quyền đề ra. Cùng lúc ấy, nếu người ta so sánh thời đại ngày nay ở Liên bang Sô Viết với kinh nghiệm của các quốc gia khác, người ta nhận thấy rằng sự gián đoạn, trì trệ và kém phát triển này là do phong trào bình dân, không những chỉ trông cậy vào giới nông dân mà còn trông cậy vào các thành tố đô thị của xã hội.

Những nỗ lực của các lãnh tụ nhằm thiết lập được mối tương quan trực tiếp với quần chúng. Họ toan tính tránh né các tổ chức chính trị trung gian cùng những phê phán của các tổ chức này, sự đơn sơ và những khẩu hiệu xã hội giản đơn, sự ưu tiên dành cho ước vọng của giới bình dân — tất cả các điều này thì quá quen thuộc đối với sinh viên của phong trào bình dân ở Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ, và sau này bùng lên vào các thập niên 1930 và 60. Những sự tiếp xúc bình dân, theo nghĩa nguyên thủy, dần dần trở thành phương pháp của Yeltsin.

Trong vô số những vấn đề xã hội khó khăn ở Mạc Tư Khoa, Yeltsin trước tiên nhắm vào sự khan hiếm trái cây và rau tươi. Ông tổ chức lại cơ cấu hành chánh thương mại, cách chức đủ loại viên chức, đưa những kẻ đồi bại, tham ô nhất ra tòa án, và đích thân ông thanh tra các cửa hàng và nhà kho. Thoạt tiên, những việc làm này có một vài kết quả tốt (phải thừa nhận rằng hơi khiêm nhường). Trái cây và rau dồi dào hơn, giá cả hạ hơn.

Hơn nữa Yeltsin loan báo rằng ông ta sẽ hủy bỏ việc giao cho công dân làm việc cực nhọc trong những kho rau — một loại tạp dịch của thế kỷ 20, một lối lao động không lương. "Hệ thống này" cưỡng bách dân Mạc Tư Khoa lao động nhiều ngày giữa đống khoai tây và bắp cải thối trong những kho hầm lạnh buốt và ẩm ướt.

Cùng với những khó khăn khác của thành phố, Yeltsin hiểu ngay rằng khó mà đạt được kết quả nhanh chóng. Vì thế người ta cần phải hứa hẹn. Và Yeltsin hứa hẹn — về y tế, về nhà ở (mỗi gia đình ở Mạc Tư Khoa sẽ được cấp một căn nhà riêng vào năm 2000), về kế hoạch hóa đô thị.

Yeltsin cũng tiếp kiến các đại diện của tổ chức quá nhiệt thành yêu nước Pamyat: tổ chức này tự cho mình là người bảo vệ truyền thống quốc gia, chống lại sự xâm nhập của "ngoại nhân" (chữ này để chỉ những người không có giòng máu Nga, đặc biệt là người Do Thái). Và Yeltsin lắng nghe những đề nghị của họ.

Chiến tranh khẩu hiệu

Nghĩ rằng Yeltsin có thể thiết lập được một trật tự mới về công lý xã hội là điều thiếu thực tế. Nhưng ông ta hoàn toàn thực tế khi nhận diện được một số tội nhân rõ rệt đã gây ra tệ trạng xã hội, và tiếp tục đánh họ.

Những cáo trạng chính hướng về Yeltsin trong nhiều đại hội đảng và thảo luận lúc tranh cử liên quan đến việc ngược đãi công nhân đảng viên, tính hung bạo và chuyên chế của ông ta. (Những lời buộc tội này thậm tệ hơn vào giữa cuộc vận động bầu cử Đại biểu Quốc hội bắt đầu vào cuối năm 1988 — và biến thành khẩu hiệu mà kẻ thù treo trên tường nhà trong thời kỳ có "chiến tranh khẩu hiệu" lúc tuyển cử: "Nếu đồng chí nhớ Stalin, hãy bầu cho Yeltsin.")

Trong gần hai năm lãnh đạo Mạc Tư Khoa, ông ta tự ý thuyên chuyển 40% các viên chức lãnh đạo. Ông cũng đề bạt những người mới để điều hành các đơn vị công an và KGB của thành phố.

Trong thời kỳ trước, những viên chức cũng đã bị thay thế (hoặc thanh trừng) vì không làm vừa lòng thượng cấp. Nhưng chỉ một số ít các viên chức ấy biết nguyên nhân chính mà thôi. Mọi việc diễn ra âm thầm, nghiêm trang và kín đáo.

Yeltsin hành động khác. Khi ông ta thanh trừng người bí thư thứ nhất của một quận trong thành phố, điều quan trọng nhất là loại bỏ hẳn "bằng cách nào": công khai, với một lời khiển trách nghiêm khắc của đảng, với một thông báo thường lệ trên báo chí và một lời giải thích lý do — đại khái là: "Đó là người chịu trách nhiệm về những hàng dài chờ đợi trước cửa hàng rau quả!" Người ta đồn rằng đồng chí bí thư quận quá rối trí nên tự tử.

Nhưng ông ta không bằng lòng sỉ nhục hạ cấp của mình. Chiến dịch của ông ta chống lại những ân huệ không những chỉ ở Mạc Tư Khoa, mà còn ở toàn bộ Trung ương Đảng. Đó là mánh lới bình dân cổ điển: lôi cuốn những phần tử bất mãn về bất công giữa nhân dân.

Tất cả những điều này đem đến cho Yeltsin một đức tính luân lý tuyệt diệu nào đó (sau này ông đem nó ra ứng dụng), nhưng nó cũng khơi lên sự giận giữ trong Đảng. Thượng cấp của ông, Yegor Ligachev, cáo buộc Yeltsin là vi phạm nguyên tắc của Đảng.

Nhưng Yeltsin đâu có chịu lùi bước. Ông ta sẽ mất danh tiếng là lãnh tụ cánh tả của Đảng, lãnh tụ của quần chúng. Và không có những điều này, ông ta chỉ là một đồng chí cao cấp của Đảng mà thôi.

Và Yeltsin hiểu rằng nếu không duy trì được chức vụ Bí thư Thứ nhất Thành ủy Mạc Tư Khoa thì kể như sự nghiệp chính trị của ông ta tiêu tan — Sự suy sụp về chính trị xã hội của ông ta là điều không thể tránh được. Hoàn toàn đơn giản, ông ta không thể đem đến cơm ăn áo mặc cho chín triệu dân sống ở Mạc Tư Khoa.

Yeltsin đã phê bình những đặc quyền đặc lợi của các cán bộ lãnh đạo — khẩu phần đặc biệt, nhà nghỉ dưỡng bệnh, bệnh viện, của họ. Nhưng những người sử dụng những đặc quyền này là một phần các đồng chí trong Ủy ban Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng, và các cơ quan trung ương khác. Ông ta không có quyền bãi bỏ những đặc quyền này.

Từ đây, khi đến lúc phải trả công cho người khởi xướng, lãnh tụ Mạc Tư Khoa chẳng đáng giá xu nào. Ông ta cũng chỉ là một "thư lại" khác, chuyên môn hứa những điều không thực tế khi làm việc. Việc duy nhất có thể cứu vãn uy tín của ông ta là một lãnh tụ bình dân, là một điều hoàn toàn khác thường ở Liên bang Sô Viết — từ chức một chức vụ đảng quan trọng — dù rằng có nghĩa là rời khỏi sân khấu chính trị trung ương. Sau đó, ít nhất, ông cũng để lại trong nhân dân một tình cảm đẹp, như là một người muốn làm việc tốt nhưng bị các đồng chí thượng cấp ngăn cản.

Cũng có người nói về việc từ chức của ông ta như sau: phe cải cách của Đảng, trong lúc tranh đấu với phe bảo thủ nắm đa số, cần một khuôn mặt có thể củng cố niềm tin của toàn thể nhân dân đủ mọi giai cấp. Điều cần là một sự hòa hợp giữa thư lại và bình dân. Người duy nhất có đủ các đặc tính khác nhau ấy là Yeltsin (người ta có thể bảo rằng đó là điều mâu thuẫn hỗ tương).

Nhưng có phải rằng một khuôn mặt như thế đã được tạo nên một cách cẩn thận, rằng toàn bộ quá trình từ chức đã được đạo diễn, rằng người kiến trúc sư tài ba kia không phải là Yeltsin, mà là Gorbachev? Biên bản buổi họp tháng Mười 1987 của Ủy ban Trung ương Đảng, khi tất cả những điều có thể xảy ra, đã xảy ra, cho người ta vài mấu chốt có thể tin rằng sự thật là như thế.

Ông ta nhảy hay bị đẩy lên?

Sau khi Gorbachev đọc báo cáo (chuẩn bị cho buổi lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười), Ligachev (chủ tọa buổi họp) hỏi có ai có ý kiến gì không. Mọi người yên lặng.

Gorbachev bất ngờ phát biểu: "Đồng chí Yeltsin có ý kiến."

Theo biên bản buổi họp, không rõ là Yeltsin giơ tay hay Gorbachev biết trước rằng ông ta muốn phát biểu. Ligachev hỏi cả hội trường rằng buổi họp có nên tiếp tục thảo luận không. Hội trường la to "không". Nhưng Gorbachev nằng nặc đòi:

"Đồng chí Yeltsin cầu loan báo điều gì đó."

Bây giờ điều ấy có nghĩa gì? Họ đẩy ông ta lên bục thuyết trình? Đây là một mánh lới? Yeltsin đã được phép phát biểu.

Khi bài diễn văn ấy, cuối cùng, được công bố 18 tháng sau vào tháng Ba 1989, nó trở thành đề tài tranh cãi cho hàng ngàn phân tích gia. Sau cùng đó là, lần đầu tiên kể từ khi chiến thắng của

Stalin, một trong các lãnh tụ hàng đầu khiêu chiến các đồng chí và chỉ trích chính sách của Đảng. Yeltsin cảnh cáo rằng vô số những vi phạm nghiêm trọng về dân chủ và nhân quyền đang xảy ra. Ông ta vung gươm chém vào quyền năng cuả đảng và đứng kia tự phê bình. Cuối cùng, cảm thấy rằng ông ta không có hậu thuẫn, ông ta xin từ chức Ủy viên Dự khuyết Bộ Chính trị, và sau này, chức vụ Bí thư Thứ nhất Thành ủy Mạc Tư Khoa để cho Ủy ban Nhân dân Thành quyết định.

Dĩ nhiên, luận cứ này bị bỏ quên và cho là lạc đề. Dù vậy, những người hiện diện hoàn toàn bị choáng váng vì bài diễn văn của ông ta.

Sự phản công xảy ra liền. Những người lên phát biểu không phí sức bôi nhọ hình ảnh Yeltsin.

Việc công bố những biên bản buổi họp vào lúc vận động tranh cử mùa xuân 1989 có mục đích hiển nhiên là hòa giải Yeltsin và mô tả ông ta như là một người từ mặt trận trở về. Nhưng thật ra, việc công bố biên bản có tác dụng ngược lại. Nó gợi lại một sự thương mến nhà lãnh đạo bị thất sủng. Giờ đây ông ta không còn là Bí thư Thành ủy, người không giữ lời hứa; nhưng là một người chỉ trích chế độ không biết sợ và hy sinh cả địa vị và chức vụ của mình.

Không do dự

Tên tuổi Yeltsin được mọi người nhắc đến. Ông được một số lớn cơ quan toàn quốc đề nghị ra tranh cử ở Sveralovsk, Perm, Chelyabinsk, Tyumen và Novosibrryk. Nhưng ông ta chọn Mạc Tư Khoa. Cùng với giám đốc (Yevgeny Brakov) Nhà máy Xe hơi Likhachev ông ta tranh cử trong toàn thành phố Mạc Tư Khoa, nghĩa là, việc bầu cử do toàn thành phố gồm chín triệu dân cư quyết định.

Chương trình của Yeltsin, cựu thị trưởng Mạc Tư Khoa, là một sự kế tục tự nhiên tất cả các phát biểu chính trị của ông trong các năm qua và mang đầy sắc thái bình dân. Không mơ hồ, không thụt lui. Trong tâm hồn quần chúng, một nhà lãnh đạo mới đã hòa đồng cùng xứ sở.

Nhưng Brakov, viên giám đốc nhà máy, có một đồng minh đầy quyền năng — lãnh tụ Đảng ở Mạc Tư Khoa rất ghét Yeltsin. Đừng ngạc nhiên rằng những câu hỏi đặt ra cho Brakov trong các buổi họp chuẩn bị tranh cử và tranh luận trên truyền hình thì ôn hòa, so với những câu hỏi đặt ra cho Yeltsin do những kẻ chống đối biết nhiều về ông ta.

Một chiến thắng vinh quang

Tại sao (và bằng cách nào) ái nữ của Yeltsin đã đổi được nhà trong khi ông ta là Bí thư Thành ủy Mạc Tư Khoa? Tại sao cháu gái ông ta lại được theo học huấn luyện đặc biệt về Anh ngữ ở một trường dành cho các cấp lãnh đạo? Liệu có người trong Bộ Chính trị làm cản trở chính sách cởi mở không? (perestroika?)

Không cần biết người ta đã làm những gì để hạ uy tín của người anh hùng nhân dân (và Thành ủy Mạc Tư Khoa cố gắng gây áp lực với các đảng viên qua Ủy ban Nhân dân — bằng cách thuyết phục và cảnh cáo sự nguy hiểm từ phía cực đoan); tất cả những việc này chỉ có ảnh hưởng ngược lại và góp phần làm cho Yeltsin nổi danh như cồn.

Thắng lợi của ông ta trong cuộc tuyển cử 26 tháng Ba 1989 thật là vẻ vang. Hầu hết 90% số phiếu ở Mạc Tư Khoa dồn cho ông ta. Không có một ứng cử viên nào khác lại đạt được thành tích như vậy.

Dường như là những hy vọng lạc quan của Yeltsin đã gần thành sự thật: ông đoàn kết được quanh ông hầu hết các phụ tá cấp tiến (chẳng những ở Mạc Tư Khoa, mà còn ở các địa phương trong toàn quốc); Yeltsin có thể xuất hiện trước Quốc hội với một nhóm có khả năng đánh bại khối đa số, nếu không bằng những con số chính xác, thì cũng bằng động năng của chức vụ ông ta, bằng cách công khai ủng hộ quần chúng nhân dân, và bằng cách gây sức ép với các nhà lãnh đạo cao cấp và thu hút trực tiếp nhân dân.

Nhưng không phải vậy mà thôi. Các tay gộc trong Đảng nắm quyền quyết định về việc hóa giải Yeltsin trước Quốc hội. Và, trái với những thông lệ của các năm trước, Đại hội Đảng chỉ ghi lại một đoạn ngắn. Người ta được biết là trong những bài diễn văn sau này của Yeltsin trước Quốc hội, ông hối thúc Đại hội Đảng chuyển giao tất cả quyền hành thực sự cho các Sô Viết, các cơ quan lập pháp của các nước Cộng hòa, và ông ta không bỏ phiếu bầu Gorbachev vào chức vụ Chủ tịch nước. (Coi như là một dấu hiệu phản đối một cuộc tuyển cử độc quyền). Nói vắn tắt, ông ta giữ vai trò đối lập thường lệ.

Một cách tự nhiên, Yeltsin đối diện với những yêu cầu rằng ông ta phải tuân theo kỷ luật của Đảng. Người ta có thể hình dung những gì xảy ra ở hậu trường! Cũng có thể là phe cải cách của Đảng, dùng ông ta để tranh đấu với phe bảo thủ, quyết định rằng đã đến lúc sử dụng một vũ khí mới.

Trong sự kiện này, Yeltsin xuất hiện lờ mờ và cô đơn trước Quốc hội. Ông ta bằng lòng nhận chức vụ Chủ tịch Ủy ban Xây dựng của Quốc hội, có nghĩa là ông ta đầu hàng trước áp lực muốn hạ ông ta xuống làm một đại biểu Quốc hội. Chức vụ lãnh tụ quốc gia đã mất.

Xuống chó, lên voi

Sự xuống dốc này xảy ra không chỉ bởi vì những nỗ lực của các cán bộ cao cấp và những cá tính dị thường của Yeltsin — dù rằng phẩm hạnh cá nhân đóng một vai trò tuyệt diệu, đặc biệt là sự thiếu quả quyết của ông ta. Có điều phải thấy

ở đây là: khi tiếp xúc với quần chúng, vị anh hùng này cần một cơ quan tham mưu — một bộ tổng tham mưu, một tổ chức xã hội, một đảng để thi hành những nhiệm vụ lý tưởng của tổ chức. Đó là cái thiếu sót của Yeltsin; không một tổ chức xã hội nào được thành lập trong những năm gần đây làm nhiệm vụ này. Hậu quả đem đến là sự cô lập của ông ta, sự tan rã hiển hiện, sự phai mờ trên sân khấu chính trị của ông.

Vì thế, một lần nữa ông bị mất tín nhiệm.

Thế rồi, vào tháng Chín 1989 ông sang thăm Hoa Kỳ. Không được tín nhiệm đe dọa biến thành thất sủng. Nhưng những kẻ thù của ông đã vung tay chơi bạo. Đài truyền hình Mạc Tư Khoa đã trình chiếu một cuộc hội thảo của Yeltsin tại Đại học Johns Hopkins, nơi cách cư xử của ông — bài diễn văn lộn xộn và cử chỉ thừa thãi — giống như một người say rượu. Sau này ông viết về ngày hôm ấy rằng, ông quá mệt vì nhiều ngày mất ngủ. Hơn nữa, ông bào chữa rằng đài truyền hình đã cho chiếu chậm lại là nhằm mục đích riêng.

Báo chí Nga, đặc biệt là tờ *Sự Thật* (Pravda), *tường thuật* cuộc thăm viếng một cách dè dặt, trích dẫn cẩn thận trong báo Tây phương. Lấy ra khỏi nội dung bài báo, những lời trích dẫn cho ta cảm tưởng là Yeltsin là người cố gắng chọc quê sự lãnh đạo ở Liên Xô, xuyên qua những lời tuyên bố của ông với báo chí. Hiển nhiên là, điều này chưa đủ (đối với các vị chủ biên).

Tờ *Sự Thật*, không bình luận gì, in lại một bài của tờ báo Ý Đại Lợi *La Repubblica* (Cộng Hòa) trong đó Yeltsin bị cáo buộc là say rượu trong cuộc hành trình và lạm dụng chi tiêu, vui chơi, mua máy video bằng tiền công đọc diễn văn (số tiền tặng này đúng ra được dùng vào việc chữa bệnh AIDS) và những tội bình thường khác. Nhưng chẳng bao lâu sau, phóng viên của báo *La Repubblica* rút lại những lời buộc tội trên, cho biết rằng nguồn tin ông trích dẫn từ một tờ báo ở California, mà phóng viên của tờ này có nhiệm vụ tường trình về Yeltsin, lại lấy tin từ một tùy viên Liên Xô ở Hoa Thịnh Đốn.

Vào thời điểm này, sự xung đột chính trị mà những người Nga Mạc Tư Khoa mong đợi từ lâu, bùng nổ?

Gorbachev tìm cách tránh né việc công bố những bài báo này để phá ngầm Yeltsin trong cơ quan trung ương Đảng do ông ta, Gorbachev, lãnh đạo. Báo chí đăng lời cải chính và xin lỗi. Nhưng trễ rồi. Sự giận dữ của quần chúng nổi lên như sóng cồn. Một cuộc biểu tình phản đối được tổ chức trước cửa văn phòng biên tập của tòa báo. Công chúng đốt báo *Sự Thật* ở đường phố.

Hàng ngàn bức điện tín đổ về tờ *Sự Thật* để ủng hộ Yeltsin, kèm theo nhiều thơ lăng nhục nhà báo và hủy bỏ đơn đặt mua báo. Người ta đồng loạt tẩy chay báo.

Công an ám sát bất ngờ

Người ta vẫn còn thắc mắc — vụ in lại bài báo của tờ Cộng hòa (*Repubblica*) là hậu quả của việc không thèm đếm xỉa đến trạng thái bình dân, hoặc không thể hoặc không muốn đếm xỉa đến trạng thái ấy, hay là một âm mưu chính trị có hoạch định? Và, nếu có dự mưu, thì ai chủ mưu? — Những kẻ thù hay những người ủng hộ nhà lãnh tụ bình dân? Trong tình huống ngày nay ở Liên Xô, sự tranh giành quyền lực bí mật hoặc công khai, phong trào quần chúng xuống đường, và mánh lới trong hậu trường; khó mà tìm được lời giải đáp thỏa đáng cho những nghi vấn này. Dù sao đi nữa, một điều rất rõ là: thay vì bị loại trừ và thất sủng, Yeltsin lại được một làn sóng nịnh hót bình dân mới đẩy lên cao.

Nhưng chẳng được lâu.

Chẳng bao lâu sau khi sự choáng váng của quần chúng về bài báo có tính cách phỉ báng của tờ *Sự Thật* (Pravda), tường thuật việc Yeltsin xuất hiện say rượu tuyên truyền hình, được quên lãng; thì ông ta lại lâm vào một tình thế mới — chuyện ám sát của công an chìm. Khi Yeltsin đang đi bộ trên một đường quê, có kẻ đã chụp một cái bao vào đầu ông ta và ném ông ta xuống một dòng sông gần đó. Ông ta làm gì trên con đường ấy lúc đầu? Tại sao ông ta từ chối sự điều tra về vụ này của Quốc hội Liên Xô? Chúng ta không biết, nhưng sau vụ ám sát hụt này, uy thế lãnh tụ chính trị của ông ta tụt xuống.

Uy tín của ông ta lên cao, xuống thấp, lên cao, xuống thấp trong một dao động điên cuồng độc nhất đối với một khuôn mặt chính trị Liên Xô. Trong năm 1987, ông ta vẫn lãnh đạo Mạc Tư Khoa. Trong vòng ba năm tới, ông ta đóng bao nhiêu vai trò? Kẻ chống đối Đảng Cộng sản. Bộ trưởng mất chức. Người hùng biện trước các cuộc tập họp của quần chúng. Lãnh tụ phe đối lập ở Quốc hội. Anh hùng bị ám sát hụt. Và cuối cùng, Chủ tịch Sô Viết Tối cao — dĩ nhiên đây là mục đích cuối cùng của ông ta.

Cuộc vận động tranh cử của Yeltsin được tín nhiệm mãnh liệt. Vào tháng Ba, 1990 trong tờ tuần san phổ thông, *Argumenty i Fakty* (phát hành 30 triệu số), ông kêu gọi hủy bỏ tất cả đặc quyền của các cán bộ cao cấp của Đảng và công kích chính phủ về cả hai mặt: việc hạn chế tăng lương cho nhân viên thường và việc tăng lương của các viên chức đảng viên. Cùng lúc ấy, trong một bài diễn văn đọc tại Sverdlock ông ta làm cho công chúng có cảm tưởng ông là một lãnh tụ tương lai của Nga Sô, bằng cách đề nghị việc cần phải chia Liên bang Sô Viết thành bảy vùng tự trị.

Thực ra ông có ý định phân quyền hành chánh của nước cộng hòa mông mênh này, tái phối trí quyền lực. Vào lúc này, Boris Yeltsin đã trở thành lãnh tụ của một khối gọi là "Dân chủ Nga"; khối này đoàn kết được hầu hết các Đại

CÁO PHÓ

Chúng tôi hoan hỉ báo tin sự cáo chung của Chủ nghĩa Cộng sản trong ngày 25 tháng Ba năm 1990 sau 42 năm trị vì. Thi hài của cái chế độ đáng ghét này đã được cho xuống đất nằm vĩnh viễn vào lúc nửa đêm cùng ngày.
Tang gia có diễm phúc: toàn dân Magyar.
Địa chỉ: Hun-ga-ry, Âu Châu, 1990.

With joyful heart we announce that Communism passed away on 25 March 1990 in its forty-second year. Our hated deceased had been put to eternel rest this same day at midnight.
The happy family: the Magyar people.
Address: Hungary, Europe, 1990.

* Cáo phó này dán trước cửa một căn nhà ở thành phố Debrecen, Đông Hun-ga-ry. Trích *Cuộc Cách Mạng Của Những Người Yêu Nước* (The Patriots' Revolution), Mark Frankland, nxb Siclair-Stevenson, Luân Đôn.

biểu tiến bộ của Quốc hội. Những người giỏi và xuất sắc nhất của khối này trở thành những cố vấn chính trị cho ông ta.

Gorbachev tỏ ra giận dữ

Vào tháng Năm 1990, khi Yeltsin được bầu làm Chủ tịch nước Cộng hòa Nga, các thư và điện văn chúc mừng tới tấp bay về. Mọi người chờ đợi phản ứng của Chủ tịch Gorbachev, đang thăm viếng Gia Nã Đại, và trên đường đi dự hội nghị thượng đỉnh lần thứ hai với Tổng thống Bush. Phản ứng của Gorbachev — một con người đầy kinh nghiệm và trầm tư như vậy — tỏ tệ một cách ngạc nhiên: ông nhắc nhở các nhà báo rằng Yeltsin đắc cử với một số phiếu khiêm nhường. Và sau đó, không thèm giấu diếm sự bực tức của ông đối với những bài diễn văn của Yeltsin.

Sự bực tức của Gorbachev có thể hiểu được. Trong cuốn sách tự thuật về tiểu sử của mình, quyển "Diệt sâu bọ", Yeltsin tiết lộ rằng, sau khi ông ta trở thành người đối lập công khai của Gorbachev, đồng chí Tổng bí thư đã công khai de đọa ngăn cản hoạt động chính trị tương lai của Yeltsin.

Nhưng để thực hiện điều này thì không nằm trong tầm tay của Gorbachev. Trong quyển sách trên của ông, Yeltsin viết về một "Thiên đường", trong đó nhà lãnh tụ ở, kể cả việc diễn tả tỉ mỉ "tòa dinh thự *dacha*" lộng lẫy của Gorbachev, và — trong một cử chỉ được uy tín nhất — chỉ trích Chủ tịch Gorbachev về việc duy trì nhiều đặc quyền làm phiền lòng công chúng.

Sau này, việc nổi loạn của các xứ cộng hòa vùng Baltic, sự tuyên bố độc lập của nước cộng hòa Nga, và việc Yelstin trực tiếp đối phó với các xứ cộng hòa đòi độc lập buộc Gorbachev phải lui về vị trí bình thường; tự thận trọng về chính trị. Ông ta tìm cơ hội bắt tay công khai với Yeltsin và chúc mừng ông ta đắc cử vào chức vụ Chủ tịch nước Cộng hòa chiếm hơn 50% dân số của Liên bang Sô Viết và hầu hết sức mạnh kỹ nghệ Cộng hòa.

Điều mà 150 triệu dân của nước Cộng hòa Nga mong đợi nơi ông Yeltsin là ông ta sẽ làm đầy các kệ của các cửa hàng thực phẩm. Và ông hứa thực hiện điều này trong vòng 500 ngày. Nhưng nền kinh tế của Liên Xô đã đến chỗ bế tắc sau gần 2000 ngày nỗ lực cải cách của Gorbachev. Yeltsin nhận của Gorbachev một gánh nặng khủng khiếp! K

Mikhail Zaraev là một nhà báo Nga nổi tiếng. Ông là tác giả của các bài bình luận trên những tạp chí có ảnh hưởng lớn ở Mạc Tư Khoa là tờ *Ogonyok* và *Oktyabr*. Tác phẩm mới nhất của ông là quyển "nông trang gia đình", bàn về những khó khăn của nền nông nghiệp Liên Xô.

Mù sương, sớm mai Huế

HOÀNG XUÂN SƠN

Trăng trên nóc chùa thiêng
triều sông thơm ngát
đêm xuống thuyền nghe sóng giao hoan
chợt lòng chay tịnh
nhớ một đuôi mắt tình
cười ở Chi Lăng cuối phố

Khăn quàng cổ của C
điểm hoa màu than tím sẫm
trông điệu đàng bắt mắt
chiếc tẩu gỗ ngời lên nước bóng
bạn thân yêu,
khum bàn tay che giùm ngọn lửa
đốm hồng đốt cháy thảo hương
thở tràn trề
thở mù sương, sớm mai Huế

Bằng hữu có thâm tình như lâu năm
quán chợ
những chiếc ghế cao cẳng đong đưa thời
trai
sợi thừng bò quanh miệng tách
cà phê đen ý nghĩ hồng
linh hồn ơi trói buộc
như sông và dịu dàng kỹ nữ
Như khúc phim thời sự nóng bỏng
Đ. trở về một chuyến đi thật xa
buốt tê từng ngách kỷ niệm
vũng nước đọng có nằm yên trong đêm
xuân
lửa bừng bừng?

trăng hóa diên một tần xạ ảnh
có T hung hăng nhảy xuống đường
em thơ vùi chôn đáy đầu cặn
người cụt đầu trên tháp canh
già như đại thụ
xin để yên
xin để cho Huế muôn đời trầm lặng
sao lòng rủ sạch chướng mê
rừng lau đã mọc kín bờ tường
đá ong khô lệ

Chiều Nh. rủ ngồi bờ sông bắn gió
rượu đổ tràn ra áo trận P
trên đầu cá những rong bèo phù du nở
muộn
mưa dâng về khắp mọi chốn
Y lội nước vuốt tóc cười hiền lành
S nói cuộc đời như đá lăn
ừ thì mai người đi mỗi ngã!

Như X và bài thơ nửa đời nửa đoạn
không tìm thấy bao giờ
bí mật của người điên ngoài phố
đêm hoàng thành sứ trắng lao lung
"sương hồng và tuyệt địa" (*)

HOÀNG XUÂN SƠN

tháng Chín 1990

(*) một nhan sách của Bửu Ý.

Canh Bạc

NGÔ NGUYÊN DŨNG

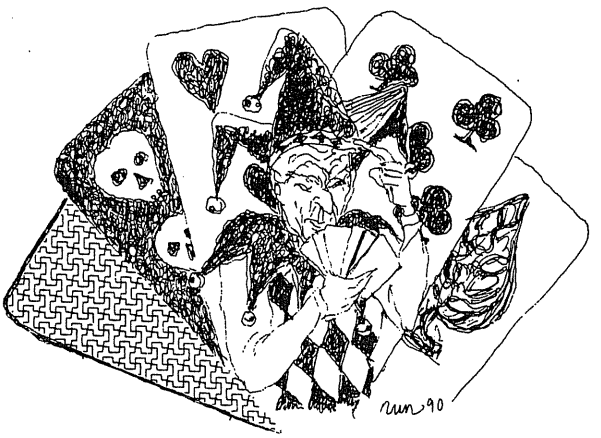

Canh bạc bắt đầu muộn, sau bữa cơm tối, khi tôi uống xong chung rượu thứ tư. Ngọn đèn độc nhất tỏa ánh sáng xuống mặt bàn vuông vức, trong căn chòi sau vườn. Đối diện với tôi là Hào. Hai bên là Tài và Lộc. Hào soát lại bộ bài cũ, lựa ra những con dô-cờ để nặn. Lộc lăng xăng châm rượu vào chung. Đêm tháng Bảy êm vắng lạ thường. Không một tiếng gió. Cành lá trơ sững mắt đêm như chờ xem một điều lạ lùng.

"Không chơi con bảy nhé!"

"Ừ, bỏ con bảy ra đi, để có dịp đụng lớn."

Lộc hăng hái tán thành đề nghị của Hào. Tôi im lặng nghĩ tới món tiền vừa lãnh chiều nay. Một ngàn bạc mặt. Đã nhiều năm qua, tôi làm việc nửa ngày trong một hãng in. Không một giao kèo, không một ràng buộc ký kết. Cũng đã lâu rồi tôi không sờ lại những con bài, tưởng chừng đã quên đi cảm giác hồi hộp khi nhích khẽ ngón tay cái chận kín lỗ thủng khoét giữa lá dô-cờ. Bỏ ra con bảy, trống chỉ có nghĩa là tám hay mười. Đen hoặc đỏ chỉ có thể là chín hay con ách. Màu mè sặc sỡ là bồi, đầm hoặc già. Đâu ngờ, ngón tay cái lại giữ một vai trò quan trọng như thế. Dính liền với phần tâm linh biết rung cảm. Nó khiến tôi liên tưởng tới mười ngón tài hoa của người họa sĩ hay của một điêu khắc gia. Và món tiền bảo hiểm được ghi hẳn hòi trên giấy. Bao nhiêu phần trăm bồi hoàn cho ngón cái, ngón trỏ hay ngón út khi gặp tai nạn . . . Canh bạc đêm nay không phải là một tai nạn, mà là một kết quả tình cờ. Bốn người bạn lâu ngày gặp lại, trò chuyện, ăn uống, chè chén xong xuôi, chợt một người đề nghị gầy sòng. Tất cả xách rượu, dẫn nhau ra vườn sau, chia vào ngồi trong căn chòi mùa hè, chỗ mà gia đình Hào thường ra ngồi hóng mát và dùng để chứa dụng cụ làm vườn.

Mặt bàn gỗ vuông dầy đến nửa tấc, được đánh vẹc-ni láng bóng. Bốn chiếc ghế có lưng dựa, cao vừa, thoải mái, thích hợp cho một canh bạc muộn.

"Có chơi suốt giữa không nhỉ?"

"Chơi chứ."

"Còn tố như thế nào? Láng hay giới hạn?"

"Láng đi, còn phải hỏi!"

Hào giải thích:

"Phải hỏi chứ, vì có người chơi chỉ để mua vui, không muốn ăn thua to, chỉ giao hẹn tố tối đa một số tiền nào đó."

"Vậy à? Mày nghĩ sao?"

Tài xoay ngang nhìn tôi. Tôi nhún vai:

"Tao sao cũng được."

"Láng nhé?"

"Ừ, láng."

Tài xoa tay cười, mời tôi điếu thuốc:

"Có thế mới vui."

Tôi nheo mắt nhìn bàn tay xào bài của Hào. Không rành rẽ, vụng về. Hào là một trong những người có hai bàn tay trái. Nhưng tôi biết đó không phải là điểm quyết định chuyện thắng thua trong một canh bạc. Đối với tôi, khi đã ngồi vào sòng bài là chỉ có vấn đề may rủi. Có điều trong một ván phé, người ta có thể chuyển rủi thành may bằng cách đấu trí. Tôi chấp nhận số mệnh nhưng vẫn thích thú ngầm với ý nghĩ có thể điều khiển được nó với món tiền trong tay.

Khuôn mặt nhiều góc cạnh của Hào sáng lên khi nhận

được lá ách cơ.

"Ấy, ấy, tình đến thế là cùng."

Hào đi từ miền Bắc. Giọng nói sắc, rít cao khi gay gắt. Tôi thích ngắm phong cách mỗi người khi ngồi vào sòng bài. Nhân tính cá biệt chỉ bộc phát khi trực diện với nguy cơ, trong một canh bạc và lúc giao hoan. Đôi lúc, cả đời sống tạp nhạp, rối rắm đầy màu sắc lại bị những lá bài cỏn con chi phối. Cá tính hiện ra trọn vẹn. Như mười ngón tay tháo cởi dần dà lớp quần áo bên ngoài trước khi ân ái.

Ván đầu Hào thắng. Thêm một ván nữa. Rồi tới lượt Tài và Lộc. Cho tới ván thứ mười, tôi vẫn chưa thu về keo nào. Toàn là thua khít. Đôi nhỏ hơn một bậc hay đôi bằng nhau, lại thua tài. Có một bàn tôi rút được suốt, tố láng số tiền còn lại. Tôi tưởng tượng ra khuôn mặt mình xanh nhợt trong luồng ánh sáng quyện đầy khói thuốc. Tôi có trên mặt con mười, lá đầm và lá già. Tẩy tôi là thằng bồi. Tôi nhủ thầm, trời ơi suốt hai đầu, lần này mình tóm cả lũ. Tài có đôi mặt, tố năm mươi đồng. Lộc bỏ cuộc. Hào theo. Tôi ngần ngừ nhìn ba lá bài của Hào phơi trên mặt bàn. Mười, chín và con đầm. Tôi đoán Hào có đôi đầm. Lưỡng lự vài giây, tôi ném tờ năm mươi vào đồng tiền đựng trong chiếc đĩa con, rồi lẳng lặng móc bóp, rút ra xấp tiền giấy đặt trên bàn. Ba cặp mắt nhìn tôi trân trối. Tài la lên:

"Chết rồi, đụng lớn."

Rồi rút điếu thuốc, xòe lửa. Lộc khề khà chắp tay sau gáy, dựa vào thành ghế. Rượu được rót thêm đầy chung. Bàn tay Hào run run nâng chung rượu lên. Tôi lẳng lặng gấp từ tờ năm chục, ném vào dĩa.

"Tố thêm năm chục."

Tài lắc đầu. Hào nhếch môi cười, cặp mắt nháy từng chập, nét mặt trịnh trọng hẳn lại. Tia mắt anh quét một đường lên những con bài úp mở trên mặt bàn. Trong một thoáng, vâng, chỉ trong một thoáng thôi mà thời gian trong trí nhớ tôi khựng lại, sững sờ. Một chuỗi quá khứ đầy biến động hiện ra lồng lộng rõ nét, từ đáy tâm hồn trồi lên mặt đại dương ký ức. Những hình ảnh dấy loạn, phá vỡ phiến gương kỷ niệm. Vài tháng trước một chín bảy lăm, ở Sàigòn. Tôi và hai người con gái. Tôi với gia đình và đất nước. Hai miền Bắc Nam, cộng sản và quốc gia. Chiến tranh đang nuốt trửng thành phố.

*
* *

Nữ hoàn toàn khác Nguyện, mỗi người cho tôi mỗi cảm xúc, như thể Nguyện là linh hồn còn Nữ là thể xác. Tôi yêu Nguyện bằng trái tim và tìm tới Nữ khi dục vọng trai tơ đòi hỏi. Nữ là người con gái đầu tiên cùng tôi trao đổi xác thịt. Tôi có tiền, nàng có da thịt ngồn ngộn. Nhưng mọi chuyện không đơn giản như vậy. Sau vài lần giao hoan, tôi bắt đầu nhận ra vài điều thú vị trong cách nói chuyện của Nữ qua những cử chỉ âu yếm mà tôi vẫn chủ quan nghĩ rằng, nàng làm thế chỉ để chiều chuộng tôi. Tôi yêu chiếc miệng nhoẻn cười và đôi mắt lạc thần của Nữ trong cơn khoái lạc. Nó là hiện thân của thiên thần và ác quỷ. Là những dâm vọng tội lỗi. Là phút giây bước qua cổng thiên đường trong hiện tại địa ngục.

Nữ có một nốt ruồi son trên ngực phải, chỗ mà tôi vẫn thường ghé môi lên. Trong lần giao tiếp đầu tiên với Nữ, nàng đã giúp tôi khỏi bối rối khi đánh mất cái trai tân bằng cách thỉnh thoảng dịu dàng hỏi tôi:

"Thấy sao anh?"

Tôi không đáp vì đang mù lòa rơi tuột vào cơn lốc cảm giác. Tôi bị kéo xốc khỏi đám mây mù thời cuộc. Chiến tranh không còn hiện hữu. Trong tôi bấy giờ chỉ còn có thịt da và da thịt. Cuộc đời phiền toái bỗng nhẹ tênh trôi nổi.

Tôi tìm tới Nữ, cũng như đôi khi có tiền trong túi, tôi lại tìm tới sòng bạc tại nhà Tấn. Căn phòng nhỏ trên lầu, phía sau, nhìn xuống con đường đất. Cửa sổ lá sách khép kín. Chỉ mở hé cánh cửa dẫn ra ban-công, cho ánh sáng tràn vào, lợn cợn đầy bụi và khói thuốc. Chụp đèn dựng rọi sáng mặt bàn trải khăn màu xanh đậm. Dĩa đựng tiền, dĩa kê chồng bài kéo. Những lá bài mở xếp lên nhau, dưới cùng là con tẩy nằm sấp. Canh bạc cuối ở Sàigòn, tôi thắng to, cả hai triệu bạc, gồm tiền mặt, ngân phiếu và vài tờ giấy nợ. Tôi rời canh bạc với tâm trạng của một vị nguyên thủ quốc gia giữ trong tay món tài sản kếch xù, nhờ cơ may mà chiếm được. Tôi dự định sẽ tặng một nửa cho bố mẹ, sẽ tặng Nguyện những món quà mà nàng muốn. Và số còn lại? Tôi do dự, chợt nhớ nốt ruồi trên ngực Nữ, tôi tìm tới nàng.

Chỗ làm việc của Nữ nằm trong xóm Chùa, miệt Tân Định. Căn nhà mái tôn, vách gỗ, có cửa sau nhìn ra ao rau muống. Bên kia là ngôi chùa nhỏ. Tới nơi, tôi phải ngồi chờ một lúc, vì Nữ bận. Khi người đàn ông vừa đi khỏi, Nữ bước ra đón tôi. Nàng giơ một tay che miệng, kêu khẽ:

"Trời ơi, anh làm sao vậy?"

Tôi ngơ ngác đặt ly nước ngọt lên bàn, đáp:

"Có làm sao đâu."

Nữ chạy lại, hai tay vuốt tóc, lướt trên mặt tôi:

"Khuôn mặt anh coi ghê quá."

Tôi giật mình, đứng dậy soi mặt vào tấm gương con treo trên vách. Tóc tôi rối bù. Cặp mắt lõm sâu, có quầng. Trên mép, dưới cằm, râu mọc tua tủa. Hai gò má dường như cao hơn mọi ngày. Lúc ấy tôi mới nhớ ra, trọn một ngày và một đêm qua, tôi đã vùi dập trong canh bạc tại nhà Tấn. Tâm trí dậm dật ân ái với những con bài, như một hành động thủ dâm tư tưởng. Hậu quả hằn rõ trên gương mặt tôi bây giờ. Thần sắc tiêu tán. Bù lại, tôi có một món tiền lớn nằm trong túi

quần.

Tôi quàng tay qua sống lưng Nữ, dìu nàng vào trong, kéo màn lại. Vừa ngả lưng xuống mặt nệm phảng phất hơi người và mùi tinh trùng, tôi bắt được tiếng muỗi đói kêu vo ve trong chiếc lưới mùng. Nữ xông xáo nói:

"Để em đập cho."

Và bên kia ao rau muống, tiếng chuông chiều buông thong thả. Ngân nga rền rĩ. Từng tiếng lại từng tiếng nghiến sâu vào tâm hồn tôi. Nằm đó với nguyên bộ quần áo trên người, tôi choáng váng ngây ngất, như vừa tan biến vào tiếng chuông chất đầy trong tôi, không đáy. Tôi kêu Nữ cởi quần áo, nằm xuống bên tôi. Nàng mầy mò lên hàng út áo sơ-mi, tôi giữ tay nàng lại, lắc đầu nhẹ. Niềm rạo rực trong tôi có đó, nhưng là một niềm rạo rực khác. Cảm giác của một người vừa thắng trận quyết định cả cuộc đời. Xúc động vật chất đã lấn át những ham muốn nhục dục. Tôi tự thử thách bằng cách nằm cạnh một thân thể đàn bà trần truồng, không một ham muốn hành lạc. Hai mắt tôi ngước lên đỉnh mùng. Một cánh tay dang ra cho Nữ gối đầu. Cánh tay kia đặt trên ngực nàng, bất động. Rồi tôi thủ thỉ cùng Nữ về canh bạc vừa qua. Thần tài đãi tôi, cho tôi hết cái hên này đến cái hên khác. Họ được ba con, tôi kéo lá cuối cùng thành mùn-xẩu. Khi chúng tôi có hai đôi bằng nhau, tôi hơn họ lá tài. Trong ván bài chung cuộc, khi hai người khác bỏ, kẻ bám sát theo tôi, tố qua tố lại, láng tiền túi, mở ra thì hắn được mùn-xẩu, tôi rút thành bốn chín. Nữ kkhông hiểu những chi tiết tôi kể. Nàng không có một khái niệm gì về những quy luật chơi phé, tôi phải giải thích. Nàng gật gù và trầm trồ từng chập.

Dứt hồi chuông chùa, nỗi im lặng trần tục kéo tới, âm ỉ dục tình. Tôi muốn ngủ, không phải ở đây. Tôi lừ đừ ngồi dậy,

NGUYỄN MẠNH AN DÂN

Uất ca

Đôi khi ta muốn làm con sóng
Đùa giỡn cho vui giữa đất trời
Đời vá víu như màn kịch vụng
Chưa kịp vào vai đã hết tuồng

Người muốn ta điếc mù quay tít
Làm rối hề múa máy bung xung
Ta lỡ bước nên đành nhắm mắt
Thua trắng tay trong cuộc cờ người

Ta muốn được một lần sòng phẳng
Nói với nhau bằng tấm lòng mình
Hãy bỏ chuyện "con lừa - cà rốt"
Vẽ vời chi, đời đã đủ buồn

Cứ nói thẳng tình người đã hết
Đừng lừa nhau bằng những mỹ từ
Gió đổi hướng hóa thừa lá chắn
Biến anh hùng thành lũ ăn xin

Ta tiếc ta, bạn bè cùng lứa
Mộng di sơn giờ đã bạc đầu
Nước nghèo khiến bị ngờ tư cách
Mỗi bước xa quê, mỗi nhục nhằn

Ta muốn bay cao như khói rạ
Nổi lửa thơm cá nướng giữa đồng
Quê cũ chuyền nhau ly rượu lớn
Ấm nồng cay, trái ớt đời còn.

Bidong, tháng Hai 1990

giấu đầu giữa hai gối.

"Hôm nay anh làm sao ấy."

"Anh mệt, phải về nhà ngủ."

"Mệt, sao còn tới đây?"

Tôi lắc đầu, cười khẽ:

"Cũng không hiểu tại sao. Có lẽ anh bị nốt ruồi son trên ngực em ám ảnh."

Nữ cười rúc rích. Tôi móc tiền đưa riêng cho nàng. Nữ trố mắt nhìn xấp bạc đựng trong bóp tôi, không nói.

Trở về nhà, sau khi tắm rửa, tôi đi vào phòng riêng, thiếp vào cơn mộng trái giấc. Ông Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn trên truyền hình, chỉ trích chính phủ Hoa Kỳ cố ý bỏ rơi miền Nam. Rồi dõng dạc tuyên bố sẽ ở lại cùng toàn dân, đốc thúc tinh thần chiến sĩ, đánh cộng sản tới giây phút cuối cùng. Con trăn bắc Việt đang hả miệng nuốt trửng miếng mồi nam Việt, từ từ. Con thú miền Nam đáng thương cựa quậy yếu ớt trước sức mạnh của con trăn đỏ. Tôi lăn trở ú ớ, giật mình tỉnh giấc khi con trăn trườn tới ngoại biên thành phố.

Tôi đón Nguyện ở cổng trường sáng hôm sau, rủ nàng trốn học hôm đó. Nguyện chiều ý tôi, không do dự. Cũng như mọi người, chúng tôi cảm thấy có điều gì đe dọa tràn trong không khí. Tôi chở nàng tới một quán điểm tâm ở chợ cũ, chủ quán là một người Tàu, nấu món Tây. Tôi và Nguyện gọi cà phê và bánh sừng trâu. Nhìn người con gái nhỏ nhẹ chấm mẩu bánh nướng vào tách cà phê sữa, tôi không khỏi có một sự so sánh. Cứ mỗi lần kề cận Nguyện, tôi lại nghĩ tới Nữ. Nguyện và Nữ là hai thái cực. Nguyện thánh thiện trong trắng, còn Nữ là hiện thân của nhục thể lầy lụa. Vậy mà Nữ có một hấp lực kỳ lạ, níu tôi lại. Trong khi ấy, gần Nguyện, tôi chỉ ham muốn nắm bàn tay thuôn dài của nàng. Chỉ có thế thôi. Ở Nguyện có một bức tường trong suốt, kiên cố ngăn cản những va chạm sàm sỡ. Cũng có thể vì tôi đã trao tặng Nữ hết cả sức sống, để khi ngồi cạnh Nguyện, tôi mất hết ham muốn.

"Ăn xong, anh đưa em đi phố."

"Em cũng định vào tiệm sách chọn vài cuốn."

"Anh sẽ dẫn em lựa mua vải may áo, đi đóng giầy, nếu em thích."

Nguyện mở to mắt nhìn tôi, nghi ngờ:

"Anh trúng số hay sao vậy?"

Tôi cười:

"Không, anh thắng bạc."

Nguyện thở dài:

"Thì ra vậy, anh vẫn chưa bỏ được thói đánh bài sao?"

"Lâu lâu mới chơi một lần mà em."

"Em không nhận thứ tiền 'của thiên trả địa' đó đâu."

Tôi nhịp nhịp ngón tay lên mặt bàn, gật gù:

"Cũng vì nghĩ vậy mà anh muốn tiêu xài qua quít cho hết, vì biết đâu chừng . . ."

Tôi ngập ngừng bỏ lửng. Vậy mà Nguyện cũng đoán hiểu được, nàng chớp mắt nhẹ:

"Ừ nhỉ, biết đâu chừng không còn dịp để mà xài."

Tuy không nói ra, nhưng tôi biết Nguyện muốn nhắc tới những ngày hấp hối của Việt Nam Cộng Hòa. Ngày tháng sau cùng của một người vướng bệnh nan y, chờ nhắm mắt.

Buổi sáng cuối cùng dạo phố chung với Nguyện, tôi mang tâm trạng của một kẻ nôn nao chờ đợi, mà không hiểu chờ đợi cái gì. Một kết thúc suôn sẻ, nhanh chóng để tôi dễ dàng quyết định. Đi hay ở. Tôi bắt gặp những ánh mắt ưu tư tương tự của người dân thành phố. Tương lai chế độ cộng sản là thứ ngôn ngữ mênh mông mơ hồ quá, là một ảo giác, chỉ những kẻ bất thường mới nghĩ rằng nó có thật.

Nguyện chọn mua hai cuốn sách, một xấp vải may áo dài, đặt đóng một đôi giày đi học. Xong, tới giờ tan trường, tôi chở nàng về nhà. Nguyện bảo tôi vào nhà uống nước, nhưng tôi không thấy khát. Nàng buông xắc tay đựng sách vở xuống đất, nắm lấy tay tôi, cử chỉ thật lạ:

"Anh."

Tôi khẽ cười nhìn nàng, không đáp.

"Có bề gì, gia đình em sẽ di tản. Em muốn anh đi cùng."

"Vậy à."

Một câu nói vô vị, không dứt khoát. Làm sao dứt khoát được khi trí tôi vẫn long lanh lay lắc hình ảnh Nữ.

"Để anh nghĩ lại rồi cho em hay."

Ánh mắt Nguyện úp lên khuôn mặt tôi, như van lơn. Tôi vuốt nhẹ lưng bàn tay nàng, nói:

"Em cho anh biết để tính trước, đợi mọi chuyện đã rồi mới lo, sợ trễ."

"Anh sẽ tính. Thôi, hôm khác mình gặp lại."

Và tôi vòng xe trở ra đầu ngõ. Ngõ hẻm đường Ngô Tùng Châu có giàn bông giấy tím, nở rưng rưng trong nắng trưa nhuốm bụi.

Tôi không về nhà mà chạy thẳng vào xóm Chùa. Nữ và một cô gái khác đang ngồi trong phòng khách, nghe máy thu thanh. Người đàn bà mà tôi vẫn gọi là má Hai không có ở đó. Thấy tôi đến, nàng tươi cười nắm tay tôi dẫn vào buồng trong. Tôi kêu Nữ bắc ghế để hai đứa ngồi hóng mát ở nhà sàn phía sau. Có người đàn bà chèo xuống hái rau muống ngoài ao. Một con chó ốm và một đứa trẻ trần truồng đứng trên bờ nhìn xuống. Bên kia vườn rau của ngôi chùa mái cong, thấy thấp thoáng dáng người áo xám khom lưng xuống mấy luống đất xanh rì. Có tiếng đàn vọng cổ réo rắc phát ra từ dãy nhà dựng trên ao nước đục. Và tiếng lò xo rít kót két cùng hơi thở hổn hển vang ra từ buồng trong. Hôm ấy, trong bối cảnh vô vọng của đất nước, tôi chợt nhận ra vẻ an bình mệt nhoài gượng gạo của xóm nghèo. Và những hồn ma đói vất vưởng quanh đây. Đã lâu

rồi, xã hội này có những giai cấp. Muốn san bằng giai cấp, đâu phải chỉ có cách dẹp bỏ tầng lớp chủ nhân ông và tiểu tư sản. Nữ thuộc giai cấp nào đây? Tư sản của nàng là mở thân xác đánh đổi cảm giác bằng tiền bạc kia. Một thứ tư sản trời cho, không vốn.

Tôi hỏi Nữ:

"Em định như thế nào nếu miền Nam lọt vào tay cộng sản?"

Nữ rụt rè hỏi lại:

"Cộng sản đâu có chấp nhận hạng người như em, phải không anh?"

"Ừ."

"Vậy thì chỉ có nước đổi sang nghề khác, hay trở về quê sinh sống."

"Quê em ở đâu?"

"Dưới Cần Thơ, nhưng cha em là dân Bắc kỳ cũ, di cư trước 1954."

Tôi cất giọng cười cợt:

"Biết đâu chừng em sẽ có dịp về thăm quê nội."

"Em không có một ấn tượng gì về quê nội cả."

"Vậy mà em vẫn không có ý định di tản ra nước ngoài sao?"

Tôi hỏi thẳng. Nữ chớp nhẹ mi mắt, rồi lắc đầu:

"Không, em chọn ở lại."

"Em chấp nhận họ sao?"

"Đâu cứ phải ở lại là chấp nhận."

Tôi im lặng, vì Nữ có lý. Đâu phải ai ở lại là chấp nhận chế độ cộng sản. Họ là những người vẫn cố bám víu vào một chút ảo tưởng huy hoàng, vào chút tình đồng bào Nam Bắc. Tôi không muốn dập tắt đóm lửa ảo tưởng trong lòng Nữ. Một niềm thương cảm khó tả dâng lên. Tôi bước lại, đứng sau chỗ Nữ ngồi, quàng hai tay ra trước ngực na4ng, úp mặt lên tóc nàng. Hương chanh từ tóc và múi nước đọng tanh tưởi dưới sàn gỗ trộn lẫn vào nhau khiến tôi bứt rứt. Nữ nghiêng đầu cho má tôi kề sát má nàng. Trong khoảnh khắc va chạm đó, tôi quyết định tặng nàng hết món tiền còn lại mà tôi đã thắng trong canh bạc vừa qua. Buổi ân ái sau cùng, tôi bỏ cuộc giữa chừng vì không còn hứng thú. Nữ quyến luyến mơn trớn thân thể tôi. Tôi dang tay dang chân như tượng gỗ, trân mắt nhìn lên nóc mùng quen thuộc. Rồi tôi cũng đạt được khoái lạc, bật lên tiếng nấc sướng ngất trong nỗi thống khổ tột cùng của dân tộc và đất nước. Tôi chỉ là một đứa con hoang đàng của tổ quốc, một thứ công tử lây lất qua các sòng bạc lậu, các ổ điếm trá hình. Trong giờ phút lâm chung của miền Nam, trước khi tôi chen chân hối hả leo lên một trong những chuyến tàu cuối cùng tách bến Bạch Đằng, sau khi ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, tôi đã trao lại Nữ cả số tiền thắng bạc còn lại. Như vất cả quê hương vào tay những kẻ bất tài. Tôi ứa nước mắt khi đêm xuống, đứng trên boong tàu nhìn về hướng thủ đô, thấy vùng trời nơi đó vấy máu đỏ ngầu.

*
* *

Sau vài phút suy nghĩ và dùng dằng lưỡng lự, Hào theo năm mươi đồng. Tới phiên Tài chửi đổng.

"Tố chó gì mà nhiều thế, bố đứa nào dám theo."

Rồi vất con tẩy vào chồng bài rút. Tôi kéo trước, úp lá bài dưới con dô-cờ, ngón cái chận kín lỗ hở. Tôi chưa xem vội, nâng chung rượu hớp một ngụm cho mềm môi, nhân tiện xem Hào rút được con gì. Anh không nắn nót lôi thôi lâu lắc như tôi, xòe ngay ra con tám. Tôi vui thầm, để ý thấy nét mặt Hào dịu xuống, không biết vì hài lòng hay thất vọng. Dù sao tôi vẫn thấy ngón cái mình cựa quậy nhẹ. Từng ly, từng tí một, tôi di chuyển phần thân thể quan trọng nhất trong giây phút này. Mồ hôi tôi rịn ra trán và sau gáy. Một giọt từ kẽ tóc lăn xuống như có sinh vật bò quẩn quanh. Tôi thở phào nhẹ nhõm trong bụng khi thấy một đốm cỏ tươi lấp kín lỗ trống. Không ách thì chín, đằng nào cũng suốt. Tôi nhẹ nhàng đẩy lá bài xuống mặt bàn. Lá ách rô. Tài và Lộc đồng loạt "ồ" lên một tiếng. Tài đập tay vào đùi, đoán mò:

"Sao mà suốt đẹp thế?"

Hào bật cười hô hố. Tôi suy nghĩ, không biết tố bao nhiêu. Tố nhiều, Hào chạy; tố ít, ăn không bõ. Cuối cùng không hiểu sao, tôi tố láng số tiền còn trong túi. Bầu không khí trở nên nặng nề. Vách nhà dường như cũng tươm mồ hôi, mở cặp mắt gỗ thao láo nhìn những con bài dàn quân trên mặt bàn. Ngọn đèn thất lại trũng ánh sáng, run rẩy như vừa đứng tim. Tôi cầu mong Hào đừng theo. Một điều rất dễ hiểu, Hào theo, có nghĩa là tôi thua.

Hào theo thật. Anh lật con tẩy lên. Cũng là lá bồi như tôi. Nhưng suốt của Hào nhỏ hơn suốt của tôi. Anh khoái trá xoay tay quơ đĩa đựng tiền về phía mình. Cả Tài lẫn Lộc đều ngơ ngác. Dàn trận lâu lắc, tốn công thế mà chung cuộc lại quá nhanh. Trong khi Hào tẩn mẩn xếp tiền, tôi xin Tài điếu thuốc, đứng dậy. Hào gọi giật lại:

"Ủa, đi đâu? Ở lại chơi tiếp, tớ đưa tiền cho cậu đánh."

"Không, tôi ra sân hút thuốc một chút, trở vào ngay. Các cậu cứ tiếp tục."

Tôi dang tay chống vào khung cửa gỗ, hướng mắt ra vườn đêm xanh um. Rít một hơi thuốc, tôi nhớ tới Nữ và món tiền thắng bạc năm nào. Không biết giờ này nàng làm gì, đang giữ con tẩy gì trong canh bạc đang diễn ra trên quê hương? Khi mệnh nước suy, tôi đã trao trọn số tiền cho một con điếm có tâm hồn, cùng lúc với ông Dương Văn Minh tuyên bố sẵn sàng chuyển giao miền Nam cho cộng sản bắc Việt. Tôi không tin rằng Nữ đã dùng món tiền đó vào những chuyện có ý nghĩa. Tôi phà hơi thuốc xám, nhớ ray rứt nốt ruồi son trên ngực Nữ. K

Yêu người độ lượng

HOÀNG DU THỤY

Chị Kim về Việt Nam trở qua mang theo thứ quà quê hương lỉnh kỉnh. Nào là tranh sơn mài, đồ thêu, bánh mứt, khô bò. Nào là hình ảnh lưu niệm, thư từ người này người kia nhắn gửi. Quần áo, đồ dùng thì không sao nhưng bánh mứt, khô bò chị nói tao phải giấu dữ lắm chớ không là quan thuế Canada quăng thùng rác rồi. Thảo, Luân, hai đứa con chị cũng lăng xăng theo mẹ ngắm nghía mấy món đồ lạ mắt. Thằng Luân xem qua thấy không có gì thích hợp cho con trai nên lảng đi chỗ khác. Còn cô Thảo thì cứ trầm trồ mấy món đồ thêu đầy màu sắc. Chị Kim miệng nói, tay thảy những gói quà gói sơ sài về phía tôi:

"Gói mứt me này là của bà ngoại Thúy gởi cho em đó. Má vẫn còn nhớ em ưa món mứt me. Thúy thì có mấy viên kẹo sen. Còn hộp đựng nữ trang bằng sơn mài này là của con Liên gởi cho em. Cuộn *bande vidéo* này thu cảnh gia đình đi đón chị ở phi trường và cảnh sinh hoạt trong những ngày chị ở nhà."

Tôi ngồi ở một góc sofa, ôm hết những gói quà chị quăng cho nhưng không vội mở ra xem. Tưởng đã hết, ai ngờ chị còn lôi ra thêm một chiếc kimono màu vàng thêu rồng rực rỡ. Chị ướm lên người, xoay tới, xoay lui:

"Cái kimono này lộng lẫy quá phải không? Tiền không đấy."

Tôi hững hờ:

"Chị mua làm gì vậy, ở đây lạnh thấy mồ có mặc được mấy loại hàng soie này đâu mà chị mua?"

Chị quay lại, quăng chiếc áo vào lòng tôi:

"Đâu phải của chị. Của em đó chớ. Biết quà của ai không? Khánh gởi đó."

Tôi nghe nhắc tới Khánh thì ngồi trơ như phỗng đá. Năm năm rồi Khánh vẫn không quên tôi? Tôi không có thời giờ để hồi tưởng lại dĩ vãng vì chị Kim cứ ồn ào:

"Sàigòn mình bây giờ có đủ thứ hết, toàn là đồ xịn. Nhiều món đồ mà bên này mình không thấy hoặc có thấy cũng không đủ tiền mua. Xe hơi thì chạy lềnh khênh, toàn là xe Peugeot của Tây mấy chục triệu."

Tôi nôn nóng muốn hỏi thăm về Khánh mà chị không để cho tôi hỏi. Vừa xếp mấy món đồ bày ra nãy giờ, chị vừa tía lia:

"Tức cười cái là xe hơi, xe cub chạy ào ào mà đường xá thì toàn là ổ gà, ổ vịt. Lại còn thêm nạn trời mưa cây đè nữa chớ. Hồi nhỏ chị hay có cái thú trời mưa thì phải đi dưới những hàng cây lá đan nhau. Bây giờ mà đi tìm thi hứng kiểu đó là chết. Mấy nhánh cây rớt xuống hổng bể đầu cũng gẫy tay. Còn mấy cây lớn trốc gốc đèn không chết cũng ẹo xương sống. Đường xá không sửa, cây cối không vun quén. Tai nạn xảy ra hằng ngày mà nhà nước chẳng buồn để ý tới. Đất nước mình rồi hổng biết đi về đâu."

Nghe câu kết của chị tôi bật cười:

"Chị mà cũng biết thắc mắc đất nước mình sẽ đi về đâu."

Chị sừng sộ:

"Mày nói tao người gì mà hổng biết nghĩ tới tương lai đất nước? Mày về coi cảnh khổ bên nhà coi có xót xa hay không cho biết."

Tôi cố thu người cho nhỏ lại trước cơn tam bành của chị. Tôi giả là:

"Thì hồi nào tới giờ em có bao giờ nghe chị nói gì về tương lai đất nước đâu. Em tưởng . . ."

Không để cho tôi dứt câu, chị đã đổi đề tài:

"Nghe em nói về Khánh hoài mà giờ về chị mới gặp nó. Coi bộ cũng dễ thương đó chớ. Khánh vẫn chưa lập gia đình, chị có nói là em đã có chồng, có

con và sống hạnh phúc."

Tôi rụt rè hỏi:

"Ảnh còn lui tới nhà mình sao chị?"

Chị trả lời mà không nhìn tôi:

"Như cơm bữa! Suốt thời gian tao ở bển, ngày nào nó cũng ăn cơm ở nhà mình. Không trưa thì chiều, không chiều thì sáng."

Câu trả lời của chị như ngầm chứa một sự bực bội nào đó. Tôi đoán thế qua tiếng xưng tao của chị. Tôi biện bạch giùm Khánh:

"Chắc là ảnh đến để nghe chị kể về em chứ gì?"

Chị ngó tôi một chập, môi mấp máy định nói gì đó rồi lại thôi. Tôi hớn hở khoe với chị:

"Chị Kim nè, em mới nhận được tin của Sở Di trú. Họ kêu em nộp giấy xác nhận lợi tức để bổ túc hồ sơ bảo lãnh chị Liên. Vậy là có hy vọng bả qua đoàn tụ với tụi mình sớm."

Chị Kim không tỏ vẻ vui mừng như tôi nghĩ. Chị nhìn tôi dò xét:

"Bộ em định bảo lãnh nó qua rồi cho nó ở chung nhà luôn hả?"

Tôi vui vẻ:

"Dạ, em định vậy. Tụi em có cần đi đâu thì bé Thúy có dì nó cũng đỡ."

Từ hồi có nó tới giờ hai đứa em chẳng đi đâu riêng được hết. Chạy qua chị một chút cũng phải đem nó theo. Đám cưới đám tiệc gì cũng từ chối hết vì không gởi Thúy cho ai được hết. Chị thì đã có hai đứa nhỏ, gởi cho người lạ em lại không yên tâm.

Chị Kim nghiêm trang:

"Em nên suy nghĩ cho kỹ nghe Hằng. Đừng quên là em còn có chồng, Liên nó lại còn con gái ở chung sao tiện?"

Tôi cười trước sự lo xa của chị:

"Chị em chớ có ai lạ đâu mà chị khéo lo xa."

Chị nạt ngang:

"Chị vợ, em rể vẫn có chuyện như thường. Em nên nhớ là trên đời này chuyện gì cũng có thể xảy ra. Ai nói chị ích kỷ chị chịu, nhất định là không chứa đàn bà trong nhà dù là chị em ruột đi nữa. Ở chơi vài bữa, nửa tháng thì được nhưng ở trường kỳ dứt khoát là không. Em phải thực tế một chút. Bảo lãnh Liên chị đồng ý nhưng nó phải tự lo cho nó, chị em mình chỉ giúp đỡ phần nào thôi."

Tôi ngầm công nhận là chị ích kỷ, chị sợ mất chồng dù sợ với em ruột mình nhưng chị đã điềm đạm giải thích:

"Liên và em đứa nào cũng là em ruột, đứa nào chị cũng thương như nhau nhưng chị thấy em đã có gia đình, em phải biết nghĩ tới hạnh phúc của mình. Ở đời đừng tin ai tuyệt đối."

Ngừng một chút chị pha trò cho bài *moral* đỡ khô khan:

"Má mới dạy tao rún còn không tin được bụng, tao thấy đúng quá."

Tôi cười theo chị rồi xuống bếp chuẩn bị bữa cơm chiều. Chị Kim vào phòng thay đồ cố nói vọng ra:

"Em điện thoại nói với Phương tối nay em ngủ lại chị em mình tâm sự nghe. Mai thứ bảy có đi làm đâu mà sợ."

Tôi hơi do dự vì không muốn xa con nhưng nghĩ chị đi xa mới về chắc có nhiều chuyện kể, lại thêm nỗi nôn nóng muốn hỏi chuyện về Khánh nên tôi đồng ý. Tôi nhờ Phương chăm sóc cho bé Thúy, dỗ con ngủ . . . sáng mai tôi sẽ cố về sớm. Hăm hở ở lại chớ tôi biết đêm nay khó mà ngủ được vì không có bé Thúy ở một bên.

Khi anh Nam đi làm về tới thì cơm nước cũng vừa xong. Tắm rửa xong, ngồi vào mâm cơm thịnh soạn anh xoa hai tay vào nhau:

"Nhà mình bữa nay giống có tiệc quá. Chắc là tiệc chiêu đãi người về Việt Nam mới trở qua bình yên."

Chị Kim vừa xới cơm cho chồng, vừa háy nguýt anh:

"Chắc là anh mong em kẹt ở bển luôn lắm há. Xa nhà mười mấy năm nay, mới trở về thăm má có một lần mà anh nặng nhẹ em hoài."

Anh Nam cười hề hề:

"Em nói sao đúng ý anh quá."

Có lẽ quen với tính trưng giỗn của chồng, chị không tỏ vẻ giận. Chị vừa gắp thức ăn cho các con vừa nói với chồng:

"Bữa cơm này là dì Hằng nó đứng nấu chớ không phải em đâu nghe. Anh có phê bình gì thì nói với dì nó đó."

Tôi cười:

"Chị đừng lo, anh Nam hổng có dám chê tài nội trợ của em đâu. Chỉ có mình ông Phương mới chê thôi. Mấy ông đàn ông nhiều chuyện, em chỉ cần có người nấu cho ăn, khỏi lăn vô bếp là ăn gì cũng thấy ngon."

Sau một tháng xa nhà, chị Kim có vẻ hạnh phúc hơn trong không khí gia đình đầm ấm. Hai anh chị lúc nào cũng có vẻ quyến luyến nhau như ngày mới cưới. Chả bù cho tôi, mới lấy chồng hơn ba năm mà đôi khi tôi thấy chồng mình như người khách lạ. Hay là tại tôi không yêu chồng?"

Nhường phòng cho hai chị em, anh Nam ôm mền gối ra ngủ ở phòng khách. Tôi cám ơn và nói:

"Anh có chỉ mười mấy năm nay rồi, giờ cho em mượn chỉ một đêm nghe."

Anh cười:

"Chờ một tháng nay dài cả cổ rồi, có chờ thêm một đêm nữa cũng chẳng sao. Hai người cứ tâm sự cho đã đi nhưng nhớ là cũng cần phải ngủ đó nghe. Không phải thức trắng đêm để tâm sự đâu."

Trong chiếc áo ngủ bằng lụa hồng, chị Kim xem vẫn còn hấp dẫn lắm dù chị đã gần 50. Vì chị Kim là cả, tôi là út nên hai chị em chênh lệch gần hai chục tuổi. Nhờ chị chịu khó chăm sóc làn da, chịu chưng diện nên trông chị như chỉ ngoài ba mươi còn tôi thì lụ khụ như bà già năm mươi. Đã vậy tôi lại còn nhồi nhét đủ thứ vô đầu nên tâm hồn lúc nào cũng vướng

bận chớ không được thư thái như chị. Đợi chị Kim tắt đèn, tôi hỏi ngay:

"Chị kể cho em nghe về Khánh đi."

Tôi nằm im chờ chị bắt đầu nhưng chị vẫn im lặng. Tôi hơi nhột nhạt vì biết chị đang âm thầm quan sát tôi trong bóng tối. Chờ hoài, tôi sốt ruột hỏi:

"Khánh có ý định vượt biên không vậy chị? Lúc này ảnh làm gì?"

Chị chậm rãi hỏi lại tôi:

"Em còn yêu Khánh lắm phải không?"

Tôi thú nhận:

"Tình đầu mà chị. Tính đến nay tụi em yêu nhau đã mười năm. Lúc em bỏ đi vượt biên là hai đứa biết nhau đã hơn năm năm trời. Dạo em chưa đi, ở nhà ai cũng coi Khánh như người trong nhà. Mỗi lần ảnh đến chơi, tụi cháu trong nhà cứ kêu là dượng Út. Tuy là chưa chung sống nhưng lúc nào em cũng coi Khánh như là chồng em. Em không thể nào quên ảnh."

Tôi có cảm tưởng như chị Kim đang xoi thủng bóng đêm để nhìn tận mặt con em vừa tuyên bố một câu xanh rờn như thế. Chị vặn vẹo:

"Thế tại sao em lấy Phương? Có chồng mà nói không quên người tình cũ, sao lạ vậy? Như thế là tội lỗi. Như thế là ngoại tình."

Tôi than thở với chị:

"Chị không hiểu hoàn cảnh em nên mới buộc tội em. Em cũng tưởng là lấy Phương sẽ quên được Khánh nhưng trong đời sống vợ chồng, nếu một người muốn mà một người không thì không chuyện gì tốt đẹp được hết. Em muốn quên Khánh nhưng Phương không giúp em quên được. Mỗi sự vụng về, vô tâm của Phương đều nhắc em nhớ tới Khánh hơn. Phương là người cha tốt nhưng không phải là người chồng lý tưởng. Em cần một người hiểu em. Em cần một người tình, một người bạn chứ không cần một người chồng là đủ."

TRẦN SA

Lời nói cũ

(tặng Phạm Việt Cường)

Hãy yêu nhau, thương nhau, tử tế với nhau
Sao lời ấy trôi lênh đênh vào bóng tối
Sao lời ấy trôi lênh đênh vào khoảng không
Sao lời ấy trở thành lạc lõng?

Sao lời ấy vẫn chỉ là chuyện mộng
Sao thành phố đông hàng mươi triệu dân
Sao trái đất đông hàng mươi tỷ người
Mà mỗi người vẫn là một cô đơn?

Hãy yêu nhau, thương nhau, tử tế với nhau
Sao lời ấy làm người ta lắc đầu và phì cười
Sao người ta vẫn tiếp tục lắc đầu và phì cười
Khi động tác phủ nhận đó
không hề làm nên hạnh phúc?

Sao lời ấy không thể là sự thật
Sao ở đâu cũng đầy điều giả dối và hận thù
Sao con người bỗng giống như hình nộm
và máy móc
Những hình nộm vô cảm và máy móc giết người?

Hãy yêu nhau, thương nhau, tử tế với nhau
Sao lời ấy dường như quá trễ
Dù lời ấy nói ra đã bao ngàn năm
Mà trần gian muôn đời vẫn thế?

Hãy yêu nhau, thương nhau, tử tế với nhau
Sao chỉ còn một người và một người
Ôm nhau trong tay và vô cùng lặng lẽ
Sợ hãi nhìn ra cánh rừng cuộc đời.

trại cải tạo cộng sản. Và Manh phải an ủi hứa hẹn dỗ dành nàng đủ điều. Đời sống hàng ngày cũng đòi hỏi cả hai người một sự hòa hợp khôn cùng. Manh phải tập làm quen với đời sống đại gia đình của An, gần như cuối tuần nào An cũng đòi về chơi nhà anh chị (nhà Tâm ở cách nhà vợ chồng Manh có một thành phố) cứ một, hai hôm lại gọi điện thoại nói chuyện với anh chị cả tiếng đồng hồ. Ngược lại Manh ở xa cha cả 2,000 dặm chàng chỉ một tháng gọi điện thoại cho bố nhiều lắm là hai lần, và có khi đến hai năm mới về thăm Bố, như thế không có nghĩa là chàng không thương Bố nhưng chàng đã được nuôi dạy, trưởng thành trong cái thế giới riêng tư của từng cá nhân. Cha mẹ làm đủ bổn phận với con cho đến 18 tuổi, các con sẽ tự lập và như những con chim đủ lông đủ cánh (mặc dù cánh còn ngắn và lông còn thưa thớt) được thả bay đi bốn phương. Manh ban đầu rất khó chịu về việc An đòi về nhà mỗi tuần, nhưng vì chiều vợ lâu ngày thành thói quen. Mỗi lần đến nhà Tâm cuối tuần, Manh cũng đem theo sẵn cái túi ngủ rồi ngủ ngay ở phòng khách với anh vợ, An thì vào buồng chị dâu nói chuyện đến gần sáng mới chịu đi ngủ. Manh hay trêu vợ:

"Em lạ quá, nói chuyện điện thoại gần như mỗi ngày với chị Thúy mà sao vẫn còn nhiều chuyện để nói thế."

Có lần thú thực với An. rằng anh thấy lối sống quây quần của gia đình Việt Nam đáng quý quá. Bố anh có tới bốn bà em gái mà anh chỉ biết mỗi gia đình cô Karen vì ở cùng thành phố với gia đình anh, những bà cô khác thì anh chỉ được xem ảnh và nghe tên thôi. Khi anh còn nhỏ cha mẹ anh, không hề dẫn anh đi thăm họ hàng ở xa bao giờ cả. Những người em bà con của anh bây giờ có gặp mặt ở ngoài đường cũng không ai nhận ra ai. Không như các anh của An dù ở xa; mỗi mùa hè cũng cố thu xếp người nọ đến thăm người kia và mỗi lần gặp nhau là nói chuyện dứt không ra. Và để theo kịp lối sống Á Đông của An, Manh đã hoạch định một chương trình đi nhận họ vào những ngày nghỉ lễ. Chàng xin bố địa chỉ, điện thoại của những bà cô, chàng đã liên lạc và hứa sẽ đến thăm họ. Tháng trước Manh được sở cho đi học một tuần tu nghiệp chàng đã lựa đi Florida thay vì New York, và ở đó chàng đã ghé thăm một người cô và gia đình một người em họ. Khi trở về An thấy chàng hạnh phúc rực rỡ trên mặt khi nói với vợ.

"Anh thấy việc đi tìm gặp các cô là đúng lý lắm em ạ, cô anh rất mừng khi gặp anh. Anh sẽ tiếp tục thực hiện điều này."

An rùng mình không dám nghĩ tiếp Manh sẽ ra sao nếu chàng bị mù hẳn. An tưởng tượng ra Manh suốt ngày ngồi một chỗ, hoặc dò dẫm đi từ buồng này đến buồng khác trong nhà. Hai đứa bé sẽ không được Bố cho đi chơi những ngày cuối tuần, rồi chàng sẽ lãnh lương của những người tàn tật và An sẽ phải gửi con cho nhà giữ trẻ để đi làm. Đó là một điều mà Manh không bao giờ chấp nhận. Đã có lần Manh nói với An rằng:

"Em chịu khó tiêu dè dặt một chút để được ở nhà với con. Ở các nước cộng sản nhà nước ép buộc cha mẹ phải bỏ con vào khu giữ trẻ công cộng để cha mẹ đi làm công nhân cho nhà nước. Còn ở Mỹ thì cha mẹ tự chọn để đưa con mình vào. Có những người vì hoàn cảnh bắt buộc thì không đáng trách, nhưng cũng có những gia đình lệ thuộc vào nhu cầu vật chất quá cao cũng cho con vào đó để hai vợ chồng cùng lao đầu vào công việc hầu đủ tiền tháng tháng cho những hóa đơn. Cho trẻ con vào nhà gửi trẻ khi còn bé cũng tội nghiệp không kém gì cho bố mẹ vào viện dưỡng lão khi già vậy."

An liên miên nghĩ từ chuyện này sang chuyện khác, liều thuốc an thần đã dỗ An vào giấc ngủ, trong giấc ngủ, An mơ thấy mình dắt chồng con về thăm quê mẹ ở Vĩnh Long, nàng chạy đuổi các con trong vườn của ngoại. Manh trèo lên cây cóc mọc ngả ven sông, con sông chảy ngang qua suốt chiều mảnh đất hương hỏa của gia đình nàng. Những quả cóc ròn tan ngậm cam thảo được thoa lên một lượt muối ớt chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đủ làm ứa nước chân răng. Những năm lưu lạc quê người, mỗi lần nhớ đến cây cóc, cây bần mọc bên bờ sông trong khu vườn nhà ngoại, An lại ứa nước mắt, không biết đến bao giờ mới được trở về thăm lại chốn xưa, nơi mà suốt một thời tuổi thơ anh em nàng đã được hưởng đầy ắp tình yêu của ngoại. Thư mẹ, viết sang năm ngoái nói ngoại qua đời, đã chôn ngay trong vừa của nhà và mẹ bây giờ tóc đã trắng phau như tóc ngoại con thấy trước ngày đi. Trong giấc mơ này An không gặp.

Hai ngày kế tiếp thời gian trôi nhanh như một mũi tên bắn đi mà không lấy lại được. An hồi hộp sống trong một trạng thái căng thẳng hoang mang và sợ hãi nàng bị hành hạ giữa sự hy sinh và nỗi thất vọng. Nàng như người đang chạy dưới một cơn địa chấn, định mệnh như một cao ốc đang tung ra từng mảnh đổ ập xuống đời nàng. Cha và cô chồng ở xa về, họ hàng, bạn bè của hai vợ chồng biết tin điện thoại hỏi thăm tới tấp, truyền thanh, truyền hình thay nhau kêu gọi xin mắt cho Manh, tiếng khóc của hai đứa bé đòi Bố, tiếng kêu thảng thốt của Manh gọi tên vợ con mỗi khi tỉnh dậy và cuối cùng là tiếng kêu đau đớn rõ rệt nhất trong đầu An, tiếng kêu đau đớn đó khi nàng đứng trước tấm gương, đưa tay che thử bớt đi một con mắt của mình.

Manh trở mình nghiêng qua một bên, quơ tay quờ quạng giữa khoảng không kêu tên vợ

Dấu Lìa Ngó Ý

NGUYỄN THỊ LONG AN

Trong tôi như có một sức mạnh tiềm tàng thúc đẩy, tôi vượt gần hai trăm dặm đến dự buổi hội thảo cho tờ báo mới thành lập. Nỗi ưu tư trĩu nặng, lòng tự trọng với sự mời gọi của bạn bè.

Suốt những tháng ngày ngu ngơ, mộng mị với kỷ niệm cũ. Có khi bồi hồi, nỗi nhớ như một ám ảnh làm chìm đắm cả hồn tôi. Nghĩ về sự tan rời, vỡ vụng của một bóng dáng đã đi xa, tách rời khỏi cuộc đời tôi mãi mãi. Tôi nhớ nhiều về quá khứ, một tâm tình chân thành trong ký ức. Kỷ niệm cũ bên kia trời cũng đã tan chìm theo ngày tháng đi qua. Tự hỏi tại sao nhớ hoài cũng không thể giải đáp nổi sự thắc mắc của tôi. Tôi như trong chiêm bao, những hành động, những lời nói thân thiết cũ bắt gặp trở lại. Đó là những kỷ niệm ngày mới quen nhau nơi thư viện. Tôi khó diễn tả hết cả một vùng trời yêu mến. Hình dáng, ánh mắt với tình cảm trong sáng tất cả là một đời để thương để khổ. Cho đến bây giờ dấu tích kia cũng chưa lu mờ, hội tụ, òa vỡ mọi thứ như màn sương khói. Nhiều khi tôi tìm đủ nguyên do, lý lẽ để làm ấm lại cuộc tình, ngăn lại sự đổ vỡ đã thành hình. Nhưng rồi ân hận, ngậm ngùi buông trôi mặc cho đời đưa đẩy. Lẽ ra những ngộ nhận phải được giải bày, những khúc chiết phải được giải đáp, để sự băn khoăn phiền toái trong tôi biến mất. Những tháng ngày dài trôi qua, tưởng xóa nhòa vậy mà thản nhiên trở lại rõ rệt, lòng tôi lênh đênh ngập đầy kỷ niệm mỗi lúc hạ tàn.

Dường như tôi tới sớm một giờ, phòng họp vắng teo, một vài người ở đó cho công việc hàng ngày. Tình cờ, hay sự xếp đặt của các bạn, tôi bị nhờ đi đón một người, một người đàn bà, một nhà văn, một nhà thơ, một người sao đó cho buổi họp. Bà ta không xe, hay cố tình để tôi làm tài xế đưa đường đón rước người khách lạ.

Ghi vội một địa chỉ, với con số điện thoại đơn giản và một cái hẹn vu vơ. Nhà bà ta khá xa, phải mất hơn giờ đồng hồ cho hai lượt đi về. Buổi chiều hôm nay, trong khung xe cũ, khung xe của những ngày đơn độc, tình cờ có một người đàn bà. Mặt bà ta tròn tròn, không biểu lộ ưa hay ghét. Dáng người nhỏ nhắn. Thật lạ lẫm, tại sao như có cái gì làm cho gương mặt bà ta tự nhiên mơ hồ quen thuộc phản ảnh hình bóng của thời ngày cũ, ảo tưởng mênh mang của quá khứ lờ mờ, gương mặt và hình hài của bà ta qua một khuôn mặt sẵn có trong tôi, ẩn hiện hư không thấy đó nhưng không phải trong tầm tay với. Kỷ niệm bên công viên ngày nào bỗng vụt dậy in rõ, đậm nét sau giờ học, hộp thức ăn, những săn sóc âu yếm, đôi mắt thảng thốt đẫm lệ khi thấy mặt mày tôi thâm tím, xây xát vì bị du đãng đánh lầm. Bàn tay xoa dầu nhẹ nhàng nhiệt tình.

Tiếng máy xe nổ từ xa vọng lại như từ hai ba năm của ngày trước. Cách đây không lâu bên kia bờ đại dương đưa tôi trở lại con đường nhựa trơ nét xế tàn, đưa tôi về, dẫn dắt tôi tới chỗ dĩ vãng vắng ngắt, mà bóng người thân thương còn lãng đãng trên lối sỏi đá trải dài theo hàng cây bên khung viên đại học. Tôi im lặng, bà ta dòm qua tôi thật mau, tôi vẫn theo dõi phía trước với hàng xe nối đuôi dọc dài.

Phòng họp ồn ào, tôi và bà ta đến trễ mươi lăm phút, tiếng ồn ào dứt hẳn, mấy cặp mắt dòm về phía chúng tôi như soi xét, mỉm cười, biểu đồng tình. Tôi vào ngồi nơi hàng ghế trống, vô tình hay cố ý bà ta lại đến ngồi cạnh tôi. Bỗng dưng tôi ngột ngạt, lẫn ái ngại đến khó chịu. Phòng họp trở lại ồn ào, bàn cãi, còn nhiều việc phải làm, phải chỉnh đốn, nhiều sai sót phải thay đổi, sửa chữa. Những chuyện kéo dài thì giờ thường là những chuyện nhỏ nhặt. Tuy vẫn không nói gì

nhưng nỗi hân hoan hiện hữu trong đôi mắt có tia ngời sáng của bà ta. Buổi họp là buổi gặp gỡ ấm cúng, cởi mở cho mọi người và cuối cùng kêu gọi nỗ lực xây dựng cho tờ báo tới chỗ toàn mỹ. Phân công, cho các nhà văn nhà thơ viết bài thường xuyên cho báo. Buổi họp chấm dứt, phần kết thúc là chút văn nghệ bỏ túi, mọi người yêu cầu bà ta ngâm thơ của chính mình. Dòm tôi, bà ta đứng dậy. Tôi biết bà ta muốn tôi thấy tài hơn sự ham hố đưa mình ra trình diễn trước thiên hạ. Âm thanh trầm bổng lối ngâm của miền thùy dương có bóng dừa, ngàn thông lã ngọn, miền bờ biển cát trắng mịn mềm. Bài thơ diễn tả tâm sự của mối tình đơn phương đầm thấm, yêu người mà người không biết tới. Giọng ngâm đã hết dư âm thổn thức u ẩn như nỗi buồn của kẻ bị lưu đày. Tiếng vỗ tay tán thưởng kéo tôi về thực trạng. Những người khác đóng góp vài bài hát, tôi ngồi trầm ngâm thả hồn theo khói thuốc bảng lảng tan biến giữa không gian của màn đêm vừa buông xuống.

Tôi đưa bà ta trở về. Cùng đi, cùng về với bà ta chiều nay, sẽ thành một trong những kỷ niệm nhỏ nhặt không đáng kể, sự im lặng vây chặt giữa tôi và bà ta, vẫn biết bà ta không cần, không chờ đợi lời nói nào ở tôi, sự hiện diện của tôi bên cạnh chiều nay cũng làm thỏa mãn, ve vuốt tự ái, có người đàn ông sẵn sàng đưa đón.

Tâm hồn tôi như cánh cửa khép kín. Miền nhức nhối của khoảng thịt bị cắt, chỉ lành lặn lớp da ngoài, bên trong còn mưng mủ, bỗng bị châm chích nhói buốt, bị khơi dậy quằn quại nơi hồn tôi. Bà ta và tôi là hai kẻ lạ, gặp gỡ nơi phố chợ chỗ đông người, một sự gặp gỡ quá muộn màng.

Tôi đã yêu và cho tình yêu không có sự đòi hỏi đáp lại. Tình yêu thường là sự mê muội, mù quáng ngông nghênh, tôi theo lý lẽ của con tim và cảm thấy thỏa mãn đúng mức xúc động của tâm hồn. Có lẽ tôi mất hết lý trí khi cường độ tình yêu lên cao, tình yêu mãnh liệt tôi đã cho nàng với sự nồng ấm, thật thà. Tôi đã vẽ tình mình như vườn hồng rực rỡ tươi mát, như thời tiết buổi sáng đầu xuân. Tôi đã có đời sống đầm đầy hạnh phúc hôm qua, trước kia. Ngày nay là một đời khác. Ngày đó tôi đã đặt tình yêu dưới chân nàng, dâng cho nàng bằng tất cả con tim thánh thiện, nguyên thủy. Từng thề nguyền sống chết có nhau, đến bạc đầu mãn kiếp, sẽ lâu dài bền bỉ sừng sững như trụ đồng không dễ gì đánh ngã. Gia đình chống đối nàng gạt bỏ bất chấp, nhứt định ghép hai cuộc đời thuộc về nhau và của nhau mãi mãi.

Bây giờ nàng chối bỏ cuộc tình, những ràng buộc vợ chồng, không đi trọn quãng đường trần, giữa chừng nàng sang ngả rẽ. Nàng làm kẻ lạ, quay mặt đi thật xa, xa lắc xa lơ, mất hút trong hồn tôi. Tôi để nàng rời xa gia đình vì sự nghiệp vì tương lai. Chung lưng xây dựng, cả một niềm tin và hy vọng. Sự ra đi của nàng, trong tôi không hề báo trước, không một dấu hiệu rã tan, tôi tin tưởng và yên tâm lo cho nàng mọi thứ, tin tưởng ở lòng gắn bó thiết thạch của nàng. Vậy mà nàng đành lòng dứt áo không một tiếng giã từ.

Tự vấn mình, có những lỗi lầm trong quá khứ, cái vui chơi của đàn ông, của những tự hào với bè bạn thế thôi. Tôi đã đặt vợ con là trên hết, không bao giờ có ý nghĩ xa nàng, xa con. Nhưng nàng để tâm không tha thứ, không chịu quên mình một chút. Nàng tưởng đến thú vui của riêng nàng, không hề nghĩ tới sợi dây đã nối kết của hai người mới lớn yêu nhau, những sự chung hưởng những chia sẻ những thăng trầm trong cuộc sống.

Tôi nuốt xuống sự tức giận, dằn lòng để khỏi hành động bậy có hại cho tương lai những người trong gia đình. Những ảnh hưởng, những thèm khát, những quyến rũ tất cả làm biến thiên, ngoài khả năng gìn giữ của tôi. Lòng tôi tha thiết bao nhiêu ngược lại nàng hững hờ chối bỏ thì cuộc tình gẫy đổ. Tôi và nàng đã có những tình yêu thuở trước, những ái ân vợ chồng, những đứa con làm chứng tích tình yêu. Nhưng không có những cảm xúc tương quan thì có vớt vát có hàn gắn chỉ làm tổn thương thêm năm tháng bên nhau ngày cũ. Tôi đau khổ trong những lần đi tìm không gặp, tôi đã ngủ ngoài xe dưới trời sương dầy đặc của những ngày đông giá nơi xứ người, tôi la cà tìm kiếm trên những con đường nhựa hắt hiu những ngọn đèn mờ nhạt giữa sa mù bao phủ, con đường nàng tới và bất cứ ngõ ngách nào có bóng dáng nàng bên trong với kẻ khác. Tôi khổ sở khi nàng đuổi tôi về viện cớ học hành, lái xe về mà lòng tôi mường tượng nàng trong vòng tay kẻ khác. Cay đắng tủi hờn đè nén, để chìu chuộng nàng, nàng bảo sao làm vậy, cố chờ nàng nghĩ lại thương hại mà trở về. Có những đêm khuya một, hai giờ đánh thức các con đi tìm mẹ. Nhưng nàng như bóng chim tăm cá. Tôi phải nói với con là nàng đã học chỗ khác. Tôi biết nàng đang ở đâu. Còn cái đau nào hơn. Biết mà đành lặng câm, nàng đang say sưa đang vui thú với hành động của nàng. Nói gì cho nàng trở lại bây giờ. Gây gỗ, đánh đập ư? Tôi lại càng mau mất nàng thêm. Chỉ có cách hay nhất là mềm mỏng, giả như ngu, đui, điếc, cho nàng qua cơn mê.

Tôi không cao thượng, không làm anh hùng, tôi ghen nhưng tập cái ghen để trong lòng, tôi không làm gì mấy năm qua là vì tôi chờ đợi ở nàng sự hồi tỉnh. Tôi nghĩ trong chúng ta đều có lầm lỗi, có tật xấu, thói hư. Tôi đã tha thứ và mong nàng trở lại với tôi với con. Nàng không có gì khác để chọn lựa để xa tôi tốt đẹp hơn sao? Lại chọn lựa sự phản bội, chọn

HUỲNH LIỄU NGẠN

Cũng đời em ngày nọ

đêm khuya nào heo hắt
thổi lộng cánh rừng đen
mắt em không soi sáng
làm sao mà thân quen

một giọt sương vừa rung
trong cõi lòng anh đây
làm sao em biết được
nỗi đời anh đắng cay

tiếng ai con rất nhẹ
cơn mưa nào phôi pha
tiếng em còn rất nhẹ
cuối dặm đường anh qua

cũng đời em ngày nọ
xanh xao nước sông đầy
cầm bằng con nước chảy
qua hết mùa heo may.

lựa điều xấu xa, điều sỉ nhục. Càng ngày nàng càng lún sâu vào thú vui vật chất, thật tế nàng là của người khác. Mỗi khi nghĩ tới điều đó, thấy hành vi đau lòng thì tôi như bị ai cắt thịt lóc da. Nàng làm mặt lạ trốn tránh không còn muốn gặp tôi và con dù nàng có đủ thì giờ về thăm các con một buổi. Bằng đủ mọi cách, mọi giá tôi đưa nàng và các con đến bến bờ tự do. Tại sao tôi không chết trong ngục tù của chúng nó, không bỏ xác ngoài biển khơi cho tấm thân mục rã, đến bến bờ tự do rồi mỗi người đi mỗi ngả. Bây giờ nàng tự do thật, tự do đi ngang về tắt, tự do quên mất chồng con. Người bạn đời của tôi ơi, nàng đã lạc nẻo vùng sa mạc mênh mông rồi.

Đã hơn một lần tha thứ, tha thiết sự hồi tâm của nàng nhưng vô hiệu năng tôi đành bất lực để nàng lóc xoáy trong mấy vòng tay. Giờ đây tôi không còn có tấm lòng từ bi hỉ xả của đức Phật, của một Hòa thượng chơn tu tha thứ lỗi lầm, làm ngơ mọi điều phạm giới của người đệ tử mến yêu. Tội nghiệp mấy đứa con tôi thiếu mẹ, tội nghiệp tình yêu tôi đã chết, dầu tôi có đưa vào nơi tinh khiết sáng trong nuôi dưỡng, tưới nước cam lồ cũng không thể hồi sinh.

Bây giờ bên cạnh tôi có người đàn bà cũng dịu dàng thùy mị, cũng ngọt ngào đối thoại, đậm nét thêm tình huống hai mươi năm về trước. Cũng ánh mắt đong đưa, cũng nụ cười e ấp làm tôi trở lại chất ngất trong tình yêu. Nàng giống người đàn bà này. Bài học đầu đời làm tôi tê môi đắng lưỡi, tôi chán ngán thói đời, chán ngán chính mình, vì đâu bởi đâu thân xác tâm hồn tôi chơi vơi giữa khoảng không của định mệnh nghiệt ngã, sự tan biến, cô đơn, xa vắng những thân tình nồng ấm cũ. Tôi thường có những phút giây lắng chìm vào ý nghĩ xa xôi, những năm tháng chết lịm, coi ngoại giới như tĩnh vật vô nghĩa.

Quanh qua lộn lại mấy con đường, ánh điện từ trên cao cho tôi thấy người đàn bà bên cạnh có dáng dấp một nhà thơ, một văn thi sĩ. Tôi thở dài, lần kết hợp này thất bại không biết bà ta nghĩ gì. Có lẽ bà sẽ tìm đối tượng khác thích hợp hơn. Không biết có nên nói gì cho đỡ tẻ, cho lắng xuống sự e ngại trong lòng, cho bà ta hiểu và không buồn phiền khi gặp phải tảng băng, khối đá.

Xe tôi dừng lại trước ngõ, bà ta chào tôi và lặng lẽ bước vô nhà, không nói lời cám ơn. Tôi quay đầu xe đi thẳng.

Vũng sáng của ngọn đèn đường buổi tối, loang mờ trên lề đường, những tia sáng xa xa như những ánh sao băng. Tôi và bà ta là hai ngã rẽ. Tâm tình mãi mãi không hề bắt gặp trên đôi mắt một thoáng trìu mến, dầu chỉ là khói sương của những giờ bên nhau ngắn ngủi.

Borges và chính tôi

JORGE LUIS BORGES

Mọi chuyện xảy tới, là xảy tới với cái người khác kia: với Borges. Còn tôi, tôi thường đi dạo dọc các phố xá Buenos Aires, thỉnh thoảng dừng lại — có lẽ do thói quen — nhìn ngắm khi thì cái mái vòm cung trên một lối vào kiên cố, khi thì tấm cửa lưới sắt; tôi biết tin tức về Borges là qua thư từ, hoặc do tôi đọc thấy tên y trong một danh sách giáo ban đại học hay trong một từ điển tác gia nào. Riêng tôi, tôi thích đồng hồ cát cùng bản đồ các loại, thích kiểu cách in ấn xa xưa hồi thế kỷ 18, thích từ nguyên, thích cà-phê nữa, rồi văn xuôi của Stevenson; còn cái người khác kia, Borges, y cũng chia sẻ những sở thích đó nhưng với một kiểu cách phô trương đã biến chúng thành những sở thíchd đó nhưng với một quan hệ xấu; tôi sống đời tôi, chẳng phiền chẳng lụy, sao cho Borges có thể mặc tình thêu dệt những truyện, thơ y, và nói nào ngay, những truyện, thơ này lại biện bạch cho chính tôi. Cũng chẳng khó khăn gì cho tôi để thừa nhận rằng quả là Borges cũng gắng viết lách được dăm ba trang gọi là bõ công đáng sức, nhưng dăm ba trang đó chẳng cứu vãn gì được tôi, có lẽ bởi vì bất cứ điều hay đẹp nào, trước sau gì, cũng chẳng là sở hữu của riêng ai — ngay cả của cái người khác kia — để nhập vào ngôn ngữ chung hay truyền thống của cộng đồng. Trong bất cứ tình huống nào, định mệnh cũng đã an bài, là tôi phải chịu thua thiệt, mất mát, lụi tàn, dứt khoát là như vậy (x); có chăng là thảng hoặc vài khoảnh khắc con người thật trong tôi còn sống sót nơi cái người khác kia. Dần dà, tôi phải giao nạp mọi thứ cho y (x), dẫu tôi có chứng cớ hiển nhiên về thói quen ương bướng của y là chuyên xuyên tạc và cường điệu mọi chuyện. Spinoza tin rằng mọi sự hữu không ngừng trì thủ lấy mình, đá mãi muốn là đá và cọp mãi muốn là cọp. Nếu quả vậy, tôi sẽ trì thủ nơi Borges chứ chẳng phải nơi tôi (nếu quả thực tôi có là ai đó); thế nhưng, thực tình mà nói, tôi ít nhận ra mình nơi những tác phẩm của Borges cho bằng nơi những tác phẩm của tác giả khác, hoặc cho bằng nội cái việc cẩn thủ lên dây một cây đàn ghi-ta. Nhiều năm trước đây, tôi đã gắng giải thoát tôi thôi bị y đeo đẳng, nên chi tôi hết lao đầu vào việc thu nhặt những mẩu chuyện hoang đường về các khu nhà ổ chuột ở ngoại ô thành phố, lại tìm tới các trò tiêu khiển giết thời gian, hoặc các trò chơi mà qua đó loài người hữu hạn đọ sức với vô biên, nhưng rồi những trò chơi đó nay cũng làm Borges say mê, và thế là tôi lại phải tìm tới những công việc, những trò chơi khác. Và cứ thế, đời tôi trở thành một cuộc đào thoát, tôi mất dần mọi thứ, bởi mọi thứ hoặc là chìm vào quên lãng hoặc là phó mặc cho cái người khác kia.

Ai trong chúng tôi — tôi và Borges — viết trang này, tôi chẳng biết. K

(1) Bản dịch sang Anh ngữ, có sự cộng tác của chính tác giả: In any case, I am fated to become lost once and for all, . . . (The Aleph and Other Stories 1933-1969, edited and translated by Norman Thomas di Giovanni in collaboration with the author, Bantam Books, 1971, p.98)

Bản dịch của James E. Irby (sách đã dẫn, trang 43): Besides, I am destined to perish, definitively, . . . Tự xét không đủ sức để ngắn gọn đồng thời rõ nghĩa, người dịch đã, một cách thô thiển, *trộn lộn* cả hai câu tiếng Anh.

(2) Ôi đồng hồ cát, ôi cà-phê, ôi Stevenson với hư cấu lẫy lừng về nhị trùng bản ngã Jekyll-and-Hyde, và gì nữa, và sẽ còn gì nữa . . . (lời than của người dịch).

Đôi mắt

TRẦN MỘNG TÚ

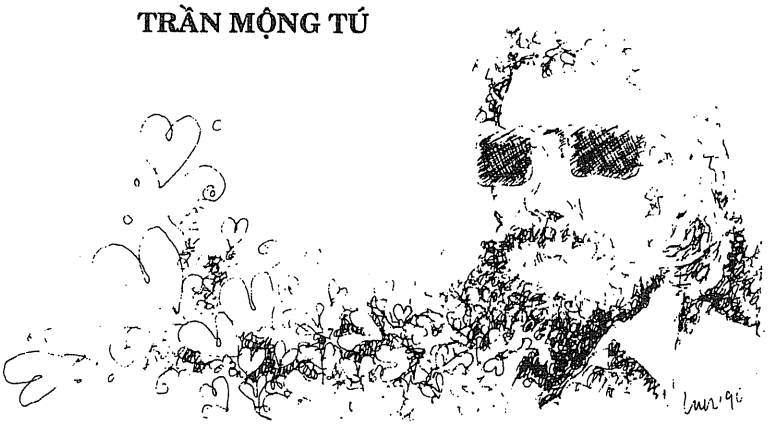

An đứng trong bếp sửa soạn bữa cơm chiều thỉnh thoảng lại liếc nhìn giờ ở cổ tay. Buổi chiều cuối xuân, ngày lúc nào cũng như hãy còn mới, 6 giờ chiều, trời sáng trong, gió thổi mạnh, từng đám hoa bông goòng của nhà hàng xóm bay sang khu vườn nhà nàng trắng xóa không gian. Con bé Kim cầm cái dù ra sân giả vờ chơi tuyết, bỏ em nó ở trong nhà một mình với mấy món đồ chơi. Mỗi lần một cơn gió đi qua làm bé Kim như muốn bay lên trời với cái dù trong tay. Kim bốn tuổi có vóc dáng của mẹ. Nó nhẹ cân hơn em nó, cu Đôn, tuy bé mới hơn hai tuổi mà mẹ không thể nào bế lâu hơn 15 phút. Cu Đôn chơi chán một mình lững thững xuống bếp túm lấy chân mẹ, An cúi xuống đưa cho con một miếng cà rốt dỗ dành.

"Bố sắp về, để mẹ dọn cơm, con ra phòng ngoài chơi, đừng làm vướng chân mẹ."

Cu Đôn được miếng cà rốt toét miệng ra cười với mẹ rồi ngoan ngoãn đi ra khỏi bếp.

An vặn nhỏ lửa nồi canh xuống. Manh gọi điện thoại nói về từ 5 giờ mà bây giờ đã 6 giờ chưa về đến nhà, cơm canh đã hâm xong An lại phải tắt lửa đi. Manh có thói quen, trước khi rời sở chàng hay gọi điện thoại về cho vợ. An ở nhà cơm nước đã sẵn sàng, nhà cửa con cái sạch sẽ, ngăn nắp, chồng về là có thể ngồi vào bàn ngay. Hôm nay như thường lệ công việc sở xong lúc 5 giờ, chàng gọi về cho An. An bắt đầu sốt ruột vì đã mở tắt bếp hai ba lần mà Manh vẫn chưa về, nhà chỉ cách sở làm có ba dặm, đồng hồ đã quá 6 giờ. Chuông điện thoại reo, An nhấc máy tưởng chồng gọi. An nghĩ trong đầu "Chắc phút chót lại bận việc gì". Đầu dây bên kia một giọng phụ nữ Mỹ hỏi:

"Xin lỗi, có phải bà là bà Flynns?"

"Dạ tôi đây," An đáp.

"Tôi là Jane ở bệnh viện St. Peter báo cho bà hay. Ông Manh Flynns bị tai nạn xe cộ, hiện đang ở phòng cấp cứu, xin bà đến ngay."

An hốt hoảng hỏi:

"Thưa bà, chồng tôi có bị nguy hiểm lắm không?"

"Tôi cũng chưa rõ lắm, vì mới chở ông vào phòng cấp cứu, tôi lục giấy tờ và gọi ngay cho bà, nhưng chắc là không nguy hiểm lắm vì tôi thấy ông nhà vẫn nói được.

"Vâng cám ơn bà, tôi sẽ đến ngay." An buông máy, sững sờ mất mấy giây đồng hồ, nàng chưa định thần được diễn tiến của sự việc, toàn thân nàng tê cứng trong sợ hãi. Ngoài sân con bé Kim vẫn như muốn bay lên trời cùng với chiếc dù, hoa bông goòng phủ trắng vườn rau thơm của nàng, nắng vẫn vàng tươm trên những ngọn cây. An biết chắc rằng nàng không thể nào tự lái xe đến bệnh viện được, mặc dù bệnh viện St. Peter chỉ cách nhà nàng ba ngã tư đường.

An gọi điện thoại cho anh, anh nàng nói sẽ đến ngay và đem theo đứa con gái lớn để nó trông hai đứa nhỏ.

An ra sân dắt bé Kim vào nói sơ qua cho con biết là sẽ có chị Dung sang chơi với con mẹ phải đi với bác Tâm vào thăm bố ở bệnh viện. Con bé bốn tuổi tròn xoe đôi mắt màu hạt dẻ hỏi mẹ bằng giọng ngây ngô:

"Con muốn đi với mẹ vào xem Bố."

"Con ở nhà với em Đôn mẹ đi đón Bố về cho con."

Hai anh em An đến bệnh viện thì Manh đã được đưa vào phòng riêng. Bác sĩ trực ra đón An ngay ở hành lang. Sau khi tự giới thiệu là vợ Manh, An được bác sĩ Evans cho biết Manh chỉ bị xây xát vài ba chỗ trên mặt và cổ, tình trạng sức khỏe bình thường nhưng hai con mắt thì lại vô cùng nguy hiểm. Nếu trong vòng 48 tiếng đồng hồ mà không có được đôi mắt khác thay vào thì sẽ bị mù suốt đời.

An rú khẽ lên một tiếng hai tay ôm mặt, dựa vào anh. Tâm phải đưa tay ra ôm ngang lấy em. Nước mắt ràn rụa An hỏi không ra tiếng:

"Xin bác sĩ cho biết vì sao mà

lại xảy ra như vậy."

Bác sĩ Evans mời Tâm đưa An vào văn phòng mình, để An ngồi xuống đâu đó, ông đi rót cho mỗi người một ly nước, rồi mới chậm rãi trả lời:

"Theo biên bản cảnh sát thì xe của Manh đi sau một cái xe vận tải chở những thanh sắt tròn nhỏ dùng cho việc xây cất, những thanh sắt dài đưa ra khỏi xe hơn hai thước. Đến ngã tư ngừng lại bốn phía, chiếc xe vận tải ngừng lại, xe Manh cũng ngừng lại nhưng chiếc xe van đi sau xe Manh chạy 50 dặm một giờ vẫn giữ nguyên vận tốc nên tông vào xe Manh, Manh mặc dầu có khóa an toàn vẫn bị bổ đầu về đằng trước và xe chàng đụng vào đuôi xe vận tải, những thanh sắt xuyên qua kính và đâm vào mắt Manh. Sức tông quá mạnh đã hủy hoại cặp mắt của chàng."

An nắm chặt lấy tay anh, nàng run rẩy như một con chim bị đạn, như chính nàng đang bị những thanh sắt đâm vào mắt, bóng tối phủ ập xuống đầu nàng. An không nhìn thấy gì nữa, nàng gọi trong cuống họng:

"Anh Tâm, anh Tâm, cứu em."

"Có anh đây, Tâm ôm hẳn em vào ngực để đầu An dựa lên vai mình, vỗ nhè nhẹ vào lưng em. Chàng thấy mình bất lực hoàn toàn, cái hình ảnh An và hai đứa con nhỏ cùng một người chồng mù như đang đứng xếp hàng trước mặt chàng." Tâm hỏi bác sĩ.

"Manh đã biết mình bị mù chưa?"

"Bây giờ thì chưa, tôi đã chích thuốc giảm cơn đau và thuốc an thần cho Manh ngủ một giấc, khi tỉnh dậy tôi sẽ nói cho ông ấy hay. Đồng thời xin ông và bà Flynns hãy bình tĩnh tôi đã thông báo với các ngân hàng mắt trên đất Mỹ, và 9 giờ tối nay đài phát thanh sẽ bắt đầu loan tin xin mắt cho Manh. Tôi hy vọng sẽ có kết quả tốt đẹp."

An nhìn vào mắt bác sĩ Evans hỏi chậm từng tiếng:

"Nếu không xin được thì còn cách nào để cứu vãn đôi mắt Manh nữa không?"

Vị bác sĩ tránh ánh mắt An, nhìn ra cửa sổ khẽ lắc đầu:

"Manh sẽ mù vĩnh viễn."

An đứng phắt dậy như chạm phải một dòng điện:

"Không, không bao giờ tôi chịu để Manh bị mù."

"Tôi cũng không muốn cho Manh bị mù, chúng ta hãy cùng cầu nguyện. Bây giờ thì bà và ông có thể vào thăm Manh, nhưng xin đừng gây tiếng động, tôi muốn cho Manh ngủ một giấc dài."

An đứng lên nắm tay anh đi theo bác sĩ Evans. Ba người đi vào khu Intensitive care dành riêng cho những bệnh nhân được chăm sóc đặc biệt. Khi An bước vào buồng chồng, Manh đang nằm im dưới một tấm chăn trắng mỏng. Trên mặt anh một miếng băng trắng quấn vòng chung quanh đầu che kín hai mắt, máu ở trong hai tròng mắt chảy ra thấm đỏ cả miếng băng. An cúi xuống mặt chồng, Tâm đứng sát vào em, vòng tay ôm ngang bụng An, chỉ sợ em ngã chúi vào Manh. Bác sĩ Evans nhắc khẽ trước khi ra khỏi phòng:

"Xin bà để ông ngủ."

An lặng nhìn hai vệt máu loang tròn trên tấm băng mắt của Manh, nàng hình dung ra hai con mắt trong xanh của chàng sáng nay, trước khi đi làm cúi xuống hôn lên trán nàng. Hai con mắt An hay ví như hai viên bi của trẻ con chơi, trong veo và xanh biếc. An nhớ có một đêm rằm mùa đông. Mặt trăng được bao quanh bởi một đám mây xanh, thả vào không gian những vùng ánh sáng xanh trong vắt, An và Manh dắt tay nhau đi dạo dưới trăng An đã đọc cho chồng nghe.

Lạnh quá, mùa đông trăng vỡ tan

Những mảnh trăng xanh vướng mắt chàng

Rơi xuống môi hôn đêm nguyệt lạnh

Hai người tan giữa vũng trăng loang

Manh đã cúi xuống hôn thật lâu trên mắt vợ:

"Em yên lòng đi, ban ngày, hay ban đêm, mùa đông hay mùa hạ trong mắt anh bao giờ cũng có những mảnh trăng xanh để cho em làm thơ. Anh cũng muốn làm thơ để ca tụng cặp mắt đen của em, nhưng tiếc quá anh không phải là thi sĩ. Trong đôi mắt đen của em lúc nào cũng hình như giấu một điều gì bí mật mà từ khi yêu em cho đến bây giờ, và có lẽ suốt cả đời anh cũng vẫn không khám phá ra được. An trêu chồng:

"Anh đang yêu một điều bí mật, cứ biết thế là đủ rồi, việc gì phải khám phá."

Đêm hôm đó trăng xanh đẹp quá hai vợ chồng đi dạo trong xóm lâu gấp hai lần những đêm trước. An đọc cho chồng nghe cả thơ Xuân Diệu, cố cắt nghĩa cho Manh hiểu câu thơ "Hai người nhưng chẳng bớt cô đơn" Manh bảo: Mấy vị văn, thi sĩ rắc rối lắm em có biết khi ông Kahil Gibran tác giả cuốn Thánh Thư viết về hôn nhân ông ấy nói thế nào không? Ông ấy bảo "Sing and dance toghether and be joyous but let each one of you be alone" anh thì không bao giờ muốn để em một mình cả, và ở bên em anh hạnh phúc vô cùng chứ làm sao mà lại có thể "Hai người nhưng chẳng bớt cô đơn" như ông Xuân Diệu của em. An bóp nhẹ tay chồng:

"Thế cho nên anh không phải là thi sĩ."

Hai người đi qua công viên dẫn đến một bãi sông nhỏ dành riêng cho khu xóm. An mỏi chân quá kéo chồng ngồi xuống những tảng đá lớn xếp chồng nhau ở bờ sông. Manh vừa nghiêng xuống bóp chân cho vợ vừa nói:

"Chắc là lúc về anh phải cõng em rồi." An tinh nghịch ném những viên đá nhỏ xuống lòng sông, những vòng tròn trên mặt nước lan ra xa rồi tụ

lại mỗi khi một viên đá được ném xuống trông vô cùng ngoạn mục. An lắc đầu.

"Xấu hổ lắm, tối nay trăng sáng anh không thấy người ta đi dạo nhiều hơn mọi tối sao, họ mà thấy chúng mình cõng nhau họ cười cho."

Rồi An kể cho Manh nghe chuyện người mù cõng người què trong Quốc văn Giáo khoa thư An học hồi còn bé. Manh ngửa mặt nhìn trăng kéo vợ sát vào mình cười:

"Anh ước gì được mù để cõng em hoài."

"Nhưng em không muốn què đâu, em sẽ đẩy anh trên một chiếc xe lăn." Bỗng An đưa tay ra bịt miệng chồng.

"Anh đừng nói gở, người Á Đông kiêng cữ ăn nói như thế lắm, ai lại tự nhiên muốn mù bao giờ."

Lời nói gở đêm trăng hôm nào nay bỗng thành sự thật. Tâm kéo nhẹ tay em. An giật mình ra khỏi giòng suy tưởng trở về với hiện tại. Tâm dỗ dành An.

"Mình về để cho Manh ngủ, em cũng cần phải về với hai đứa nhỏ."

An cúi xuống hôn nhẹ lên má chồng cố nén không bật lên tiếng khóc.

Cô y tá trực đón anh em Tâm ở bên ngoài, dặn An.

"Bác sĩ muốn xin bà một tấm ảnh gia đình để ngày mai họ sẽ chiếu trên đài truyền hình cho việc xin mắt được phổ biến sâu rộng hơn. Còn đài phát thanh thì sẽ bắt đầu 9 giờ tối nay.

Tâm cám ơn cô y tá và nói chính chàng sẽ lo việc đó.

Trên đường về Tâm tìm lời an ủi em. Chàng tìm những câu chuyện ghép tim, ghép thận, thay phổi thay gan có kết quả tốt đẹp, sự làm việc tận tâm của những bác sĩ, sự tân tiến của các máy móc anh hứa với An ngày mai vào sở sẽ lấy hai ngày nghỉ phép ở nhà để chạy qua chạy lại với An. An vẫn im lặng không trả lời anh, Tâm liếc nhìn sang em thì thấy mặt An cứng lại như bị lấy ra từ tủ nước đá hai con mắt mở to nhìn thẳng về phía trước không giỏ một hạt lệ, An hình như đã có một quyết định. Bất giác Tâm khẽ rùng mình, chàng biết rõ tính em. An rất nhạy cảm, dễ xúc động và hay khóc nhưng lại có tính quả quyết khi đã muốn làm một điều gì thì không ai cản được. Anh nhớ hồi còn ở Việt Nam khi đó An đang học lớp đệ thất, nhà trường có tổ chức một cuộc gắn insigne để quyên tiền cây mùa xuân cho chiến sĩ, An được chọn làm trưởng toán trong lớp nàng. Trước ngày đi gắn insigne, thứ Sáu cuối tuần An đi học về gặp mưa, bị cảm lạnh nửa đêm lên cơn sốt mê sảng gần 41 độ, mẹ nàng sợ quá đánh thức cả nhà dậy, người xoa đầu, người đi lấy nước đá trườm cho An. Sáng hôm sau An hạ cơn sốt nhưng vẫn còn ngây ngất, mẹ không muốn cho An đi, nói nhỏ nhẻ thế nào An cũng nhất định đòi đi sau cùng bà phải gọi ông vào. An rất sợ bố, không giờ dám trái lời. Thế mà khi thấy bố vào phòng An ngồi phắt dậy, tung chăn, đứng thẳng xuống đất nói với bố lễ phép nhưng giọng rất cương quyết, rõ ràng:

"Thưa ba, ba cho phép con được đi, con đã khỏi rồi, con là trưởng toán nếu con ở nhà hôm nay thì các chị bạn ở lớp con sẽ thất vọng mà bỏ ra về hết."

Nhìn hai mắt đen láy, sáng bóng của con và nghe giọng nói cương quyết, bố biết là nếu bắt An ở nhà nàng sẽ thất vọng lắm, ông đành nhượng bộ:

"Ừ thì con đi, nhưng con phải cẩn thận thấy chóng mặt thì gọi xe về ngay đừng để xỉu giữa đường, con nhớ hôm trước con xỉu trong nhà thờ không?"

Mẹ quay mặt đi nói khẽ "Tưởng gọi ông vào để ông cản con mà hóa ra ông còn chiều con hơn tôi." Bố đợi cho con đi rồi, mới nói với vợ:

"Anh chàng nào về sau lấy con An nhà này sẽ khổ vì cái tính cương quyết của nó thôi."

Tâm thì không đồng ý với bố như thế, chàng thấy An ngoài tính cương quyết ra còn nhiều đức tính đáng yêu khác. Là con gái duy nhất trong gia đình có bốn người con, lại là gái út, được nuông chiều từ nhỏ, đáng lẽ An phải ỷ lại vào bố mẹ và các anh nhưng ngược lại An đã không ỷ lại mà còn phụ mẹ săn sóc cho bố và cả nhà. Tâm hồi đó còn độc thân, ở trong quân đội, mỗi lần về phép, An đỡ ba lô của anh ra bỏ quần áo cho người làm giặt rồi tự tay đính lại những cái khuy, khâu lại những đường chỉ tuột, là ủi gấp gọn gàng cho anh. Bao giờ An cũng nhớ bỏ vào cho anh mấy khăn mùi xoa và một lọ dầu nhị thiên đường. Tâm hồi đầu chiều em, thấy em săn sóc thì cũng giữ lấy lọ dầu những khi bị cảm cúm qua loa chàng lấy ra dùng đỡ chứa bệnh thì ít mà nhớ đến em thì nhiều, mãi rồi thành thói quen. Khi chàng lập gia đình, Thúy cũng yêu chồng, cũng săn sóc chồng nhưng Tâm công bình mà nhận thấy rằng Thúy không tỷ mỷ và ngăn nắp bằng An, Thúy lại sợ mùi dầu nên trong ba lô của chàng không có chai dầu nữa mà nhiều khi Thúy quên cả bỏ mùi xoa vào. Thành người em kế của Tâm thì chỉ uống cà phê do tay An pha. Thành bảo cà phê An pha thơm ngon, độ đắng, độ ngọt vừa phải và nóng đến giọt cà phê cuối cùng. Hải người anh sát An thì thân với An như một người bạn, hai người thường hay đi ciné, đi dạo phố, mua bán với nhau rất là tương đắc. Nói tóm lại cả ba người anh đều hài lòng về cô em út.

Khi nước mất, cha mẹ Tâm quyết định ở lại. Mẹ Tâm người miền Nam hai ông bà sẽ thu xếp về Vĩnh Long là quê ngoại của Tâm. Tâm dắt mấy anh em theo làn sóng di tản chạy ra khỏi nước. Hai người em trai của Tâm lúc đó đã lập gia đình, đi theo nhà vợ, một người định cư ở Úc, một người ở Canada. An theo lời bố mẹ dặn ở với vợ chồng Tâm là anh lớn nhất cho đến khi lập gia đình. Lúc đi An

mới 20 tuổi, đang học Văn khoa. Khi sang Mỹ, Tâm không muốn cho em đi làm, bắt em đi học và An đã gặp Manh ở trường học. Manh lúc đó đang theo đuổi chương trình cao học về quản trị xí nghiệp, An thì cố lấy chứng chỉ hai năm về sinh ngữ. Manh bị cô sinh viên Việt Nam nhỏ bé có đôi mắt đen láy, sáng bóng chinh phục ngay từ buổi gặp đầu tiên ở Cafeteria. An đi học về hay kể cho anh chị nghe những lần tiếp xúc với Manh. An nói — Manh có một người em họ chết ở Việt Nam năm 1971 mới có 22 tuổi, gia đình chàng rất buồn, nhưng theo chàng chính nhóm phản chiến của báo chí Mỹ đã đưa đến sự rút quân nhanh chóng ở miền Nam và chàng một đôi khi cũng tự hỏi "Nếu người Mỹ không tham dự vào cuộc chiến Việt Nam thì chưa chắc gì miền Nam đã mất về tay cộng sản" và An đã trả lời.

"Tôi gạt bỏ những vấn đề chính trị sang một bên, vì tôi không đủ khả năng để bàn cãi về chính trị. Nhưng con số trên 50,000 binh sĩ Mỹ thương vong ở Việt Nam không phải là con số nhỏ. Tôi thông cảm vô cùng sự đau đớn mất mát của những bà mẹ và những người vợ đó. Những bà mẹ và người vợ Việt Nam khi chồng con họ tử trận họ cũng đau đớn lắm nhưng sự đau đớn đó còn được an ủi bằng chữ Hy Sinh Cho Tổ Quốc những người đàn bà Mỹ trong hoàn cảnh này chỉ còn lại sự chua xót và bất mãn. Vào những ngày lễ trận vong chiến sĩ tôi tưởng niệm đến những người binh sĩ Việt Nam chết cho quê hương thì nỗi đau thương của tôi chen lẫn lòng kính phục và khi nghĩ đến những quân đội đồng minh đã ngã gục trên đất nước tôi thì lòng tôi vừa thương xót vừa áy náy, đối với tôi đó là một món nợ tinh thần, tôi mang cái ơn đó và tôi mong có một cơ hội nào để tôi đóng góp được một phần nhỏ bé đền ơn cho những bà mẹ và người vợ Mỹ có chồng

KHOA HỮU

Chuyện cổ tích Đông phương

Nhà em — con ngõ số sâu
đường nghiêng mái lệch điện câu trăm dòng
mùa mưa nước nổi long đong
ướt chân em ướt tấm lòng qua đây.

Chiều đi nét nắng hao gầy
em hong tóc chải bên này hàng hiên
thêm tay gió chải dùm em
tóc thơm lẫn với hương đêm trên đầu.

Đêm về gió trốn về đâu,
mây bay hờn giận lối sầu nhân gian
phong phanh cái đẹp cơ hàn
áo xanh lầm đến hồng nhan con người.

Vào thu chiếc lá khô rơi
cô đơn một chiếc lá rời cành khô
rồi đông nhớ rét mịt mù
tuổi như quên lãng bất ngờ lớn lên.

Mười năm — đã ngỡ quên tên
như quên con ngõ thăm em bây giờ
ngôi trường xưa bước tuổi thơ
bước đi ngỡ bước học trò chiêm bao.

Thời gian sóng ngọn ba đào
anh về đời vẫn lao đao con đường
anh về như bóng trong gương
những con mắt thức trong hồn chợt đau.

Mười năm — một cái lắc đầu
thân nhau lạ đến quên nhau cũng đành
mắt em mở vẫn trời xanh
có bông hoa nở trên cành ước mơ.

Anh về lạ đến đường xa
chào em, em chẳng nhận ra lời chào
em quên cũng chẳng vì sao
vì quên một kẻ lạ nào nhắc tên.

Mùa trăng nhớ dưới hàng hiên
ngồi hong tóc đến nửa đêm trăng tà
đường khuya một bóng người qua
vai so đầu cúi đi xa cuộc đời. . .

Sàigòn, Việt Nam

con chết cho quê hương tôi.

Những lần nghe em kể lại Tâm cũng tử tốn vừa góp ý vừa chỉ bảo cho em.

"Người dân miền Nam nào cũng có trách nhiệm về cái biến cố lịch sử 1975 cả. Quân đội Việt Nam là một quân đội hùng mạnh, binh sĩ Việt Nam quả cảm, họ chiến đấu là một bằng chứng hùng hồn nhất. Nếu không có những tướng tá giỏi và binh sĩ hết lòng vì dân vì nước thì làm sao mà đẩy lui được những trận tấn công bất ngờ của cộng sản. Nhưng chỉ tiếc rằng những vị Tướng, Tá trong sạch lo cho vận mạng đất nước thì chỉ đếm được trên đầu ngón tay còn lại toàn là một tập đoàn tham nhũng thối nát, tham quyền cố vị từ cấp lãnh đạo trở xuống giống như một cái nhà giột từ nóc giột xuống vậy. Tướng tham đẳng tướng, Tá nhũng đẳng tá, dân chúng thì ai tự lo lấy thân mình, giặc chưa vào đến nơi đã dẫm lên nhau mà chạy, như anh đây chỉ là một cấp úy cũng tham sống sợ chết, lúc đó chỉ còn biết đến riêng gia đình mình, dắt díu các em chạy đi tìm đường sống. Vậy thì nước mình mất là tại mình trước nhất rồi mới đến những phương diện chính trị ảnh hưởng bên trong bên ngoài. Nếu mình biết dựa vào sự giúp đỡ của đồng minh để củng cố nội bộ của mình cho vững chắc thì dù thế lực cộng sản Bắc Việt có mạnh đến thế nào chăng nữa chúng ta cũng không bao giờ có thể mất trọn nguyên cả miền Nam và mất một cách dễ dàng như vậy được. Sau khi tốt nghiệp Manh ngỏ lời xin cưới An, An nhận lời với điều kiện là Manh hứa sẽ đem An về sinh sống ở Việt Nam khi có điều kiện và sẽ cùng An đem sự hiểu biết của mình ra để phục vụ cho Việt Nam. An ao ước được về quê ngoại ở Vĩnh Long xây một ngôi trường tiểu học và Manh đã bằng lòng.

Sau đám cưới, cha của Manh có gửi cho hai vợ chồng trẻ một số tiền để mua nhà. An đã thuyết phục Manh thay vì mua một căn nhà đẹp, đủ tiện nghi đúng với số tiền, thì chia số tiền đó ra làm hai, mua hai căn nhà nhỏ hơn. Một căn cho mình và một căn dùng để đầu tư sau này cho chương trình về Việt Nam. Tâm biết chuyện cứ cằn nhằn em mãi và bảo An không thực tế chút nào, biết đến bao giờ mới có điều kiện về Việt Nam mà em đã bắt chồng ăn nhịn để dành ngay từ lúc còn trăng mật thế này. Tuy ngoài miệng nói thế nhưng trong lòng chàng không khỏi ngầm cảm phục em.

*
* *

Hai đứa bé đã vào giường vừa thấy mẹ và bác về chạy ùa ra. Cu Đôn được bác bế bổng lên cao cười sằng sặc lấy tay xoa đầu bác. Bé Kim túm lấy hai chân mẹ hỏi Bố đâu.

"Bố ngày mai mới về được."

An vừa trả lời con vừa đưa tay mở máy phát thanh, vừa liếc nhìn đồng hồ. Còn 15 phút nữa mới 9 giờ nàng nhẩm tính trong đầu Manh bị nạn từ 5 giờ 30 phút chiều hôm nay thứ Ba đến 5 giờ 30 phút sáng thứ Năm là đúng 48 tiếng. An vặn nhỏ máy xuống.

Tâm bảo con đi hâm cho cô An một ly sữa rồi chàng ân cần tự tay đưa lên miệng em như ngày xưa còn bé, mỗi lần An bị ốm vẫn hay làm nũng anh.

"Em uống một chút sữa cho khỏe, từ chiều đến giờ chưa ăn gì."

"Thì anh cũng đã ăn gì đâu."

Tâm nói dối cho em yên lòng.

"Anh ăn rồi, vừa ăn xong thì em gọi, chưa kịp uống nước." Chàng quay sang con.

"Dung rót cho bố một ly nước."

An dục anh đi về để mai Dung còn đi học, Tâm hôn lên má hai đứa bé do dự hỏi An:

"Cần anh ngủ lại đêm nay không?"

"Có lẽ em sẽ cần anh hai hôm nữa, bây giờ thì không, em sẽ cho các cháu đi ngủ rồi còn phải gọi điện thoại sang Denver cho ông nội các cháu." Tâm thấy em nói bằng một giọng rõ ràng và quá bình tĩnh làm chàng hơi sợ. Giá An cứ khóc lóc và níu lấy chàng như lúc ở bệnh viện thì chàng lại đỡ lo hơn.

An tiễn chân anh ra cửa, cho con vào giường, đi gọi điện thoại cho Bố chồng. An tần ngần cầm điện thoại lên rồi lại bỏ xuống. Ông cụ ngoài 70 tuổi, ở một mình bà cụ mất gần 10 năm nay, bây giờ nửa đêm (giờ ở chỗ cha Manh ở sớm hơn chỗ nàng ba tiếng) đánh thức cụ dậy, báo tin con trai bị tai nạn chắc chắn sẽ làm ông cụ lo sợ cuống cuồng. Sau mấy phút nghĩ ngợi An thấy nàng nên gọi cho cô của Manh. Cô Karen ở cách anh 10 dặm, sáng mai cô sẽ lái xe đến tận nơi báo cho cụ như vậy cụ sẽ bớt sợ hơn. An tưởng mình đã lấy lại bình tĩnh thế mà khi nghe tiếng cô Karen ở đầu dây An vừa khóc nức nở vừa báo cho cô hay hoàn cảnh đáng thương của Manh. Cô Karen hứa là sẽ thu xếp cho cả cô và ông bố chồng nàng xuống ngay ngày mai. Cô hỏi số điện thoại của Tâm để liên lạc. Sự sốt sắng của cô cũng an ủi An được phần nào. An buông điện thoại xuống, nhìn đồng hồ đã quá 9 giờ 30, nàng lại nhấc điện thoại lên gọi cho bệnh viện St. Peter. Cô y tá trực cho biết chưa có tin tức gì khả quan từ lúc bắt đầu phát thanh, cô an ủi nàng cứ bình tĩnh Manh còn hơn 40 tiếng nữa để hy vọng. Cô y tá khuyên nàng nên uống một viên thuốc an thần cho dễ ngủ tối nay. An cám ơn và hứa sẽ nghe lời. An gác điện thoại, mở tủ thuốc tự lấy cho mình một liều thuốc ngủ nhẹ, nàng biết nàng cần phải giữ sức cho những ngày kế tiếp. Manh có tìm lại được ánh sáng hay không điều này chỉ có Thượng Đế trả lời được, nhưng An nhất định không lùi bước trước định mệnh nghiệt ngã này.

An mở cửa sau bước ra vườn,

nàng ngồi xuống chiếc xích đu treo ở hiên ngoài, nhìn cảnh vật chung quanh cảm thương cho chồng đang nằm trong hố sâu của bóng tối. Đêm nay là thượng tuần âm lịch, trăng lưỡi liềm còn vướng trên đỉnh núi xa xa, mọi tối bằng giờ này hai vợ chồng đã cho con lên giường rồi khép nhẹ cửa đi bách bộ trong xóm. Khu xóm nhỏ bé, yên tĩnh đêm đêm người trong xóm hay đi bách bộ trước khi đi ngủ, môn thể thao nhẹ nhàng, thích hợp với An nhất. Bây giờ An ngồi đây im lặng một mình, lắng nghe tiếng gió len lỏi trong những bụi cây, thỉnh thoảng một vài con sóc chạy ra đứng thẳng lên bằng hai chân sau, đôi mắt nâu ướt ngước nhìn lên lại chạy thụt vào trong bụi. An chợt nhớ đến đôi mắt của cô Karen, đôi mắt mà từ ngày lấy Manh, khi có dịp về thăm bên nội An đã phải né tránh nhiều lần. Cô Karen ở cùng một thành phố với bố chồng nàng, mỗi lần cô sang, hoặc vợ chồng Manh ghé thăm cô, Manh đều cẩn thận dặn đi dặn lại vợ:

"Em nhớ đừng nói chuyện gì đả động đến chữ Việt Nam, con trai lớn của cô, Mike đã tử trận ở Việt Nam năm 1971, lúc mới 22 tuổi."

Và lần nào An cũng nói:

"Em nhớ rồi, và em rất kính trọng sự đau đớn của cô."

Khoảng thời gian ở nhà cô, An không dám đi qua lối đi từ phòng ăn sang phòng gia đình, ở đó An biết có treo tấm ảnh của Mike, nàng không muốn cô Karen bắt gặp nàng đang nhìn lên ảnh Mike. Có một lần mời gia đình nàng sang ăn cơm gần đến bữa ăn cô mới nhớ là cô quên mua mấy quả dâu để xếp lên món bánh tráng miệng tối nay. Manh muốn lái xe cho cô, để hai cô cháu vừa đi chợ vừa tiếp tục câu chuyện bỏ dở. Khi xe vừa ra khỏi nhà xe, An chạy vội đến bên hình của Mike, bật đèn sáng lên để nhìn cho rõ. Trong hình Mike mặt quân phục màu xanh dương không quân hai mắt màu ve chai nhạt, nụ cười không hết miệng trông rất ngây thơ khuôn mặt nhỏ giống mặt cô Karen. Bên dưới hình có gắn một tấm bảng bằng đồng đề đầy đủ tên họ, năm Mike tốt nghiệp trung học và năm Mike tử trận ở Việt Nam. An đứng lặng người, dơ tay chận lên ngực cho bớt xúc động. Tội nghiệp người mẹ Hoa Kỳ, tội nghiệp người mẹ có con chết cho một quốc gia không phải là quốc gia của chính mình. Mike còn trẻ quá, mới 22 tuổi, còn đang ôm bao nhiêu giấc mộng trong tay. An nhớ cha Manh bảo, cô Karen đã gần như điên dại khi người ta chở xác Mike từ Việt Nam về. Trong nhà cô có một tấm bản đồ Việt Nam thỉnh thoảng cô lại giở ra xem chỗ Mike chết cách Sàigòn bao nhiêu cây số, rồi cô ngồi lẩn thẩn tính khoảng cách từ nhà cô cho đến chỗ Mike chết là bao nhiêu dặm.

Một lần khác cô cho xem hai, ba quyển album gia đình, hình đám cưới của hai người con gái cô, hình vợ chồng cô lúc mới lấy nhau. An thấy lẫn lộn trong đó có hình chụp đài tưởng niệm những người lính Mỹ tử trận Việt Nam ở Hoa Thịnh Đốn, một tấm chụp có in hàng chữ tên của Mike, và một tấm nữa có cô Karen để tay sờ lên hàng chữ khắc tên con. An bối rối lật vội sang trang khác, khi ngẩng lên An bắt gặp đôi mắt đau đớn trách móc của cô đang nhìn nàng, An thấy ngộp thở trong ánh mắt. Nàng vội vàng xin lỗi, gấp album lại bước ra ngoài. Từ đó nàng cố tránh đôi mắt của cô, và nàng có cảm tưởng rằng nàng đang chịu cô một món nợ mà không khi nào nàng trả được.

Sương đêm ướt lạnh tóc và vai An. Hình như trong gió có mang theo những hạt mưa lác đác. Mảnh trăng lưỡi liềm lúc này cài giữa ngọn thông trông như sửa soạn cắt bằng hàng cây thẳng đường. An rời sân mở cửa vào nhà, nàng hy vọng liều thuốc sẽ dỗ nàng vào giấc ngủ thay Manh đêm nay. An lên giường kéo chăn lên đến tận cằm vẫn thấy mình trống trải. Chiếc giường không Manh bỗng rộng mênh mông, nàng nằm nghiêng lắng tai nghe tiếng vịt đập cánh gọi nhau ngoài hồ, bỗng thấy vô cùng cô đơn, bất giác hai giòng lệ lăn xuống hai bên thái dương. An nhớ lại những ngày đầu hai người mới gặp nhau ở khuôn viên đại học, đôi mắt trong vắt xanh biếc, vầng trán phẳng thông minh và nụ cười hiền hòa của Manh, những lần hai người bàn cãi về chính trị, văn chương, đời sống và nghệ thuật, Manh bao giờ cũng nhượng bộ, giả vờ thua để cho An thích. An nhớ lại những ngày tháng đầu tiên mới lấy nhau. Hai người dò dẫm đi từng bước thật nhẹ vào thế giới riêng tư của nhau mà sự khác biệt văn hóa của hai nước ở cách nhau hai đầu thế giới đã là một trở ngại vô cùng tế nhị cho đời sống vợ chồng. An lại có một tấm lòng yêu quê hương tha thiết, từ khi lấy Manh cứ bao giờ nghe chuyện tù cải tạo, hay chuyện một người đàn ông Việt Nam bị mặc cảm, thất chí An lại có cảm tưởng như chính nàng có lỗi trong sự thất chí của người. Nhiều khi An hay buồn bã nghĩ, nếu mình không lấy Manh, mà lấy một người đàn ông Việt Nam đem tình yêu của nàng ra an ủi săn sóc con người thất chí đó thì có phải bớt đi được một người đàn ông Việt Nam đau khổ không? Ý tưởng đó làm An lúc nào cũng thấy ân hận mỗi khi để lòng hướng về quê hương yêu dấu của nàng. Bởi vậy tuy yêu chồng, sống trong một đời sống đầy đủ hạnh phúc An vẫn ngẩn ngơ buồn bã. Vào những ngày lễ tết âm lịch, nàng để hồn bay theo khói hương lãng đãng về tận bên kia bán cầu và khi nhận được một lá thư từ Việt Nam gửi qua, An cũng nghẹn ngào thẫn thờ đến mấy ngày vì nhớ cha mẹ, quê hương, thương cho đồng bào nhất là những quân nhân trong

Chị Kim im lặng trước sự lý luận dông dài của tôi. Chắc chị cho tôi là con nhỏ bất bình thường. Cũng dễ hiểu thôi. Giữa chị và tôi cách nhau gần hai mươi năm, làm sao hai thế hệ có thể cảm thông nhau? Hơn nữa, lúc nào chị cũng được chồng cưng yêu, chiều chuộng. Chị có dư tình yêu và hạnh phúc nên chị luôn lạc quan, yêu đời và lên án gắt gao những kẻ ngoại tình, những liên hệ nam nữ không minh bạch. Tôi định nói thêm để bênh vực cho mình thì chị chống tay ngồi lên giường, chậm rãi hơn:

"Em có nhận xét gì về sự liên hệ giữa Liên và Khánh không? Chị tin là em biết vì Liên nó nói em vẫn thường nhờ nó nhận giùm thư từ cho Khánh."

Tôi lúng túng vì chị biết chuyện bí mật của mình nhưng chị không buộc tội tôi như tôi e ngại. Chị từ tốn nói:

"Rắc rối là ở chỗ thư từ chuyển giao đó. Em biết họ thân nhau tới mức độ nào không?"

Tim tôi nhói lên một cái. Tôi không bao giờ nghĩ có ngày Khánh thay thế hình ảnh tôi bằng hình ảnh của chị Liên. Tôi không thể tưởng tượng rằng chị Liên chiếm đoạt Khánh của tôi, dù ngày nay hai đứa đã xa vời vợi và tôi đã yên bề chồng con. Nhưng như thế không có nghĩa là chị có quyền yêu Khánh, người suýt chút nữa là em rể của chị. Không, tôi không thể nào tin được. Biết tôi phân vân, chị Kim gằn giọng:

"Họ yêu nhau dữ lắm rồi mà em đâu có hay. Hèn gì em cứ bảo em nhận xét con người bằng con tim chớ không bằng con mắt. Khánh tới nhà mình ngày một, y như con rể trong nhà. Mấy đứa cháu bảo với nhau 'dì Út đi để lại cho dì Liên. Mai mốt dì Liên đi hổng biết ai 'tiếp thu' đây?' Em coi bọn trẻ con mà còn nói như thế thì còn thể thống gì nữa. Vậy mà con Liên nó tỉnh bơ."

Tôi bênh vực:

"Chắc là có sự hiểu lầm chớ không có gì đâu chị ơi. Em biết anh Khánh yêu em, ảnh đến nhà là để hỏi thăm chị Liên về em chớ không có tình ý gì đâu. Còn chị Liên, dù sao chỉ cũng biết Khánh đã từng yêu em mà."

Chị Kim đổi giọng:

"Ờ, ai mày cũng nói mày hiểu bằng con tim hết. Vậy thì để tao kể những gì chính mắt tao thấy cho mày nghe rồi tùy con tim mày phán xét. Hổng chừng cặp mắt mù của tao sẽ giúp cho con tim mày hết đui. Cả tháng trời tao ở bển ngày nào thằng Khánh cũng có mặt ở nhà mình. Hổng lẽ nó tới kiếm tao? Phòng con Liên là nơi bất khả xâm phạm, trong nhà hổng ai dám héo lánh tới vậy mà con nọ đi đâu vắng khóa cửa phòng thằng Khánh vẫn có chìa khóa riêng ra vô lấy món này, món nọ tự do như phòng của vợ mình. Có bữa tao thấy con Liên mặc áo đầm ngắn cũn cỡn ngồi cọ rửa sàn nước. Nó ngồi quay mặt ra ngoài, tao nhìn thấy cả quần lót. Thình lình thằng Khánh đi xăm xăm vô nhà, tao không biết làm sao cho con Liên hay. Hai đứa tụi nó cứ tỉnh bơ, con nọ vẫn tiếp tục chà cho xong cái sàn nước còn thằng Khánh thì cứ đứng đó nói chuyện. Tao sống với Tây mười mấy năm trời mà thấy vậy còn ngượng. Còn má mình thì buồn lắm vì mỗi lần đi đâu cũng bị chận đầu hỏi con Liên chừng nào đám cưới. Thấy vậy tao có khuyên con Liên cẩn thận kẻo bị mang tiếng khó lấy chồng vì năm nay nó cũng xấp xỉ bốn mươi rồi. Vậy mà nó trả lời là nó không sợ mang tiếng vì nó không cần lấy chồng. Thôi, tao hết ý kiến."

Đến nước này thì dù có tài hùng biện đến đâu tôi cũng chịu thua. Chính tôi cũng không thể thuyết phục được tôi là hai người không có gì với nhau. Tôi nghe nhói buốt trong tim. Có phải vết thương đâm phía sau bao giờ cũng đau đớn hơn vết thương đến từ phía trước? Thôi, vậy là tôi trắng tay. Vậy là tôi mất cả người yêu lẫn người thân.

Tôi im lặng trước nỗi đau đớn tột cùng đó. Chị Kim tàn nhẫn:

"Sao, mày còn muốn bảo lãnh con Liên qua ở chung nữa không? Cho dù mày không yêu chồng đi nữa, con mày cũng cần có một người cha. Mày mất người yêu không sao nhưng giờ để con mày mất cha thì khổ lắm đó nghe. Con Liên dù lớn tuổi hơn mày nhưng nó trẻ đẹp, lại khéo léo. Còn mày thì cả ngày cứ lo chăm sóc con và lao đầu vào công việc. Sớm muộn gì rồi cũng mất chồng nghe em."

Tuy chị đay nghiến tôi như thế nhưng tôi hiểu là chị rất thương yêu tôi, muốn giúp tôi giữ gìn hạnh phúc. Tôi nói cho chị yên tâm:

"Họ đã yêu nhau như thế chắc chị Liên không còn muốn đi đâu. Chắc là em hủy hồ sơ bảo lãnh."

Chị thờ ơ:

"Tùy mày."

Đã hai giờ sáng. Tôi nghe mình tỉnh táo lạ thường. Tự dưng tôi thèm một cốc café đen thật đậm, ngồi uống một mình. Tôi bỏ chân xuống giường:

"Thôi, để em về. Mai cả nhà sẽ trở qua thăm chị."

Chị Kim kéo tôi nằm lại:

"Tao biết đêm nay mày không ngủ được đâu. Mà dù ngủ hay thức gì mày cũng phải nằm lại đây, tới sáng tao đưa về. Để mày lái xe về một mình mất công tao hồi hộp."

Nghe lời chị tôi nằm xuống. Đêm mênh mông tưởng như vô cùng. Hai chị em không nói gì thêm cho đến khi tôi nghe tiếng chị thở đều. Tôi không còn thèm một cốc café đặc sánh nữa mà chỉ thèm khóc. Không phải khóc vì mất người thân, người yêu mà khóc vì từ đây tôi sẽ mất đi một tấm lòng độ lượng. Tôi sẽ không còn phán xét mọi người bằng con tim như tôi đã từng. K

HOÀNG DU THỤY

con. An vội vàng kéo tay chồng áp xuống ngực mình:

"Em đây, em đây."

Manh rút tay ra khỏi tay An, đưa tay sờ lên mặt vợ. An ngồi im cố nén xúc động, nàng không muốn những ngón tay Manh khám phá ra nàng đang khóc. Manh run giọng hỏi vợ:

"Có hy vọng gì không em."

An gỡ nhẹ tay chồng xuống, vỗ vỗ lên lưng bàn tay chàng:

"Em tin rằng Thượng Đế sẽ giúp chúng ta. Anh sẽ tìm lại được ánh sáng." Rồi nàng nói sang chuyện khác.

"Các con muốn vào thăm anh, mà bác sĩ không cho vì chúng còn bé quá, anh ở đây em phải ra để cho Bố và cô Karen vào thăm anh, họ không cho quá hai người ở trong phòng một lượt. Không đợi Manh trả lời An cúi xuống hôn lên má chồng rồi đi nhanh ra ngoài.

Bác sĩ Evans, Tâm và Bố chồng nàng có cả cô Karen nữa đang chờ An bên ngoài. An tiến lại phía bác sĩ, ông nhìn nàng lắc đầu nói:

"Chỉ còn năm tiếng đồng hồ nữa là đủ 48 tiếng kể từ khi Manh bị nạn, chúng tôi vẫn chưa nhận được tin gì tốt đẹp về việc xin mắt cho Manh, có một đứa bé vừa qua đời gia đình họ bằng lòng cho thì không thể thích nghi được với mắt của Manh. An hỏi bác sĩ:

"Nếu có người cho một con mắt thôi thì có giúp gì được cho Manh không?"

"Một còn hơn không, nhưng mà ai cho một con mắt bao giờ, vì họ đã cho thì cho cả hai chứ giữ lại một con để làm gì."

An nhìn bác sĩ trả lời chậm và rõ:

"Người cho cũng cần giữ lại một con mắt để nhìn, vì người đó là người đang sống."

"Bác sĩ Evans há miệng định hỏi: Ai? Bỗng nhiên ông thốt không thành tiếng, ông nhìn đăm đăm vào con mắt đen láy của An, miệng ông còn há hốc và ông bỗng hiểu. Tâm đứng bên cạnh em, chàng có cảm tưởng như đất ở dưới chân chàng bỗng nhũn ra, và hình như có ai vừa dội một thùng nước đá vào lưng chàng. Tâm run bắn người, chàng tiến lên một bước ôm chặt lấy em vào lòng. An yên lặng để cho anh ôm, nàng giơ tay xoa nhẹ lên lưng anh như thể chính chàng mới là người cần được tiếp xúc. Bố chồng An ngồi phệt xuống chiếc ghế gần đấy, cụ rút mùi xoa ra lau mặt liên miên, cụ thấy chóng mặt quá, cả dãy hành lang dường như đang xoay tròn trước mặt cụ. Cụ đang phải chịu đựng một sự kiện ngoài sức chịu đựng của mình. Cô Karen mở lớn cặp mắt màu ve chai dưới đôi kính lão, cô khóc, những giọt lệ theo nhau lăn dài xuống má, môi cô. Cô khóc, không giấu diếm, không che đậy, giống như một cơn mưa nhỏ, không dứt hột đập liên tiếp lên khung cửa kính cho đến khi chiếc cửa kính được rửa sạch trong suốt, không một hạt bụi. Thời gian và không gian hình như ngừng lại và khoảnh khắc đó người ta thường hay ví là có một thiên thần vừa vụt bay ngang.

An rời đến phía cô Karen, nàng dùng những ngón tay lau nhẹ những giọt lệ đang chảy dài trên má cô. Phải cố gắng lắm cô Karen mới cất được tiếng hỏi:

"An, con đã suy nghĩ kỹ chưa?" An mỉm cười đặt một tay lên vai cô nói nhẹ nhàng.

"Cô đã hy sinh cả một người con trai cho quê hương Việt Nam của con, nếu bây giờ con có hy sinh lại một con mắt của con cho Manh, một người Mỹ mà lại là chồng của con thì sự đổi chác đó con thấy vẫn còn chênh lệch. Món nợ bao lâu nay con hằng ôm ấp trong lòng bây giờ con mới thấy là mình đã trả được một phần nào."

Rồi nàng quay sang phía bác sĩ dặn dò:

"Chỉ xin bác sĩ cố giữ im lặng không cho Manh biết là chàng sẽ có một con mắt của vợ mình để tránh cho Manh sự xúc động, và khước từ. Tuyệt đối trước và sau khi giải phẫu xin bác sĩ không cho các hệ thống truyền thông biết."

Bác sĩ Evans làm một cử chỉ nghiêng mình lễ phép:

"Tôi sẽ hết sức tôn trọng ý muốn của bà, bây giờ thì tôi phải đi sửa soạn ngay phòng giải phẫu, xin bà sẵn sàng."

"Vâng, tôi đã sẵn sàng."

*

* *

Hai người đi dạo trong xóm, họ rẽ vào một bãi sông nhỏ dành riêng cho khu xóm. Trăng mười sáu như một chiếc đĩa vàng ròng treo lơ lửng giữa không gian thả xuống cảnh vật bên dưới từng mảnh vàng hình dáng khác nhau, rải rác khắp nơi. Manh cúi xuống hỏi vợ:

"Đúng một tháng rồi phải không em, anh nhớ hôm chúng mình ở bệnh viện về em bảo anh là đêm mười sáu."

An ngước lên nhìn chồng bằng con mắt còn lại, con mắt bên kia vẫn được che kín bằng một miếng băng. Dưới ánh trăng, khuôn mặt Manh rạng ngời, một mảng tóc vàng rơi ngang vầng trán phẳng. Manh cũng đang cúi xuống nhìn vợ bằng chính con mắt đen láy của nàng.

An ngả đầu vào ngực chồng yên lặng, lắng nghe tiếng đập của trái tim chàng, tiếng Manh nhẹ như một hơi thở bên tai nàng:

"Cha mẹ anh cho anh đời sống, nhưng chính em mới là người cho anh ánh sáng của đời sống."

Chú sóc con chạy vụt ra từ một bụi cây, thấy bóng người nó dừng lại, đứng thẳng lên bằng hai chân sau, hai con mắt loáng bóng trong đêm nghiêng đầu nghe ngóng. An chợt nhớ đến đôi mắt dịu dàng đầy âu yếm của cô Karen hôm đón vợ chồng nàng ở bệnh viện về, bất giác An nở một nụ cười. Trăng loang thành vũng dưới chân hai người. K

Tháng Bảy 1990

Một vài nét về Iossip Brodski

DIỄM CHÂU dịch

Iossip BRODSKI sinh ngày 24-5-1940 tại Leningrad.

Năm 14 tuổi, Brodski thôi học để thi vào trường thủy thủ tàu ngầm, trúng tuyển nhưng bị loại vì thành phần dân tộc (Do thái). Năm 15 tuổi, Brodski trở thành thợ khoan trong một nhà máy chế tạo nông cụ, kế bên một bệnh viện và một nhà tù. Ông bỏ nhà máy qua làm ở nhà xác của bệnh viện với ý định trở thành một y sĩ trước khi từ bỏ tất cả để chuyên chú vào việc sáng tác và dịch thuật thi ca. Ông bắt đầu làm thơ từ năm ông 18.

Thơ ông viết đã được các thi sĩ Nga nổi tiếng đương thời ca ngợi. Nữ thi hào Anna Akhamatova coi ông như thi sĩ lỗi lạc nhất trong thế hệ của ông. Và để làm chu đáo công việc dịch thuật, ông đã tự tìm hiểu thành thạo nhiều thứ ngôn ngữ, trong đó có tiếng Anh, tiếng Tây ban nha, tiếng Ba Lan và nhiều nền văn hóa. Brodski coi John Donne, nhà thơ ở thế kỷ 17 của Anh quốc, như "thi sĩ trữ tình" vĩ đại nhất. Ông đã phiên dịch một tuyển tập các nhà thơ "siêu hình" của Anh cho một nhà xuất bản ở Leningrad. Một số bản dịch của ông đã được in trong các tuyển tập Thơ nước ngoài.

Tuy nhiên, tính cách "phi-chính-trị" (hiểu theo nghĩa không theo đòi nền văn chương phải đạo *chính thống) của thơ ông sáng tác không được lòng các nhà cầm quyền ở nước ông. Và ông bị lên án như một "ký sinh trùng xã hội". Tháng Mười Hai 1963, ông bị bắt, bị giam giữ ở nhà tù kế cận nhà máy cũ nơi ông đã làm việc, nhà tù mà Sa hoàng ngày trước gọi là "nhà tù của toàn Nga." Với tội trọng kể trên, năm 1964 Brodski bị tòa án Liên xô kêu án 5 năm "lao động cưỡng bách ở một miền xa" (ở Arkhangelsk, phía bắc nước Nga). Brodski tới ở đây vào tháng Ba 1964 nhưng đến tháng Mười Một 1965, tức là chưa mãn hạn tù, ông đã được phóng thích, có lẽ là vì dư luận ở trong và ngoài nước không hoan nghênh bản án có tính cách Kafka kia. Danh tiếng ngày càng lẫy lừng của Brodski đem lại những lời mời ông tới đọc thơ tại các hội nghị thi ca quốc tế ở nước ngoài, nhưng ông đã không thể nhận lời. Tháng Sáu 1972 Brodski được mời rời khỏi Liên xô với một giấy thông hành không có ngày trở lại, nhân dịp nước này để cho một số người gốc Do thái di cư qua Israel. Dịp này, thi sĩ nổi tiếng của Anh quốc W.H. Auden đã mời ông tới dự Hội nghị quốc tế về thi ca tại Luân đôn (năm 1972) nơi ông được hoan nghênh nồng nhiệt. Kế đó, Brodski trở thành "thi sĩ thường trú" của đại học Michigan, rồi Queen's College, Nữu Ước. Từ đấy, ông cư trú tại Hoa Kỳ, dạy đại học và tiếp tục sáng tác. Ông cũng viết và đọc nhiều tham luận bằng Anh văn đã được in thành sách. Theo nữ sĩ Hoa Kỳ Susan Sontag, Brodski có ảnh hưởng rất lớn tại Mỹ, không nguyên trong cách nhìn của người Mỹ về các thi sĩ Nga như Akhmatova, Marina Tsvetayeva, Ossip Mandelstam... mà cả trong lối suy nghĩ về thi ca của các thi sĩ bản xứ. Năm 1987, Hàn lâm viện Thụy Điển tặng Iossip Bordski Giải Nobel Văn chương.*

Trong dịp ghé Paris vào cuối năm 1988, Brodski có nói với phóng viên tờ Libération *như sau:*

"Tiểu sử cá nhân không quan trọng. Tôi không nghĩ rằng những kinh nghiệm của tôi về nhà tù hoặc lưu đày phản ảnh trong những gì tôi viết. Vô số người đã từng biết cũng những điều như tôi, và còn tệ hơn nữa. Vấn đề với kẻ "tuẫn giáo," ấy là sự chú ý của công chúng xoáy vào con người tuẫn giáo chứ không phải vào cái chính nghĩa mà người ấy bênh vực, vả lại tôi không phải là một người tuẫn giáo. (...) Tôi nghĩ văn chương là một chuyện xưa hơn nhiều và thiết yếu hơn nhiều so với bất cứ một hình thức tổ chức chính trị nào. Nó có cái lý sự (lô-gích) riêng của nó, nó tuân theo cái động lực riêng của nó. Do mặc cảm tự ti, Nhà nước đôi khi coi văn chương như một thách thức, nhưng mọi toan tính để buộc văn chương lệ thuộc Nhà nước đều đáng lên án và "phản sản xuất" và mọi cố gắng giải thích văn chương khởi từ thực tại chính trị đều có tính cách tất nhiên là giảm thiểu." (Libération, *3 tháng Mười Một 88) Tác phẩm thi ca của Brodski gồm có: 1.* Dừng bước nơi sa mạc, *bao gồm các tập: "Những ngọn đồi", "Anno Domini", "Bể nước", "Thơ"; 2.* Chấm dứt một thời tươi đẹp; *3.* Một phần của ngôn từ; *4.* Urania. *Theo các nhà nghiên cứu về văn học Nga hiện đại, thơ Brodski có tính cách "siêu hình" và trong nguyên tác, ông rất chú trọng vấn đề hình thức.*

Thơ Brodski, cả trong nguyên tác lẫn các bản dịch, đã được xuất bản khá rộng rãi ở nước ngoài. (Gần đây, ông còn viết thẳng bằng Anh văn). Và, đúng như Brodski đã viết cách đây một phần tư thế kỷ: "Mọi sự đều biết tới ngày tàn của chúng", hiện nay, ở Liên xô, "người ta" đã bắt đầu chính thức in thơ Brodski, mặc dù chưa phải là bất kỳ tác phẩm nào của ông. (DC)

Mây bay qua

Anh có nghe, anh có nghe trong khoảng rừng chồi tiếng hát trẻ em,
những tiếng hát bốc lên trên những chòm cây bạc
tản lạc trong đêm tối, chầm chậm tắt
hòa lẫn với bầu trời mà đêm đang xóa đi.

Những dòng mưa lấp lánh quấn quít những mình cây
và rì rào trong lặng lẽ trên vùng cỏ trắng,
anh có nghe những tiếng hát của chúng, anh có thấy những mái tóc của chúng
cài những chiếc lược đỏ,
và những lòng bàn tay chúng mở ngửa, hướng về những chùm lá ướt?

"Mây bay qua, mây bay qua rồi tan rã."
Lũ trẻ hát như thế và những cành đen thì thầm,
những tiếng hát hốt hoảng bay, giữa những mình cây âm u
về hướng đêm đang lại gần, những tiếng hát không trở lại.

Những chiếc lá ẩm ướt bay theo gió, vọt lên
từ những bụi rậm, bỏ trốn, như một tiếng gọi đến từ mùa thu xa.
"Mây bay qua..."hát trong đêm những đứa trẻ của đêm tối.
Từ bụm cỏ tới những chòm cao thế giới chỉ còn là
tiếng hát nhịp nhàng run rẩy.

Khi mây qua, sự sống cũng qua và bay đi.
Chúng ta mang trong mình cái chết của chúng ta, như những đám mây
phồng lên những tiếng hát và tình yêu giữa những cành đen.
"Mây bay qua..." lũ trẻ ngợi ca thế giới.

Anh có nghe, anh có nghe trong khoảng rừng chồi tiếng hát trẻ em?
Những dòng mưa lấp lánh quấn quít, những tiếng hát vang vang,
những tiếng hát chóng qua bên những gò đống hẹp hòi nơi những bóng tối
mới tràn ngập những khoảng trời hấp hối.

Trên những rừng chồi bay đi những đám mây, bay đi những đám mây.
Ở đâu đó nước rịn thoát, chỉ cần hát và khóc
dọc theo những hàng rào của mùa thu,
chỉ cần nhìn lên cao mãi, chỉ cần nức nở không cùng,
chỉ cần là một đứa trẻ của đêm tối,
chỉ cần nhìn lên cao mãi, chỉ cần hát và khóc,
chỉ cần không biết tới nước mắt,

Ở đâu đó nước rịn thoát dọc theo những hàng rào của mùa thu
và hàng cây âm u,
tiếng kêu trong những vùng tăm tối mới, chỉ cần hát và khóc
chỉ cần xếp lại chùm lá.
Bên trên chúng ta, một chiếc bóng lướt qua và tan rã,
chỉ cần hát và khóc, chỉ cần
sống.

IOSSIP BRODSKI

Yêu

Đêm nay đã hai lần anh thức giấc, và bước ra
cửa sổ. Những ngọn đèn đường là
một mẩu câu nói trong mơ,
chẳng đưa tới đâu, như những dấu chấm câu bỏ lửng
không đem lại cho anh một chút vui vẻ ủi an.

Anh đã mơ thấy em mang thai, và lúc này,
sau bao năm trời sống xa cách em,
anh nghiệm thấy lỗi lầm của mình, và tay anh
chỉ thấy mình lần mò áo quần

và cái chốt điện. Khi lao mình ra cửa sổ,
anh chợt nhìn ra anh đã bỏ em lại đó một mình,
trong bóng tối, trong giấc mơ, nơi kiên nhẫn
em đợi chờ ngày anh trở lại và
không trách móc gì anh sự gián đoạn

chẳng hề tự nhiên. Là vì trong bóng tối
những gì giữa ban ngày đã dứt đoạn, vẫn còn mãi;
ở đó chúng ta đã thành vợ chồng, đã làm lễ kết hôn, chúng ta chơi
trò con thú có hai lưng; và con cái
biện minh cho sự lóa lồ của chúng ta.

Vào một đêm nào đó trong tương lai em sẽ lại
đến với anh, nhưng lúc này mỏi mệt, hao gầy,
và anh sẽ được nhìn thấy đứa con trai hay con gái,
vẫn chưa có tên -- và lần này anh sẽ
không hối hả tìm cái chốt điện cúng chẳng

vội dời tay; bởi anh không có quyền
bỏ mẹ con em lại trong vùng bóng tối,
câm nín, bên lớp rào ngày tháng,
lệ thuộc một thực tại khiến em
không còn tới được với anh.

IOSSIP BRODSKI

Có những thành phố nơi người ta không bao giờ trở lại.
Ở đó nắng dội vào những khung cửa sổ như dội vào những
tấm gương không tì vết.
Và thế là ở đó người ta không thể lọt vào, dù với bất cứ giá nào.
Nơi xa kia, mãi mãi, dòng sông vẫn chảy dưới sáu cây cầu.
Nơi xa kia là những chốn mà đôi môi gắn liền với một
đôi môi khác, và ngòi viết với những trang giấy.
Nơi xa kia những khung cửa tò vò, những hàng cột, những
quái vật băng đồng làm run rẩy ánh mắt;
nơi xa kia, bao vây chiếc tàu điện, đám đông nói tiếng nói của người đã bỏ đi.

(Trích "Tháng chạp ở Florence")

IOSSIP BRODSKI

Xem tập truyện Có Yêu Em Không? của Khánh Trường

PHẠM VĂN HẢI

"Chân thật?"

"Can đảm?"

"Hay liều lĩnh?"

Khánh Trường trong tập truyện *Có Yêu Em Không?* thuộc loại nào?

Khánh Trường có chân thật. Thấy sao ghi lại như vậy. Nghĩ thế nào viết như thế. Có rất nhiều chỗ ghi lại đúng như ở ngoài đời.

Khánh Trường cũng rất can đảm. Dám nói, dám viết những thứ người khác không dám nói, không dám viết. Có rất nhiều chi tiết chỉ có trong tác phẩm các tác phẩm khác. Nhiều người, dù các vàng, cũng không dám viết như vậy. Có người thèm quá, lấy hết can đảm, cũng chỉ dám làm công việc người cầm bút không nên làm: trích dẫn từng phần. Có người nhịn không nổi, cũng chỉ dám viết tắt thôi. Còn so sánh với những hạng "đạo đức giả", thì quả thực Khánh Trường quá liều lĩnh.

*

Khánh Trường trong *Có Yêu Em Không?* là một người, có lẽ cũng chỉ như mọi người, nhưng có nhiều tính chất nghệ sĩ: ít che dậy, kể cả mặc cảm lẫn sở thích.

Hơn mười truyện, hơn mười bộ mặt khác nhau, hơn mười vẻ khác nhau. Có bộ mặt dễ thương. Có những nét hiền lành. Có những nét đểu cáng. Có bộ mặt nghênh ngang dễ ghét . . . Có cả bộ mặt của người khai phá, của người sáng tạo.

Tôi chưa được gặp Khánh Trường, không thể nào so sánh tác giả qua tác phẩm và con người ở ngoài đời.

Tôi biết Khánh Trường lần đầu tiên, trên *Thế Kỷ 21*, bộ 2, số 9, tháng Một, 1990, qua truyện "Tình Yêu". Trong tập truyện *Có Yêu Em Không?*, "Tình Yêu là truyện cuối cùng (từ trang 325 đến trang 342).

Tôi thích "Tình Yêu" qua nhiều điểm:

Tác giả so sánh hai loại tình yêu trái ngược nhau hoàn toàn: tình yêu xác thịt và tình yêu không xác thịt. Nếu gọi là tình yêu "cao đẹp", không tránh khỏi chủ quan. Nhưng tình yêu bao giờ chẳng chủ quan?

Người đàn bà trong tình yêu không xác thịt có một vẻ đẹp bình thường, cụt một chân . . . Nếu là một người trẻ, thích vẻ đẹp bề ngoài (giống như "thiếu úy nhảy dù oai phong lẫm liệt" trong truyện "*Có Yêu Em Không?*"(, không thể nào yêu được một người như vậy. Nhưng đó là tình yêu của Khánh Trường. Khánh Trường cho nhân vật của mình có đủ lý do để lý tưởng hóa tình yêu.

Phải so sánh với tình yêu xác thịt (sau khi đã trải qua và có nhiều kinh nghiệm), mới thấy cái chủ quan của tình yêu "cao đẹp" rất tự nhiên, rất chân thật và rất đàn ông. Cứ yêu, cứ lý tưởng. Yêu như thế có mất mát gì đâu! Xa một thời gian, lấy vợ, rồi quên đi lúc nào cũng không biết. Có dịp, hình ảnh cũ hiện về, lại nhớ, lại so sánh. Lần này, không so sánh với tình yêu xác thịt nữa, mà so sánh với vợ.

Tình yêu xác thịt được kể lại rất dễ dàng. Một đứa bé tuổi mười sáu ở cái tuổi đã biết ham muốn thân xác, không cưỡng được sự ép buộc lúc đầu của một người đàn bà vắng chồng. Lâu dần, trở thành xanh xao gầy mòn.

Trong truyện "Tình Yêu", qua bản tin trên *Thế Kỷ 21*, Khánh Trường đã làm tôi thất vọng. Khánh Trường cũng giả dối như mọi người. Nhưng trong bản in do chính tác giả đánh máy, Khánh Trường không giả dối, không "đạo đức giả". Tự nhiên và thành thật trong các câu văn nói, nhất là những câu chửi thề (chửi tục).

Có nhiều lần tôi nghĩ, nếu sau này, chỉ vài chục năm nữa, người làm phim ảnh muốn dựng lại khung cảnh thời đại của Khánh Trường và của chúng ta, phải làm thế nào để có những tiếng chửi thề đúng nơi, đúng chỗ và đúng với từng hạng người. Gọi là "nói tiếng Đứ" không làm cho người Đức bực mình sao? Viết tắt là "đ.m." có làm cho tác phẩm sạch sẽ hơn không? Viết rõ ra có làm cho tác phẩm nhơ bẩn không? Đằng nào thì cũng đã chửi thề và đã ghi lại, đằng nào cũng đã bàn về chửi thề (không phải trường hợp Khánh Trường) thì che giấu làm gì! Chắc chắn những người viết tắt cũng biết: viết tắt như nhau, nhưng mỗi địa phương, mỗi loại người, chửi thề một khác. Người xem nhiều khi bực mình không biết nhân vật thuộc loại người nào, ở địa phương nào. Cái quan niệm đạo đức như vậy có lẽ nên xét lại.

Sau này, những người muốn tìm hiểu về chửi thề cần những tác giả "không lá mặt lá trái, không đạo đức giả" như Khánh Trường.

Để cho nhân vật chửi thề, người xem có thể hiểu rõ nhân vật hơn. Để cho nhân vật chính chấn điểm đạm, người xem cũng nên thấy ở nhân vật hơn là đi tìm ở con người thật của tác giả. Người viết có quyền và có thể tạo ra nhiều loại nhân vật khác nhau.

Nếu nói chửi thề (chửi tục) là xấu; lừa thầy phản bạn, giết nhau, làm hại nhau, tranh vợ cướp chồng, anh em cùng một nước đâm chém nhau, có xấu hơn không? Không những xấu mà còn đáng ghê tởm nữa. Nếu đòi hỏi chửi tục phải viết tắt, thì cảnh giết chóc, lối tranh vợ cướp chồng phải che đậy ("viết tắt") cách nào?

*

"Có Yêu Em Không?" là đầu đề của một truyện ngắn; đồng thời là đầu đề cu6a cả tập truyện. Chắc phải có gì đặc biệt.

Truyện bắt đầu bằng tình bạn thân thiết giữa người kể (đồng thời cũng là một nhân vật quan trọng của truyện) (xưng "tôi", tới giữa truyện mới biết tên là T.) và Kh. (181-183).

Trước đó có một câu:

"Căn nhà nằm sâu trong con hẻm nhỏ miệt Phú Thọ Hòa." (181) Chính câu này là phần mở, nối tiếp với tình tiết ở trang 183 (cảnh tang ma):

"Căn nhà nhỏ bằng cái lỗ mũi, phải dùng chiếc dù hoa phế thải căng ngang qua nhà đối diện bên kia con hẻm mới đủ chỗ kê bàn ghế cho bạn bè, bà con chòm xóm đến phúng điếu chia buồn . . ."

Người chết chính là Kh.

Đọc thấy tự nhiên và dễ dàng. Nhưng tình tiết được xếp đặt rất cầu kỳ, rất cẩn thận. Từ phần mở (chỉ có một câu), tác giả trở lại quá khứ (thời điểm trước đó) mà không phải chuyển ý. Viết được như vậy đòi hỏi khá nhiều kinh nghiệm.

Người kể (T.) đưa xác bạn về. Và chính trong "căn nhà nhỏ bằng cái lỗ mũi" đó, quan tài của bạn còn ở nhà dưới, T. ăn nằm với lệ, em vợ của Kh. ở trên gác, rất gần với nhà dưới. Nói "ăn nằm" không đủ nghĩa, phải nói là "lạm dụng sự tin yêu của Lệ để cưỡng ép cô ta"

Bố cục, tuy cầu kỳ nhưng rất tự nhiên. Truyện kể dễ dàng, lưu loát. Đúng là lời ăn tiếng nói của "thiếu úy nhảy dù hòa hao phong nhã", của "thiếu úy nhảy dù oai phong lẫm liệt"; nhưng đồng thời, ở nhiều chỗ, cũng là lời ăn tiếng nói của một người lính ba gai, liều lĩnh, thích chửi là chửi, không biết kiêng nể ai.

Nếu chỉ lựa riêng những câu, những chữ tả hành động cưỡng ép của T. và sự chống đối lấy lệ của Lệ thì quả thực là có tác động kích thích sự ham muốn xác thịt. Nhưng nếu theo thứ tự của truyện, những cảnh chết chóc và tang tóc sẽ làm tan biến hết. Trừ trường hợp người xem thuộc loại chỉ bị kích thích trước cảnh rùng mình sởn tóc gáy.

Viết như vậy, đòi hỏi nhiều công phu. Nó có tác dụng của con dao hai lưỡi. Người thích chuyện "trai gái" sẽ thấy chuyện "trai gái" và chỉ chọn lựa những câu và những hình ảnh liên quan tới "trai gái". Người thưởng thức nghệ thuật sẽ thấy sự yếu đuối của con người, sự bất lực của lương tâm, và sự tàn bạo của dục tính.

Trước một bức tranh khỏa thân, có người thấy vẻ đẹp thanh khiết của da thịt con người; có người cảm thấy xao xuyến, mơ tưởng chuyện đâu đâu; có người gầm thét cho là bậy bạ, bắt mọi người nhắm mắt không được xem, . . . cùng một bức tranh, mỗi người phản ứng theo một lối. Đẹp hay không đẹp, do người thưởng thức. Bức tranh trước sau vẫn vậy. Vẫn là sự rung động của người vẽ trước vẻ đẹp của một tác phẩm do trời sáng tạo.

Nói thế thì nói, nếu "Có Yêu Em Không?" được dựng thành phim, chắc chắn một nghìn lần chỉ được chiếu trên truyền hình sau 12 giờ đêm. Dù xã hội Mỹ đã cởi mở, nhưng những cảnh "trai gái" và "chết chóc ghê rợn" chưa thể chiếu ban ngày và buổi tối được.

Sau khi đọc xong "Có Yêu Em Không?", có người hạ một câu: "Cho đáng kiếp! Phụ người thì bị Trời phụ!" Nói như thế, theo tôi, là khen Khánh Trường một cách gián tiếp. Người đó công nhận truyện và văn của Khánh Trường sống động, truyền cảm, và tự nhiên như thật. (Xem mà thấy thương thấy ghét người trong truyện).

Ngoài ra, có dăm ba điểm cần ghi lại:

1. Tại sao Khánh Trường cho T. lấy vợ nhanh như vậy? Người chuộng, vẻ đẹp bề ngoài như T. khó có thể cưới vợ trong vòng nửa năm (nửa năm kể từ hôm vợ của Kh. vào tiểu đoàn bổ túc, hồ sơ cô nhi quả phụ và cho biết Lệ lấy chồng). Để quên mặc cảm tội lỗi đối với Lệ?

2. Người kể, xưng "tôi", nên văn nói thay thế văn viết từ đầu đến cuối. Văn nói của Khánh Trường trong "Có Yêu Em Không?" có nhiều chất lính ba gai: không chửi thề không chịu được. Phần đối đáp muốn chửi sao thì chửi; nhưng phần kể chửi nhiều quá, làm mất vẻ "hào hoa phong nhã" của "thiếu úy nhảy dù" đi. Khánh Trường nghĩ sao?

3. Hình ảnh so sánh không đúng với thời điểm của truyện thấy ở trang 191:

Không thể đừng được nữa rồi. Đã bước lên diễn đàn đã hiệu triệu quốc dân, ai quăng súng cuốn cờ bỏ của chạy lấy người, mặc bố chúng nó, đồ hèn nhát Việt gian bán nước! Chúng ta phải sát cánh cùng nhân dân chiến đấu đến giọt máu cuối cùng! Không thể đừng được nữa rồi.

Nói tới những tên "Việt gian bán nước" "quăng súng cuốn cờ bỏ của chạy lấy người" vào lúc đó hơi sớm quá.

4. Chữ dùng không đúng với thời gian trong truyện. Đó là "bê bi" ở trang 190. Chẳng lẽ thời đó T. đã dùng tiếng mượn "baby" của Mỹ? Hay tác giả muốn dùng tiếng mượn để dễ gọi hơn, hoặc để cho thanh cảnh hơn (ảnh hưởng chữ dùng hàng ngày trong nếp sống mới ở trên đất Mỹ hiện nay?)

5. Có một số chữ khó hiểu. Thí dụ, "xanh cáo chỉ" trong "chiếc quần jean xanh cáo chỉ" (tr.208) và "jean xanh cáo chỉ" (tr.209). "Jean" có thể phiên âm thành "gin" hay "din". Nên nhớ là Khánh Trường viết truyện bằng tiếng Việt và chữ Việt.

6. Trong câu "chiếc ruột chỉ một lỗ thủng", không biết là tiếng địa phương hay lối viết (lối nói) đặc biệt của tác giả? Thông thường phải viết là "chiếc ruột chỉ thủng một lỗ" hay cùng lắm là "chiếc ruột chỉ có một lỗ thủng".

*

Truyện "Mưa Đêm" (23-48) là tác phẩm của một họa sĩ chuyên về trừu tượng, đòi hỏi nhiều tưởng tượng. Đưa tranh vào truyện không phải là việc dễ dàng (cũng như trong một bức tranh vẽ nhiều cảnh tượng khác nhau không phải họa sĩ nào cũng vẽ được). Cho mình vào tranh truyện (nhất là hình ảnh ghê rợn) lại càng khó hơn.

"Mưa Đêm" là một truyện rất lạ của Khánh Trường. Hay hay không, thích hay không thích, còn tùy người thưởng thức. Điểm đặc biệt là Khánh Trường đã viết được. Viết được rất tự nhiên. Chắc chắn sẽ có nhiều người bắt chước.

*

Hai truyện "Đọc Thấy Trong Mục 'Xe Cấn Chó'" (11-22) và "Trạm Xăng Bên Kia Đường" (131-156), đối với tôi, có lối chấm dứt, giông giống nhau. Giống nhau ở điểm: người xem không biết có tự nhiên không, có thực không, có xảy ra như vậy không?

"Đọc thấy trong mục 'Xe Cấn Chó'" ngắn và gọn. Cần phải đọc kỹ phần đầu mới hiểu được khung cảnh của truyện. Tất cả đều có vẻ thật, trừ hai chỗ. Ở trang 21 "Huân ơi, Quyên ơi, ba không muốn, không muốn" và ba dòng cuối cùng "Chàng nói, thầm thì như tâm sự với chính mình: Vĩnh biệt!" (trang 22).

Người đàn ông gọi tên con, than thở với con, tôi tin chắc không thể nào giết vợ được. Dù là con người tàn ác, nếu là người đàn ông biết thương con bao giờ cũng thừa đủ độ lượng và khoan dung đối với vợ. Ở ngoài đời, nhiều khi còn nhu nhược đến bất lực nữa.

Ba dòng cuối cùng đối với tôi, có tính chất kịch. Giống hệt như ở trên sân khấu, phải ca mấy câu thật lâm li thống thiết mới được ngoẹo đầu ra hay gục xuống chết; hay trong phim ảnh, trước khi chết phải nói mấy câu cuối cùng, nhiều khi còn kể xong xuôi từ đầu đến cuối một sự việc rồi mới chết.

Nếu được phép, tôi đề nghị bỏ hai chỗ đó.

Phần chấm dứt của truyện "Trạm Xăng Bên Kia Đường" ngột ngạt thì có ngột ngạt, căng thẳng thì có căng thẳng, nhưng không biết tại sao tôi thấy không được tự nhiên. Có lẽ vì tôi không dám có kinh nghiệm đó. Sự thật, tôi chẳng bao giờ dám có kinh nghiệm lái xe nhanh như vậy. Cho thằng Hòa chết hay bị thương (chắc là chết) mau hơn một tí cũng được. Có lẽ tác giả thích những giây phút căng thẳng?

Khánh Trường làm tôi nhớ một lần được ông anh cho lên máy bay xem nhảy dù. Để làm thời gian sợ sệt chóng qua, hay làm cho bớt sợ (không phải là người trong cuộc, nên tôi chỉ đoán), mấy người có dù trên lưng hát bài "Khỏe Vì Nước" một cách rất bất bình thường, nhưng tiếng cũng đủ lớn và không đến nỗi tệ lắm. Tới lúc chuông reo, có lệnh cài móc vào dây căng theo chiều dọc trên trần máy bay, tiếng hát chợt im bặt, làm tôi

cũng sợ lây. Có người làm dấu thánh giá. Có người phải đẩy mới nhảy ra khỏi máy bay được.

Cũng chính trong truyện "Trạm Xăng Bên Kia Đường", Khánh Trường, một cách gián tiếp, cho một nhân vật thuyết giảng và biện bạch tràng giang đại hải.

Chính nơi này, chính ở chỗ tối tăm ẩm ướt này nhân loại đã được khai sinh, từ kẻ thất phu tới người tài trí, từ tên đại ác đến bậc thánh nhân, tất cả, không chừa một ai . . .

(Không phải tất cả đâu. Ngày nay, có nhiều người sợ đẻ đau quá. Họ đòi hỏi mổ bụng để lấy đứa con ra.)

. . . Quyền năng của đàn bà nào khác chi quyền năng thượng đế.

(Không phải đâu. Quyền năng đó do Thượng đế cho. Nếu Thượng đế không cho, uống bao nhiêu thuốc cũng không có quyền năng đó đâu)

. . . Chứ sao? Nàng thích thú nghĩ tiếp, quan hệ xác thịt giữa hai phái tính là một nhu cầu tất yếu của muôn loài (Đúng. Phải công nhận là d7úng. Nhưng đừng lạm dụng. Nếu không có quy tắc luật lệ đàng hoàng sẽ xảy ra tai họa. Nhiều khi còn gây ra án mạng. Nhân vật trong truyện của Khánh Trường có nhiều người lạm dụng cái "nhu cầu tất yếu" này một cách quá đáng. Dễ bị bệnh lắm. Giống như người đàn ông giết vợ trong truyện "Đọc thấy trong mục 'Xe Cán Chó'")

. . . thậm chí đã có rất nhiều dân tộc xem nó như một tôn giáo, người ta tạc tượng, người ta xây đền thờ, người ta lạy lục cầu đảo . . . (Người ta thường thờ cái của đàn ông. Ở miền Bắc Việt Nam, có vùng rước cái "nõn" cái "nường" (cái của đàn bà bây giờ mới được rước chung với cái của đàn ông). Tác giả đang cho nhân vật nói về cái của đàn bà mà) . . . (139-140)

Tôi chỉ chêm cho có thôi. Sự thật, tôi đồng ý Khánh Trường ở rất nhiều điểm. Tuy nhiên, để cho nhân vật thay mình thuyết giảng (hay biện bạch, biện minh, dạy đời, chửi bới, gây sự, . . .) nhiều quá, có sợ truyện bị loãng không?

Tôi không nói quá đâu. Ở trang 140, mấy người đạo đức giả bị "xài xể". Ở trang 191, những tên Việt gian bán nước bị mạt sát. Ở trang 97, "đa số các vị chân tu" được "hỏi thăm". Ở hai trang, 108-109, nhiều "nhân vật" tai mắt trong cộng đồng được "nhắc nhở" . . .

Tập truyện *Có Yêu Em Không?* rất dài (350 trang); trongd 7ó có tới mười bốn truyện, một phần Mở và một phần Khép, với nhiều phụ bản. Nên mấy trang không đủ để nói tới từng tác phẩm đặc biệt và khác lạ của một người can đảm — can đảm đến liều lĩnh, và có tài sáng tạo.

Khánh Trường co can đảm hơn nhiều hơn khác. Thí dụ, cho nhân vật chửi thề (chửi tục) một cách tự nhiên (như rất nhiều người Việt Nam, dù là có học, không chửi không nói thành câu được). Tôi cho đó là can đảm. Người ta thường che giấu rất nhiều thứ mình thích. Nhất là về sự ham muốn xác thịt. Khánh không phải ai cũng thích y hệt như thế. Có người thích cái này, không thích cái kia. Có người thích cái này hơn cái kia. Nhưng Khánh Trường không cần điều đó. Nói hết, tả hết, tả một cách tỉ mỉ, cả những cái người khác không thích (nói thật thà, không giả dối một tí nào). Khánh Trường không sợ miệng lưỡi thế gian. Không phải là liều lĩnh sao?

Nét bút của Khánh Trường trong "Mưa Đêm" không tuyệt vời như trong "Tình Yêu". Nhưng là những nét đặc biệt nhất trong tập truyện *Có Yêu Em Không?* Hy vọng Khánh Trường sẽ có những tranh truyện với màu sắc êm dịu thanh tao.

Khánh Trường viết truyện không theo quy tắc có sẵn. Vì thế, trong nhiều truyện, tình tiết được xếp đặt rất cầu kỳ, nhưng vẫn có những chi tiết tùy hứng (tính chất đặc biệt của nghệ sĩ?). Trong truyện "Trạm Xăng Bên Kia Đường", viết về nhân vật phụ nhiều quá (bà mẹ kế của Hòa, và là chị của Thủy). Trong truyện "Có Yêu Em Không?" viết cảnh T. cưỡng ép Lệ dài quá, với nhiều hình ảnh và lối dùng chữ không đúng với thời điểm của truyện.

*

Nhìn lại cả tập truyện, Khánh Trường cũng mắc vài lỗi thường tình:

1. Rất nhiều tiếng mượn. Viết y hệt như tiếngMỹ, tiếng Pháp: bathroom (139), flyer (97), my boy (103), O.K. (121, 124), poncho (161, 196), quarter (96), restaurant (121), saut (159), share (115, 116), shit (96), shopping (115, 342), soutien (94), zéro (115) . . .

2. Một số khác đã được phiên âm: Ba Ri (123), bê bi (190), Cỏ Nhác (117), du du mi mi (119), ếp phê (117), mu (122), phi dê (144), phú lít (120), rì biu (115), sô đa (118, 121), xếch xi (119), xì pít co (115), . . .

3. Dù tác giả đánh máy lấy, vẫn có nhiều chữ bị sai: tấm chăm (đáng lẽ là chăn, tr.134), lạnh lắn (đáng lẽ là lắm, tr.160) . . .

4. Trong truyện "Bàn Tay Trái", Khánh Trường dùng thiếu nữ và thanh niên (ngôi thứ ba ít) từ đầu đến cuối. Tôi thấy không được tự nhiên. Về ý nghĩa, theo người, viết, đã rõ ràng: thiếu nữ chỉ nhân vật đàn bà, thanh niên chỉ nhân vật đàn ông. Nguyên nghĩa, thanh niên là tuổi xanh, tuổi trẻ; người trẻ tuổi, còn trẻ, còn khỏe mạnh, không phân biệt đàn ông hay đàn bà, trai hay gái, miễn là không trẻ quá và chưa già là được.

5. Trong truyện "Trạm Xăng Bên Kia Đường", "nếu chị bằng lòng tục huyền với ông" (tr.144) không hợp. Tục huyền (nối lại dây đàn) chỉ dùng cho người đàn ông chết vợ, lấy vợ khác. Còn người đàn bà chồng chết, lấy chồng một lần nữa, phải nói là tái giá hay "bước đi bước nữa", "bước thêm bước nữa", . . . Đỡ rắc rối, có thể viết

MARVIN COHEN

Thơ xuôi

Dịch tặng NXH

Tôi thức dậy cảm thấy mình dễ chịu khoan khoái quá nên không dám tin là điều có thật. Ấy là lầm lỗi thứ nhất.

Tôi há miệng ngáp một cái rồi ngon trớn thổi bay luôn cái trần nhà phòng ngủ khiến người đẹp ở tầng trên rớt xuống nằm sấp trên mình tôi với những tò mò ham muốn rạo rực.

Để cho thân tình vừa chớm nở giữa hai đứa có cơ phát triển, hôm sau tôi cưới luôn nàng làm vợ. Một cuộc hôn nhân dĩ nhiên là có tính toán, bởi nàng thuộc hàng giàu sụ, còn tôi thời chỉ là dân khố rách.

Nàng khiến tôi dọn lên ở tầng trên. Chúng tôi nấu nướng bằng cách cọ xát thân thể vào nhau, tay cầm thịt cá rau cải. Hiệu quả thần kỳ. Nhiệt độ từ cơ thể sinh vật chưa ai từng khai thác là một nguồn năng lượng có khả năng vô tận. Chúng tôi đã nghĩ tới chuyện đem bán mình cho Nhà nước; nhưng lại e làm như thế chẳng khác gì mãi dâm.

Tuy nhiên, chuyện hai đứa tôi cũng không tránh được hồi kết cục bi đát: Chúng tôi đã yêu nhau thật say đắm cho tới lúc tắt ngủm. Ngay cả mồ mả của hai đứa bây giờ cũng vô hình.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch

"nếu chị bằng lòng lấy ông ấy". Tuy nhiên, nói như vậy, vừa có vẻ kỳ thị đàn ông đàn bà, vừa có vẻ "bới bèo ra bọ". Người đàn ông nối dây đàn. Người đàn bà cũng nối dây đàn được. Có thể Khánh Trường muốn làm cách mệnh (cách mạng) cả trong cách dùng chữ (tục huyền) lẫn cách diễn tả (nhiều cảnh "trai gái" . . .)

*

Tôi thích truyện của Khánh Trường.

Có thể tôi chủ quan.

Nhưng tôi đã chán bộ mặt đạo đức giả của người đời. Nên khi thấy Khánh Trường bạo dạn, can đảm, liều lĩnh, tôi có cảm tình ngay.

Có thể tôi chủ quan.

Rõ ràng tôi thấy Khánh Trường có quá đáng ở nhiều chỗ. Không sao. Người có mộng lớn thường như vậy.

Khánh Trường mới lạ trong cách viết, trong cách xếp đặt tình tiết. Văn dễ dàng và truyền cảm.

Khánh Trường thành công cả trong những truyện đáng lẽ rất khô khan. "Chuyện Muốn Nói Vẫn Chưa Nói Được" (111-127) là một thí dụ. Từ đầu đến cuối là độc thoại, mà vẫn đâu ra đấy. Người xem không bỏ xót một dòng. Nhân vật chính cô đơn đến nỗi phải "mời mọc" người ta ăn với mình để nghe mình nói. Nói chưa hết, hẹn tối hôm sau. Hẹn đi hẹn lại. Tôi đã gặp nhiều người như vậy, nên mến tài "kể" của Khánh Trường.

Khánh Trường rất thành công.

Có Yêu Em Không? là một tác phẩm đáng kể.

Lỗi lầm tuy có, tránh sao nổi (đánh máy sai khá nhiều, chữ dùng không cẩn thận, . . .). Không sao. Chẳng có người nào hoàn toàn. Tuy nhiên, thành công quá đôi lúc cũng nguy hiểm. Có người yêu tất có người ghét. Nếu có người ghét đông hơn hoặc mạnh hơn hay vừa đông vừa mạnh thì sự thành công của Khánh Trường dù bị vây kín bốn bề, bị bắn bằng tên tẩm độc; nhưng biết võ, đã mặc giáp, lại có người giúp sức, thì Khánh Trường sẽ là một tướng giỏi. Trong lịch sử văn học sẽ có tên. Tên sẽ được viết bằng vàng. Hy vọng như vậy. Tuổi còn trẻ, sức lực còn tràn đầy, dù có bị vài vết thương cũng có thể hồi phục nhanh chóng. K

PHẠM VĂN HẢI

7-1990

Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam

THẾ UYÊN

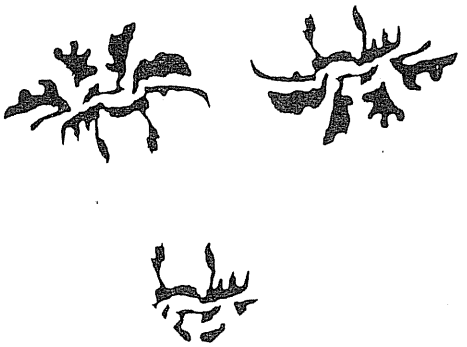

Trước khi đi vào vấn đề chính, người viết xin xác định vài định nghĩa căn bản. Trước hết, thế nào là "người Hoa"? Người Hoa ở trong phạm vi bài văn này là những người Trung Hoa đến lập nghiệp lâu dài và lâu đời ở Việt Nam. Họ có thể tùy thời đại mà mang quốc tịch Việt Nam hay là không bởi vì điều này không quan trọng bằng sự kiện họ ý thức, họ xác định về chính trị, kinh tế, nhất là về văn hóa, rằng họ là ai. Thí dụ như gia đình một người Hoa đã lập nghiệp ở Việt Nam đến đời thứ tư, nhưng nếu họ, trong nếp sống cũng như ý thức vẫn cứ thấy mình là người Hoa, thì chúng ta cũng đồng ý coi họ như một người Hoa. Nhưng đối với những Trịnh Hoài Đức hay Trần Tiến Thành, gia phả ghi chép đầy đủ là người Hoa, nhưng những nhân vật này tự xác định rằng mặc dù gốc gác như thế, họ vẫn là người Việt, sống như người Việt, vui buồn với vận nước Việt, thì chúng ta cũng đồng ý nhận họ là người Việt.

Như vậy người Hoa được nhắc đến ở đây không bao gồm những người Tàu ở chính quốc phương Bắc trong mỗi thời đại đến Việt Nam cư ngụ một thời gian dài hay ngắn để lo chuyện chính trị hay thương mại. Những người thuộc loại này phải được coi như một ngoại kiều da vàng, thí dụ như Nhật kiều, Phi kiều... tương tự như các ngoại kiều da trắng Mỹ, Anh, Bỉ, Úc...

Một điều khác nữa cần xác định là sau 30 tháng Tư, 1975, người Hoa ở Việt Nam có tham gia phong trào di cư ra hải ngoại để tránh chế độ cộng sản Việt Nam, thì trên lý thuyết tư cách người Hoa tại Việt Nam của họ phải được chấm dứt. Nhưng trên thực tế tầng lớp này, khi đã tái định cư tại một nước mới, vẫn cứ gắn bó với các cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, dù tại Úc, Canada hay Hoa Kỳ, nhất là tại Hoa Kỳ, về phương diện kinh tế cũng như chính trị, thì người viết vẫn phải tiếp tục bàn tới vai trò cũng như tác động của họ trong bài tiểu luận này.

I. Người Hoa tại miền Bắc của Việt Nam

Kể từ khi Ngô Quyền lập quốc năm 939 cho tới hiện nay, phần đất miền Bắc nằm kế cận phía Nam của Trung Quốc, thường xuyên chịu áp lực bành trướng xuống phía Nam của nước lớn này, cũng như lãnh đủ mọi cuộc xâm lăng của các triều đại khác nhau, từ Ngô Hán tới Tống Nguyên Minh Thanh, đương nhiên dân của miền Nam luôn luôn ý thức rằng người Hoa lúc nào cũng là kẻ thù truyền kiếp. Trong một hoàn cảnh như vậy, các cộng đồng người Hoa không thể phát triển mạnh mẽ như tại miền Nam sau này.

Nhưng dù thích hay không thích thì người Việt vẫn cần tới người Hoa về phương diện văn hóa cũng như kinh tế. Thí dụ như học chung một số sách giáo khoa căn bản, đọc chung đa số truyện và thơ, viết chung một thứ chữ với giấy bản và bút lông, người Việt không thể không cho nhập nội những thứ này. Về kinh tế người Việt cần mua những sản phẩm chế biến tinh vi của người Hoa, như đồ sứ chẳng hạn, và cần bán ra một số sản phẩm của mình như trầm hương. Bởi các nhu cầu này, các triều đại Việt Nam đều chấp nhận cho người Hoa thành lập các thương điếm tại các trung tâm lớn trong nội địa, thí dụ như tại Hải Phòng, Nam Định, và Hànội. Những người Hoa tại các thương điếm nay đương nhiên phải lấy vợ, sinh con thêm và với dân số gia tăng, dù chẳng nhiều, họ phải mở thêm những mục doanh thương mới như tiệm ăn Tầu, tiệm thuốc Bắc cũng như các tiệm tạp hóa thông dụng. Và dĩ nhiên các người Việt, từ vua chúa đến quân và dân, không có ai chê thuốc Bắc hay tiệm ăn Tầu cả.

Những cộng đồng người Hoa xuất phát từ các thương điếm này duy trì một thái độ chính trị khôn ngoan ngàn đời là không bao giờ tham gia, can thiệp tới việc chính trị của Việt Nam. Việt Nam tha hồ chia năm phe bảy phái, đánh nhau tơi bời hoa lá, nhưng cộng đồng Hoa bao giờ cũng tìm cách đứng trung lập. Phe nào cũng giao thiệp, cũng ủng hộ tiền bạc ít hay nhiều, dĩ nhiên một cách thật kín đáo để đề phòng nhỡ phe kia thắng thì sao. Trung lập tuyệt đối để tồn tại là phương châm hữu hiệu cả ngàn năm của các cộng đồng Hoa tại miền Bắc.

Nhưng chính sách trung lập về chính trị, làm ăn nhỏ về kinh tế thôi, cộng với thái độ thường trực nghi ngờ người phương Bắc của người Việt, các cộng đồng Hoa này không phát triển được mạnh mẽ. Đến năm 1978, khi hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Hoa bất đồng nghiêm trọng đến độ chiến tranh sẽ là điều không thể tránh được, cộng đồng Hoa ở miền Bắc bỏ chạy toàn bộ và ào ạt về chính quốc, thì con số dân đã được một cơ quan Liên Hiệp Quốc là HCR (Cao ủy Tị nạn) ghi nhận chính xác là 250,000 người. Sau cuộc di cư toàn bộ này, miền Bắc Việt Nam kể như không còn có người Hoa nào, ngoại trừ các nhân viên của sứ quán.

Cuộc di tản kinh hoàng này có thể cắt nghĩa bằng những nguyên nhân phát xuất từ cả hai phía Việt lẫn Hoa.

Về phía người Hoa, họ có lý do để sợ bị tàn sát. Chính quyền CSVN, dù về ngôn ngữ chính thức cũng như ngôn ngữ tuyên truyền, có nhận mình là gì chăng nữa thì thực chất cũng vẫn là một phong trào nông dân khởi nghĩa là chính, tương tự như phong trào Tây Sơn trước đây. Cả ngàn năm rồi, người Hoa hiểu rõ người Việt, so với các dân tộc khác, không quá kỳ thị chủng tộc và không hiếu sát (dù rất là ham chiến đấu), nhưng với các quý vị nông dân thì lại khác. Phong trào nông dân duy nhất của cận đại là Tây Sơn thì chính ba anh em này đã ra lệnh cho quân đội giết sạch toàn bộ cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa, từ già đến trẻ không tha một ai, xác ném xuống sông Đồng Nai đặc nghẹt làm nước gần như ngưng chảy và nhiều tháng sau dân Việt sống hai bên con sông này còn sợ không dám ăn tôm cá. Số người Hoa bị giết được các sử gia ghi nhận là từ 6,000 tới 10,000 người. Bây giờ phong trào CSVN cũng do các nông dân làm nòng cốt, riêng trong vụ cải cách ruộng đất, người Việt Nam đánh, bỏ tù, xử tử người Việt cũng lên tới con số khá cao, dĩ nhiên chẳng so được với vụ The Killing Fields ở Cao Mên, nhưng cũng đủ cho cộng đồng Hoa miền Bắc Việt nam sợ xanh mặt mũi. Họ bỏ chạy ào ạt về phương Bắc tìm nơi dung thân cũng là điều dễ hiểu.

Phía người Việt miền Bắc, nhất là phía đảng CSVN, cũng có những lý do để e dè cộng đồng Hoa. Sử gia Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử lược q.II, trang 59, đã có đoạn ghi như sau:

> *VIỆC KHAI MỎ. Nước ta từ đời bấy giờ ở Tuyên Quang thì có mỏ đồng ở Tung Long, mỏ bạc ở Nam Xương và ở Long Sinh. Ở Hưng Hóa thì có mỏ đồng ở Trịnh Lan và Ngọc Uyên. Ở Thái Nguyên thì có mỏ đồng ở Sáng Mộc, Yên Hận, Liêm Tuyền, Tống Sinh, Vũ Nông; mỏ vàng ở Kim Mã, Tam Lộng; mỏ kẽm ở Cồn Minh. Ở Lạng Sơn thì có mỏ đồng ở Hoài Viễn.*
>
> *Những mỏ ấy đều là người Tàu sang khai cả, bao nhiêu quyền lợi về tay người Tàu hết, của 10 phần nhà nước không được một. Mà những phu Tàu sang làm mỏ thường hay quấy nhiễu dân sự. Tuy rằng năm Đinh Mão (1717), Trịnh Cương đã định lệ rằng những người Tàu sang khai mỏ: chỗ đông lắm chỉ được đến 300 người, chỗ đông vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi. Thế mà về sau có nơi phu khách đông đến hàng vạn người, rồi sinh sự đánh nhau, thường phải dùng đến binh lính đi đánh dẹp mãi mới xong.*

Tác giả của cuốn tác phẩm văn xuôi nổi tiếng là "Hoàng Lê Nhất Thống Chí" đã ghi rõ thêm là về sau, khi quân Mãn Thanh dưới quyền chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị tiến sang Việt Nam dưới danh nghĩa phò Lê Chiêu Thống lấy lại ngai vàng, thì chính những đám công nhân hầm mỏ người Hoa nói ở trên đã biến thành những phụ lực quân tình nguyện cho quân lực Mãn Thanh. Chưa thấy cuốn sử Việt hay Hoa nào ghi lại chiến công của đạo phụ lực quân gốc công nhân này, nhưng về thành tích cướp bóc hà hiếp bà con Việt Nam, tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí* đã ghi rõ là làm mất uy tín của Lê Chiêu Thống vô cùng.

Gần hơn nữa là vụ Hồng Tú Toàn khởi nghĩa ở Trung Quốc. Sau khi thất bại, tàn binh của Hồng Tú Toàn dưới quyền chỉ huy của Ngô Côn chạy sang Việt Nam tìm nơi dung thân. Vua Tự Đức chấp thuận. Nhưng chỉ được một thời gian, Ngô Côn và các tướng như Lưu Vĩnh Phúc (Cờ Đen), Hoàng Sùng Anh (Cờ Vàng), Bàn Văn Nhị (Cờ Trắng) nổi loạn đánh chiếm vùng Cao Bằng Thái Nguyên Tuyên Quang. Quân chính quy của Việt Nam nhiều lần xuất quân bình định mà không thành công. Dĩ nhiên tại những vùng chiếm đóng bởi các ông tướng Tàu này thì người dân Việt cơ cực vô cùng. Rồi đến một thời gian sau, vì không đủ sức chống lại quân lực Pháp, triều đình phải liên minh bất đắc dĩ với những ông sứ quân Tàu ấy cũng như liên minh với nhà Mãn Thanh để chống lại quân Pháp, thì đời sống dân chúng cũng không khá hơn được. . . Bởi thế đến những năm 1978-79, nếu đảng CSVN có tìm cách tống xuất toàn bộ cộng đồng Hoa miền Bắc về Tàu, cũng là điều có thể hiểu được.

Nhưng nếu việc tống xuất cộng đồng Hoa này có thể biện minh bằng lý do an ninh quốc gia, thì về phương diện kinh tế, lại là một điều lầm lẫn. Dù dân số không lớn lao, các cộng đồng Hoa miền Bắc cũng vẫn đóng một vai trò khá quan trọng trong việc xuất nhập cảng và có khả năng cao về tích lũy vốn cũng như huy động vốn từ Hồng Kông và Singapore. Đến năm 1986, khi phe Đổi mới thành công trong việc đưa lãnh tụ của mình là Nguyễn Văn Linh lên nắm Đảng để ban hành chính sách đổi mới về kinh tế, cho tư nhân được kinh doanh trở lại, thì chính sách này gần như vô tác động ở miền Bắc. Dân đã sạch bách từ lâu lấy gì đầu tư, cộng đồng Hoa không còn, lấy ai có kinh nghiệm kinh doanh và nhất là vốn liếng để kinh doanh nữa. Ngoại trừ những cán bộ đảng viên Đảng bổ nhiệm vào làm quan trong Nam, do tham nhũng nhất là do hối mại q···ền thế, đã tích lũy được một số vốn đáng kể dưới hình thức hiện vật và vàng.

Vào thời điểm bài văn này được viết ra, cấp lãnh đạo của Đảng CSVN đang đứng trước một bài toán nan giải. Các nhà đầu tư ngoại quốc, vì rất nhiều lý do khác nhau, rất ngại đầu tư vào miền Bắc. Chỉ còn trông cậy vào vốn nội địa. Bây giờ nếu xí xóa cái tội tham nhũng để các cán bộ đảng viên "tân tư sản" bỏ vốn bỏ vàng ra đầu tư thì những cán bộ đảng viên trong sạch thanh liêm sẽ không chịu. Không lẽ để những phần tử xấu nhất cặn bã nhất của mình trở thành các "ông chủ" điều khiển các "tướng về hưu" trong sạch một đời hy sinh trong đói rách hay sao. . .

II. Người Hoa tại miền Nam của Việt Nam

A. Thời kỳ Nam tiến

Tại miền Nam, thời còn được gọi là Đàng Trong (chưa bao gồm phần đất Nam kỳ hay Nam Việt Nam hiện nay), các thương điếm và cộng đồng Hoa phát triển và đông dân số hơn nhiều. Lý do thứ yếu là do chính sách cởi mở hơn đối với người ngoại quốc và thế giới bên ngoài của vương triều Nguyễn miền Nam. Lý do chính yếu là lý do kinh tế. Nhà học giả, hay nhà "bách khoa từ điển" đầu tiên của Việt Nam là Lê Quý Đôn đã ghi lại trong cuốn *Phủ Biên Tạp Lục* như sau:

> *Có người thương khách Quảng Đông họ Trần, có thuyền, quen mua bán, nói rằng: "Từ phủ Quảng Châu đi đường biển gặp gió thuận thì chỉ ba ngày ba đêm đến Quảng Nam Hội An. Từ Quảng Châu đến trấn Sơn Nam (Nam Định) gần hơn, chỉ một ngày hai đêm, nhưng thuyền ở Sơn Nam về chỉ mua được một món là củ nâu. Còn thuyền từ Quảng Nam về thì trăm hóa vật không món gì không có, các phiên bang không nước nào sánh kịp. Các hóa vật sản xuất ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khương và Nha Trang do đường thủy, bộ, đi thuyền, đi ngựa đều tập họp ở phố Hội An, cho nên rất đông thương khách phương Bắc (Trung Hoa, Nhật) đến đó để mua, đem về nước Đường (Trung Hoa). Trước đây, hóa vật nhiều lắm, dẫu có trăm chiếc thuyền lớn chở đi một lúc cũng không hết được. (Phan Khoang, Việt sử xứ Đàng Trong, quyển hạ, trang 541).*

Cũng theo tài liệu trên, xứ Đàng Trong thời kỳ đó xuất cảng những thứ sau: cau, hạt, hàng trăm vị thuốc nam, gỗ hồng, gỗ trắc, gỗ mun, gỗ tứ đàn, tê giác, yến sào, gân hươu, vây cá, tôm khô, ốc, đường phèn, đường trắng, kỳ nam hương, quế, trầm hương, trân châu, đồi mồi, ngà voi. . . Còn về nhập cảng, vẫn tài liệu trên của Lê Quý Đôn ghi như sau:

> *Lại hỏi: "Các hóa vật từ Đường (Trung Hoa) đem đến là những gì? Đến đó có bị ế không?" Y đáp: "Hàng bán chạy lắm, không ế đọng. Hàng đem đến là sa đoạn, gấm năm màu, vải, các vị thuốc, giấy vàng bạc, dầu thơm, các thứ giấy, kim tuyến, ngân tuyến các màu, nhung, y phục, pha lê, kính, quạt giấy, bút mực, kim, nút áo, các thứ bàn, ghế dựa, các thứ đèn lồng, đồng đồng, thiếc, đồ sành. Đồ ăn uống thì trà, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh miến, bột mì, cải tàu, trứng muối, tương gừng, tương ngọt, đậu hủ, mộc nhĩ, nấm hương. . ." (trang 541-542 sđd của Phan Khoang).*

Điểm quan trọng cần ghi nhận ngay là mặc dù các cộng đồng Hoa của Đàng Trong có phát triển hơn miền Bắc nhiều, nhưng về phương diện chính trị và xã hội, vẫn mang những nét cơ bản của các cộng đồng Hoa Đàng Ngoài. Nhưng vì đông hơn, hoạt động kinh tế hữu ích hơn, vương triều Nguyễn của Đàng Trong đã chọn lựa một

LTS— Thế Uyên, nhà văn, đã có nhiều tác phẩm xuất bản ở trong nước trước 1975. Ông rời Việt Nam đến Mỹ, định cư tại tiểu bang Washington, từ 1988, đã viết lại, với ba tác phẩm xuất bản, và nhiều bài báo đăng trên các báo Việt ngữ hải ngoại, trong đó có những tùy bút, tạp ghi, truyện ngắn, ký, đăng trên nhật báo Người Việt và tạp chí Thế Kỷ 21.

Thế Uyên còn là nhà biên khảo. Trong bài "Thế lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam" (đăng hai kỳ trên Thế Kỷ 21, số này và số sau), Thế Uyên cho thấy ông nặng lòng với đất nước, dân tộc, và làm việc với tinh thần trách nhiệm.

Độc giả có thể sẽ không đồng ý với quan điểm lịch sử và cách lý giải vấn đề "người Hoa" trong phạm trù kinh tế, chính trị. Nhưng chắc chắn chúng ta phải vui mừng khi thấy một vấn đề "gai góc", dễ bị ngộ nhận trong lúc này, đã được Thế Uyên đưa ra dưới ánh sáng của tự do tư tưởng, tự do phát biểu. Thế Kỷ 21 đón nhận những góp ý từ mọi phía.

Vì bài biên khảo này khá dài, nên tòa soạn cho đi hai kỳ báo. Sau đây là nội dung tóm lược toàn bài (để độc giả tiện theo dõi).

I. Người Hoa tại miền Bắc của Việt Nam.

II. Người Hoa tại miền Nam của Việt Nam:

A. Thời kỳ Nam tiến.

B. Thời kỳ Pháp thuộc.

III. Người Hoa sau tháng Tư, 1975:

A. Tại miền Nam.

B. Tại hải ngoại.

IV. Thử nhìn từ thập niên 90 sang thế kỷ 21.

thiểu số người Hoa cần thiết cho làm công chức trong một cơ quan đối ngoại có tên là Tàu Vụ Ty. Theo Sử gia Phan Khoang, sđd, trang 537-538, cơ quan này được miêu tả như sau;

Trong công việc kiểm soát ngoại thương, thu thuế thương thuyền, cứu giúp những thuyền ngoại quốc bị gió bão trôi giạt đến, các chúa Nguyễn đã đặt ở Hội An một cơ quan gọi là Tàu Vụ Ty trong có nhiều chức quan. Người Trung Quốc và người Minh Hương vốn có nhiều trí thức và kinh nghiệm về ngoại thương hơn người Việt, nên thường được Chúa trao phó giữ các chức quan ấy. Ngoài ra dân xã Minh Hương có nhiệm vụ nghiệm xét cân lượng, định giá hàng các tàu buôn, và làm thông ngôn cho các tàu Trung Quốc và ngoại quốc. Công việc ấy cũng là sưu dịch rồi, nên dân Minh Hương được miễn các thứ sưu dịch, sưu sai, quét chợ và tuần đò.

Nhân số của Tàu Vụ Ty khoảng 400 người, hoạt động theo hình thức công tư hợp doanh. Số thu hoạch của Tàu Vụ Ty chỉ phải nộp cho chính quyền có 60%, 40% còn lại chia cho quân nhân công chức và dân chính phục vụ tại nơi này. Cũng cần ghi thêm là Tàu Vụ Ty giành biện pháp tối huệ quốc cho Trung Quốc: tàu Trung Quốc nộp trung bình 3,000 quan, tàu Nhật Bản 4,000 quan, còn các tàu Tây phương (bất kể quốc tịch Pháp, Anh hay Hòa Lan. . .) phải nạp tới 8,000 quan. Số thu hàng năm của Ty này là từ 10,000 quan tới 30,000 quan.

Nhưng sự tham gia của cộng đồng Hoa vào chính quyền địa phương chỉ giới hạn trong phạm vi quan thuế đối ngoại như vậy mà thôi. Và mẫu người chính của cộng đồng Hoa vẫn chỉ là mẫu Doanh nhân, chỉ lo business thuần túy, đứng trung lập về chính trị. Chúng ta phải đợi đến cuối thế kỷ 17, mới thấy xuất hiện một loại người Hoa mới: những người Hoa Đi Khai Hoang Lập Nghiệp. Lớp người này khác hẳn mẫu người Hoa doanh thương về rất nhiều phương diện cơ bản. Họ đến Việt Nam không phải để buôn bán nhất thời, mà để làm dân Việt Nam, chiến đấu bên cạnh người Việt, chia vui sẻ buồn với người Việt, cùng chung sức tạo dựng ra phần đất Nam kỳ. Đã đổ mồ hôi và máu cùng nhau, đương nhiên quyền lợi cũng phải đồng đều. Chúng ta đều biết đoạn đối thoại nẩy lửa và tức cười giữa hai ông đại thần của triều Nguyễn, một ông thuần Việt là Tôn Thất Thuyết, một ông gốc Hoa là Trần Tiễn Thành. Ông sau chủ hòa nên bị ông trước mắng đại khái là "đồ ba Tầu" nên không thương dân Việt Nam. Dĩ nhiên ông Trần Tiễn Thành đã cãi rất hùng hồn là ông cũng là dân Việt như mọi người, cũng thương yêu dân Việt như ông Thuyết vậy. . .

Sử gia Phan Khoang trong sách đã dẫn đã ghi như sau về sự xuất hiện các mẫu người Hoa mới:

BỌN DƯƠNG NGẠN ĐỊCH, TRẦN THƯỢNG XUYÊN MỞ MANG ĐẤT BIÊN HÒA, MỸ THO. Năm Kỷ Mùi (1679) một tập đoàn di dân lớn lao người Trung Quốc đến khai thác đất Thủy Chân Lạp để rồi sau trao cho chúa Nguyễn.

Tháng Giêng năm ấy, dư đảng của họ Trịnh ở Đài Loan (cứ điểm kháng Thanh cuối cùng của triều đại nhà Minh) là Tổng binh Long môn Dương Ngạn Địch với phó tướng Hoàng Tiến, và Tổng binh Cao Lôi Liêm là Trần Thượng Xuyên với phó tướng Trần An Bình, đem binh lính và quyến thuộc hơn 3,000 người và hơn 50 chiến thuyền, chạy vào đậu dọc theo bờ biển từ cửa Eo đến cửa Đà Nẵng. Tuần qua cửa Tư Dung đi thuyền nhỏ ra hỏi, Dương Ngạn Địch treo cờ trắng rồi trình lên rằng: "Chúng tôi là tôi lưu vong của nhà Đại Minh, vì nước thề hết lòng trung, nay lực kiệt, thế cùng, quốc tô nhà Minh đã chấm dứt, chúng tôi chẳng chịu làm tôi nhà Thanh, nên chạy đến quý quốc, thành tâm xin làm tôi tớ.

Đoàn thể người Hoa này đúng là *boat people* thứ thiệt, và họ thật may mắn hay thật khôn ngoan khi biết đến miền Nam, xứ Đàng Trong của những di dân Việt. Di dân nào cũng dễ thông cảm và biết thương nhau nên một sử gia đã ghi lại diễn biến sau đó như sau: "Có người bàn rằng: 'Phong tục, tiếng nói của họ khác ta, khó bề sai khiến, nhưng nghĩ họ bị thế cùng bức bách, chạy đến nhờ ta, lòng trung tiết, ý thành ấy, chúng ta không nỡ cự tuyệt. Hiện nay đất Đông Phố nước Cao Miên đất đai màu mỡ nghìn dặm chưa rảnh để kinh lý, chi bằng cho họ vào đó cư trú, cậy sức của họ để mở mang đất đai, thế là làm một việc mà được ba điều lợi'. Chúa Hiền theo lời bàn ấy. Bèn khiến đặt yến tiệc đãi họ, an ủi, khen ngợi, cho các tướng lãnh y chức cũ, phong thêm quan mới, khiến vào ở đất Đông Phố để mở mang đất ấy... Binh thuyền tướng sĩ Long môn của Dương Ngạn Địch đến định cư ở xứ Đồng Nai, Biên Hòa ngày nay. Ở hai nơi ấy, hai đoàn di dân vỡ đất phá rừng, cất phố, lập chợ, từ đó thương thuyền các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Tây dương (*Tây phương*), Đồ Bà (*Java*) qua lại tấp nập.

Người Việt nội địa cũng như hải ngoại đã coi thích thú rất nhiều phim kiếm hiệp, phim chưởng, nhưng đa số nghĩ rằng tinh thần nghĩa hiệp trong các phim này là hư cấu, là tưởng tượng. Sự thực không phải như vậy. Vào những thế kỷ trước đây ở Á Châu, tinh thần nghĩa hiệp là có thật. Đám di dân nói trên đa số thuộc ngành võ hiệp, khi thất thế chạy đến miền nam, quả thực họ chỉ mong làm một dân thường làm lụng thấp kém miễn là sống một kiếp lưu vong. Ai ngờ gặp vương triều Nguyễn biết thương người thất thế, không những cho đất dung thân, lại còn phong cho chức tước cũ. Tổng binh vẫn cứ là Tổng binh, đã thế lại còn được tự trị hùng cứ một phương trời mới, những *boat people*, những *refugee* cùng đường thất thế này không cảm động sao được. Nợ ân nghĩa phải trả và chỉ có thể trả bằng ân nghĩa, cộng đồng Hoa miền Nam trước sau một lòng trung thành với vương triều Nguyễn và dân tộc Việt. Họ sát cánh với người Việt khai hoang lập ấp lập chợ đã đành, mà còn hy sinh xương máu rất nhiều cùng quân Việt chống lại quân lực Cao Mên và Xiêm La.

Về phương diện kinh tế, họ đưa văn minh và kỹ thuật tương đối cao thời đó của Trung quốc vào thẳng miền biên địa hoang dã phía Nam. Một danh sĩ người Việt gốc Hoa đã ghi lại công trình của nhóm di dân Trần Thượng Xuyên ở Biên Hòa như sau:

Trịnh Hoài Đức viết: "Phố Nông Bài ở đầu phía Tây cù lao Phố, lúc mới khai thác, Tướng quân Trần Thượng Xuyên chiêu tập các nhà buôn Trung Quốc, xây cất phố xá, lầu cao, gác lớn, ngói lợp, tường xây, kéo dài năm dặm; có ba đường lớn: đường Đại nha phố xây đá trắng, đường Hoành nha phố xây đá tổ ong, đường Tiêu nha phố xây đá xanh, đường nào cũng trơn tru rộng rãi, thượng khách tụ họp, thuyền bè đầy sông, thật là một nơi đại đô hội, hạng nhà buôn giàu có lớn, chỉ nơi ấy có nhiều nhất... Từ năm Bính Thân (1776) trở về sau, Tây Sơn vào đánh phá, triệt hạ nhà cửa, lấy hết ngói gạch, tiền của chở về Quy Nhơn, còn nền đất cầy làm vườn ruộng. Từ ngày trung hưng đến nay, nhân dân quy tụ, chưa được một phần trăm ngày xưa". (sđd của Phan Khoang, trang 457-459).

Một trong những lỗi lầm lớn nhất, của triều đại Tây Sơn, để vết nhơ "hiếu sát" cho người Việt, là vụ thảm sát mà Trịnh Hoài Đức nói tới trong đoạn văn trên. Dĩ nhiên kể từ đó cộng đồng Hoa của miền Nam (kể từ đây trở về sau, khi nói tới cộng đồng Hoa miền Nam, người Việt muốn nói tới người Hoa lập nghiệp ở Nam kỳ, Nam Việt, mà thôi, không bao hàm người Hoa ở miền Trung nữa) dứt khoát đứng về phe vương triều Nguyễn với hậu duệ là Nguyễn Ánh, không những tách rời mà còn đối kháng với triều đại Tây Sơn.

Sự chung thủy với vương triều Nguyễn của cộng đồng Hoa không phải chỉ kéo dài có một đời. Con của Trần Thượng Xuyên là Trần Đại Định, sau khi cha chết, được vương triều Nguyễn phong chức Thống binh để chỉ huy đạo tướng sĩ Long môn (thuần túy gốc Hoa). Trần Đại Định mang quân tham gia chiến dịch lớn chống vương triều Cao Mên, hao binh tổn tướng rất nhiều để rồi phút chót tướng tư lệnh chiến dịch người Việt là Trương Phước Vĩnh ăn hối lộ của tướng địch, không chịu tiến quân nữa. Đến khi bị chúa Nguyễn khiển trách, Phước Vĩnh hoảng sợ, vu cho Trần Đại Định tư thông với địch không chịu tiến quân. Những gì diễn ra sau đó đúng là một tuồng Tàu cổ điển hay một thảm kịch kiểu cổ Hy Lạp. Khi biết mình bị vu oan, các phụ tá khuyên Trần Đại Định hãy bỏ trốn về Trung Quốc. Trần Đại Định nói rằng: "Cha ta là Thượng Xuyên đã từng mang ơn nặng của triều đình, vua từng có

lời dụ rằng: 'Họ Nguyễn làm vua, họ Trần làm tướng, công khanh đời đời không dứt'. Vinh hạnh biết chừng nào. Nay vì biên súy che lấp, bất công, nếu chẳng đến triều đình nhờ thẩm xét, ta sẽ mang tội phản nghịch; bao nhiêu công nghiệp ông cha như non như núi sẽ sụp đổ xuống hang, xuống sông; chẳng những ta mang tội làm tôi bất trung mà cũng mang tội làm con bất hiếu nữa, còn mặt mũi nào đứng trong trời đất?" (trích *Gia Định Thống Chí*).

Trần Đại Định bỏ quân, ban đêm xuống thuyền đi thẳng ra miền Trung để minh oan. Khi đến gần cửa Hàn, một tùy tướng cầm lái quá lo sợ cho tính mạng của chủ, đã định bẻ lái cho thuyền đi lên hướng Bắc, Trần Đại định đã rút kiếm ra chém rồi tự mình cầm lái vào cửa Hàn. Thế lực của Phước Vĩnh quá lớn nên không những Đại Định bị tống giam, mà toàn gia ở Biên Hòa cũng bị nhốt tù. Cũng may chúa Nguyễn thời đó nhận thấy nếu Đại Định làm phản thì tại sao không trốn về Tàu, lại còn thân đến triều đình làm gì. Chúa bèn cử thanh tra vào Nam điều tra lại. Khi thanh tra trở về báo cáo Đại Định bị vu oan giá họa thì đã quá trễ: Trần Đại Định bị giam lâu, uất ức và thổ huyết chết trong ngục. Những gì diễn ra sau đó cũng là tuồng Tàu, rất là ân oán phân minh. Gian thần Tần Cối của Việt Nam là Trương Phước Vĩnh bị cách chức tư lệnh đạo quân phương Nam, lột lon cấp tướng, giáng xuống là Cai Đội. Còn Trần Đại Định được phục hồi danh dự và truy tặng hàm *Đô Đốc Đồng trị*.

Đó là nét chính những gì người Hoa đã đóng góp ở miền Đông Nam kỳ (người viết không dùng từ Nam Việt vì từ này rất hàm hồ, chỉ nhiều vùng địa lý khác nhau trong lịch sử). Tại miền Tây thì cộng đồng người Hoa của giòng họ Mạc Cửu đóng góp công trạng lớn hơn trong việc mở mang bờ cõi người Việt đến tận vịnh Xiêm La. Đời thứ nhất là Mạc Cửu có diễn tiến như sau:

> *Bấy giờ có người khách Quảng Đông tên là Mạc Cửu, trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tàu, bỏ sang ở Chân Lạp, thấy ở phủ Sài Mạt nhiều nước đến buôn bán, bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu dân lập ra bảy xã, gọi là Hà Tiên. Năm Mậu Tí (1708) Mạc Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn, chúa phong chức Tổng binh giữ đất Hà Tiên (Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, quyển II, trang 82).*

Đến đời thứ hai là Mạc Thiên Tứ (mẹ là người Việt) thì sự đóng góp ly kỳ và công trạng cũng lớn hơn nhiều. Người viết, trong bài "Vấn đề Cao Mên và cuộc tranh chấp giữa hai dân tộc Thái và Việt" đã ghi về Mạc Thiên Tứ như sau:

> *Đến thời Mạc Thiên Tứ, từ miền sông ĐồngNai cho đến Mỹ tho đã thuộc về người Việt: vua Chân Lạp rút về đóng đô ở Nam Vang nhưng vẫn giữ được phần đất đai nằm giữa sông Tiền Giang và vùng Hà Tiên. Dĩ nhiên các vua Chân Lạp không vui gì trước cảnh mất đất đều đều như vậy và đã hơn một lần họ tung quân đánh lại vương triều Nguyễn để giành lại lãnh thổ cũ. Nhưng lần nào cũng bị thua, và nếu không bị chết trận thì cũng bị vương triều Nguyễn bắt làm tù binh. Dĩ nhiên sau đó muốn được tha về thì tù binh ấy bắt buộc phải cắt thêm một phần đất làm quà chuộc mạng. Đã thế giòng họ Mạc vẫn không sao thống nhất về một mối, chi nào cũng muốn lên làm vua cả và phe yếu luôn luôn cầu viện tới quân đội Tiêm La. Viện quân Tiêm La bao giờ cũng dễ thắng những trận đầu, nhưng để rồi sau cùng cũng thua trước đạo quân chính quy Việt Nam, ở xa hơn đến chậm hơn, nhưng thiện chiến hơn, lại được lòng dân miền biên địa này. Rồi sau cùng, hồi chung cuộc cũng tới;... Giòng họ Mạc lại rối loạn nội bộ (con rể lên cướp ngôi), kẻ được quyền nối ngôi vua Chân Lạp là Nặc Tôn phải chạy sang nương nhờ Mạc Thiên Tứ. Thiên Tứ đề nghị với chúa Nguyễn nên giúp cho Nặc Tôn khôi phục ngôi báu, chúa Nguyễn thuận. Sau đó dĩ nhiên Nặc Tôn cám ơn bằng cách tặng phần đất Tầm Phong Long cho vương triều Nguyễn và năm phủ nữa để đền ơn Thiên Tứ. Dĩ nhiên Thiên Tứ mang năm phủ ấy sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam luôn. Cuộc Nam tiến đến đây hoàn tất. (Thế Uyên, Con đường qua mùa đông, trang 71-72, Xuân Thu xuất bản, Hoa Kỳ 1989).*

Về chính sách của vương triều Nguyễn đối với các cộng đồng Hoa tại Nam kỳ, chúng ta nhận thấy có một sự thay đổi từ từ. Trong thời kỳ đầu, Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên ở miền Đông, Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ ở miền Tây đều được phong chức Tổng binh, nắm luôn cả quyền về hành chánh lẫn quân sự, được tự trị như một tiểu bang của Hoa Kỳ hay tỉnh bang của Canada. Chính sách đồng hóa được áp dụng rất từ tốn kể từ thế hệ thứ hai thứ ba trở về sau. Tại miền Đông, con của Trần Thượng Xuyên là Trần Đại Định vẫn có quân đội riêng nhưng đã nhận lãnh cấp bậc cũng như điều động của quân lực chính quy. Tại miền Tây, sau khi Mạc Thiên Tứ cùng toàn gia bị quân Xiêm bắt làm tù binh giải về Bangkok, Mạc thiên Tứ tự tử chết thì chức Tổng binh cùng vùng đất tự trị của miền Hà Tiên cũng chấm dứt luôn. Về sau này, thì Nguyễn Ánh đã khôi phục được cơ đồ, tương quan với vương triều Thái Lan đã tốt đẹp hơn, thì một người con thứ còn sống sót của Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh chỉ được phong một chức quan nhỏ là Lưu thủ Hà Tiên. Đến đời cháu đích tôn của Mạc Thiên Tứ là Mạc Công Bính thì chỉ được phong cấp bậc Cai đội (tương đương với trung tá) và chức vụ là trấn thủ Hà Tiên (tương đương với tiểu khu

trưởng).

Nhưng chính sách đồng hóa cũng có giới hạn của nó. Truyền thống hành chánh ngàn năm của Việt Nam là cho xã thôn tự trị, người Hoa lúc nào cũng được đối xử ngang hàng với dân Việt nên cũng được hưởng quy chế này. Tại miền Nam còn rộng rãi hơn: ngay cả khi người Hoa sống xen kẽ với người Việt, về hộ tịch họ vẫn được khai theo một xã Minh Hương gần nhất. Và tại những vùng đã được đồng hóa như thế, chính quyền Việt Nam thường mặc nhiên công nhận một hệ thống hành chánh trung cấp nữa do người Hoa tạo dựng: hệ thống *bang trưởng*.

Người Hoa cùng chung nhau một văn tự và một văn hóa, nhưng khi nói, họ lại nói khác nhau. Người Triều Châu nói thì người Phước Kiến không hiểu. Điều này đương nhiên dẫn tới sự kiện những di dân người Hoa thường quy tụ theo tỉnh xuất xứ bên Trung Quốc: Phước Kiến, Triều Châu, Quảng Đông hay Hải Nam. Mỗi cộng đồng chung tiếng nói và xuất xứ này lại cử ra một người đại diện mà người Việt thường gọi là "ông bang trưởng". Chức vụ này trong đa số trường hợp thường chỉ được nhìn nhận bán chính thức bởi chính quyền, nhưng trên thực tế quan chức địa phương của người Việt, cũng như người Pháp sau này, mỗi khi có quyền định nào quan trọng có liên quan tới cộng đồng Hoa, đều tham khảo ưu tiên những "ông bang trưởng).

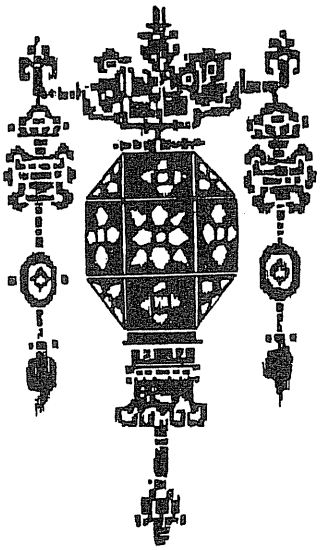

Dĩ nhiên chỉ những giòng họ lớn, giàu có mới có thể đứng ra làm bang trưởng. Những giòng họ này, để bảo vệ uy tín, luôn luôn cố giữ cho giòng họ mình thuần Hoa, Hoa chính thống nên dù con trai lớn lỡ có yêu và lấy vợ Việt chăng nữa, thì trước sau cũng vẫn được gửi về Trung Quốc cưới một cô gái Tàu 100% mang sang Việt Nam làm vợ cả. Bà vợ Việt lấy trước vẫn bị coi là vợ lẽ, con của mình không được thừa kế di sản của bố. Con của những bà "vợ lẽ" này thường bất mãn nên chọn con đường gia nhập hẳn cộng đồng Việt Nam, tiến thân trong học hành cũng như quan chức như người Việt Nam bình thường khác. (Các cộng đồng Việt tại hải ngoại hiện nay, nếu muốn duy trì truyền thống và văn hóa Việt, có lẽ cũng nên nghiên cứu áp dụng biện pháp này theo cách thế hiện đại).

Khi Nguyễn Ánh đã thống nhất đất nước, những vùng tự trị của người Hoa ở miền Đông cùng miền Tây Nam Việt đều bị hủy bỏ, nhưng truyền thống của những người Hoa di dân khai hoang lập quốc vẫn được duy trì, nhưng trong khuôn khổ của tổ chức xã hội Việt nam đương thời. Thí dụ đến tận đời Minh Mạng, khi Lê Văn Khôi nổi dậy định lật Minh Mạng và thay chế độ bảo thủ bế quan tỏa cảng và diều hâu đối với người Tây phương bằng một chế độ cởi mở hơn, thiên về Tây phương hơn, thì đạo hải quân 3,000 người của Lê Văn Khôi toàn là người Quảng Đông, từ cấp chỉ huy đến thủy thủ. Và khi cuộc nổi dậy thất bại, trong những người lãnh đạo phong trào bị mang về Huế xử tử theo lối bá đạo (thường được gọi là lăng trì) có một người Hoa thường được gọi là Bốn Bang. Ông này trước khi chết có soạn ra một truyện dài bằng thơ kể lại cuộc khởi nghĩa cùng sự tham gia của ông và người Hoa, nhan đề là "Thơ Bốn Bang". Cộng đồng Hoa ở miền Nam chỉ chuyển sang trạng thái người Hoa doanh thương, như tại miền Trung và miền Bắc, sau khi Việt Nam đã mất chủ quyền vào tay người Pháp.

B. Thời kỳ Pháp thuộc

Lê Văn Khôi nổi dậy năm 1833 và cầm cự được hai năm. Sau khi thất bại, toàn bộ binh sĩ gốc Hoa trong đạo thủy quân cũng như bộ binh của Lê Văn Khôi đều bị xử tử. Có thể vì sự trả giá quá đắt về sinh mạng cho việc tham gia chính sự Việt Nam trong vụ này, có thể vì các lãnh tụ người Hoa có hệ thống tin tức tình báo và kinh tế tỏa rộng khắp Đông Nam Á nên biết rõ một nước Việt Nam theo đường lối của Minh Mạng, nghĩa là bảo thủ và diều hâu, chắc chắn sẽ thua trước quân lực xâm lăng có kỹ thuật quân sự cao của Tây phương, chúng ta không thấy các sử liệu ghi chép gì về vai trò của người Hoa khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha, 24 năm sau (1859) dưới quyền chỉ huy của Trung tướng Rigault de

Genouilly đánh chiếm thành Gia Định. Tướng tư lệnh Việt Nam là Vũ Duy Ninh, cầm cự được hai ngày mới mất thành, tự tử sau khi thất trận.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của người Việt còn kéo dài nhiều năm, nhưng với vùng Gia Định, hay Sàigòn Chợ Lớn, thì kể như thuộc Pháp cai trị kể từ năm này, 1859, vì quân Việt, dù do danhtướng Nguyễn Tri Phương chỉ huy, cũng chưa lần nào khôi phục lại trung tâm thương mại chính của miền Nam này. Sự thay đổi chủ quyền này lập tức mở đầu cho sự thay đổi hệ thống kinh tế của miền Nam một cách sâu xa, hậu quả còn đến tận thời điểm bài văn này được viết ra.

Trước khi đi tiếp vào địa hạt kinh tế, chúng ta cần xét lại hoàn cảnh chính trị của Việt Nam hồi đó trong hoàn cảnh Á Châu và Âu Châu. Các nước Âu Châu đã thành công trong cuộc cách mạng khoa học và kỹ nghệ lần thứ nhất như Anh, Pháp, Bỉ. . . có nhu cầu cần thị trường tiêu thụ thành phẩm của mình cũng như cần nguồn cung cấp nguyên vật liệu để tái sản xuất. Chủ nghĩa đế quốc và thực dân đương nhiên ra đời, các nước Châu Phi rồi Châu Á lần lượt bị đánh chiếm, dù tại các nước này Thiên Chúa Giáo có bị cấm hay không cũng vậy thôi. Vào thời điểm Sàigòn thất thủ 1859 trên, tại Châu Á chỉ còn bốn nước chính độc lập: Nhật Bản, Trung Hoa, Thái Lan và Việt Nam.

Các nhà lãnh đạo tại các quốc gia này băn khoăn giữa hai con đường. Thứ nhất là chấm dứt bế quan tỏa cảng, mở rộng cửa để tiếp thu tư tưởng học thuật, nhất là khoa học kỹ thuật của Tây phương, mở rộng gian thương với quốc tế. Có thể gọi tóm lược đường lối này là Chủ Hòa và Duy Tân, điển hình cho đường lối này ở Việt Nam là Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ, và về sau thêm Tôn Thọ Tường, Trương Vĩnh Ký. Đường lối thứ hai là tiếp tục bế quan tỏa cảng, tiếp tục coi người Tây phương như "bọn khỉ", "bọn quỉ da trắng mắt xanh để tiếp tục đối kháng đến cùng, điển hình cho đường lối này ở Việt Nam là các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, các đại thần trong triều và các danh sĩ như Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu. Có thể gọi đây là phe Bảo Thủ và Diều Hâu.

Trước tình trạng quốc gia lâm nguy này, Thái Lan và Nhật Bản chọn đường lối chủ hòa và duy tân. Giai cấp thống trị tại Nhật Bản được đặt trên tầng lớp các samourai nổi danh khắp thế giới là can đảm và không sợ chết, lúc đó đang được lãnh đạo bởi dòng chúa Đức Xuyên, tương tự như dòng chúa Trịnh của miền Bắc Việt Nam trước đây. Mặc dù quân hùng tướng mạnh còn nguyên vẹn, vậy mà khi hạm đội Mỹ dưới quyền chỉ huy của đề đốc Mỹ M.C.Perry tiến vào vịnh Đông Kinh, mới chỉ dàn quân chĩa súng thôi mà thành phần sĩ phu lãnh đạo Nhật đã biết là nước mình quá chậm tiến lỗi thời, cứ đánh thì chỉ chết dân chết quân rồi thua vẫn cứ hoàn thua. Phe bảo thủ chủ chiến, trong đó có cả vị tướng quân Mạc phủ, shogun cuối cùng của giòng Đức Xuyên, bị loại bỏ ngay để thay thế bằng một thành phần lãnh đạo mới để cả nước duy tân theo Tây phương. Để rồi chỉ trong một thời gian ngắn ngủi Nhật Bản đã tạo dựng được một nền kỹ nghệ hiện đại với quân lực hiện đại để thắng được nước Nga năm 1905. Hàng xóm phía Tây là vương quốc Thái Lan, tuy không chọn chính sách duy tân Âu hóa cực đoan như Nhật Bản, cũng biết chấm dứt bế quan tỏa cảng, mở rộng cửa cho Anh Pháp Hòa Lan tha hồ vô mua và bán, cùng truyền đạo. Dĩ nhiên cả hai quốc gia này đều giữ được nền độc lập cho dân mình.

Giới lãnh đạo của cả Thái Lan lẫn Nhật Bản hồi đó đều chung nhau một đặc điểm là "biết nghĩ bằng cái đầu của chính mình" và đặt quyền lợi của dân tộc mình lên trên hết. Trong khi đó Việt Nam thì không, cứ nhất định mô phỏng đường lối chính sách theo nhà Mãn Thanh bên Trung Quốc. Nhà Mãn Thanh duy trì đường lối bảo thủ và diều hâu cũng có lý do riêng của họ: triều đại Mãn Thanh là của dân tộc Mãn Châu phương Bắc đã đánh bại triều đại nhà Minh của Hán tộc. Vẫn bị coi là dân xâm lăng, nay nếu chủ hòa thì e sợ dân Hán tộc kết án là "bán nước cho bạch quỷ". . . hoặc "tư thông với ngoại bang". Chưa kể còn sợ nếu khai phong môn hộ thì dân Hán tộc sẽ học hỏi văn minh mới kỹ thuật mới của Tây phương, gây sức mạnh mới mà lật đổ Thanh triều — như lịch sử này đã chứng tỏ.

Tại Việt nam không có những vấn đề tương tự. Vậy Việt Nam đáng lẽ ra tối thiểu cũng phải noi gương vương triều Thái Lan, thì lại nhất định mô phỏng chính sách của Mãn Thanh phương Bắc. Có thể nói các lãnh đạo thời đó, nhất là giới sĩ phu, đã bị vong thân trong văn hóa Thanh triều, đến độ để cho giới lãnh đạo nhà Thanh suy nghĩ thay cho mình. Sự vong thân văn hóa này, sự lười suy nghĩ bằng chính cái đầu của mình này đã trở thành một nếp hằn trong tâm thức Việt Nam cho đến tận ngày nay. Hồ Chí Minh đã để Lenine và Staline nghĩ thay cho mình, Trường Chinh đã để cho Mao Trạch Đông nghĩ giùm cho mình, và đến Đỗ Mười thì để Đặng Tiểu Bình suy nghĩ hộ. Phía người Việt quốc gia cũng không khá hơn. Việt quốc suốt bao nhiêu năm vẫn chưa ra khỏi tư tưởng của Tôn Dật Tiên, và những người lãnh đạo khác của Việt Nam Cộng hòa,, hết để Paris nghĩ hộ lại đến để những Hồng y Spellman, những Foster Dulles, rồi Nixon. . . tư duy giùm.

Trở lại với miền Nam cuối thế kỷ 19, sau khi Gia Định thành chỉ cầm cự được có hai ngày mặc dù từ tướng chỉ huy đến quân sĩ đều anh hùng chiến đấu đến cùng, đáng lẽ giới lãnh đạo Việt Nam phải rút ngay ra được một bài học: một nền văn minh nông nghiệp không thể đương đầu với một nền văn minh công nghiệp, phải hòa ngay để

duy tân để khoa học hóa, kỹ nghệ hóa đất nước. Đáng tiếc là ngoại trừ một thiểu số sáng suốt như Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện..., còn từ vua quan đến sĩ phu lãnh đạo thời đó vẫn chỉ có biết một đường lối bảo thủ diều hâu, chỉ biết hô hào có đánh, đánh và đánh. Càng đánh càng thua vẫn cứ hô đánh. Mất ba tỉnh miền Đông, không chịu hòa, mất tiếp ba tỉnh miền Tây, cũng không đặt vấn đề duy tân, mất Bắc kỳ rồi cũng chưa đặt vấn đề Âu hóa. Thậm chí đến khi mất cả nước luôn, cũng còn các cụ Phan Đình Phùng, Đề Thám hô đánh tiếp.

Tại Nam kỳ lục tỉnh, sau khi mất ba tỉnh miền Đông, các sĩ phu và quan chức bảo thủ diều hâu đã phát động phong trào "tị địa", nghĩa là hô hào dân không những bất hợp tác với quân Pháp, mà còn bỏ vùng Pháp chiếm, di dân về miền Tây — hăng hái nhất trong vụ này là cụ Nguyễn Đình Chiểu của chúng ta, rồi mới đến các cụ như Phan Văn Trị. Sự đề kháng bằng bất hợp tác với quân thù này còn được hỗ trợ bằng những tay kiếm sĩ có những lưỡi kiếm sắc nổi danh như Nguyễn Trung Trực, Trương Công Định... miền Nam đầy sông rạch, dễ di chuyển kín đáo, bất cứ ai hợp tác với Tây phương cũng có thể bị những tay kiếm thuật này đến tận nơi chém bay đầu trong nhà mình ban đêm.

Hậu sinh chúng ta thán phục các anh hùng kháng Pháp thời đó về tấm lòng yêu nước thành thật, sự khẳng khái hy sinh vì lý tưởng. Nhưng đứng về phương diện tư duy, về chính sách thì các vị đó đã theo đuổi một đường lối bảo thủ lỗi thời, dẫn tới toàn bộ miền Nam mất vào tay Pháp sau này. Đó là xét về chính trị. Về kinh tế thì hậu quả tai hại không kém.

Hồ sơ lưu trữ của Pháp đã cho thấy những báo cáo đầu tiên của các tư lệnh viễn chinh Pháp, khi đánh chiếm miền Nam kỳ, đã chỉ nêu hai lý do chính: thứ nhất là cần căn cứ mưa gió thuận hòa cho hải quân nghỉ chân, thứ hai là thóc lúa tràn đầy của vùng đất này. Bây giờ đã chiếm được vùng Gia Định rồi, vấn đề khai thác thóc lúa đương nhiên được đặt ra. Phong trào tị địa, lối hô hào của các Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu cùng các lưỡi kiếm của các vị Trực, Định... có tác động tối đa: người Việt không dám hợp tác. Dĩ nhiên người Pháp thời đó, gồm toàn quân đội thiện chiến kiểu Marines của Mỹ hiện nay, đâu có thể đi thu mua thóc lúa về xay giã đóng bao bỏ bịch được. Vậy chỉ còn các cộng đồng Hoa.

Chúng ta biết khá rõ về các người Hoa doanh nhân của miền Bắc và Trung. Tại miền Nam, các cộng đồng Hoa không những đã đông dân số hơn, lại từng được tự trị lâu dài, đương nhiên các hoạt động kinh doanh náo nhiệt hơn (người Hoa ít đầu tư vào ruộng đất, ít làm nghề nông, ngoại trừ một số người Triều Châu trồng rau đặc sản của Trung Quốc để tiêu thụ nội bộ — tương tự tại Mỹ người Việt trồng rau muống, rắp cá, thìa là...). Nhưng họ không độc quyền mua bán thóc lúa, không nắm toàn bộ các huyết mạch hệ thống kinh tế của miền Nam được chính quyền và dân Việt không để họ tung hoành như thế. Nhưng bây giờ Việt Nam đã mất chủ quyền trên phần đất này, người Hoa không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ với chính quyền cũ nữa, nay chính quyền mới là Pháp mời gọi hợp tác, tại sao lại từ chối nhỉ?

Với tài kinh doanh, sự ngay thẳng và chữ tín truyền thống trong thương mại, người Hoa được người Pháp tin cậy rất nhanh. Điều đó thật dễ hiểu vì người Pháp hồi đó không còn chọn lựa nào khác. Hai bên hợp với nhau, cùng chung quyền lợi, đương nhiên gắn bó với nhau mỗi ngày một mật thiết. Bao dịch vụ trung gian, dịch vụ thương mại, dịch vụ chuyên chở... dần dần chuyển vào tay người Hoa hết, với sự hoan hỉ của người Pháp. Theo tinh thần mà sau này đảng CSVN hay đưa ra làm phương châm hợp tác: "Hai bên cùng có lợi". Chỉ có người thứ ba bị thiệt thòi là người Việt thì thành phần này cũng không oán trách gì nhiều vì chính người Việt tự ý bỏ trống chỗ cho người Hoa tung hoành. Tự người Hoa, họ có dùng một thủ đoạn bất chính nào để đẩy người Việt khỏi hệ thống kinh tế miền Nam đâu.

Khoảng thời gian từ khi Pháp chiếm vùng Gia Định 1859 cho tới 1905, có hơn 40 năm, khôngphải là dài so với lịch sử; nhưng về kinh tế, lại là quá đủ để cộng đồng Hoa khống chế toàn bộ kinh tế miền Nam, theo mô hình: trên cùng là người Pháp, giữa là người Hoa (sau này thêm một chút Ấn Độ), dưới cùng là đại đa số nhân dân Việt Nam chỉ có biết lao động giản đơn mà thôi... Nhưng trong cái rủi cũng có cái may là vì miền Nam thuộc Pháp sớm nhất, người Pháp đã mở trường học theo kiểu Âu Châu sớm nhất, số người Việt được theo học hệ thống giáo dục nàyđã thu thập đủ kiến thức để nhận ra tình trạng *mất độc lập tới hai lần của dân mình. Mất độc lập chính trị về tay người Pháp, mất độc lập về kinh tế vào tay người Hoa. Bởi thế tư tưởng duy tân trong thực nghiệp được các trí thức trong Nam phát động trước hết, trước khi tư tưởng này được miền Trung rồi miền Bắc tiếp thu, phát triển mạnh hơn và thiên về từ chương hơn.*

Dù gì thì gì kể từ sau đệ nhất thế chiến, người Việt có hăng hái xông vô địa hạt thương trường hơn nữa, nhưng sự thành công vẫn còn rất là khiêm tốn so với thành quả của người Hoa.

C. Thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa

Do hiệp định Geneve, Việt Nam trên thực tế được chia làm hai nước sau tháng Bảy 1954. Tại miền Bắc, các cộng đồng Hoa doanh thương không có thế lực mạnh, phải chịu chung một chính sách với những người dân Việt khác để rồi đến 1978 chấm dứt sự hiện diện như phần đầu của bài văn đã trình bày. Tại miền Nam, mọi sự

phức tạp hơn nhiều.

Sau khi thanh toán nạn sứ quân tại miền Nam, những người lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hòa phải tính tới các cộng đồng Hoa đông đảo, hùng mạnh, nắm hết guồng máy kinh tế. Đã thế, do những hòa ước Thiên Tân và kế tiếp trong thế kỷ 19, để đổi chác quyền lợi, người Pháp đã đồng ý để người Hoa miền Nam được hưởng quy chế ngoại kiều, đồng thời công nhận chế độ bang trưởng. Dĩ nhiên một người Việt Nam như ông Ngô Đình Diệm, hay bất cứ ai khác nắm quyền vào thời kỳ này thì cũng vậy, không thể chấp nhận một cộng đồng ngoại kiều nắm giữ guồng máy kinh tế của mình. Hơn nữa do chính sách cho Hoa kiều di dân nhập nội dễ dàng của vương triều Nguyễn cũng như chính quyền thuộc địa Pháp, dân số người Hoa đã lên tới hai triệu người, kể như một phần mười của dân số Việt Nam Cộng Hòa.

Ngoài ra còn thêm một vấn đề đau đầu nữa là về chính trị, cộng đồng Hoa phân hóa làm hai cực, một đầu hướng về chính quyền lục địa của Mao Trạch Đông, đầu kia, gồm đa số, tiếp tục hướng về chính quyền hải đảo Đài Loan của Tưởng Giới Thạch. Phải giải quyết tình trạng này thôi, và các nhà lãnh đạo Việt Nam thời đó đã đưa ra một chính sách khôn ngoan và nhân bản không kém gì các chính sách của vương triều Nguyễn trước đây.

Trước hết chế độ bang trưởng bị hủy bỏ. Tất cả những người Hoa đều được phép chọn một trong hai đường. Một là giữ nguyên quy chế ngoại kiều thì phải thống thuộc về tòa đại sứ của Đài Loan, và trong trường hợp này sẽ bị cấm làm 11 nghề, trong đó có những nghề căn bản người Hoa vẫn nắm giữ như mọi dịch liên quan tới lúa gạo, chuyên chở công cộng, kinh doanh tạp hóa... Hai là nhập tịch làm công dân Việt. Mới đầu cộng đồng Hoa khựng lại trước những biện pháp hủy bỏ chế độ bang và hạn chế các trường học giảng dạy theo chương trình của Đài Loan — dân Việt thường gọi tắt là trường Tàu, cũng như gọi các trường dạy chương trình Pháp là trường Tây. Nhưng chỉ một vài tháng sau, cộng đồng Hoa nhận thấy nhập tịch là giải pháp tốt đẹp nhất cho tất cả. Chỉ trong một thời gian ngắn, gần hai triệu người Hoa biến thành người Việt gốc Hoa, chẳng vui và cũng chẳng buồn hạ các bảng hiệu toàn chữ Tàu xuống để thêm hàng chữ Việt to hơn để lên trên, đón giáo sư giáo viên Việt vào dạy các trường Tàu nay cải biến sang chương trình Việt — dĩ nhiên với sinh ngữ một đương nhiên là chữ Tàu với số giờ dạy có thể linh động tới bảy giờ hay hơn một tuần.

Vấn đề cộng đồng Hoa miền Nam như vậy đã được giải quyết vô cùng thoải mái, tốt đẹp cho cả hai bên, không một cuộc biểu tình, không một trái lựu đạn cay. Nhưng về kinh tế, Hoa kiều bây giờ thành người Việt gốc hoa với các tên Việt đàng hoàng, thì cộng đồng Hoa vẫn nắm giữ kinh tế như thường. những xí nghiệp dệt vải quy mô lớn như Vinatexco, Vimitex... thực chất vẫn là do người Hoa dựng lên và nắm giữ — dĩ nhiên bây giờ không có truyện đóng kín cửa không cho người Việt vô làm việc nữa. Chính quyền Việt Nam chấp thuận thực trạng đó, đồng thời khuyến khích và yểm trợ cho người Việt thuần Việt đứng ra kinh doanh lớn, xây dựng xí nghiệp mới để quân bằng bớt tình thế. Với chính sách cải cách ruộng đất ban hành dưới thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, các địa chủ biến mất tại nông thôn, nhưng vì có Mỹ chi viện nhiều để bồi hoàn cho những người mất ruộng, các cựu địa chủ có vốn lớn để xông vô địa hạt kinh doanh lớn cũng như kỹ nghệ nhẹ tại các thành phố. Các nhà tư bản dân tộc Việt đã xuất hiện nhiều hơn cạnh những nhà tư bản gốc Hoa.

Các nhà lãnh đạo của Đệ nhị Cộng hòa vẫn duy trì chính sách của thời kỳ trước, nhưng nới rộng hơn cách áp dụng. Mặc dù vẫn không công nhận chế độ bang trưởng, các bang cũ của người Hoa vẫn được phép tụ họp dưới dạng các tổ chức hiệp hội tư nhân và được chung sức nhau xây dựng những công trình y tế xã hội mang tên gốc xuất xứ của mình. Một loạt bệnh viện tư nhân được xây dựng với quy mô lớn và trang bị hiện đại: các bệnh viện Triều Châu, Phước Kiến, Hải Nam ra đời với cùng một quy chế: phải có phần khám bệnh điều trị miễn phí cho người Việt nghèo bất kể gốc Hoa hay không. Đối với người Hoa, họ kể từ nay, nếu chỉ biết nói tiếng Tiều thì vô bệnh viện Triều Châu, chỉ biết tiếng Quảng thì vô bệnh viện Quảng Đông. Những năm về sau, người Việt thuần Việt thuộc giai tầng trung lưu cũng đến điều trị tại các nơi này dưới dạng bệnh nhân có trả tiền bởi vì ban quản trị bệnh viện đã mời các bác sĩ bậc thầy người Việt đến làm việc tại những cơ sở này.

Về chính trị, người Việt gốc Hoa có khả năng đã được trao các chức vụ tại chính quyền trung ương, và khi một người Hoa được trao chức vụ Tổng trưởng Giáo dục, cũng không có ai thắc mắc gì. Thế kỷ trước, Trần Tiễn Thành làm tới Phụ chánh đại thần còn được, nữa là trong thời hiện đại ý niệm nước đa chủng tộc với quyền công dân đồng đều đã được phổ biến khắp thế giới. K

THẾ UYÊN

(*Kỳ sau:* Người Hoa sau tháng Tư 1975 và Thử nhìn từ thập niên 90 sang thế kỷ 21)

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Thời sự nổi bật trong tháng qua là việc đảng Cộng sản Việt Nam cho phổ biến bản "Dự thảo cương lĩnh xây dựng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ" với ý đồ duy trì quyền độc tôn của Đảng, trong khi tình hình thế giới vẫn bị cuốn hút vào cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, chưa có cơ giải quyết êm đẹp.

Albania, nước Cộng sản Đông Âu cuối cùng theo chế độ bảo thủ độc đoán, bắt đầu chuyển động trên con đường dân chủ.

Phổ biến bản "Dự thảo cương lĩnh"

Hôm 1 tháng Chạp, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho phổ biến bản "Dự thảo cương lĩnh xây dựng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ."

Tài liệu gồm hai phần: I. Cương lĩnh Đảng. 2. Chiến lược kinh tế xã hội cho đến năm 2,000.Nội dung của "Dự thảo cương lĩnh xây dựng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ," được các giới quan sát cho là "chỉ nhai đi nhai lại những giáo điều cũ rích đã bị lịch sử đào thải, khiến người ta phải tự hỏi các nhà lãnh đạo bảo thủ tại Việt Nam có còn là những con người bình thường không hay chỉ là những ông già lẩm cẩm." (?)

Bản dự thảo có đoạn viết:

"Điều chủ yếu của thời đại chúng ta là sự quá độ từ Tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa trên mức độ toàn cầu, mà khởi đầu là cuộc cách mạng tháng Mười của Liên bang Sô Viết."

"Đảng Cộng Sản ở một vài quốc gia đã mất quyền lãnh đạo. Các lực lượng phản động (?) đã nhân cơ hội đó phản công hòng tiêu diệt xã hội chủ nghĩa.. Xã hội chủ nghĩa sẽ lấy lại sức sống, và dù con đường trước mắt khó khăn bao nhiêu, chủ nghĩa xã hội cuối cùng sẽ toàn thắng (?) Các mâu thuẫn của tư bản chủ nghĩa càng ngày càng sâu sắc và nhiên hậu sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa đó."

Bản Dự thảo kinh tế để chỉ trích chủ trương xây dựng kỹ nghệ nặng, do ảnh hưởng của Liên Xô, sau năm 1975, tuy nhiên dự trù tăng gấp đôi lợi tức cho mỗi đầu người Việt Nam trước năm 2000.

(Lợi tức hàng năm của người Việt Nam hiện nay, được ước lượng trung bình là 200 đô la). Bản dự thảo kinh tế cũng cho biết các chính sách kinh tế tự do ban hành cách đây ba năm vẫn được duy trì, tuy nhiên nhà nước cần quản lý chặt chẽ hơn . . .

Các bản dự thảo này được chuyển đến cho các đảng bộ và dân chúng đóng góp, kể cả bổ sung nếu cần, trước khi được đệ trình trước Đại Hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 7, dự trù được tổ chức vào tháng Năm 1991.

Bản kiến nghị của Đại tá V.C. Bùi Tín

Cũng trong thời điểm này (hôm 27-11), Bùi Tín, một cựu đại tá Cộng sản Việt Nam, nay là Phó tổng biên tập tờ "Nhân Dân," cơ quan ngôn luận của đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dịp đến Paris dự hội nghị và chữa bệnh, đã cho công bố một kiến nghị gồm 12 điểm. (Xem nơi hai bài "Hòa giải kiểu Cộng sản" và "Bàn về lãnh đạo" trong số này).

Kiến nghị này nói đến những sai lầm của chế độ và cần phải đưa ra những sửa đổi.

Bùi Tín cho rằng cần có một chính phủ đoàn kết quốc gia, để giải quyết những vấn đề đất nước, "chính phủ này phải gồm thành phần của đủ mọi tầng lớp sinh hoạt và một trong những ưu tiên của chính phủ này là phải cải thiện mối quan hệ của Việt Nam với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chủ thuyết của những nước đó."

Bùi Tín, năm nay 63 tuổi, gia nhập đảng Cộng sản năm 1946.

Saddam phải rút khỏi Kuwait trước ngày 15 tháng Giêng 1991

Hôm 29 tháng Mười Một, Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã bỏ phiếu chấp thuận cho Hoa Kỳ và các nước đồng minh được đẩy lui Iraq khỏi Kuwait "bằng mọi cách cần thiết," nếu tổng thống Iraq, Saddam Hussein không chịu rút quân khỏi Kuwait, kịp thời hạn chót, là 15 tháng Giêng 1991.

Đây là lần thứ nhì, kể từ cuộc chiến tranh Triều Tiên nay, mà Liên Hiệp Quốc đã hành xử như vậy.

Theo nghị quyết trên, thì trong "ân hạn chót" này, các nước thành viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc sẽ không có hành động chống Iraq nào khác, mà sẽ đặt trọng tâm vào những cố gắng ngoại giao để tìm một giải pháp hòa bình.

Hôm 30 tháng Mười Một, trong một nỗ lực cuối cùng để tránh cuộc chiến khỏi xảy ra tại vùng Vịnh, Tổng Thống Hoa Kỳ G. Bush loan báo là ông quyết định gởi ngoại trưởng James Baker sang gặp tổng thống Iraq, Saddam Hussein tại Baghdad vào tháng Giêng và cũng mời ngoại trưởng Iraq, Tareq Aziz sang gặp ông tại

Washington trước đó.

Trong khi các nổ lực hòa bình được xúc tiến, đưa đến việc Iraq lần lượt phóng thích gần hết các con tin Tây phương (vì có một số đã tự nguyện ở lại), thì trên các vùng hỏa tuyến, cả hai phía đều tăng thêm quân.

Hoa Kỳ dự trù đưa đến vùng Trung Đông này khoảng 400,000 quân vào đầu năm 1991, sau khi Iraq cũng đã nâng quân số của họ tại Kuwait cũng như phía Nam Iraq, lên đến nửa triệu quân.

Cuộc "chiến tranh tâm lý" tiếp tục diễn ra khi càng gần đến thời điểm 15 tháng Giêng 1991. Tổng thống Hoa Kỳ G. Bush hôm 17-12, công khai đưa ra lời đe dọa mạnh mẽ nhất của ông, kể từ sau khi cuộc khủng hoảng vùng vịnh bùng nổ hôm 2 tháng Tám, là ông sẵn sàng ra lệnh mở cuộc tấn công quân sự vào Iraq, nếu nước này không chịu rút quân ra khỏi Kuwait, đúng theo thời hạn quy định.

Trong khi đó, hôm 16-12 Tổng thống S. Hussein cho biết Iraq sẽ không bao giờ rút khỏi Kuwait, và ra lệnh đợt động viên thứ ba trong vòng có vài tuần lễ, lần này là lớp đàn ông khỏe mạnh, cho đến lớp tuổi 33. Nhiều nhân vật, trong đó có cả ngoại trưởng Hoa Kỳ J. Baker tiên đoán Iraq sẽ tìm cách rút từng phần quân của họ ra khỏi Kuwait trước ngày 15-1, để chia rẻ các lực lượng đồng minh.

Lãnh tụ chống Cộng hàng đầu trở thành Tổng Thống dân cử Ba Lan

Hôm 9 tháng Chạp, Lech Walesa, 47 tuổi, sáng lập viên kiêm lãnh tụ Công đoàn Đoàn Kết đã đắc cử tổng thống Ba Lan, một nhiệm kỳ 5 năm. Walesa đã đạt được 74,25% tổng số phiếu, tương đương 10.6 triệu lá phiếu trước đối thủ, là doanh gia Stanislaw Tyminski, 42 tuổi, người gốc Ba Lan, sinh sống ở hải ngoại, mang các quốc tịch Ba Lan, Canada và Peru.

Doanh gia Tyminski, chỉ đoạt được có 25,75% số phiếu, trong tổng số 14,2 triệu người đi bầu.

Ngay sau khi kết quả cuộc bầu cử được công bố, tổng thống đắc cử Walesa đã nhận được các thông điệp chúc mừng từ cả hai vị tổng thống Hoa Kỳ George Bush và Liên Xô Mikhail Gorbachev.

Liên hệ giữa Tòa Thánh và Vatican đang được cải thiện

Hôm 24 tháng Mười Một, Đức Giáo Hoàng John Paul II tuyên bố rằng Tòa Thánh Vatican và Cộng sản Việt Nam đang trên đường đi đến hòa giải và Ngài hy vọng Tòa Thánh có thể giúp thực hiện được một sự tự do tín ngưỡng hoàn toàn tại đất nước Cộng sản này.

Trong huấn từ cho phái đoàn 21 Giám Mục Việt Nam sang thăm viếng Tòa Thánh, Đức Giáo Hoàng nói:

"Trong bầu không khí tôn trọng lẫn nhau, trong sự cảm thông và thiện chí, một cuộc đối thoại đã được mở đầu và tiên liệu đúng đắn cho tương lai."

Đức Giáo Hoàng cho biết những tiên đoán của Ngài được đặt trên căn bản những kết qủa đạt được từ cuộc viếng thăm Việt Nam của phái đoàn Tòa Thánh Vatican hồi đầu tháng Mười Một, do Đức Hồng Y Roger Etchegaray, hướng dẫn. Đức Hồng Y R. Etchegaray, Chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa Bình của Tòa Thánh đã thảo luận với các giới chức Việt Nam về những vấn đề liên quan đến Giáo Hội và Nhà Nước.

Đức Giáo Hoàng nói tiếp:

"Con đường đi sẽ còn lâu dài và những khó khăn sẽ không ít, nhưng hình như đó là con đường đi đúng."

Trong số các vị Giám Mục hiện diện có Giám Mục Nguyễn Văn Sang (Thái Bình), Giám Mục Nguyễn Minh Nhật, Chủ tịch Hội đồng Giám Mục Việt Nam...

Vẫn chưa hy vọng bang giao?

Ngày 10 tháng Chạp, thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ Richard Solomon ra điều trần trước một tiểu ban của Ủy ban ngoại giao Hạ viện, cho biết Việt Nam hiện kín đáo chống lại công thức hòa bình của các cường quốc (bao gồm Hoa Kỳ, Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Anh) về vấn đề Cam Bốt, vì vậy có thể làm tan vỡ các triển vọng bình thường hóa bang giao với Hoa Kỳ.

Ông quả quyết:

"Tuy rằng Việt Nam đã đưa ra các lời tuyên bố, bầy tỏ sự sẵn lòng ủng hộ công thức hòa bình do Liên Hiệp Quốc đưa ra, nhưng trong vòng kín đáo, họ lại đưa ra những lập luận mơ hồ nhất, kể cả các sự chống đối từ căn bản."

Các tin khác

* *Albania, nước Cộng sản Đông Âu cuối cùng* còn theo chính sách bảo thủ-độc đoán thời Staline, cũng đã bắt đầu chuyển động theo đường hướng dân chủ.

Các cuộc biểu tình chống chế độ Cộng sản đã bùng nổ từ hôm 9 tháng Chạp, khi hàng ngàn sinh viên của Viện đại học Tirana, thủ đô Albania, tràn ra các đường phố, mở các cuộc tuần hành, kéo dài liên tục sang các ngày 10 và 11 tháng Chạp, buộc Chủ tịch Nhà nước Ramiz Alia phải lên tiếng nhượng bộ.

Tiếp theo phiên họp ba ngày của Trung ương Đảng Cộng sản, cầm quyền tại Albania từ hơn 45 năm qua, Chủ tịch Alia loan báo tán đồng việc thành lập các đảng phái chính trị đối lập đầu tiên tại nước này.

Ngoài ra, ông cũng loan báo cất chức năm ủy viên Bộ Chính Trị có lập trường cứng rắn,

chống lại các sự cởi mở này.

Đảng Dân Chủ Albania với sự tham dự của nhiều nhà trí thức và các sinh viên, dân chúng. . . đã thành hình ngay sau đó, để tiến đến việc hợp thức hóa.

* *Tổng thống Nam Hàn Roh Tae Woo* hôm 16 tháng Chạp đã kết thúc cuộc viếng thăm bốn ngày tại Liên Xô. Đây là cuộc viếng thăm đầu tiên của một nhà lãnh đạo Nam Hàn tại xứ Cộng sản hàng đầu này của thế giới.

Cao điểm của cuộc viếng thăm của tổng thống Roh Tae Woo, là bản tuyên bố được đưa ra hôm 14 tháng Chạp, theo đó cả hai nước sẽ cùng làm việc để tiến đến tái thống nhất hai miền Hàn Quốc.

Ngoài ra Mikhail Gorbachev và Nam Hàn Roh Tae Woo cũng cam kết đẩy mạnh các sự hợp tác kinh tế và công cuộc thương mại giữa hai nước.

Trong khi Liên Xô đẩy mạnh các mối liên lạc ngoại giao với Nam Hàn, thì các mối bang giao giữa Bắc Hàn với Liên Xô, được mô tả là "lạnh nhạt" hơn bao giờ hết, qua việc Bắc Hàn hủy bỏ cuộc tập trận chung truyền thống hàng năm giữa hai nước, rút hết các sinh viên về nước. . .

* *Cộng sản Việt Nam đòi Thái Lan phải một số tiền* quan trọng cho họ, nếu muốn lấy lại Tòa đại sứ Thái Lan cũ ở Sàigòn. Tòa đại sứ này vốn đã bị quân Cộng sản chiếm cứ sau khi họ cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, hồi tháng Tư 1975.

Tổng Giám đốc cơ quan Pháp chế và Thỏa hiệp thuộc Bộ Ngoại Giao Thái Lan, Prachit Rotchanaphruk trình bầy trước Ủy ban Ngoại Giao Hạ viện Thái Lan hôm 21 tháng Mười Một, là nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam đã đưa ra lời đòi tiền trên, khi chính phủ Thái Lan yêu cầu họ giao trở lại Tòa đại sứ cũ ở Sàigòn từ hồi năm qua, để sử dụng làm Tòa lãnh sự.

Theo Tổng Giám đốc Prachit thì nhà cầm quyền Việt Nam đòi hỏi phía Thái Lan phải trả đến 500 đô-la mỗi tháng, gọi là tiền công trông coi tòa đại sứ này suốt hơn 15 năm qua. Thật ra là họ đã chiếm cứ phi pháp và sử dụng vào các mục đích của họ, như có lúc làm bộ chỉ huy quân sự, có lúc làm nhà khách rồi cơ quan hành chánh.

Hiện nay phía Thái Lan tiếp tục đòi lại Tòa đại sứ trên, và đe dọa nếu phía Việt Nam không trả, thì họ sẽ có biện pháp trả đũa đối với Tòa đại sứ Việt Nam tại Bangkok.

* *Ông Nguyễn Văn Tâm, thủ tướng Việt Nam* dưới thời Quốc trưởng Bảo Đại, đã qua đời tại Paris, hôm 23 tháng Mười Một, hưởng thọ 97 tuổi.

Ông Tâm, từng có quốc tịch Pháp từ năm 1927, đã phải sống lưu vong tại đây suốt 35 năm qua, sau khi đã làm thủ tướng Việt Nam trong các năm 1952-1953 cũng như giữ nhiều chức bộ trưởng khác nhau, từ năm 1946.

Ông còn có biệt danh Hùm Xám Cai Lậy, vì đã có chủ trương tiêu diệt các nhóm du kích Cộng sản trong vùng Cai Lậy, thuộc đồng bằng Cửu Long, Nam Việt Nam.

Ông được chính phủ Pháp trao tặng nhiều huân chương cao cấp, trong đó có cả Bảo Quốc Huân Chương.

* *Khách sạn Majestic-Sàigòn đã bị cháy*, thiệt hại các phần tầng lầu trên, hôm 5 tháng Chạp.

Khách sạn Majestic—được Cộng sản đổi lại là khách sạn Cửu Long—nằm cuối đường Đồng Khởi (trước đây là đường Tự Do), và trông ra Bến Bạch Đằng, được xây cất từ thời Pháp thuộc, trong hệ thống các khách sạn Majestic ở Đông Dương.

Khách sạn này trước đây, cũng như bây giờ, đều tiếp khách du lịch ngoại quốc.

"Chiếc xe đạp xanh" không hề đạo văn của "Cuốn theo Chiều gió"

Một tòa phá án của Pháp hôm 22 tháng Mười Một 1990 đã sửa đổi lại bản án của một tòa án cấp thấp hơn về vụ "đạo văn". Tòa này xác nhận cuốn tiểu thuyết bán chạy của nhà văn Pháp Regine Deforges, mang tên "Chiếc xe đạp xanh" (La bicyclette bleue) không hề là một sự phóng tác của "Cuốn theo Chiều gió" (Gone with the wind) của nữ sĩ Margaret Mitchell, được phát hành hồi năm 1936.

Tòa tiểu hình Paris, hồi tháng Chạp năm 1989 cho rằng tiểu thuyết của Regine Deforges đã "mượn nhiều ý tưởng" của cuốn tiểu thuyết của nữ sĩ M. Mitchell. Mặc dù *Cuốn Theo Chiều Gió* lấy bối cảnh là cuộc nội chiến tại Hoa Kỳ, hồi thế kỷ 19, trong khi *Chiếc xe đạp xanh* lại lấy bối cảnh là cuộc đệ nhị thế chiến.

Tòa án này cũng buộc Deforges và nhà xuất bản Pháp phải trả 400,000 đô la bồi thường cho ngân hàng "Trust Company Bank", vẫn lo bảo vệ quyền tác giả cho nữ văn sĩ Mitchell, mặc dù bà này đã qua đời.

Chánh án Myrian Ezratty của tòa phá án, nhận định rằng:

"Tác phẩm *Chiếc xe đạp xanh* do nhà xuất bản Ramsay cho ra mắt trong các năm 1982-1984, đã không hề vi phạm vào bất cứ hình thức đạo văn nào của cuốn tiểu thuyết *Cuốn theo Chiều gió* cả."

Lời phán đoán của tòa án cũng ghi rõ:

"Câu chuyện của một thiếu nữ yêu một người đàn ông đã yêu một phụ nữ khác, trong khi cùng lúc đó cũng có một người đàn ông khác lớn tuổi hơn yêu nàng, là một câu chuyện thường tình, không có gì là độc đáo, riêng gì của tác phẩm *Cuốn theo Chiều gió* cả." K

LÊ THỤY

Chữ và Nghĩa

ĐỖ TĨNH

Chùa hay Nhà Thờ

Báo *Thế Kỷ 21, số 17 (tháng Chín, 1990) trang 9 nói tới một trung tâm văn hóa của cộng đồng Công giáo Hoan Thiện. Tác giả viết: "Có suối chảy quanh, sẽ có hồ nước với một ngôi chùa một cột..." Đoạn sau viết thêm: "Vị linh mục trẻ... có ý kiến... xây dựng một Cung Thánh theo mẫu chùa Một Cột".*

Người đọc sẽ tự hỏi tác giả đang kể chuyện vị linh mục dự tính xây nhà thờ hay. . . nhà chùa? Đúng là vị linh mục chỉ xây nhà thờ thôi, nhưng về mặt kiến trúc thì nhà thờ theo kiểu chùa một cột. Dù theo mẫu nào chăng nữa, nhà thờ thì phải gọi là nhà thờ, không thể gọi là nhà chùa được.

Nói "nhà thờ theo kiểu chùa Một Cột" thì ba chữ "Chùa Một Cột" phải viết hoa, đó là một danh từ riêng. Khi đó người đọc sẽ hiểu Chùa Một Cột như một kiến trúc, không cần hiểu là nơi thờ tự. Vì trong lịch sử Việt Nam Chùa Một Cột có giá trị văn hóa và kiến trúc quan trọng, cho nên ngay cả người Việt không theo Phật giáo cũng nuôi một cảm tình trân trọng với tòa kiến trúc đó, vì đó là di sản chung của cả dân tộc. Nhưng khi không viết hoa thì ba chữ "chùa một cột" phải hiểu là một ngôi chùa.

Có thể tác giả bài trên cố ý làm cho độc giả hiểu lầm. Mới vào đầu bài người đọc thấy có ngôi chùa. Khi đọc tới đoạn sau lại thấy trung tâm văn hóa này là do một cộng đoàn Công giáo xây dựng, sẽ ngạc nhiên. Sau cùng mới thấy chi tiết đầy đủ hơn, hiểu rằng đây là nhà thờ, xây theo mẫu của một ngôi chùa cổ. Tác giả có thể làm người đọc ngạc nhiên và thích thú, nhưng cũng có thể làm người đọc nghĩ rằng người viết không cẩn thận, dùng chữ sai vì cẩu thả.

Tuyên cáo hay Nghị quyết

Bán nguyệt san *Ngày Nay* (15 tháng Chín, 1990) có bài thảo luận về "bản tuyên cáo của các hội đoàn và báo chí vùng Ontario, Canada". Người viết bài là một luật gia và một nhà văn, đã nhận xét rằng danh từ *Tuyên cáo* thường "được dùng để chỉ cách công bố ý định của những cơ quan có quyền lực, như nhà vua tuyên cáo lên ngôi hay thoái vị, . . ., tổng tư lệnh tuyên cáo thiết quân luật v.v. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là người thường không được phép tuyên cáo. . ."

Mở tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức thấy giải nghĩa: *Tuyên cáo : Bảo rõ cho mọi người biết.* (Chữ *Cáo* là bảo cho biết, chữ *Tuyên* là làm cho rõ).

Cuốn từ điển gần đây nhất, NXBKHXH 1988, thì giải nghĩa: *"Trịnh trọng và chính thức báo cho mọi người biết về một sự kiện lớn nào đó".*

Ý kiến của luật gia gần với định nghĩa thứ nhì hơn, vì chỉ người hay cơ quan có quyền lực mới "trịnh trọng và chính thức". Và cũng chỉ họ mới có những "sự kiện lớn" để "bảo rõ cho mọi người biết". Nghĩa của một từ là do thói quen dùng của thời đại, do đó nghĩa thứ nhì đúng hơn. Cho nên một hội đoàn, hay một số hội đoàn tự coi là mình có quyền lực, việc mình lên tiếng tự nó đã là việc

trịnh trọng, điều mình nói ra tất nhiên là chuyện lớn, các hội đoàn đó tất có quyền, dùng chữ Tuyên cáo. Vì vậy khi luật gia xét danh nghĩa của người ra tuyên cáo, phân biệt "người thường" với "cơ quan có quyền lực", sự phân biệt đó không có cơ sở.

Luật gia còn viết về tuyên cáo của các "người thường" rằng: "Nếu lời tuyên cáo ấy đã không được công bố dưới những hình thức thật sự 'long trọng' thì tuyên cáo cũng chỉ là tuyên bố, nghị quyết, kiến nghị. . . mà thôi".

Thiết tưởng khi một bản văn được 40 hội đoàn và báo chí ký tên, gởi đi đăng ở khắp các báo năm châu (ngay cả người đi dự hội thảo về dân chủ đa nguyên ở Stuttgart mà cũng mang ra hỏi) thì cách thức công bố đó cũng long trọng đấy chớ?

Nhưng nếu bảo rằng một Tuyên cáo mà không công bố long trọng sẽ trở thành nghị quyết hay kiến nghị thì không được chính xác lắm. Vì sự khác biệt giữa tuyên cáo và nghị quyết không phải ở hình thức công bố có long trọng hay không, sự khác biệt có lẽ phải tìm ở nội dung.

Các *Tuyên cáo* thường nói về những *sự việc*. *Nghị quyết* hay *Kiến nghị* thường nói về *ý kiến, yêu cầu, mệnh lệnh*. Nhà vua tuyên cáo lên ngôi. Ông tướng ban hành lệnh thiết quân luật. Các ông lớn họp nhau xong ban ra một nghị quyết. Bọn nhỏ bên dưới họp xong thì thảo ra kiến nghị. Đại khái người Việt hay dùng các từ đó như vậy.

Phân biệt xong rồi thì thử hỏi "bản tuyên cáo" của 40 hội đoàn v.v. thuộc loại nào? Xét nội dung thì bản văn này có "cực lực phản đối", "kêu gọi" ba lần và "tích cực ủng hộ". Như vậy là phần lớn là ý kiến và mệnh lệnh, chứ không phải là sự việc. Cho nên dùng chữ Tuyên cáo vẫn không ổn. Dùng chữ nghị quyết hay kiến nghị thì đúng hơn.

Phân biệt như trên là để học hỏi chung với nhau vậy thôi, không nên coi đây là một chuyện quan hệ đến sự tồn vong của tiếng Việt. Vả lại, nói như luật gia tác giả bài báo trên trang D1, *Ngày Nay*, mấy chuyện này "vốn chỉ đại khái, mạnh ai nấy nói". Người nói đại khái, người bình luận cũng đại khái, xin người đọc cũng đọc đại khái thôi. Nếu không lấy làm hài lòng về lối sinh hoạt đại khái này, thì hãy soạn một bản kiến nghị để đòi làm cho ra lẽ chứ không nên làm tuyên cáo.

Thợ in và làm nhà in

Khi chúng ta nói: "Ông Võ Thắng Tiết làm nhà xuất bản" thì ai cũng hiểu ông này làm lớn, chắc phải gọi là giám đốc hay chủ tịch công ty.

Nhưng khi nói: "Ông Lâm Triết bây giờ làm nhà in" thì chúng ta phải hiểu thế nào? Có người sẽ hiểu là ông này mở cái nhà in, làm chủ nhà in. Nhưng cũng có người sẽ hiểu ông này đi làm thợ ở nhà in. Sự thật có thể ông làm cả hai. Chúng ta hiểu ra ông chủ hay ra ông thợ là tùy câu nói "làm nhà in" đặt trong nội dung của cả câu chuyện như thế nào, hay cách ta muốn hiểu thế nào.

Chỉ có thế thôi nhưng cũng đủ làm cho một cuộc đối đáp giữa một nhà văn nam và một nhà văn nữ về nhiều vấn đề khác trở nên sôi nổi hơn lên nhờ ba chữ "làm nhà in".

Nhà văn nữ gần đây viết về các đại hội PEN quốc tế, mô tả "những cuộc gặp gỡ để những con người quốc tế giàu sang quý phái thi thố. . . trong khung cảnh sang trọng của kẻ dư tiền thừa bạc". Bà cũng cho biết thêm về các người mà bà đã gặp ở các đại hội trên, trong đó có nhiều người không phải là nhà văn, mà chỉ là: ". . . giám đốc trường học, giám đốc cơ sở báo chí, ngay cả người làm nhà in ..."

Nhà văn nam không bằng lòng, trong các lời phản đối của ông có câu: "có nước nào thiếu người cầm bút đến độ phải gửi ông thợ in đi làm đại biểu! Ông thợ nhà in đi làm đại biểu thì còn gì phong cách quý phái, dư tiền, thừa bạc. . ."

Nhà văn nữ phải viết một bài "nói với" nhà văn nam. Bà có đặt một câu hỏi: "tôi có nói câu nào là ông thợ nhà in đi đại diện cho hội PEN mà anh lại đặt điều để chỉ trích, mạ lị tôi?"

Cả câu chuyện trên đây giúp chúng ta rút tỉa mấy bài học về việc dùng chữ Việt và hiểu chữ Việt.

Nếu các bạn định viết về những người làm thợ in thì viết rõ "làm thợ in" hơn là "làm nhà in", trừ khi bạn tự giới thiệu mình.

Nếu định giới thiệu ông chủ nhà in thì nói rõ "Lâm Triết làm giám đốc nhà in", thay vì "làm nhà in", vừa được nghĩa chính xác lại vừa làm bạn hài lòng.

Khi đọc câu "những người làm nhà in" mà thấy không rõ nghĩa thì nên coi lại nội dung. nếu họ giàu sang, quý phái, dư tiền, thừa bạc thì nhiều phần là họ làm chủ. Cũng có người làm thợ in mà vẫn giàu sang, dư tiền, thừa bạc, quý phái. Nhưng hiểu theo nghĩa "chủ nhà in" thì, căn cứ vào nội dung, xác suất đúng cao hơn là hiểu theo nghĩa "thợ nhà in".

Nói chuyện hàng ngày thì dùng chữ nào, đại khái, cũng không hại. Nhưng viết thì nên cẩn thận, vì có thể thành to chuyện. Nếu không phải là chuyện quan trọng thì tại sao các nhà văn lại phải đem ra thảo luận?

Các bài trên đây đều đăng tải trên báo *Sóng* xuất bản ở Toronto, Canada, số 96, 97 và 98. Quý vị muốn có làm tài liệu xin đặt mua tại P.O.Box 317, Station H, Toronto, Ontario M4C5J2. Ông chủ báo này là nhà văn Nguyễn Tăng Chương, một giáo sư nhất quyết làm nhà báo và nếu có vốn sẽ làm nhà in, hiểu theo cả hai nghĩa. K

ĐẤU CỜ TƯỚNG

ĐỖ QUÁN ANH phóng tác

Câu chuyện về cuộc đấu cờ giữa tay vô địch Mã Kinh Lâm và ông Dương, được phóng tác từ tác phẩm của nhà văn Stefan Zweig vào hoàn cảnh Việt Nam chúng ta một năm nào đó sau 1975, để độc giả Việt Nam dễ tiếp nhận và thưởng thức.

Ông Dương là người đã bị cộng sản biệt giam ở Sàigòn, bị hành hạ tinh thần đến mức muốn phát điên. Ông có được một cuốn sách cờ tướng để giải trí và cưỡng lại cơn khủng hoảng thần kinh. Liệu ông Dương có thành công không? Những trang chót trong câu chuyện hấp dẫn của Stefan Zweig — qua phóng tác của Đỗ Quán Anh — sẽ trả lời cho câu hỏi trên.

Như thế là nhờ ở chỗ khi chơi cờ trí óc mình tập trung vào một phạm vi nhỏ thôi ngay cả với thế cờ rất là rắc rối. Mới đầu tôi còn theo sát những nước cờ chỉ dẫn trong sách một cách máy móc, nhưng sau tôi bắt đầu hiểu các tính toán thông minh của từng nước, và cái đó thú vị vô cùng. Tôi bắt đầu hiểu những nước tiến, thủ, những nước thực, hư, dương đông kích Tây, như trước, hạ thủ sau. Sau đó tôi còn bắt đầu hiểu thêm đặc tính của lối chơi cờ của mỗi tay danh thủ, giống như nghe một câu thơ là mình cảm được đây là lối thơ của một thi sĩ đại danh nào. Thành ra lúc đầu tôi định dùng cờ tướng để giết thời giờ, sau tôi mới thấy nó là một lạc thú vô song, tôi thấy mình có dịp làm bạn, họp mặt với những tay kỳ thủ đại tài như Hoàng Đình Phiên, Nguyễn Kỳ Đồng, Trần Thượng Côn, thú vị hết sức, tôi không còn thấy cô đơn nữa.

Từ khi chơi cờ tướng bằng cuốn sách, căn phòng câm nín của tôi bỗng có sinh khí hẳn lên, và đầu óc tôi cũng hết trì trệ. Trò chơi đấu trí rất nghiêm ngặt này còn làm trí óc sắc bén thêm nữa, khiến tôi có thể tỉnh táo đối phó với các cuộc phỏng vấn. Vô tình, cờ tướng đã giúp tôi bình tĩnh đề phòng và lẩn tránh những câu hỏi bẫy, hỏi mẹo. Từ lúc đó đứng trước các vị phán quan tôi không còn rụt rè sợ hãi nữa, và có vẻ họ cũng phải lấy làm kính trọng. Chắc hẳn họ cũng phải tự hỏi tại sao tôi đã lấy lại nghị lực như vậy, trong khi các người khác thì lần lượt đầu hàng. Cái khoảng thời gian sung sướng khi tôi chơi đi chơi lại một trăm năm chục bàn cờ đó, cũng kéo dài đến dăm tháng. Sau đó, đến một tình trạng dậm chân tại chỗ, rồi tôi bỗng thấy mình lại đứng trước sự trống rỗng. Một trận cờ thế, sau khi đã chơi đi chơi lại vài chục lần thì hết hấp dẫn, công dụng của nó cạn dần. Khi đã thuộc lòng các nước cờ rồi thì còn chơi lại làm gì nữa? Mới đi nước thứ nhất thì đã biết ngay nước thứ hai, thứ ba rồi, chẳng còn khó khăn, chẳng còn chút bất ngờ nào nữa.

Muốn tiếp tục trò chơi cần thiết này chắc phải có một cuốn sách thứ hai. Nhưng đào đâu ra được một cuốn thứ hai? Thế là tôi chỉ còn một lối thoát: bịa ra những ván cờ mới, chính tôi lại chơi với tôi, đúng hơn là đấu trí với chính tôi. Không biết ngài có bao giờ tưởng tượng chơi cờ như vậy thì đầu óc sẽ ra sao hay không. Chơi cờ tướng thì không có chuyện may rủi, cờ tướng thú ở chỗ là có hai bộ óc đấu trí với nhau, mỗi bộ óc với một chiến thuật riêng. Cái hay của cờ tướng là ở chỗ bên đen không biết bên trắng sẽ đi thế nào, bên đen phải đoán chừng các ý định của bên trắng để mà đối phó, trong khi đó thì bên trắng cũng tìm cách khám phá các mưu mô của bên đen để mà phá.

Thành ra nếu cả hai phe đen, trắng đều do một người đại diện thì tình trạng hơi nghịch lý. Làm sao để một bộ óc tính toán các mưu mẹo, các thế cờ cho bên trắng, sau đó lại phải làm bộ quên hết các mưu kế đó đi, khi chơi cho bên đen. Cắt dòng ý tưởng của mình làm hai phần như vậy tức là phải chia cắt luôn cái khả năng trí thức của mình, tách ra làm hai. Như vậy tức là óc mình phải tập thói quen mỗi lúc lại chia các phần vụ của trí não ra, cô lập, che dấu nó đi, giống như khi một bộ phận của máy chạy thì bộ phận khác phải nghỉ. Định chơi cờ với chính mình thì chẳng khác gì định bước đi trên cái bóng mình in trên mặt đất.

"Vâng, tôi mất mấy tuần lễ gần như sống trong tuyệt vọng vì cảm thấy tình trạng mâu thuẫn đó. Hoàn cảnh đã khiến tôi phải tính đến chuyện cắt trí não mình ra làm hai phần, phần cái tôi trắng và phần cái tôi đen, để khỏi rớt lại vào tình trạng hư vô, trống trải, nó sẽ giết chết tôi dần mòn."

Ông Ngô Quý Dương ngả người trên ghế, mắt ông nhắm lại một lát. Trông ông như thể đang cố xua đuổi một kỷ niệm hãi hùng. Trên mép ông tôi lại thấy bắp thịt giựt giựt, như tôi đã để ý từ đầu. Ông tiếp tục:

"Thưa ngài, hồi nãy tới giờ tôi kể chuyện có vẻ cũng dễ hiểu thôi. Nhưng đoạn sau tôi sắp kể đây thì sợ rằng không dễ như vậy. Bởi vì chuyện sắp tới sẽ tạo cho tôi một tình trạng căng thẳng thần kinh khiến tôi không còn tự chủ nổi nữa. Kể ra nếu tôi dùng một bàn cờ thật, để nhìn thấy quân hai bên di chuyển trên đó, thì còn dễ hơn. Với một bàn cờ và quân cờ thì tư tưởng mình thứ tự hơn, mình còn có thể đứng ở một bên trắng, xong rồi lại chơi cho bên đen. Nhưng ở đây thì tôi đang phải đấu cờ với chính mình, hay đúng ra tôi chơi với một cái tôi khác mà tôi phải tưởng tượng ra. Tôi phải hình dung rõ ràng vị trí các quân cờ của hai bên, những nước cờ mà mỗi bên có thể đi, và, nghe thì thật là nghịch lý, tôi phải nhìn thấy rõ ràng năm, bảy, mười vị trí quân cờ khác nhau để sau đó tính toán bốn, năm nước cờ cho mỗi bên đối thủ mà mình tôi là đại diện.

"Bộ óc tôi phải chia làm hai, bên óc trắng, bên óc đen, để chơi cờ tướng trong một không gian trừu tượng, rồi nối kết các nước cờ cho đúng với chiến thuật của mỗi bên. Mà điều nguy hiểm không phải chỉ là chuyện tôi phải chia trí óc mình ra làm hai phe, nhưng là chuyện tất cả trận đấu chỉ xảy ra trong tưởng tượng: tôi chỉ sơ hở một chút là hụt cẳng rớt vào vực thẳm hư đãng. Hồi tôi còn dùng các ván cờ nổi tiếng trong cuốn sách, tôi chỉ làm một việc, và việc này không khó khăn gì hơn việc học thuộc một bài thơ hay một điều trong dân luật. Cái việc đó nó có giới hạn, có trật tự, tập luyện trí não, có hứng thú. Hai ván buổi sáng, hai ván buổi chiều, chơi xong rồi thôi, không mảy may xúc động. Chuyện chơi cờ lúc đó giúp tôi bận rộn mỗi

ngày, và nếu tôi có đi lầm, hay là lưỡng lự không biết đi nước nào, thì cuốn sách có đó, tôi có chỗ để hỏi. Việc chơi cờ như thế, hữu ích cho tôi chính vì tôi không dự phần vào. Chuyện bên đen thắng hay bên trắng thắng đối với tôi không quan trọng, đó là chuyện của các cao thủ như Trần Thượng Côn, Lê Y Dịch, họ sẽ chiếm giải vô địch với nhau, còn tôi thì tôi chỉ đóng vai khán giả, vai người thưởng ngoạn theo dõi trận đấu và ngẫm nghĩ những chiến thuật tài tình.

"Nhưng đến lúc tôi bắt đầu tự đấu với chính mình thì, một cách vô ý thức tôi đã tham dự một cuộc tranh đua. Tôi ở bên đen, và tôi tranh tài với bên trắng; bên trắng cũng là tôi, mà cả hai bên đều muốn thắng. Những ý đồ của tôi khi đóng vai bên đen làm cho tôi phát sốt lên được khi tôi đóng vai trắng. Khi một bên đi lầm thì tôi vừa sung sướng lại vừa tức giận.

"Câu chuyện vừa kể thật là vô nghĩa lý nếu mình sống trong cảnh chia đôi, bịnh điên khùng, schizophrénie. Nhưng chắc ngài cũng hiểu là lúc đó tôi đã bị bứng rễ khỏi cuộc sống bình thường, tôi bị bắt giam không cần trát tòa, không cần có xét xử, bị cô lập bao nhiêu tháng ròng, tôi thành một người chứa đầy nỗi uất ức không trút vào đâu, không trút vào ai được. Tôi không có một cách nào giải được đầu óc của mình ra nếu không có cái trò chơi cờ với chính mình; cho nên những oan ức, giận dữ của tôi đổ hết vào cuộc chơi này. Trong tôi có một thằng người đang muốn đứng lên tự vệ, nhưng nó không biết chống lại ai cả, chỉ còn chống lại một thằng tôi khác đang đấu cờ với nó; vì thế nên những trận cờ này làm cho tôi nóng nảy, hồi hộp một cách bịnh hoạn. Lúc đầu thì thật tình tôi còn chơi được với sự bình tĩnh, sau mỗi ván cờ tôi lại nghỉ ngơi. Nhưng dần dà bộ thần kinh bị kích thích quá độ, tôi không cho tôi nghỉ nữa. Tôi vừa đi một nước cho bên trắng thì bên đen đã đứng dậy run rẩy. Vừa chơi xong một ván cờ thì một nửa con người tôi lại đòi chơi lại ngay để phục thù, bởi vì trong tôi luôn luôn có một thằng thắng với một thằng bại, mà thằng bại muốn phục hận tức thì.

"Tôi không thể nói đã chơi như vậy chừng bao nhiêu ván cờ, chơi một cách say mê không chán — chắc phải cả ngàn ván, hay là nhiều hơn nữa. Tôi đã bị ma ám, không có cách nào thoát khỏi. Cả ngày tôi chỉ nghĩ đến một chuyện chiếu tướng, chiếu tướng, chỉ nhìn thấy đâu cũng là xe, pháo, tượng . . . Cả con người, cả cảm giác của tôi tập trung vào những đường ngang dọc của một bàn cờ tưởng tượng. Niềm vui chơi cờ giờ đã trở thành một dục vọng cuồng bạo, dục vọng bệnh hoạn trói buộc, một cơn điên nó chiếm ngự tôi suốt ngày đêm. Tôi chỉ còn nghĩ đến nước cờ, đến bàn cờ, quân cờ. Có đêm tôi bật tỉnh, vã mồ hôi, chợt thấy là mình vẫn chơi cờ ngay cả trong cơn mơ. Nếu trong mơ tôi thấy có mặt người, thì trên mỗi bộ mặt cũng hiện ra những quân xe, pháo mã.

"Trong thời gian đó mỗi lần bị thẩm vấn tôi lại bối rối, nói năng lộn xộn. Tôi có cảm tưởng là những lời nói của mình lung tung, khó hiểu lắm, vì mấy lần sau chót các vị phán quan của tôi nhìn nhau ngơ ngác. Quả thực, trong lúc họ thẩm vấn và gặng hỏi tôi thì tôi, tôi chỉ chờ đợi, chờ đợi một cách hôn mê, giờ phút tôi được dẫn trở về để tiếp tục chơi nốt cái trò chơi điên rồ. Một ván, một ván nữa tiếp theo. Mỗi lần bị ngắt nửa chừng là tôi bực bội, dù chỉ là ngừng mấy phút khi người gác mang cơm vào cho tôi ăn. Có bữa tôi quên cả ăn, cơm để nguội trong chén. Tôi chỉ thấy khát nước, chắc là vì chơi cờ tướng và suy nghĩ nhiều quá. Bình nước lạnh mang vô là tôi tu hết ngay, rồi năn nỉ người gác mang cho bình khác; ngay sau đó lại khát khô cổ.

"Nói lại cho vắn tắt để ngài hiểu cho, mức độ náo nức, kích thích trong người ta đã lên đến độ tôi không còn ngồi xuống nghỉ ngơi nữa. Suốt ngày tôi không suy nghĩ một chuyện gì khác chuyện chơi cờ, chân tôi bước qua bước lại trong căn phòng, mỗi lúc bước một nhanh hơn, nhất là khi ván cờ gần kết thúc. Lòng ham muốn thắng ván cờ, đè bẹp địch thủ, đánh bại chính mình, nó đã biến thành cơn giận dữ cuồng nhiệt; tôi run lên vì giận dữ, vì bao giờ một phe ở trong tôi cũng có vẻ chậm chạp hơn phe kia. Hai phe chửi lẫn nhau ở trong tôi, và phe chờ đợi sẽ giục phe đang suy tính: "nhanh lên! nhanh lên! đi đi chứ!", nghe thì kỳ cục nhưng thật sự có như vậy.

"Bây giờ nghĩ lại thì biết rằng lúc đó tình trạng thần kinh của tôi đã đến mức điên loạn rồi. Phải gọi nó là bịnh điên cờ tướng, một thứ bịnh mà y khoa chưa đặt tên. Cái bịnh điên khùng ấy làm cả thể xác lẫn tâm trí tôi suy nhược. Tôi gầy rạc đi, giấc ngủ của tôi chập chờn, hốt hoảng. Sáng dậy hai mắt nặng

như chì, mở ra không nổi. Người tôi kiệt sức đến độ cầm chén nước lên môi tay cũng run lẩy bẩy. Nhưng khi bắt đầu một ván cờ mới là tôi lại thấy hào hứng, khỏe mạnh một cách man dại. Chân tôi bước đi, rồi quay lại, tay tôi nắm chặt, và trong cõi sương mù đỏ lừ lừ, tôi nghe thấy tiếng tôi quát lên một cách hung tợn: "Chiếu!", "Bí!", "Thua!"

"Tôi không thể thuật lại cho ngài biết bữa ấy cơn khủng hoảng đã xảy ra như thế nào. Tôi chỉ nhớ lúc thức dậy buổi sáng thấy mình ngủ ở một chỗ khác lạ. Thân thể tôi như trôi bềnh bồng, duỗi ra thoải mái trên một tấm nệm rất êm. Một cảm giác mệt mỏi đè chĩu hai mí mắt; đã bao ngày rồi chưa bao giờ tôi thấy như vậy, khiến cho tôi cảm thấy dễ chịu, không muốn mở mắt ra. Trong mấy phút đồng hồ, tôi nằm đó hưởng cái cảm giác đờ đẫn của thân thể mình, sự ấm áp của cái giường nệm dày, nằm uể oải mà khoan khoái. Rồi bỗng tôi nghe thấy tiếng người nói phía sau, giọng nói ấm áp của người ta, sống động lạ thường, giọng nói đó phát ra những lời êm dịu; và thưa ngài, ngài không thể tưởng tượng được nỗi hân hoan của tôi lúc đó, vì đã bao nhiêu tháng trời nay tôi không được nghe thấy tiếng người, trừ những câu hỏi cục cằn, dữ tợn của các vị phán quan của tôi. Tôi tự nhủ: "Chắc mình nằm mơ!" Đúng là mơ! Đừng mở mắt ra làm gì. Mơ nữa đi mới được, đừng nhìn lại cái căn phòng dán giấy kẻ, cái bàn, cái ghế khốn nạn đó nữa. Mơ đi, tiếp tục mơ đi."

"Nhưng tôi thấy tò mò quá. Tôi mở mắt từ từ, thận trọng. Trời đất, tôi thấy mình ở trong một căn phòng khác, trông rộng hơn hẳn căn phòng giam. Cửa sổ không có lưới che, ánh sáng vào chan hòa. Nhìn qua cửa sổ tôi thấy cả những ngọn cây, gió thổi qua lá xanh rung động, không phải là bức tường xám xịt mọi khi. Căn phòng mầu khác, trắng tinh, như cái mền trắng tinh tôi đắp — đúng là tôi đang nằm trên một cái giường khác, lạ hoắc. Chắc sự khám phá này làm tôi giật nẩy mình lên, vì có tiếng chân người tới. Một người đàn bà bước tới bên tôi, dáng nhẹ nhàng, bà mặc áo trắng, bộ áo y tá. Người tôi run lên, cảm động: hơn một năm nay tôi không trông thấy một người đàn bà nào. Chắc hai mắt tôi nhìn phải có vẻ hoảng hốt, ngơ ngác ghê lắm, vì người y tá này nói: "ông nằm nghỉ đi, cứ nằm yên đi." Tôi nghe tiếng bà ta nói. Có đúng là tiếng nói loài người đó chăng? Vậy ra trên trái đất này vẫn còn loài người, chứ không phải chỉ toàn là những phán quan, đao phủ. Vẫn còn người đàn bà này, nói một giọng nói êm dịu, ấm áp, có thể nói là âu yếm nữa. Tôi nhìn chăm chú cái miệng vừa nói ra mấy tiếng đầy thiện tâm đó, vì hơn năm qua sống trong địa ngục tôi đã quên mất là con người còn có thiện tâm. Bà ta mỉm cười, đúng, bà đó mỉm cười. Xong, bà đặt một ngón tay lên môi làm dấu yên lặng, rồi quay đi nhẹ nhàng không tiếng động.

"Tôi không thể nằm yên được. Tôi gắng ngồi dậy để nhìn theo bóng dáng con người hiền dịu tự trời đưa xuống đó. Tôi định lấy tay chống xuống giường nhưng không được. Bàn tay mặt của tôi bị bó chặt bằng vải trắng, chắc là họ đã băng bó. Mới đầu tôi hoảng sợ, nhưng dần dần tôi hiểu mình đang ở đâu, và chuyện gì có lẽ đã xảy ra. Chắc họ đánh tôi, hay là tôi té bị thương ở tay. Và bây giờ tôi đang ở bệnh viện.

"Chiều hôm đó có bác sĩ đến thăm tôi, một ông già rất dễ mến. Ông ta có biết tiếng gia đình tôi, và ông nói đến chú tôi với giọng kính trọng, chú tôi là một bác sĩ có tiếng dạy ở Y Khoa. Tôi yên tâm là ông này sẽ đối xử tốt. Trong lúc nói chuyện, ông ta hỏi tôi đủ thứ câu hỏi, và một câu làm tôi ngạc nhiên: ông ta hỏi tôi hay nghiên cứu binh pháp bằng chữ Hán phải không? Tôi nói không.

"Lạ nhỉ, ông ta lẩm nhẩm, trong lúc mê man tôi thấy ông nói những tiến như: tiến, thoái, đánh bên hữu, đánh bên tả, pháo, binh... không ai hiểu gì hết.

Tôi hỏi ông tại sao họ đưa tôi vào đây?

Ông ta cười một cách gượng gạo:

"Không có gì nặng đâu. Ông bị khủng hoảng thần kinh." Rồi ông hạ giọng nói tiếp, để không ai nghe thấy: "Ông bị giam ngay từ 30 tháng Tư phải không?"

Tôi gật đầu.

"Nếu vậy thì không có gì lạ, tôi biết phương pháp hành hạ của họ. Ông không phải là nạn nhân đầu tiên đâu. Nhưng đừng lo."

Theo cách nói năng của ông và đôi mắt ông nhìn, tôi biết mình đã gặp một thầy thuốc giỏi."

(kỳ sau tiếp)

Sách báo Trong tháng

NGUYỄN NAM ANH

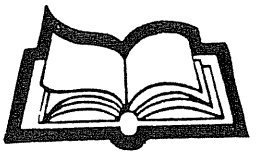

SÔNG CÔN MÙA LŨ, trường thiên tiểu thuyết của NGUYỄN MỘNG GIÁC, bìa Đinh Cường, An Tiêm xuất bản: Tập I và tập II dày 914 trang. Đề giá 20 Mỹ kim (mỗi tập).

An Tiêm từ trước đến nay vẫn nổi tiếng là một trong vài nhà xuất bản chọn lọc tác phẩm và chăm sóc rất chu đáo về mặt ấn loát thẩm mỹ. Trong năm 90, người yêu sách được đọc các sáng tác biên khảo dịch thuật của Bùi Giáng, Vũ Khắc Khoan, Hermann Hesse. . . những tập sách vừa tay, gọn nhẹ [nhưng tất nhiên là nặng về mặt nghệ thuật], bỗng nhiên vào những ngày cuối năm An Tiêm tung ra một lúc hai tập đầu của bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác. Tập một trên 400 trang tập sau trên 500 trang. Sơ khởi đã gần 1,000 trang.

Nguyễn Mộng Giác là một nhà văn dài hơi. Bộ sách *Mùa Biển Động* của ông gây một chấn động thực sự, không phải chỉ vì chiều dày của nó, mà chính là từ vấn đề của tác phẩm đặt ra cho người đọc.

Bối cảnh của *Sông Côn Mùa Lũ*—không ở thì hiện tại như *Mùa Biển Động*, hay *Ngựa Nản Chân Bon* (tập truyện ngắn)—nằm ở thì quá khứ. Những nhân vật lịch sử thời Tây Sơn được Nguyễn Mộng Giác dựng lại, dựng dậy theo cách nhìn của ông. Còn quá sớm để đưa một nhận xét về tác phẩm này—theo chỗ chúng tôi biết, bộ trường thiên này còn thêm hai tập nữa, tổng cộng chừng hai ngàn trang chữ in. Đây là tác phẩm được tác giả hoàn thành trong nước sau khi cộng sản Bắc Việt xâm chiếm miền Nam. Tác phẩm được viết trước *Mùa Biển Động*, và tưởng như sẽ bị chôn vùi trong lòng đất (?) may nhờ "hiền thê" của tác giả đã cứu thoát trao tận tay *chàng*. Đáng phục và đáng quý thay những hiền thê thời đại.

Mọi thư từ và tác phẩm xin liên lạc

Nhà xuất bản An Tiêm
• 934, rue Alphonse Melun
94230 Cachan - France
•1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
(213) 559-0413

Sông Côn Mùa Lũ do nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

THUYỀN NHÂN, truyện dài MAI KIM NGỌC, Văn Nghệ xuất bản. Bìa Khánh Trường. Sách dày 490 trang. Đề giá 19 Mỹ kim.

Đối với dân tộc Việt Nam, vấn đề thuyền nhân là một trong những vấn đề lớn của thế kỷ. Những câu chuyện kể về thuyền nhân khá nhiều, nhưng một tác phẩm viết về thuyền nhân một cách công phu và nghệ thuật phải nói là hiếm, nếu không muốn nói là chưa có. *Thuyền Nhân* của Mai Kim Ngọc trả lời cho chỗ trống trên.

Theo lời đầu sách của tác giả thì "đây không phải là ký sự mà cũng không phải là phóng sự về vấn đề thuyền nhân". Tác giả chỉ mong cuốn sách sẽ "được coi như một ứng dụng văn học để trả lại cái xúc động mãnh liệt của người thăm trại cấm trước thân phận thuyền nhân Việt Nam."

Đây là một tác phẩm được viết với lòng tin tưởng và niềm hy vọng của một con người khi hội nhập vào nỗi thống khổ của đồng loại, đồng bào mình.

Thư từ liên lạc
Nhà xuất bản Văn Nghệ
10881 Oak Street
Stanton, CA 90680
(714) 527-5761

THƠ TRÍCH, thơ LÊ BI, bìa Khánh Trường. Tủ sách Người Dân xuất bản. Sách dày 110 trang. Đề giá 5 Mỹ kim.

Tại sao thơ trích? Thơ trích hay thơ làm trên đất trích? Dù sao đây không phải là một tập

thơ tình.

Người đọc thơ Lê Bi sẽ thấy nổi rõ nỗi băn khoăn của một con người đi tìm "cho mình một căn cước". Và theo tác giả chính những tiếng nói từ trong nước, những tiếng nói trung thực và nhân bản bị quyền lực độc đoán bóp nghẹt trong suốt thập niên qua—là nguồn hứng khởi lớn lao cho những suy nghĩ và cảm xúc của ông.

Thế Kỷ 21 đã có dịp đăng tải thơ Lê Bi trong những số trước đây.

Thư từ, bản thảo xin liên lạc
Tủ sách Người Dân
P.O. Box 2674
Costa Mesa, CA 92628
(714) 241-1665

NHỮNG GIỌT MÁU CỦA MẶT TRỜI, thơ PHẠM THANH QUANG, bìa Bé Ký, Hồn Việt xuất bản. Đề giá 8 Mỹ kim.

Viết về tập thơ này, nhà báo Lâm Tương Dũ cho rằng "thơ Phạm Thanh Quang cũng chỉ là một trở mình của đè nén nhiều năm tháng vỗ về an nghỉ. . . Đọc thơ Phạm Thanh Quang tựa như soi mình qua một tảng băng trong suốt mà phía sau được tráng bằng lớp men dày đặc những tang thương".

Trong những bài thơ rất khó đến với người đọc trong tập *Những Giọt Máu Của Mặt Trời* có lẽ bài sau cùng *Hôm qua, Hôm nay* là gần gũi nhất.

Xin trích một đoạn ở trang 92

Một ngày kia có người vợ trẻ
Đi loanh quanh—qua ngôi mộ chồng
Từ mắt em lăn nhanh giọt lệ
Giọt lệ buồn như một giòng sông.

Mọi thư từ giao dịch xin liên lạc
Nhà xuất bản Hồn Việt
P.O. Box 619
Midway City, CA 92655
(714) 839-5844

CÓ NHỮNG BỰC MÌNH TỨC KHÔNG THỂ NÓI, thơ ĐỖ KH. Bìa Khánh Trường, Tân Thư xuất bản. Sách dày 94 trang. Đề giá 5 Mỹ kim.

Đỗ Kh. là một hiện tượng trong văn chương hải ngoại. Ông làm thơ (Thơ Đỗ Kh.) viết truyện (Cây Gậy Làm Mưa), bút ký (Ký Sự Đi Tây). . . Thế nào ông cũng làm ngạc nhiên người đọc. Thoạt nhìn người ta cảm thấy Đỗ Kh. dễ dãi với chữ nghĩa, nhưng càng đọc ông người ta càng thấy không phải như vậy. Chữ và nghĩa của Đỗ Kh. rất đặc thù. Nó không chỉ chứa đựng "sự đi và sự sống" của tác giả, nó còn cho thấy ông là người quyết không đi vào con đường mà những người khác đã đi. Cũng như Ngu Yên trong thơ, Đỗ Kh. đã vẽ cho mình một con đường đi riêng. Không giống những người làm thơ trước ông đã đành, ngôn ngữ ông, tư duy và hình tượng trong thơ ông cũng hoàn toàn khác với Ngu Yên.

Thử đọc một đoạn thơ của Đỗ Kh.

Đáng yêu đáng ghét đáng buồn
Đáng chơi đáng chán đáng thương
(Đáng phiền, kể, thì cũng phiền chứ)
Đáng đời
Đáng ra. ..
Đáng lẽ. . .
(Đáng tức nữa, hỏi không tức sao được)
Đáng cười
Tôi, em vậy đủ một thời
Đáng chưa?
(Thế thì đáng tiếc nhỉ)

Mọi thư từ liên lạc xin gửi về:
Nhà xuất bản Tân Thư
13081 Hope St.
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2468

THƠ Ở ĐÂU XA, thơ của THANH TÂM TUYỀN. Bìa Duy Thanh, Ngọc Dũng, Trầm Phục Khắc xuất bản. Cơ sở Văn phát hành. Sách dày 96 trang. Đề giá 7 Mỹ kim.

Thơ Ở Đâu Xa, gồm những bài tác giả sáng tác trong thời gian bị tù cải tạo ở Long Giao, Yên Báy, Lào Cay, Vĩnh Phú và Ba Bài Sinh Nhật Con Gái cùng Vài Khúc Dạo Tặng Tri Tâm.

Thanh Tâm Tuyền là một nhà thơ lớn của văn học Việt Nam sau năm 54. Tác phẩm *Tôi Không Còn Cô Độc* của ông từng gây chấn động một thời ở Sàigòn. Tuy nhiên cuốn *Bếp Lửa* (truyện vừa) của ông được người đọc coi như là một trong những tác phẩm lớn của thời hậu Tự Lực Văn Đoàn.

Thư từ bưu phiếu xin đề
Đức Đoàn
6411 Hancock Way
Buena Park, CA 90620
(213) 698-2708

ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI TÌNH, thơ TRÂN SA. Bìa của Phạm, Tân Thư xuất bản. Sách dày 94 trang. Đề giá 5 Mỹ kim.

Trân Sa viết văn và làm thơ với nhiều trí tuệ. Trong thơ cô người ta đọc được sự thông minh tinh nghịch của tư duy và ngôn ngữ.

Điểm Tâm Cho Người Tình nhưng thật ra tình yêu chỉ là cái cớ. Thơ Trân Sa gắn liền với những ưu tư trầm thống của con người. Hạnh phúc và Hy vọng luôn luôn ẩn hiện trên những dòng chữ Trân Sa.

Liên lạc:
Nhà xuất bản Tân Thư
13081 Hope St.
Garden Grove, CA 92643
714-537-2468

THƠ TRẦN MỘNG TÚ, NGƯỜI VIỆT xuất bản 1990. Sách dày 120 trang. Không đề giá.

Trong lời tựa, tác giả Trần Mộng Tú viết rằng có những điều bà muốn giữ kín cho riêng bà, nhưng bà lại bồng bột mang vứt cả vào thơ.

"Tôi làm thơ nghĩa là tôi để tinh túy hồn tôi tuôn ra cùng mực. Tôi thu vào lòng tôi những yêu đương hạnh phúc, những phiền muộn, ngang trái của cuộc đời, để dành mãi trong một góc hồn, không chịu nổi phải viết ra thành thơ".

"Tôi làm thơ nghĩa là tôi chuyện trò cùng cây cỏ, tôi tự tình cùng trăng sao, tôi khóc than cùng sông nước".

Lời tựa của tác giả như một tuyên ngôn về thơ. Mời bạn đọc bước vào thế giới thơ Trần Mộng Tú. Nhưng hãy cẩn thận, như nhà thơ nói, "cánh đồng thơ tôi không có hàng rào".

Thư từ liên lạc xin gửi về
Nhà xuất bản Người Việt
14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG Á VÀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM, Biên khảo của PHẠM QUỐC BẢO. Bìa Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Việt Hưng xuất bản. Tuần báo Diễn Đàn Chúa Nhật phát hành. Sách dày 336 trang. Đề giá 15 Mỹ kim.

Tập biên khảo này là kết quả của chuyến đi Đông Âu của tác giả Cùm Đỏ. Chuyến đi đã cung cấp cho ông 150 trang vở ghi chú, chín cuộn phim, sáu cuộn băng và bốn giờ băng video với 12 cuộc phỏng vấn và 18 cuộc thảo luận, cùng năm ký lô sách báo tài liệu.

Tập biên khảo này là một nỗ lực trình bày ba vấn đề:

— Kinh nghiệm chuyển đổi chế độ của các nước Đông Âu qua nhận xét của một người Việt.

— Hiện trạng của các tường nhân Việt cũng như của những người Việt còn hiện diện tại các nước Đông Âu.

— Và tương lai Việt Nam qua nhận xét của người Việt hải ngoại ở Đông Âu, Tây Đức, Pháp và Hoa Kỳ.

Mua sách lẻ, chi phiếu quốc tế, xin đề:

Ngọc Hương Ngô Phạm
14381 Pleasant St.
Garden Grove, CA 92643
714-531-2124

Hộp thư Tòa soạn

Thế Kỷ 21 trong tháng qua đã nhận được các sáng tác dưới đây của các bạn. Trừ trường hợp có thư riêng gửi đến các bạn, nếu sau hai số báo không thấy bài của mình, các bạn có thể gửi cho các báo khác.

LÊ MẠNH HÒA (Montreal), HÀ ĐÌNH LAN (Norway), LÊ NGUYÊN KÍNH (Alta Loma), TRẦN THIỆN ĐẠT (Brooklyn, New York), NGUYỄN THÀNH TÂM (Yorba Linda, California), TRẦN UYỂN PHƯƠNG (Falls Church, Virginia).

NGUYỄN HIỀN Houston (TX) *Lúc chín giờ tối* đã đến. Độc đáo. Rất thích. Nhưng trên *Thế Kỷ 21* lúc này chưa tiện sử dụng những sáng tác với ngôn ngữ trên. Chờ ít lâu nhé. Cho một truyện ngắn khác được chăng? Thân mến.

TRẦN TRUNG NGỌC, Anaheim (California) 10 bài thơ và hai truyện ngắn của anh đã đến. Đang đọc. Sẽ có thư riêng. Bao giờ có dịp xin mời anh đến tòa soạn chơi.

LỮ THỊ HỒNG NGỌC, Montreal (Canada) Cám ơn những nhận xét của cô. *Thế Kỷ 21* chỉ dành cho phần văn học nghệ thuật chừng một phần ba số trang thôi, phần còn lại là của thời sự, chính trị, nghiên cứu. Mong sớm nhận được các sáng tác của cô.

THẾ KỶ 21
Số Tết Tân Mùi
(Số 22, tháng 2-1991)

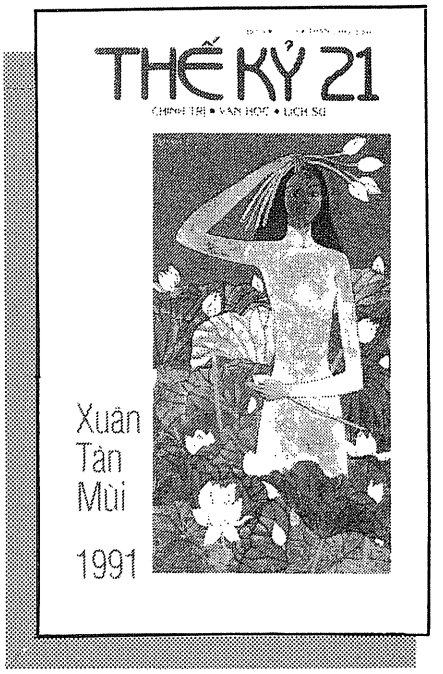

Bìa là một họa phẩm rực rỡ của Nguyên Khai. Bài vở chọn lọc, hấp dẫn, sôi nổi, của những cây bút đầy sinh lực trong và ngoài nước.

Giá lẻ: **$3.00** (ở xa thêm cước phí)

Quà Tết ý nghĩa: không gì bằng tặng bạn bè, bà con Một Năm báo THẾ KỶ 21. Cắt phiếu dưới đây, kèm theo chi phiếu hoặc lệnh phiếu, gửi về tòa báo trước ngày 31-1-1991, sẽ được:

- Biếu số Tết Tân Mùi
- Bớt 10% trên giá 12 số tiếp theo

Liên lạc:

THẾ KỶ 21

14891 Moran St. Westminster, CA 92683, USA

ĐT: (714) 892-9414 * FAX: (714) 894-1381

ATTN: **TÂM QUYÊN**

THIỆP CHÚC TẾT

Những thiệp chúc Tết lộng lẫy vui tươi và đầy ý nghĩa.
Những họa phẩm tuyệt vời của các họa sĩ đang được yêu chuộng khắp nơi: Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Đồng, Bé Ký, Nguyên Khai.
Một công trình ấn loát công phu phẩm chất cao.
Và giá rẻ chưa từng thấy!

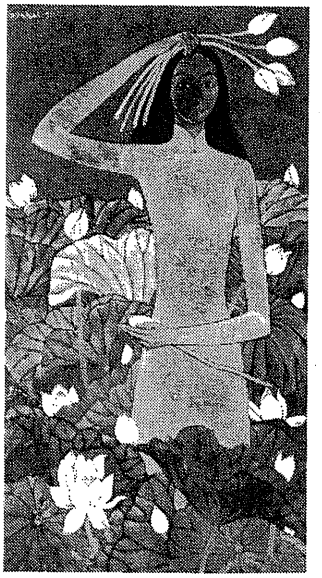

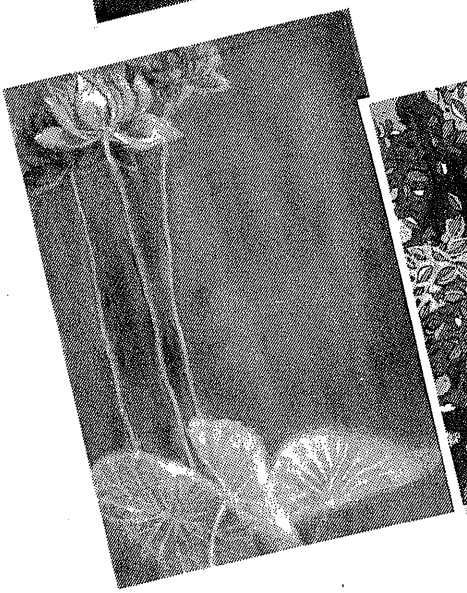

Mua ngay để kịp gửi mừng Xuân, chúc Tết bà con bạn bè trong và ngoài nước.

Liên lạc:
CENTURY ART GALLERY
14901 Moran St., Westminster, CA 92683, USA
ĐT: (714) 892-9414 / FAX: (714) 899-1381
ATTN: **Mr. VŨ DUY TỰ**

- Bạn từ Âu Châu tới?
- Anh chị mới ở Việt Nam qua?
- Ông Bà ở tiểu bang khác đi thăm "Thủ đô tị nạn"?

Muốn tìm một nơi có những sinh hoạt văn hóa, với những màu sắc, âm thanh, phong cách Việt Nam, để thấy người Việt tị nạn là nhóm người ra đi mang theo một nền văn hóa đáng tự hào, đóng góp vào sinh hoạt văn hóa quốc tế hôm nay và mai sau... Hãy đến

CENTURY ART GALLERY

14901 Moran St., Westminster, CA 92683

* Một phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật tạo hình Việt Nam: tranh, tượng ảnh, mỹ nghệ phẩm.v.v...,
* Một trung tâm sinh hoạt văn học nghệ thuật, với những hệ thống âm thanh và ánh sáng hiên đại nhất.
* Một gian hàng văn hóa phẩm với những món quà lưu niệm vừa túi tiền của bạn mà lại đầy ý nghĩa văn hóa: thiệp, lịch, sách, cây cảnh, bích chương, tranh in, đồ gốm, v.v...

Nhân dịp Tết Tân Mùi, từ 9 đến 17 tháng 2, 1991, có triển lãm HOA PHONG LAN của Ngô Bảo, bên cạnh tranh và tượng của 20 họa sĩ Việt Nam hải ngoại.

NGUYÊN XUÂN HOÀNG

CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ

tập truyện

văn nghệ

Tập tùy bút, tạp ghi, truyện
được yêu thích nhất
cuả tác giả Người Đi Trên Mây

22-12-1990
phát hành tại các tiệm sách

"NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG ÂU VÀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM."

của Phạm Quốc Bảo
336 trang giá 15 Mỹ kim

* CHẾ ĐỘ Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU:
Nguyên nhân biến đổi?
đang diễn biến ra sao?
* NGƯỜI VIỆT TẠI ĐÔNG ÂU:
Hoàn cảnh?
Suy nghĩ?
Tâm tư?
Đang tranh đấu gì?
Việt Nam sẽ biến đổi?
Khả năng đống góp của người Việt hải ngoại?
Sức mạnh chuyển động của người Việt trong nước?

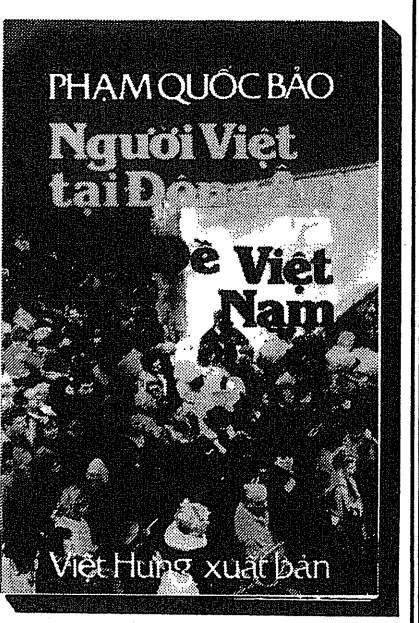

Mua sách lẻ, chi phiếu quốc tế xin đề:
Ngọc Hương Ngô Phạm
14381 Pleasant St.
Garden Grove, CA 92643
USA
Điện thoại: (714) 531-2124

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

hân hạnh giới thiệu sách mới phát hành tháng 12 năm 1990:

Con Rồng Việt Nam (610p, bìa cứng) hồi ký chánh trị 1913-1987, của Bảo Đại	$30.00
Đại Nam Quấc Âm Tự Vị (1210p, bìa cứng) của Paulus Huỳnh Tịnh Của	32.00
Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Tự Điển (1474p, bìa cứng) của Trịnh Vân Thanh	40.00
Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến (2273p, trọn bộ 3 cuốn) của Nguyễn Tấn Long	60.00
Ba Chàng Tị Nạn Độc Thân (284p) tiểu thuyết, của Hoàng Việt	12.00
Cụm A22 (228p, tình báo chiến lược Hànội tại dinh Độc Lập) của Trần Trung Quân	13.00
Đệ Nhất Phu Nhân (1240p, trọn bộ 2 cuốn) của Hoàng Trọng Miên	32.00
Đi Về Nơi Hoang Dã (264p) tiểu thuyết, của Nhật Tuấn	11.00
Đỏ Và Vàng (524p) tiểu thuyết, của Xuân Vũ	16.00
Đường Về Dân Ca (192p) biên khảo, của Phạm Duy	12.00
Ký Sự Đi Tây (180p) của Đỗ Kh.	10.00
Lịch Tử Vi Năm Tân Mùi 1991 (490p)	13.00
Mạng Người Lá Rụng (459p, tức Đường Đi Không Đến tập 3) của Xuân Vũ	16.00
Một Tù Binh Mỹ Ở Việt Nam (316p) của Duyên Anh	13.00
Người Tù Trong Cấm Thành (The Last Emperor, 366p) cuộc đời vua Phổ Nghi	13.00
Nhục Bồ Đoàn (260p) thiên hạ đệ nhất phong lưu tiểu thuyết, của Lý Ngư	18.00
Ó Đen (538p) hồi ký vượt biên của Lý Tống	18.00
Tình Dục Cho Tuổi Trên 40 (312p) tủ sách giáo dục sinh lý, của Bác Sĩ Đỗ Thế Nhân	18.00
Tự Vị Thế Kỷ (390p) tập truyện ngắn, của Xuân Vũ	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 1: Tình Khúc Mùa Xuân	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 2: Giáng Sinh	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 3: Tình Khúc Mùa Thu	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 4: Nghệ Sĩ Với Cây Đàn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 5: Tình Khúc Buồn	14.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 6: Chuyện Chúng Mình	14.00
(Tuyển Tập 1 cho đến 6 có phần hòa âm dành cho dương cầm)	
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 7: Độc Tấu Guitare	12.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 8: Những Tình Khúc Bất Tử	10.00
Tuyển Tập Nhạc Xuân Thu 9: Nhạc Pháp Lời Việt	10.00
Văn Học Từ Điển (374p) phần tiểu sử tác giả, của Thanh Tùng	11.00
Văn Phạm Việt Nam (462p) có thêm phần ngôn ngữ học, của Bùi Đức Tịnh	16.00

Xin gửi thư về Nhà Xuất Bản Xuân Thu để nhận được Thư Mục đầy đủ.
Gửi thư mua sách thẳng tại Xuân Thu được bớt từ 10% đến 30%.

Nói đến sách, nghĩ ngay đến một địa chỉ đáng tin cậy:

XUÂN THU
P.O. Box 97
Los Alamitos CA 90720
(213) 430-3828

GIAI PHẨM NGƯỜI VIỆT XUÂN TÂN MÙI 1991

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

XUÂN TÂN MÙI 1991

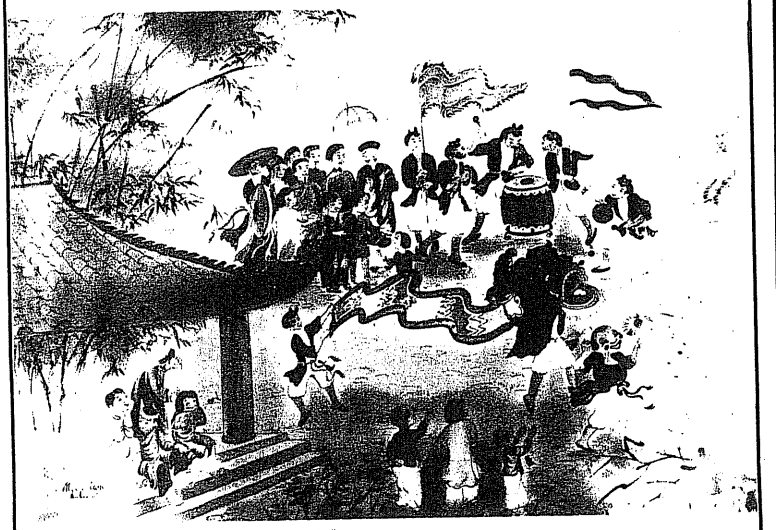

Một món quà Tết hoàn toàn Việt Nam, do hơn 50 nhà văn, nhà thơ, nhà báo, họa sĩ, nhạc sĩ khắp nơi (kể cả trong nước gửi ra) góp công hoàn thành.

Phát hành đầu tháng 2-1991

Giá bán: **$5.00** một cuốn (ở xa thêm cước phí tùy vùng)

Bài vở: Còn nhận thêm đóng góp đến hết ngày 10-01-1991
Quảng cáo: Nhận đến hết ngày 20-01-1991
Đặt mua báo: Nếu đặt và trả tiền trước, từ nay đến 20-01-1991, được bớt 50% giá báo (không kể cước phí).
Các thân chủ quảng cáo mua từ 10 cuốn trở lên được bớt 60%

Liên lạc:
NGƯỜI VIỆT
14891 Morant St. Westminster, CA 92683, USA
ĐT: (714) 892-9414 / FAX: (714) 894-1381
ATTN: **Mr. TÂM QUYÊN**

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

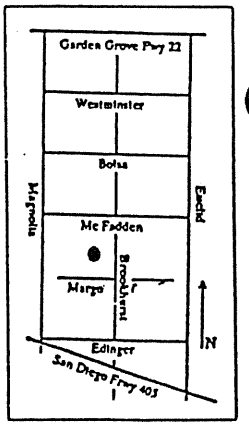

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị
Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

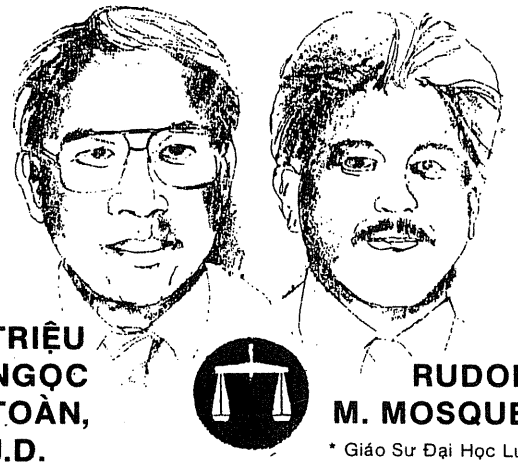

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỜI BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - * Vì Xe Cộ:
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - * Trượt Ngã Siêu Thị
  - * Sơ Xuất Y Tế
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

Chỉ cần mua (dài hạn)
một tờ báo
bạn được đọc
14 tờ báo mỗi tuần

Chuyện khó tin, nhưng có thật.

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo tràn ngập
tin tức Việt Nam,
Đông Nam Á, và Quốc tế

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo của
mọi gia đình Việt Nam hải ngoại

Nhật báo NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 892-9414 / (714) 892-9316
FAX: 894-1381

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1990

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word V4&V5
Norton Editor
PC-Write
Personal Editor
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter V1&2&3&4
VP-Planner
Wordstar V4&V5
WordPerfect V4&V5
Works V1&V2
Ventura Publisher V1&V2&V3

Diplomat Software, Inc.

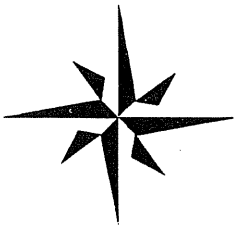

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- ☐ **VN.COM version 7.7:** dùng tiếng Việt với Wordstar V4 & 5, Microsoft Word V4 & 5, Volkswriter V3 & 4, PC-Write, WordPerfect V4.2 & 5.0 & 5.1, Ventura Publisher V1.1 & 2.0 & 3.0, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ☐ **VN Labs Word Processor:** đầy đủ tiện nghi, menu tiếng Việt, dùng mouse.
- ☐ **Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt đánh chữ trước, dấu sau trong các software thị trường**, không bị hạn chế vào một word processor.
- ☐ Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..
- ☐ Tiếng Việt in nền đen chữ trắng ra Laserjet

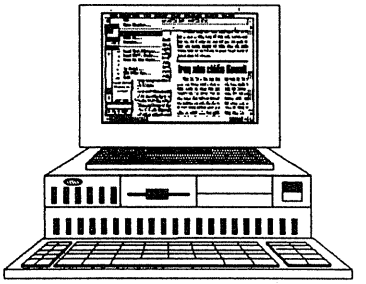

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)
Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15
Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 55 kiểu chữ Việt tuyệt vời $195
Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher.

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
WESTMINSTER
Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.
ABR — FACR — FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN,
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2,
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)
(714) 839-4311 / 839-4321

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- Truy tầm và hợp tác với các Bác Sĩ chuyên môn để trị liệu các Bệnh Ung Thư Ngực, Cổ, Tử Cung, Bao Tử, Ruột, Phổi v.v...

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK